

Hòa Thượng Duy Lực Khai Thị CUỐI CÙNG TẠI VIỆT NAM

Mục lục:

• 19 – 3 => 25 – 3 -99. Chùa Hưng Phước:

- Vũ trụ quan thế kỷ 21.
- Phân chia con sâu đép cỏ.
- Dùng toán phân tích vô tử vô chung.
- Hỏi câu thoại và nhìn thoại đầu.
- Không hiểu không biết là nghi tình.
- Đạo do tâm ngộ bất tại tọa.
- Lực học Thích Ca là phi vật chất.
- Tin tự tâm.
- Câu thoại mục đích kích thích không biết.
- Tham, sân, si từ đâu mà ra?
- Tập tham thiền là còn biết nghi tình.
- Đọc yếu chỉ Trung Quán Luận.
- Phát tâm bồ đề là phát tâm vô sở đắc.
- Thoại đầu.
- Tĩnh và động là hai pháp tương đối.
- Biết đến biết đi là như thế nào?
- Cách tu Tịnh Độ không cần vãng sanh.
- Tham thoại đầu có tụng kinh,... không?
- Nhìn vào chỗ sơn cùng thủy tận.
- Tại sao vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ?
- Vô tri tức là nhất thiết tri.
- Thân trung âm của Ung Bá Huy.
- Đường lối thực hành Tham Tổ Sư Thiền.
- Vẫn biết cái không biết.
- Mục Kiền Liên chứng quả còn bị nạn.
- Tâm tịnh rồi tội liền tiêu, đúng không?
- Pháp môn nào đều có giới luật?
- Cầu siêu theo nghi thức Mục Kiền Liên.
- Niệm Phật mà chết có vãng sanh không?
- Nhất nhân hành đạo cứu huyền siêu thăng.
- Cần calory để sống với người nhập định.
- Pháp môn an tâm của Tổ Đạt Ma.
- Niệm trước chẳng sanh là tâm.
- Nghi thức quy y Tam Bảo.
- Thiền giới – sám hối.
- Tam tịnh nhục và ngũ tịnh nhục.
- Tu Bát QuanTrai.
- Cách thực hành Tổ Sư thiền.
- Cúng sao giải hạn.
- Thầy Minh Hiền cảm tạ.
- Hòa thượng Hiền Pháp cảm tưởng.

• Bồi dưỡng tại chùa Long Khánh: Ngày 13 – 4 – 1999.

- Tâm như hư không vô sở hữu.
- Tâm lực mạnh thì đến trước.
- Tu thoái đầu chưa ngộ giống ngoại đạo.
- Bất lập văn tự mà có bản văn tuyệt tác.
- Lấy gì để minh để kiến?
- Chuyện Huỳnh Đình Kiên.
- Ngọc châu vô giá.
- Khán thoại đầu: Ta là ai?
- Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục.
- Con sâu dếp cõ.
- Tham thiền có cần trường trai không?
- Máy đo hoạt động của bộ não.
- Phân biệt Tổ Sư thiền và Như Lai thiền.

• **16 – 4 => 22 – 4 – 99. Chùa Hưng Phước:**

- Vì sao kiến tánh rồi tu Tịnh Độ.
- Tông chỉ Tịnh Độ.
- Tứ Liệu Giản.
- Cái biết của Sư Phụ là cái gì?
- Tông chỉ Tổ Sư thiền.
- Không tìm hiểu câu thoại.
- Giáo môn và giáo lý có khác không?
- Vai trò hành giả tham thiền.
- Lạc đường tự tại – Giới sát sanh.
- Tuyệt ngôn tuyệt lục, vô xứ bất thông.
- Giáo hóa người phải có phương tiện.
- Khoa học chẳng tạo ra cơ nhân.
- Tánh thấy trong kinh Lăng Nghiêm.
- Chưa có trời đất, con người ở đâu?
- Hỏi câu thoại kích thích niệm không biết.
- Tự tánh không phải sở biết.
- Còn đi học làm sao tham thiền.
- Siêu logic đồng ‘cứu kính cùng cực.
- Tương đối chuyển sang tuyệt đối.
- Sao bộ não không cùng khắp?
- Cây mô tể bào động vật có nhân quả.
- Tinh thức có phải Như Lai thiền không?
- Có ý muốn tu sao trái với đạo?
- Tâm là cái gì? – Giới Bồ Tát.
- Nghi sự – Xuất gia chơn tu là đại hiệu.
- Đem sanh mạng bán phải bị nhân quả.
- Tại sao tâm ma khó trị?
- Tại sao tham thiền có hôn trầm?
- Tu gặp nhiều chuyện thử thách.
- Nhân quả con dâu và mẹ chồng.
- Chiều cổ thoại đầu.
- Tu có theo thứ tự cấp bậc không?
- Tín, hạnh, nguyện.
- Không hoằng Tịnh mà hoằng Thiền.
- Thế nào dụng công liên tục?

- Làm sao biết kiết tánh?
- Chánh niệm – Thể dụng đều là tri.
- Tất cả đều nhờ vô sở hữu.
- Đến lúc ‘không biết’ cũng không biết.
- Tự tâm và tự tánh có khác không?
- Vì sao tu lâu mà tập khí khó trừ?
- Hữu tình và vô tình đều thành Phật đạo.
- Nhất môn thâm nhập.
- Tạo si phước là oan gia đời thứ 3.
- Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ.
- Chánh trí.
- Sự tích con heo Bạc Hà.
- Nhất niệm bất sanh, vạn duyên buông bỏ.
- Kế thành ngoại đạo.
- Nạp Tăng – Núi bạc – Vách sắt.
- Kiến, văn, nghi.
- Từ bi và bác ái.
- Sắc tức thị không, không tức thị sắc.
- Không tụng kinh mà tham thiền.
- Tâm từ đâu ra?
- Ngộ rồi đi đâu thai không?
- Năng và sở.

• **Bồi dưỡng tại văn phòng 2: Từ ngày 10 – 5 => 19 – 5 – 1999.**

- Phật pháp không chia, giáo pháp chia.
- Tiểu thừa – Trung thừa – Đại thừa.
- Chơn tâm và vọng tâm.
- Từ gốc vô trụ sanh ra tất cả pháp.
- Bản thể vũ trụ là thức thứ 8.
- Phi vật chất là sức dụng nhanh nhất.
- Ý căn, ý thức.
- Khứ hậu lai tiên bát chủ công.
- Việc thụ thai trong ống nghiệm.
- Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.
- Đến chỗ tịnh làm sao tiến lên.
- Pháp đối của Lục Tổ dạy.
- Đói ăn khát uống không nghĩ cái khác.
- Tại sao tu thiền bị nhập ma?
- Thế lưu bố tượng và trước tượng.
- Tứ tướng.
- Tán loạn và hôn trầm thì làm sao?
- Núi, tức chẳng phải núi, là núi.

• **15 – 5 => 21 – 5 – 99. Chùa Hưng Phước:**

- Tham thiền đến giai đoạn quên.
- Nhìn và hỏi cùng một lúc.
- Sơ Tổ luật tông Đạo Tuyên.
- Hư tiêu Tín thí, lạm nhận cung kính.
- Chấp nghiệp chương là sai lầm.
- Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn.

- Thế nào là giới tánh?
- Dứt vọng tâm thì chơn tâm hiện.
- Bài kệ chữ “Tri” của Ngài Vĩnh Gia.
- Đạo cao nhất xích, ma cao nhất trượng.
- Tìm sự bắt đầu mọi vật.
- Phạm có tương đối đều là vọng.
- Chuyên thức thành trí.
- Dùng không biết và biết để tu.
- Sa ma tha, Tam ma bát đề, Thiền na.
- Thế nào đúng tông chỉ Tổ Sư thiền?
- Hiện tượng câu hồn là như thế nào?
- Tham thiền lọt vào ngũ âm ma không?
- Pháp thí đối tài thí được không?
- Vũ khí, lính cướp, vua cướp.
- Đới nghiệp vãng sanh.
- Tại sao người nữ chỉ xuất gia 1 lần?
- Lời Phật là bất định pháp.
- Tứ pháp y.
- Đạo do tâm ngộ bất tại tọa.
- Tam pháp ấn là gì?
- Tự nghi vấn sanh rồi mới tham.
- Chưa ăn chay tham thiền được không?
- Tham thiền và Bát Quan trai.
- Tu trong chương duyên.
- Thế nào để trừ nghiệp chướng?
- Phật tánh không gián đoạn.
- Thiền là gì? – Tánh thông.
- Thế nào khai phá điều kỳ diệu tâm?
- Tham thiền trong lúc không làm việc.
- Tu chánh pháp phải phá ngã chấp.
- Bước đầu tham thiền còn khởi ý niệm.
- Hữu tình và vô tình từ đâu có?
- Gặp Phật chém Phật, gặp Tổ chém Tổ.
- Duy tuệ thị nghiệp.
- Tìm sự bắt đầu của mọi vật.
- Sự thấy không phải con mắt.
- Có ‘cho là’ thì không phải Phật pháp.
- Lời tác bạch thầy Minh Hiền.
- Lời cảm tưởng Hòa thượng Hiền Pháp.

LỜI NÓI ĐẦU

Trong quyển sách này là lời khai thị những ngày cuối cùng ở Việt Nam của Hòa thượng Thích Duy Lực, nên mới đặt tên “Khai Thị Cuối Cùng Tại Việt Nam”.

Hòa thượng giảng-đáp thắc mắc Thiền Học cho các giảng sư ở các tỉnh miền Trung, miền Đông, miền Tây và các vị tham dự Thiền thất tại chùa Hưng Phước.

Tổ Sư Thiền Việt Nam đã thất truyền trên hai trăm năm. Đến năm 1977, Hòa thượng hoàng dương Tổ Sư thiền và tổ chức Thiền thất đầu tiên tại Việt Nam. Vì phục hưng Thiền này, Ngài không ngại gian lao khai thị cho người tham học suốt 22 năm.

Chúng tôi cố gắng chép thành văn tự trong các cuốn băng, để các vị chưa nghe được biết, rồi tin tự tâm mình là Phật, dùng nghi tình phát huy Phật của chính mình ra ứng dụng.

Việc làm này không sao tránh khỏi sai sót; nếu các Vị biết, xin chỉ giáo cho.

Người thực hiện: Thích Đồng Thường.

Khai thị Thiên thất ngày 19-3 =>25-3-1999 tại chùa Hưng Phước.

Vì muốn hoằng pháp ở Tây phương, nên mới dùng những danh từ khoa học, người Tây phương dễ chấp nhận. Thực tế, Phật pháp là thực dụng hằng ngày. Khoa học chỉ căn cứ có thể tích, giải thích theo sức lực của vật chất. Sức lực vật chất, mỗi thứ vật chất bất cứ cái gì, phàm có thể tích đều có từ trường, sức từ trường gọi là từ lực.

Chữ “từ” là tiếng Hán - Việt nghĩa là sức hút, giống như nam châm. Sức hút là từ lực, người phát hiện đầu tiên là Newton, khi ông ta thấy trái táo ở trên cây rớt xuống, ông nghĩ tại sao trái táo rớt xuống mà không rơi lên? Ông mới ngộ được hấp dẫn lực của quả đất, rồi từ đó phát hiện hấp dẫn lực của vạn hữu, tức là tất cả các vật chất vật thể đều có từ trường.

Tổng quát nguồn gốc của Phật pháp bắt đầu chỗ từ lực tức là bắt đầu chỗ Newton.

- Mọi sinh hoạt văn minh của nhân loại, vạn tượng sum la bao gồm giáo dục, chính trị, văn hóa, kinh tế, y học... đều nhắm chung mục đích là mong cầu hạnh phúc cho con người.

Cho đến nay, khoa học kỹ thuật đã đóng vai trò dẫn đầu trong việc thực hiện mưu cầu này. Nhưng chưa thành công. Vì căn bản mọi ngành, mọi môn khoa học, chỉ lợi dụng những năng lượng phát ra từ vật chất nên vĩnh viễn bị thời gian, không gian hạn chế.

Nay chỉ còn một năm nữa là chúng ta bước vào thế kỷ XXI. Nếu muốn từ hữu hạn tiến đến vô hạn thì chúng ta nên chú tâm đến một nguồn năng lượng khác, là nguồn năng lượng phát ra từ phi vật chất.

Trong bài này, các vấn đề lực học Newton, lực học Einstein và lực học của Thích Ca Mâu Ni sẽ lần lượt đề cập để chúng ta cùng nhau tham khảo.

Rất mong được nhận ý kiến đóng góp của quý vị độc giả đồng bước tiến vào thế kỷ XXI.

Kết luận của Vũ Trụ Quan:

- Muốn kiến lập lý luận từ tương đối đến tuyệt đối, trước tiên phải bắt đầu từ lực học Newton đến lực học Einstein. Nếu giả thuyết tốc độ vận động của vật chất từ 0 đến 100, thì Newton từ 0 đến 50, thuộc thuận hành tính bất biến; còn Einstein thì 0 đến 50, rồi lại tiến thêm từ 50 đến 100, thuộc tính khả biến và chuyển đổi lẫn nhau; còn lực học của Thích Ca Mâu Ni chẳng những từ 0 đến 100, lại từ 100 đến 200, đến 300... cho đến vô cùng tận.

Tóm lại, quan điểm của nhà khoa học chỉ có khả năng quan sát những sự vật tương đối trong vũ trụ. Vì vạn sự vạn vật đều chẳng thể mỗi mỗi tự độc lập, cần phải nhờ nhân duyên tương đối mà thành: Như gà sanh trứng, trứng sanh gà. Như âm dương

tương đối, hút đẩy tương đối, đồng tính thì chống nhau, khác tính thì hút nhau, khi hấp lực lớn đến mức độ “N” thì tốc độ ánh sáng có thể bị hấp lực nuốt mất.

Vạn vật trong vũ trụ hoại nhau mà giúp nhau và ăn nuốt lẫn nhau, đã thống nhất, lại mâu thuẫn, biến hóa chẳng định, lại chẳng thể tăng giảm. Như nước có thể diệt lửa, nhưng nếu đem nước phân tích thành hai thứ khí thể H₂O, thì trở lại thành lửa, H có thể tự cháy, O có thể giúp cho sự cháy. Dù hoại nhau, thành nhau, mà cùng tồn tại bất diệt.

Chúng ta ở trong hoàn cảnh vạn tượng sum la lãng xãng, phức tạp, nhiễu loạn chẳng ngừng này, mỗi mỗi vì dục vọng của bản thân mà cạnh tranh lẫn nhau, từ đao kiếm súng ống, chiến tranh kinh tế, từ chiến tranh lạnh đến chiến tranh nóng, và từ chiến tranh nóng qua chiến tranh lạnh; từ chiến tranh cá nhân với cá nhân, cho đến chiến tranh quần thể với quần thể. Thiên tai nhân họa tranh nhau mà đến.

Xưa kia còn tưởng thiên tai là việc không thể đối phó được, nhưng hiện nay mới phát hiện thiên tai cũng là do nhân họa tạo thành. Chúng ta ở trong hoàn cảnh thiên tai nhân họa tranh nhau ùn đến chẳng ngừng này, đâu thể hưởng thụ cuộc sống hạnh phúc. Tại sao con người một mặt tạo ra tai nạn, một mặt thì kêu gọi đóng góp để cứu nạn, thực là mâu thuẫn tức cười. Cho nên Đức Phật nói “Tất cả do tâm tạo” là vậy.

Nếu chúng ta chịu nương theo sự chỉ dạy của Đức Phật về phương cách cuộc sống, thì hạnh phúc ở nơi trước mắt, chớ chẳng cần tìm cầu. Nói một cách khác, tức là “vô vi mà vô sở bất vi”. Nói vô vi là giữ cái tâm này chẳng sanh khởi hai chữ “cho là” (chấp thật) mà thôi. Việc này dù xem rất đơn giản, nhưng thực tại thì khó làm được. Đó là vì tập khí của chúng ta, lúc đối cảnh ắt phải khởi tâm động niệm, nhất định phải dùng “cho là” để lạc vào tương đối, rồi từ đó thị phi tốt xấu ùn lên, và phiền não cũng theo đó mà đến. Lực học của Thích Ca Mâu Ni chỉ là như thế, như thế.

Đã vì đói khát mà ăn uống thì cứ ăn uống, chẳng nghĩ cái khác, đã vì che thân chống lạnh mà mặc áo thì cứ mặc áo, chẳng nghĩ cái khác, mỗi mỗi chức nghiệp phải đúng vị trí của nó, chẳng nghĩ cái khác. Vậy thì, cha giữ đúng vai trò của cha; mẹ giữ đúng vai trò của mẹ; con cái giữ đúng vai trò của con cái; chồng giữ đúng vai trò của chồng; vợ giữ đúng vai trò của vợ... tất cả đều giữ đúng vai trò của mình, làm tròn bổn phận, an cư lạc nghiệp thì tự nhiên mọi người đều được an lạc hạnh phúc, thiên hạ thái bình.

Ghi chú: Vai trò.

Nghĩa là tùy theo truyền thống xưa nay của mỗi dân tộc và nhà nước, phong tục, tập quán, pháp luật khác nhau thì vai trò cũng theo đó khác nhau, như truyền thống Việt Nam, Trung Quốc, truyền thống Mỹ... mỗi mỗi đều khác nhau là vậy.

Phật pháp là hiển bày tâm của mọi người. Người ta hiểu lầm tâm là bộ óc. Nếu qua bộ óc thì gọi là vọng tâm, không phải là chân tâm. Bộ óc là vật chất, hệ thống thần kinh, lục căn đều là vật chất; còn chân tâm không phải là vật chất, lia vật chất. Bây giờ người ta chỉ biết danh từ là tâm, ai cũng nói được, tại vì tâm chỉ một danh từ. Nhưng mà tâm là cái gì không có ai biết? Kỳ thật, chân tâm không có thể tích. Mặc dù, Phật nói tâm như hư không, người ta cũng không thể tưởng tượng được.

Cho nên, Ngài Long Thọ là Tổ 14 của Thiền tông giải thích kỹ, dùng hư không vô sở hữu để thí dụ chân tâm của tất cả chúng sanh. Vì nó không có thể tích, là trống rỗng; trống rỗng là vô sở hữu tức là không có, nó không có mà nó thực dụng, cũng như hư không trống rỗng chẳng có cái gì, nhưng mà tất cả đều phải nhờ cái trống rỗng này dung nạp và ứng dụng.

Theo mình biết đất đai, nhà cửa, cây cối, bất cứ cái gì đều cũng nhờ cái vô sở hữu này dung nạp và ứng dụng; cho đến bây giờ cũng nhờ không gian vô sở hữu này, quý Vị mới nghe được tôi giảng; quý Vị nhìn thấy nhau cũng phải nhờ không gian vô sở hữu mới nhìn thấy nhau được. Cuộc sống hằng ngày, nói năng tiếp khách cũng đều nhờ không gian vô sở hữu này, mình mới có cuộc sống rồi mới phát huy được.

Nhưng chỉ tiếc mình ứng dụng hằng ngày mà chẳng tự biết, còn tưởng là có cái Phật pháp riêng biệt, mấy cái danh từ đề cho mình đi tìm hiểu như là: Bồ Đề, Niết Bàn, giải thoát, Như Lai,...

Kỳ thật, nó trống rỗng vô sở hữu thì không có chỗ để trói buộc gọi là giải thoát, đâu phải bị buộc rồi mở trói mới là giải thoát! Vì trống rỗng thì tự nhiên nó khắp hư không, thì không có khứ lai, nên mới gọi là Như Lai, đúng như bản lai. Tại khắp không gian thì tự nhiên phải khắp thời gian, khắp thời gian thì không gián đoạn sanh diệt, nên gọi là Niết Bàn. Niết Bàn là tiếng Ấn Độ nghĩa là bất sanh bất diệt.

Tâm của mọi người có tánh giác ngộ là Phật, nên mới gọi tên Phật tánh. Vì trống rỗng vô sở hữu gọi là Tánh không. Tánh không này không phải là cái không chết mà có cái biết. Nếu không có cái biết thì ai biết có thực dụng! Cái biết cao nhất mà Phật pháp gọi là Diệu Giác. Còn cái biết của bộ não gọi là vọng giác thì không phải là thực tế, mà lại che khuất thực tế.

Nhưng bây giờ nhà khoa học tin bộ não trở thành thói quen. Như nhà khoa học dạy toán ở trường đại học Luân Đôn danh tiếng khắp thế giới; ông ấy bị bệnh cơ bắp rút nên phải ngồi xe lăn, miệng không nói ra tiếng, phải qua cái máy mới ra tiếng, người nào học khoa học thì biết. Ông ấy là giáo sư giỏi toán, nhưng lại nghịch với định lý toán.

Tại sao? Người học toán đều biết không có con số nhỏ nhất, tức là không thể bắt đầu, mà nhà khoa học ấy lại tìm sự bắt đầu của vũ trụ. Ông đề ra câu hỏi: Vũ trụ có bắt đầu chăng? Và tìm sự bắt đầu của sanh mạng, ông lại đề ra câu hỏi: Con gà có trước hay trứng gà có trước?

Kỳ thật, ông dạy toán, định lý của toán là không có sự bắt đầu, mà tìm sự bắt đầu thì không thể được. Vì vậy, Phật nói “bất khả đắc” gọi là vô thi (không bắt đầu), không có bắt đầu thì không có cuối cùng, nên theo toán học không có con số nào là lớn nhất và không có con số nào nhỏ nhất. Nếu có số lớn nhất tức là có cuối cùng, có số nhỏ nhất tức là có bắt đầu.

Ông là nhà khoa học danh tiếng nhất thế giới, là giáo sư giỏi toán, người trên thế giới ai cũng tôn sùng, mà ông lại nghịch với định lý toán, vì muốn tìm sự bắt đầu của vũ trụ và sanh mạng! Nếu theo lực học của Thích Ca Mâu Ni gọi đó là si mê. Nhưng bây giờ gọi nhà khoa học si mê có ai chịu đâu?

Kỹ thuật khoa học thì dần dần để tạo hạnh phúc cho con người, nhưng tạo hoài mà cái khổ vẫn nhiều thêm; cũng như y học tiến bộ thì vi trùng càng phát triển nhanh hơn y học. Còn khoa học tiến bộ thì nguyên tử giết người nhanh hơn nhiều lần.

Theo lực học của Newton thì 0 đến 50 thuộc tánh thuận hành bất biến, lúc thời Newton chưa có xe hơi và máy bay. Còn đến Einstein không những từ 0 đến 50, lại từ 50 đến 100 thuộc tánh khả biến, chuyển đổi lẫn nhau. Làm sao chuyển đổi? Như bây giờ nhà khoa học biết thể tích nhỏ chừng nào thì từ lực mạnh chừng nấy.

Nay nhà khoa học phát hiện nhỏ nhất là quang tử, tức là tổ chức thành ánh sáng, nên tốc độ ánh sáng cao nhất, mỗi giây đi 300.000 cây số. Nhưng họ còn nói vật chất có thể biến thành năng lượng (không phải vật chất), năng lượng cũng có thể biến thành

vật chất, nó chuyển đổi lẫn nhau. Mặc dù, nó chuyển đổi lẫn nhau, nhưng nó phải có vật chất mới chuyển đổi thành năng lượng được, chứ không phải nó lià được vật chất.

Lực học của Thích Ca Mâu Ni khỏi cần vật chất tức lià vật chất là năng lượng tâm của mọi người. Nhà thiên văn dùng tốc độ ánh sáng để tính khoảng cách của không gian, như ánh sáng đi một năm đến thì khoảng cách đó gọi là một quang niên, ánh sáng đi 10 năm đến thì khoảng cách đó gọi là 10 quang niên, mà ánh sáng đi 10 năm đến thì tâm mình chỉ 1 niệm đến, ánh sáng đi 1 triệu năm đến thì tâm mình cũng 1 niệm đến.

Tại sao? Vì nó không phải vật chất, không bị không gian và thời gian hạn chế. Nó luôn luôn khắp không gian và khắp thời gian. Nhưng người ta không tin, kể cả nhà khoa học cũng không tin.

Nguồn gốc của Phật pháp:

Thân thể của Trí Bát Nhã, có người gọi là Phật tánh, Tâm Chân như, Diệu tâm. Bản thể của nó là Tri, mà dụng của nó cũng là Tri. Tất cả mọi người trên thế gian, tất cả chúng sanh cho đến vạn vật trong vũ trụ đều là vật sở tri của nó. Nhưng mà tất cả người, tất cả chư Phật đều chẳng thể biết được nó, vì nó chẳng thuộc về sở tri. Cho nên nó vĩnh viễn không thể bị ai phát hiện được (luôn cả Phật), vì nếu nó đã bị phát hiện thì thành sở tri rồi.

Điều này ở trên thế gian thật là kỳ diệu lại thêm kỳ diệu. Nhưng theo lý toán học mà suy luận thì cũng chẳng phải kỳ diệu.

Theo một cuốn sách toán học ở Hồng Kông xuất bản nói: Có con sâu dếp cỏ (Paranaccium) là động vật rất nhỏ, cứ mỗi một ngày đêm thì nứt ra thành hai, từ đời thứ 1 đến đời 90 thì thể tích của nó bằng một mét khối (m³). Đến đời 130 thì thể tích của nó bằng quả địa cầu.

Nếu đảo ngược lại đem quả địa cầu xẻ 2, xẻ 4, xẻ 8, cứ tiếp tục xẻ qua 130 lần thì trở lại bằng con sâu dếp cỏ.

Theo lý này suy luận, nếu đem con sâu dếp cỏ xẻ thêm 1 lần 130 nữa thì đơn vị thịt của con sâu dếp cỏ, do con số biểu thị kia có còn thấy được chăng? Nếu đem nó xẻ thêm 10 lần 130, cho đến trăm ngàn lần 130, thì con số vẫn có thể biểu thị được đơn vị thịt của con sâu đó, nhưng thực tế thịt của con sâu đó chúng ta còn cảm nhận được không?

Căn cứ theo toán học, nếu đem 1 con sâu làm đơn vị 1, trước 1 đó thêm một số 0 thì thành 0.1, thêm số 0 nữa thì thành 0.01, cứ theo đó mà suy, tiếp vẽ thêm số 0 cho đến dài bằng vòng quanh một quả đất, rồi 2 quả đất, 3 quả đất... thì vĩnh viễn vô cùng tận. Giả sử khoa học kỹ thuật cải tiến kính hiển vi tốc độ còn nhanh hơn vẽ số 0 thì có thể phát hiện được đơn vị thịt của con sâu đó. Nhưng đơn vị ấy thực sự chưa phải là thực tế, vì con sâu còn có thể phân chia mãi mãi vô cùng cho đến vô cùng.

Việc này Phật Thích Ca gọi là bất khả đắc, cũng nghĩa là vô thủy vô sanh.

Trong Kinh Lăng Già, Phật nhắc đi nhắc lại với chúng sanh: Cần phải xa lià “tự tâm hiện lượng”, bởi vì cái năng hiện của tự tâm là Tri và Kiến, sở hiện của nó là Hữu và Vô đều thuộc về sản phẩm của bộ não, nên Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tri kiến lập tri tức vô minh bản”. Tri kiến là năng lập, hữu vô là sở lập. Khi bộ não biến thành tro biến thành đất rồi thì cái bất khả đắc của bản trụ đâu có thể theo bộ não mà biến thành tro thành đất ư?

Theo lời Thế Tôn nói: Bất khả đắc gọi là bất sanh, bất khả biến gọi là bất diệt. Cái pháp bất sanh bất diệt này tức là bản thể của thực tướng vậy!

Như ở trên các vị cũng biết, theo môn toán học, nếu đem số “0.” thêm trước con số đó thì nhỏ hơn 10 lần, đem số 0 để sau “0.” thì nhỏ thêm 10 lần, cứ thế thêm vô cùng tận bằng 1 quả đất, 2 quả đất, có thể thêm mãi không thể cuối cùng được. Thêm mãi thì nó càng nhỏ, nhưng cũng còn có con số. Đơn vị của con số đó đã vốn là nhỏ rồi, mà chia mãi rất nhỏ mình không có thể tưởng tượng, rồi cũng có thể chia được nữa.

Như bây giờ con mắt của mình không thấy thì phải nhờ kính hiển vi, nếu kính hiển vi 1 ngàn lần không thấy thì phải 10 ngàn lần, 10 ngàn lần không thấy thì 1 triệu lần, 1 triệu lần không thấy thì 10 triệu lần. Giả sử khoa học cải tiến nhanh hơn mình vẽ số 0 cũng không phát hiện con số nhỏ nhất được. Vì định lý của toán không có con số nhỏ nhất. Cho nên, Phật nói: “Vô thủy vô sanh”. Vì có sanh thì có bắt đầu, có bắt đầu là có thủy chứ không phải là vô thủy. Không có bắt đầu mà tìm sự bắt đầu có phải là si mê không? Vì thói quen đã tin bộ não nên lia bộ não thì không biết.

Vậy, họ nghịch với định lý toán học mà còn không biết! Nhà khoa học hạng nhất thế giới còn không biết, huống là những người học, học đến đại học, học đến nghiên cứu viện thì đâu có hơn nhà khoa học ấy!

Bây giờ mình cũng có cái sức đó, như ánh sáng đi 10 triệu năm đến, mà tâm của mình chỉ có 1 niệm đến. Mình có sức đó nhưng không tin, không tin là không chịu nghe theo lời dạy của Phật Thích Ca dẹp bớt những cái che khuất để sức dụng của chân tâm hiện ra. Che khuất chân tâm là cái gì? Ví dụ sức dụng của chân tâm là ánh sáng mặt trời, che khuất là mây đen.

Tham thiền là hỏi câu thoại để kích thích niệm không biết, nhìn là giữ niệm không biết. Tức là Phật Thích Ca dùng không biết của bộ óc để chấm dứt tất cả biết của bộ óc. Vì biết của bộ óc là mây đen che khuất ánh sáng mặt trời, sức của tâm mình là ánh sáng mặt trời. Tham thiền cũng như gió thổi tan mây đen; nếu mình thổi được lỗ nhỏ, ánh sáng mặt trời từ lỗ nhỏ xuyên qua thì mình dùng được.

Lúc dùng được thì bộ não không biết, tức là tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ đều chấm dứt, nên mới dùng được. Mặc dù, cuộc sống hằng ngày mình phải dùng bộ não để ứng phó, trong lúc ấy thì bộ não đã không biết rồi, nhưng sức của tâm mình sẽ thay bộ não làm xong công việc của bộ não. Người đời không biết tưởng là thần thông, nhưng sự thật thì không phải, tất cả ai cũng sẵn sàng có sức đó, chỉ do cái biết của bộ não che khuất nên nó không hiện ra mà thôi.

Phần nhiều là cái biết của bộ não che khuất, phần ít cái không biết của bộ não che khuất. Cho nên, người tham thiền đến giờ phút kiến tánh thì biết và không biết của bộ não đều sạch hết, cái biết chân tâm (Diệu Giác) hiện lên khắp không gian và khắp thời gian. Tức là sự hiểu biết không có chỗ nào thiếu sót. Khắp không gian thì không có chỗ thiếu sót, khắp thời gian thì không có lúc thiếu sót.

Nói về thời gian, lúc mình ngủ mê không biết, lúc chết giấc không biết, lúc chết rồi không biết. Còn cái biết của bản tâm thì ngủ mê vẫn biết, chết giấc vẫn biết, chết rồi vẫn biết. Nếu chết rồi mà không biết thì cái biết của bản tâm bị gián đoạn, không phải cùng khắp thời gian. Nó sẵn là vậy, vì do bộ não che khuất, thành ra chỉ dùng cái biết của bộ não, chứ không dùng cái biết của chân tâm được. Muốn dùng cái biết chân tâm phải dẹp những cái che khuất.

Theo định luật của Einstein: Vật chất nhỏ tới không có thể tích thì không bị chướng ngại, tức là sức phát từ phi vật chất (sức của bản tâm mình). Dùng sức của bản tâm khỏi cần tới khi kiến tánh, như vừa rồi tôi nói “thoải ra lỗ nhỏ thì hiện ra sức dùng của lỗ nhỏ, thoải ra lỗ lớn thì hiện ra sức dùng của lỗ lớn”.

Như tham thiền là chấm dứt cái biết của bộ não phần nào thì hiện ra sức dùng của tâm chừng nấy, nếu ngưng tham thiền thì cái biết sẽ trở lại, nên sức dùng của tâm không còn nữa. Tôi giảng Vũ Trụ Quan Thế Kỷ XXI là để tăng cường tin tự tâm mình có cái sức gọi là từ lực. Vì tất cả vật chất gì đều có từ lực, cũng gọi là hấp dẫn lực. Hấp dẫn lực thường thường nó xoay tròn, cho nên người ta bắn vệ tinh rồi cũng tự nhiên nó xoay theo quỹ đạo.

Cho nên, mình tham thiền do Phật Thích Ca dạy “hỏi và nhìn”, hỏi là kích thích niệm không biết, nhìn là giữ niệm không biết và kéo dài niệm không biết thì chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết và ghi nhớ biết của bộ não, 3 cái biết chấm dứt rồi thì hiện ra năng lực của chân tâm, trong Vũ Trụ Quan có nói vấn đề này.

Cái bản thể chẳng thể thấy mà không hợp logic kia, cần phải nhờ tâm lực cá nhân của chúng ta sẵn có mới có thể chứng minh:

Khi chúng ta y theo pháp thiền trực tiếp “Tổ Sư Thiền” do Phật Thích Ca truyền dạy, thực hành đến trình độ N, tức là đạt đến giai đoạn “tự động hóa” được một khoảng thời gian, khiến ba thứ biết: Tìm hiểu, tư duy, ghi nhớ được tạm ngưng, nghĩa là bộ não ngưng hoạt động thì phát huy được cái công năng sẵn có, chẳng dùng bộ não mà hoàn thành công tác của bộ não chẳng thể làm. Khi ngưng hoạt động của bộ não càng lâu, thì độ thiền càng sâu, cái công năng tự phát ra lại càng lớn.

Nếu mình tin có công năng đó, rồi cứ hỏi và nhìn. Như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?”, cảm thấy không biết, nhìn chỗ không biết, chỗ không biết thì không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn, nên nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết, chính cái vẫn còn không biết này gọi là nghi tình, cứ hỏi và nhìn đi song song để giữ nghi tình thì sẽ đưa hành giả đến chỗ kiến tánh thành Phật.

Con nít 6, 7 tuổi đều tham thiền được, người già 6, 7 chục tuổi cũng tham thiền được, ai cũng tham thiền được hết, chỉ cần hỏi và nhìn. Bất cứ câu thoại đầu nào đều có mục đích là kích thích cái niệm không biết, khán là nhìn chỗ không biết, chỉ nhìn thẳm và hỏi thẳm, hai cái không có trước sau.

Hỏi: Con đề câu thoại đầu lên, không biết có nghi tình hay không. Kính xin Sư Phụ chỉ dạy?

Đáp: Ông lại đây để tôi hỏi: Khi chưa có trời đất Ông là cái gì?

- Ông ấy trả lời: Không biết.

- Không biết như vậy là có nghi tình rồi! Chỉ cần cái không biết, biết là không phải. Nếu biết là cái biết của bộ não, vì bây giờ thì người ta nghịch lại, cứ dùng cái biết của bộ não để tìm cái nghi tình, thành ra không có nghi tình. Tại nghi tình là không biết mà! Dùng cái biết của bộ não để tìm hiểu thì bộ não biết nên không phải tham thiền rồi. Vì tham thiền là bộ não không biết mới gọi là nghi tình.

Vừa rồi nói “Phật Thích Ca còn không biết nó”, nếu biết nó thì nó thành sở tri rồi, vì nó vốn không phải là sở tri, tức là không có năng sở đối đãi. Tất cả vũ trụ vạn vật, bất cứ cái gì đều là sở tri của nó, nhưng chính nó không phải là sở tri. Tại không thể kiến lập nên gọi là vô thủy tức là không có bắt đầu nên gọi là vô sanh nghĩa là không có sự

sanh khởi. Cho nên, người chứng quả gọi là ngộ pháp vô sanh hay chứng vô sanh pháp nhẫn.

Tánh biết của bộ não hay ham biết, nên nhà khoa học còn tìm bắt đầu của vũ trụ và sanh mạng! Họ đã sai lầm nghịch với định lý toán học mà không biết!

Hỏi: Con ngộ thiền sao vọng tưởng cứ lên hoài?

Đáp: Tham Tổ Sư thiền không cần ngộ, có nghe Lục Tổ nói “Đạo do tâm ngộ bất tại tọa” không? Lại nói “ngồi lâu trời thân có ích lợi gì”? Bài kệ phá chấp ngộ:

Lúc sống thì ngồi mãi,
Khi chết lại nằm hoài.
Chấp giữ bộ xương thú,
Sao lấy làm công phu?

Ngồi cách nào cũng được, vọng tưởng là biết, cứ dùng cái biết nên mới có vọng tưởng, tham thiền là giữ cái không biết làm sao vọng tưởng nổi lên được? Hỏi và nhìn khít khít thì vọng tưởng không nổi lên. Do hỏi và nhìn không liên tục, nên có kẻ hở thì vọng tưởng mới nổi lên.

Tất cả học được nhớ được đều phải quăng bỏ hết, theo Ngài Lai Quả nói “luôn cả cái bụng cũng bỏ luôn”, nếu bỏ hết nhưng còn cái bụng thì có ngày có thể chứa lại. Cho nên, tất cả trong bụng đều bỏ hết, luôn cả cái bụng cũng phải bỏ luôn. Nó không có chỗ để chứa đựng cái hiểu biết đó.

Nếu biết có nghi tinh nhỏ, nghi tinh lớn đều là biết thì không phải tham thiền.

- Sức của từ trường gọi là từ lực. Phạm vật chất đều có cái sức đó, bất cứ vật chất gì, theo lý luận của Einstein thì vật chất nhỏ chừng nào nên từ lực mạnh chừng nấy. Sức đó mình thí nghiệm được, nó đều xoay theo kim đồng hồ, cũng như mình muốn thử nước có độc hay không, độc nhiều hay độc ít. Tùy theo mật mã của vật thể, mình cũng có từ trường. Nó có phản ứng thích hợp hay không thích hợp, tự nó xoay.

Nó xoay theo kim đồng hồ là thích hợp tôi ăn, từ trường của nó và từ trường của tôi thích hợp với nhau. Khí huyết cơ thể của mình mạnh thì nó xuôi theo, khí huyết yếu thì nó xoay ngược. Nếu không có xoay, nó đưa ngang qua lại là bình thường.

Từ trường phát từ vật chất bị không gian thời gian hạn chế. Phật Thích Ca dạy tham thiền để dẹp những cái che khuất thì hiện ra từ trường của chân tâm mình có sức mạnh vô cùng, vì không bị thời gian không gian hạn chế. Nên tốc độ ánh sáng đi 10 triệu năm mới đến thì tâm của mình chỉ 1 niệm đến. Phải biết từ trường chân tâm của mỗi vị đều bằng nhau, chỉ là bị che khuất nhiều thì nó hiện ra ít.

Nếu dẹp bớt che khuất (tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết), dùng cái không biết làm ba thứ biết này ngưng hoạt động, một thời gian được tự động thì từ lực phát ra rất mạnh, tức là công việc mà bộ óc làm không được nhưng nó làm được, nếu bộ óc biết thì làm không được.

Từ lực chân tâm mình sẵn có bằng như chư Phật, không kém hơn chư Phật một chút. Cho nên, Phật Thích Ca truyền dạy pháp thiền trực tiếp này, đáng lẽ không có tên gọi là thiền gì. Vì Phật truyền cho Sơ Tổ, Sơ Tổ truyền cho Nhị Tổ, Nhị Tổ truyền cho Tam Tổ, ... do Tổ Sư từ đời từ đời truyền xuống nên gọi là Tổ Sư Thiền.

Quý vị phải tin mình có sức đó, nếu chịu y theo lời dạy của Phật Thích Ca, chỉ cần hỏi và nhìn để giữ cái không biết tức là nhờ cái không biết của bộ não để dẹp cái biết của

bộ não, đến lúc tự động hóa nó tạm ngưng một thời gian thì cái sức đó tự động phát ra là dùng được.

Bất cứ vật thể gì đều có từ lực, người phát hiện đầu tiên là Newton. Newton không bằng Einstein, lực học Einstein không bằng lực học của Thích Ca Mâu Ni. Lực học của Thích Ca Mâu Ni không có hạn chế, vì không phát từ vật chất mà phát từ phi vật chất. Còn lực học của Einstein tiến bộ hơn Newton nhưng cũng phát từ vật chất. Mặc dù, thuyết của Ông là vật chất cũng có thể biến thành năng lượng, năng lượng thì không phải vật chất, nhưng cũng phải từ vật chất chuyển đổi mới được.

Lực học của Thích Ca Mâu Ni khỏi cần vật chất mà biến đổi, nên không bị không gian thời gian hạn chế. Nhiều người dùng cái biết của bộ não tìm hiểu nghi tình là sai lầm lớn. Tổ Sư Thiền là dùng cái không biết của bộ não để chấm dứt cái biết của bộ não làm cho bộ não ngưng hoạt động. Bây giờ không những không chịu chấm dứt mà lại kéo dài tìm hiểu để tìm hiểu nghi tình cho là phải có nghi tình mới được! Nếu mình biết có cũng là biết, biết không có cũng là biết, biết nghi tình nhỏ cũng là biết, biết nghi tình lớn cũng là biết, biết thì không phải tham thiền, biết là che khuất chân tâm.

Tôi giải đáp là không cho hiểu thêm cái lý gì hết! Tất cả có giáo lý là do bộ não, tức là do ý thức phân biệt nên có cái lý, còn thực tế thì không kiến lập cái lý, vì kiến lập cái lý thì phải tương đối, phải hợp lý với bất hợp lý, đúng lý với không đúng lý.

Hỏi: Môn học khí công khi luyện đến một mức độ nào đó thì sẽ phát một số công năng đặc dị và tham thiền cũng phát được một số công năng đặc dị. Vậy môn khí công và tham thiền có liên quan gì không?

Đáp: Khí công phát ra cũng từ vật chất, mà vật chất là cơ thể. Nó có thể từ lực căn, lực căn cũng là vật chất, lực thức thì không phải vật chất. Họ luyện theo ý niệm từ vật chất. Bây giờ khoa học cũng biết, nếu mình đem vật chất chà nó thì sanh ra từ trường còn gọi là điện lực, mình càng chà nó thì sức từ trường ra càng mạnh. Vậy, luyện khí công là phát từ vật chất nên bị hạn chế. Tham thiền là phát từ phi vật chất, không bị thời gian không gian hạn chế.

Đại học bên Mỹ gồm có: Sinh lý học, Tâm lý học, Triết học, Khoa học tự nhiên, bốn thứ hợp lại giải thích không thông, vì họ chỉ có một cái thức là bộ não. Thức với căn họ không biết được nên nói lộn xộn. Họ chỉ biết do hệ thống thần kinh, hệ thống thần kinh là vật chất, kinh lạc cũng là vật chất mà không thể dùng kính hiển vi để thấy được.

Ngày xưa, Tinh Tọa ở Trung Quốc phát hiện được 14 kinh lạc ở trong thân, ông có hình từ đầu thông đến đâu, có ba trăm mấy cái huyết, ông kích thích cái huyết để điều chỉnh thần kinh; do hệ thống thần kinh yếu nên không làm việc đúng phải kích thích làm cho đúng hay mạnh quá thì bớt lại. Nếu thần kinh quá yếu không thể kích thích thì sanh ra bệnh.

Ở bên Mỹ dùng kính hiển vi mạnh bao nhiêu lần cũng không thấy được. Tây y trị không hết, nhưng châm cứu lại trị hết, mà thấy công hiệu liền, thành ra họ cũng nhìn nhận, nên bây giờ ở đại học Mỹ cũng có khoa châm cứu.

Thức không có hệ thống, không phải như hệ thống đường đi của kinh lạc. Tổ Sư Thiền do chư Tổ truyền xuống, tin rồi thực hành. Nếu tin pháp môn 100% thì chưa được mới chỉ có phân nửa. Tại sao? Vì chỉ tin pháp môn, nhưng chưa tin tự tâm. Tham thiền là muốn hiện sức của tâm, nếu không tin tự tâm thì sức đó làm sao hiện ra

được? Không tin phải có thắc mắc để hỏi, thắc mắc đó có 5 thứ: - Nghi lý – nghi sự – nghi pháp – nghi thầy – nghi mình.

Các vị thắc mắc đều ở trong 5 thứ này, tôi sẽ giải tóa, nghi lý thì tôi giải tóa lý, nghi sự thì tôi giải tóa sự, nghi mình nghiệp chướng nặng thì tôi giải tóa nghiệp chướng nặng, nghi thầy nói không đúng thì tôi cũng giải tóa. Mục đích giải đáp là giải tóa 5 thứ nghi này, chứ không có giáo lý cao siêu. Sự thật, không có giáo lý gì cả, không thể kiến lập cái lý, vì kiến lập lý mới có đúng và không đúng là tương đối thì sanh ra sự tranh cãi.

Hỏi: Bước đầu tiên là tin tâm mình là Phật, như vậy mình nhìn vào tâm mình thấy hoàn toàn chúng sanh si mê, không có gì là Phật. Như vậy mình nhìn vào lấy cái gì là Phật?

Đáp: -Tôi hỏi thầy: Thầy tin thầy có Phật tánh không?

-Tin có Phật tánh.

-Phật tánh có thể giảm bớt được không?

-Phật tánh không thể giảm bớt.

-Phật tánh có thể gián đoạn được không?

-Phật tánh không thể gián đoạn.

-Như vậy thầy đã tin đầy đủ, nhưng sự thật thì nghịch lại. Nếu Phật tánh không thể giảm bớt, mà thầy đã nhìn nhận tự mình có Phật tánh với Phật tánh của Phật Thích Ca bằng nhau, Phật Thích Ca có trí huệ, thần thông biến hóa bao nhiêu thì thầy cũng có và bằng nhau. Nếu không bằng hay kém hơn một chút thì giảm bớt. Nếu tin Phật tánh không thể gián đoạn thì bây giờ thầy cũng là Phật. Thầy đã tin theo sự trả lời với tôi thì đủ tin tự tâm 100%.

Hỏi: Dùng cái không biết để tu, như vậy để câu thoại đầu mình không biết, không biết phải trả lời hoàn toàn như thế nào là không biết?

Đáp: Tại sao thầy muốn trả lời? Trả lời là muốn tìm hiểu để biết, vì mục đích chấm dứt tìm hiểu mà sao lại trả lời? Phật nói “vô thi” là không có bắt đầu, “vô sanh” là không có sự sanh khởi. Nếu có sự sanh khởi thì có sự bắt đầu, nên người chứng quả là ngộ pháp vô sanh. Nhưng sự thật thầy nghịch lại muốn có sanh! Muốn tìm sự bắt đầu! Ấy là tập khí từ lâu đời. Vì thầy sanh ra được cha mẹ dạy chấp thật, vô trường thầy cô cũng dạy chấp thật, ra xã hội cũng dạy chấp thật, không phải kiếp này thôi, ở bao kiếp trước cũng dạy như vậy, nên muốn sửa lại rất khó. Vì vậy, Phật Thích Ca dạy dùng cái không biết bộ não để chấm dứt cái biết bộ não.

Trước kia, trong thiên thất có người hỏi: Nếu mình dùng cái không biết để tu, tu đến thoại đầu thì sắp kiến tánh, sắp kiến tánh thì sắp biết phải không?

Tôi nói: Không phải, không thể nói là sắp biết.

Người ấy hỏi: Nếu không thể sắp biết thì vĩnh viễn như gỗ đá sao?

Tôi nói: Không phải vậy, cái biết chân tâm không thể gián đoạn sao có ngưng biết? Cái biết cao nhất là Diệu Giác. Nếu có gián đoạn thì mới có ngưng, ngưng rồi có lại nên nói là sắp biết. Nó không bao giờ ngưng mà nói nó sắp biết làm sao được?

Nhưng người ta cũng chưa hiểu, tôi phải đổi lại câu hỏi “trời gần sáng thì mặt trời sắp chiếu được không”? Không được. Tại sao? Vì mặt trời đâu có ngưng chiếu hồi nào, mà nói mặt trời sắp chiếu! Tâm mình cũng vậy, đâu có ngưng biết hồi nào mà nói sắp

biết! Không thấy mặt trời là do bị mây đen che khuất, đâu phải mặt trời đêm hôm ngưng chiếu rồi tới sáng mới bắt đầu chiếu!

Như tâm mình không thể nói là sắp biết, nói sắp biết là cái biết của bộ não. Chân tâm không hiện ra là bị biết và không biết của bộ não che khuất. Cho nên, Phật Thích Ca dạy dùng cái không biết để chấm dứt tất cả biết; biết và không biết của bộ não đều chấm dứt thì chân tâm mới hiện ra.

Hỏi: Tham thiền sao khỏi rơi vào niệm thoại đầu và vô ký?

Đáp: Không phải muốn tìm đáp án của câu thoại đầu! Chỉ nhờ câu thoại đầu để kích thích lên niệm không biết. Bất cứ câu thoại đầu nào cũng vậy, chứ không phải câu thoại đầu này khác, câu thoại đầu kia khác! Muốn ngàn câu thoại là mục đích để kích thích niệm không biết; khán là nhìn chỗ không biết, chỗ không biết là không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn, không có mục tiêu để nhìn thì nhìn đi nhìn lại vẫn còn không biết, chính cái vẫn còn không biết gọi là nghi tình. Chỉ cần hỏi và nhìn, hai cái đồng thời đi song song để giữ nghi tình đó. Nghi tình này sẽ đưa hành giả đến thoại đầu, rồi kiến tánh thành Phật.

Tại ông nghịch lại tìm hiểu nghi tình, ấy không phải tham thiền. Nếu tham 2, 3 chục năm hay 2, 3 trăm năm, Mặc dù tâm cũng được tịnh, nhưng sẽ lọt vào tà ma, tại do ông ham tìm hiểu, nên phải ngưng tìm hiểu, ghi nhớ, nhưng muốn ngưng đâu phải dễ! Vì vậy, giữ được cái không biết thì cái biết tự động ngưng. Hỏi là kích thích niệm không biết, nhìn là kéo dài niệm không biết.

Ông nghịch với thói quen nên cảm thấy lạ thấy khó, người ta nhìn là có mục tiêu để nhìn, còn cái không biết thì không có mục tiêu để nhìn, nên người ta cảm thấy khó nhìn quá, khó nhìn là đúng rồi đó! Vì không có chỗ để nhìn, không có chỗ để nhìn thì cũng nhìn vậy, để giữ cái không biết đó thôi.

Hỏi: Tin tự tâm là Phật, mà con thấy tham sân si nhiều quá, cái gì cũng thích cũng mê, vậy như thế nào?

Đáp: Không tin mình là Phật nên mới có tham sân si. Bây giờ cái tham sân si của ông phải không?

- Phải.

- Như vậy tiền của ông thì ông biết tiền ở đâu mà có. Tham sân si của ông từ đâu mà ra?

- Tự nhiên xuất hiện, không biết chỗ nào ra.

- Nếu không biết chỗ nào thì đâu có đúng! Như ông có tiền thì biết tiền từ đâu? Mặc áo thì ông cũng biết cái áo từ đâu? Người ta cúng cho ông hay của ông như thế nào mới có! Còn nói tham sân si mà không biết từ đâu là bậy rồi, tức là không phải của ông. Nếu thật của ông thì ông phải biết!

Bây giờ, ông khỏi nói để tôi cho ông biết, tại ông ngu quá tự mình không biết. Tham sân si là từ vọng tâm suy nghĩ của ông mà ra, vọng tâm của ông là bộ não, nó là năng suy nghĩ, tham sân si là cái sở suy nghĩ. Năng thì không phải sở, sở thì không phải năng. Ông biết năng sở không?

- Không biết.

- Năng sở mà còn không biết! Ông thọ giới Sa Di và Tỳ Kheo mà không có giữ bốn phận của mình. Thọ giới Tỳ Kheo còn không biết năng sở, làm sao biết giới Tỳ Kheo mà giữ vai trò của Tỳ Kheo! Vậy ông hư tiêu tín thí lạm nhận cung kính là tội địa

ngục, trong Kinh Lăng Nghiêm có nói. Năng sở còn không biết mà làm Tỳ Kheo để dạy Tỳ Kheo Ni sao được?

Con mắt của ông là năng nhìn, ông nhìn thấy trái táo này, trái táo là sở nhìn. Tham, sân, si là sở suy nghĩ, bộ não của ông là năng suy nghĩ, tại do cái suy nghĩ mới có tham, sân, si. Như hai chân của ông là năng đi, có đường gai góc cứt sinh là sở đi của hai chân, tại hai chân của ông ham dẫm lên con đường đó rồi bị dính cứt sinh, cứt sinh dụ cho tham sân si của ông, nhưng sự thật là không phải, hai chân của ông là sạch. Con đường gai góc cứt sinh có thói cách mấy cũng mặc kệ nó, chỉ giữ hai chân đừng dẫm lên con đường đó làm sao bị dính được!

Tham thiền là giữ cái không biết thì ngưng được suy nghĩ, ngưng suy nghĩ làm sao có tham, sân, si được!

Hỏi: Trước kia con lạc làm không đi đúng chánh pháp, nay được nhân duyên quay về chánh pháp, con chưa hiểu được sâu. Khi tham thoại đầu thì phải nhìn thoại đầu, tin tự tâm. Vậy câu thoại đầu “chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật là cái gì”? Bạch Sư Phụ khai thị cho con?

Đáp: Tôi hỏi ông: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật là cái gì? Biết không?

- Không biết.

- Không biết là đúng rồi đó! Nhìn chỗ không biết.

Hỏi: Trước kia con tham câu “khi chưa có trời đất, ta là cái gì”? mà không phù hợp, bây giờ con có thể đổi câu thoại đầu khác được không?

Đáp: Tham câu thoại đầu có cảm thấy không biết là phù hợp, nếu biết thì không phù hợp.

Hỏi: Hỏi câu thoại đầu “khi chưa có trời đất, ta là cái gì”? Rồi mình nhìn cái không biết thì vẫn có cái biết của cái nhìn, như vậy cái biết đó vẫn thường còn không?

Đáp: Cái đó mới tập tham thiền nên nó như vậy, tập lâu thì luôn cả tham thiền cũng không biết, mới tập thì cái biết mạnh hơn.

- Như vậy cái biết vẫn còn nên đôi khi vọng tưởng chi phối thì phải làm sao?

- Thì phải hỏi và nhìn tiếp tục mãi mãi, nếu mình hỏi nhanh quá giống như niệm thì không được. Hỏi là kích thích cái không biết, rồi nhìn cái không biết, hai cái đi song song, đừng cho là biết hay không biết, vì thói quen của ông là hay muốn biết, nên cái biết mạnh hơn, cái không biết lại yếu, thành ra cứ thấy biết hoài, chừng nào tập cái không biết mạnh hơn thì cái biết sẽ yếu lại.

Như mới tập xe máy mà tay vịn cũng ngã, tập được một thời gian thì hai tay vịn không ngã, tập thêm một thời gian buông tay vẫn không ngã, tập một thời gian nữa buông hai tay queo cũng không ngã, còn người ta tập thêm chỉ có một bánh cũng chạy được. Tại ông mới tập mà buông tay làm sao được?

Hỏi: Lâm Tế nói với Đại Ngu “Chẳng dè Phật pháp của Hoàng Bá có chút xíu”. Con xin sửa lại như thế này “Nào dè Phật pháp của Hoàng Bá không có gì cả”. Xin Sư Phụ khai thị chỗ này?

Đáp: Vì ông không hiểu, nên làm sao để dạy cho ông được! Ông là người mà Phật chẳng thể giáo hóa. Vừa rồi nói “không cho tìm hiểu”, công án của chư Tổ là muốn cho người ta ngộ, chứ không phải muốn người ta hiểu; còn ông muốn hiểu là nghịch ý

của chư Tổ, vì hiểu là phải có lý, lý thì không thể kiến lập được; nếu hiểu là tương đối đúng lý và không đúng lý, hợp lý với không hợp lý.

Vô thi là không thể bắt đầu, vô sanh là không có sự sanh khởi. Vì có sanh khởi thì phải có sự bắt đầu. Tôi đã dùng toán chứng tỏ không thể bắt đầu. Vì nếu đem con số chia mãi thì không thể chia đến con số cực nhỏ. Nếu chia được số cực nhỏ thì có sự bắt đầu. Không có cực nhỏ thì không có cực lớn. Nếu có cực lớn thì có cuối cùng, vì không thể tìm được con số bắt đầu. Nên Phật nói là “bất khả đắc”, bất khả đắc gọi là bất sanh, không có cuối cùng là bất biến gọi là bất diệt.

Bây giờ, khoa học cũng chứng tỏ tất cả vật chất đều y nguyên tồn tại vĩnh viễn bất diệt. Bất sanh bất diệt làm sao có sự bắt đầu được? Làm sao kiến lập cái lý? Nếu có kiến lập thì có sanh, có sanh thì phải có diệt.

- Có người hỏi: Phật pháp có thể chia nhiều tông, tại sao không thể chia nhiều phái? Nên biết Phật pháp là để hiển bày bản thể tự tánh bất nhị của Diệu Giác nên chẳng thể chia. Có thể chia là giáo pháp (chẳng phải Phật pháp). Chư Phật chư Tổ, vì muốn thích ứng căn cơ trình độ của mọi chúng sanh, nên vì khế hợp đương cơ mà chia nhiều tông, tức là trên phù hợp ý Phật (Phật pháp chẳng thể chia), dưới khế hợp đương cơ (giáo pháp có thể chia) là vậy.

Giáo pháp thích hợp với người phương đông được chia làm năm hệ: Thiên, Giáo, Luật, Tịnh, Mật. Thiên, Luật, Tịnh, Mật, mỗi hệ có một tông. Giáo môn chia thành bốn tông: Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, và Duy Thức, cộng chung là tám tông Đại thừa.

Luận này vì muốn phá chấp nhị biên tương đối, nên phương tiện thiết lập Trung Quán. Nguồn gốc của nhị biên là “hữu” và “vô”. “Hữu” bao gồm hữu vi pháp, “vô” bao gồm vô vi pháp. Nhị biên đã phá thì “Trung” không có chỗ để an lập. Như thế, đâu có học thuyết cao siêu để cho nghiên cứu mà dựng lập học phái Trung Quán!

Lục Tổ nói thuyết pháp chẳng lìa tự tánh, tự tánh là bất nhị. Kinh Đại thừa liễu nghĩa là do Phật thuyết đều là bất nhị. Chư Tổ căn cứ theo kinh liễu nghĩa lập luận số giải cũng là bất nhị. Bất nhị thì chẳng có tương đối, chẳng có tương đối thì chẳng thể dùng bộ não suy nghĩ, chẳng thể dùng lời nói văn tự diễn đạt, cho nên Đại Thừa Khởi Tín Luận nói: Lìa “tướng tâm duyên”, lìa “tướng danh tự”...

Nên biết, những phương tiện do chư Phật chư Tổ thiết lập chỉ muốn khiến chúng sanh ngay đó khai ngộ, chứ chẳng phải muốn chúng sanh nghiên cứu tìm hiểu lý đạo. Do đó chẳng thể xem như một học thuyết để nghiên cứu mà chia ra nhiều học phái.

Trung Quán Luận gồm 27 phẩm, mặc dù có quán có phá. Kỳ thật quán cũng là phá. Bất cứ hữu vi pháp, vô vi pháp, tất cả đều phá. Như các phẩm Quán Như Lai, Quán Niết Bàn là thuộc về phá pháp vô vi, những phẩm Quán Nhân Duyên, Quán Khứ Lai thuộc về phá pháp hữu vi. Hữu, Vô tất cả đều phá. Phẩm có nhị biên tương đối đều phá.

Chư Phật chư Tổ dùng pháp phá làm phương tiện để phá sự chấp trước của chúng sanh. Chúng sanh có sở chấp nào thì phá cái sở chấp ấy. Nếu có chúng sanh chẳng có chấp trước thì pháp phá cũng thành dư thừa. Nay chúng tôi biên tập Yếu Chỉ Trung Quán Luận này, chỉ ở trong mỗi phẩm rút ra vài bài kệ chủ yếu, để sáng tỏ yếu chỉ về pháp phá của tác giả mà thôi.

-Pháp Sư Diệu Nhân, ngày 22 tháng 12 năm 1983, khi đọc “Nhập Trung Luận”, có bút ký rằng: Các đại luận sư Ấn Độ như: Phật Hộ, Thanh Biện, Nguyệt Xung, Tịnh

Mạng, đều kế thừa học thuyết Trung Quán của Long Thọ. Nhưng vì quan điểm chẳng đồng cho với chẳng cho “có ngoại cảnh” mà sanh ra học phái chẳng đồng.

Thanh Biện luận sư phá Duy Thức Luận, trong danh ngôn kiến lập tông phái cho “có ngoại cảnh”. Phái này gọi là “Kinh Bộ Hạnh Trung Quán Sư”. Tịnh Mạng luận sư thì lập ra thuyết “vô ngoại cảnh”. Phái này gọi là “Đu Già Hạnh Trung Quán Sư”.

Nguyệt Xung luận sư thì cho là “Trung Quán Kiến của Phật Hộ luận sư” thù thắng nhất, mà theo phái Phật Hộ, lại nói đời sau phần nhiều Trung Quán Sư đều tùy thuận học thuyết Phật Hộ với Nguyệt Xung. Còn các phái Tát Ca, phái Ca Cừ và phái Cách Lỗ của Phật giáo Tây Tạng cũng theo “Trung Quán Kiến” của Nguyệt xung luận sư, đồng thời kiến lập Nhật Trung Luận Tụng và Giải Thích, cũng cho biết danh hiệu phái Ứng Thành và phái Tự Tục của Trung Quán...

Than ơi! Tác giả Trung Luận dùng Trung Quán để phá kiến chấp của nhị biên tương đối. Nếu nhị biên đã phá thì đâu có cái “trung” để an lập, tại sao các đại luận sư Ấn Độ, mỗi mỗi đều có “Trung Quán Kiến” của họ, mà sanh ra nhiều học phái chẳng đồng như danh hiệu bốn phái kể trên. Thậm chí ảnh hưởng Phật giáo Tây Tạng cũng sanh “Trung Quán Kiến”. Nếu theo đó suy luận thì Phật giáo các nước khác, cũng có thể bị truyền nhiễm kiến chấp của họ mà chẳng tự biết, khiến chư Phật chư Tổ muốn phá mà hơi sức đâu phá hết!

Trung Luận là vị thuốc phá trừ kiến chấp nhị biên. Nếu chấp thuốc thành bệnh thì chẳng thể trị, như trong phẩm Phá “Hành” đã ghi rõ vậy. Nếu bút ký của Pháp sư Diệu Nhân là thật thì các đại luận sư kể trên cũng là thuộc về kẻ chư Phật chẳng thể giáo hóa ư!

Phẩm Phá “Hành”.

Hỏi:

Như kinh Phật sở thuyết
Hư vọng chấp lấy tướng
Vì vọng chấp chư hành
Nên gọi là hư vọng

Phá:

Kẻ hư vọng chấp lấy
Trong đó lấy cái gì
Phật thuyết những việc này
Muốn hiển bày nghĩa không
Vì các pháp khác nhau
Biết đều là “vô tính”
Tính vô pháp cũng vô
Vì tất cả pháp không
Đại Thánh thuyết pháp không
Vì lia chư kiến chấp
Nếu lại thấy có không
Phật chẳng thể giáo hóa

Giải thích:

“Hành” là sự hành vi biến hóa. Hành vi biến hóa là sát na sanh diệt, nên Phật nói chư hành vô thường. Vô thường thì chẳng thật, chẳng thật nên hư vọng. Hư vọng thì chẳng chấp lấy. Phật nói hư vọng chẳng thể chấp lấy là muốn hiển bày nghĩa không

vậy. Vì các pháp khác nhau thì mỗi mỗi chẳng có tự tánh. Pháp chẳng có tự tánh thì pháp chẳng có, nên nói tất cả pháp không.

Phật thuyết pháp không là dùng để phá 62 thứ kiến chấp và phá phiền não của nghiệp ái vô minh. “Không” là công cụ dùng để phá chấp, nếu trở lại chấp “không” thì người ấy chẳng thể giáo hóa. Như có bệnh mới cần uống thuốc, nếu chấp thuốc thành bệnh thì chẳng thể trị. Cũng như lửa từ củi ra, dùng nước có thể diệt lửa. Nếu lửa từ nước ra thì phải dùng cái gì để diệt? “Không” dụ cho nước, có thể dập tắt những lửa phiền não. Nếu lại ở nơi “không” mà sanh khởi kiến chấp, hoặc cho là có cái “không”, hoặc cho là chẳng có cái “không”, vì tranh chấp “hữu” “vô” lại sanh khởi phiền não nữa.

Nếu dùng “không” để giáo hóa người này thì họ nói tôi biết “không” đã lâu. Nếu lia “không” thì chẳng có đạo Niết bàn. Như kinh nói: Không, vô tướng, vô tác, nơi ba cửa này được giải thoát. Đây chỉ là ngôn thuyết mà thôi. (Không, vô tướng: Thì chẳng tu; Vô tác: Thì không có tu, vậy đâu thể giải thoát).

Tâm là danh từ, ai cũng nói được, nhưng mà tâm là cái gì thì không có ai biết. Phật nói tâm như hư không, hư không thì trống rỗng; Ngài Long Thọ là Tổ 14 của Thiền tông nói là tâm như hư không vô sở hữu tức là không có hư không, như vậy tâm như hư không vô sở hữu cũng như không có tâm.

Mặc dù không có (trống rỗng) nhưng có thực dụng. Tại sao? Tại mình thấy rõ ràng là hư không này trống rỗng (vô sở hữu). Mặt trời, mặt trăng, đất đai, nhà cửa, cây cối, bất cứ cái gì đều nhờ cái vô sở hữu này dung nạp và ứng dụng. Quý vị ngồi phải nhờ cái vô sở hữu mới có chỗ ngồi, có không gian vô sở hữu nên tôi đang nói và các vị đang nghe được. Tất cả chúng ta nhìn thấy nhau cũng đều nhờ cái vô sở hữu này mình mới nhìn thấy nhau được.

Bây giờ, mình đang dùng mà không để ý nên không biết. Những người học Phật cứ muốn tìm hiểu những danh từ, nhưng thực tế những danh từ chỉ để hiển bày cái hư không vô sở hữu này thôi. Tức là hiển bày cái chân tâm của mình. Như trống rỗng thì không có trói buộc nên gọi là giải thoát, chứ không phải trói buộc rồi mở trói mới là giải thoát, nó vốn là giải thoát, vì không có chỗ để trói buộc.

Trống rỗng thì tự nhiên khắp không gian, khắp thời gian. Khắp không gian thì không có khứ lai, nên có tên là Như Lai đúng như bản lai. Khắp thời gian không có gián đoạn, không có gián đoạn thì không có sanh diệt, nên có tên là Niết Bàn. Niết Bàn là tiếng Ấn Độ nghĩa là không sanh không diệt.

Phật là tiếng Ấn Độ còn gọi là Phật Đà nghĩa là giác ngộ, tâm của mọi người đều có tánh giác ngộ, nên gọi là Phật tánh. Bất cứ danh từ nào có muôn ngàn thứ sai biệt mà nghĩa thì không khác. Như bò đê cũng là nghĩa giác ngộ. Có người nói phát tâm bò đê, họ tưởng là có tâm bò đê để phát. Kỳ thật, tâm bò đê là vô sở hữu, vô sở hữu thì vô sở đắc, nên phát tâm vô sở đắc.

Tất cả là hiển bày cái vô sở hữu của bản tâm mình. Tuy nói là Như Lai, Niết Bàn, bò đê, giải thoát,... đều là tâm trống rỗng (vô sở hữu). Vì vô sở hữu không có chỗ để trụ cũng gọi là vô trụ. Lục Tổ nói “lấy vô trụ làm gốc”, Kinh Duy Ma Cật nói “từ gốc vô trụ lập tất cả pháp”. Tại vô trụ nên hiển bày tất cả dùng.

Lục Tổ nghe Ngũ Tổ giảng “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” trong Kinh Kim Cang thì ngộ triệt để. Các vị học Phật cũng biết câu trên, nhân dịp này tôi giải thích.

Thí dụ cái tay là chân tâm, nó là hoạt bát vạn năng, muốn lấy cái bình, cái túi, cuốn sách,... lấy cái gì cũng được. Nếu có sở trụ thì tự nhiên đánh mất hoạt bát vạn năng của tự tánh. Như bây giờ trụ cây viết thì hoạt bát vạn năng của cái tay bị mất, muốn

lấy cuốn sách, cái bình, cái túi,... đều không được. Tham Tổ Sư thiền có nghi tình như cây chổi automatic quét nó ra thì mới khôi phục bản tánh hoạt bát vạn năng thì muốn gì cũng được.

Cây viết này thuộc về pháp có, trụ nơi có là đánh mất cái dụng của bản tâm. Nếu trụ nơi không tức là ở trong này không có gì hết, nhưng mà có sở trụ nơi không, cũng đánh mất cái dụng hoạt bát của tâm, như tay không thể lấy cái bình, cuốn sách, cái túi,... đều không được. Cho nên, cái không này cũng phải quét mới khôi phục bản tánh hoạt bát vạn năng. Vì vậy nói “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” nghĩa là: Nên vô sở trụ, sanh cái tâm dùng.

Tại có sở trụ nơi có, nơi không, nơi Phật, nơi Bồ Tát đều đánh mất cái dụng của bản tâm. Vì thế, Phật dạy “nên vô sở trụ mới dùng được cái tâm”. Nhưng bản tâm là vô sở hữu, còn tánh con người thì ham sở hữu. Tiền là sở hữu của ta, nhà là sở hữu của ta, đất là sở hữu của ta, tất cả đều muốn sở hữu. Chính sở hữu đó làm chướng ngại cái dùng của vô sở hữu.

Cho nên, Kinh Kim Cang nói “ung vô sở trụ”, Kinh Duy Ma Cật nói “từ gốc vô trụ lập tất cả pháp”, lập tất cả pháp là dụng của tâm, vô trụ mới dùng tất cả pháp. Phật Thích Ca dạy pháp Thiền trực tiếp tức là hỏi và nhìn cái không biết, không biết có thì không trụ nơi có, không biết không thì không trụ nơi không, tức là bản tâm vô sở trụ thì tự nhiên hiện ra cái dụng của chân tâm.

Hỏi: Con không khán thoại đầu, không ghi nhớ, không tìm hiểu, không biết, trong cái không nhưng nó tĩnh chứ không phải hôn trầm, hay người khùng. Vậy giống khán thoại đầu không? Nếu khán thoại đầu thì còn ghi nhớ khởi niệm đề khởi câu thoại kích thích nghi tình?

Đáp: Có biết thì không phải. Thoại đầu là chưa có khởi niệm muốn nói, mới gọi là thoại đầu. Nếu muốn khởi niệm muốn nói, Mặc dù chưa nói ra miệng cũng là thoại vi, vi là đuôi chứ không phải là đầu. Cho nên, nói thoại đầu là chưa khởi một niệm nào hết, mới gọi là thoại đầu. Mục đích tham thiền là muốn đến thoại đầu, mới tập tham thì cách thoại đầu còn xa lắm.

Dùng cây viết để thí dụ: Trên đầu cây viết là thoại đầu, dưới đuôi cây viết là thoại vi. Hỏi câu thoại đầu “khi chưa có trời đất, ta là cái gì?” là khởi lên một niệm không biết, khán là nhìn chỗ không biết, chỗ không biết thì không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn, cho nên nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết, chỉ giữ cái không biết đó. Đây là đường đi ý thức tức là thức thứ 6, thức này có mặt biết và mặt không biết, dùng mặt biết để tu gọi là Như Lai thiền, dùng mặt không biết để tu gọi là Tổ Sư thiền.

Bây giờ mình tham thiền là Tổ Sư thiền, chứ không phải thiền khác, các thứ thiền khác đều thuộc là Như Lai thiền. Như cô dùng cái biết để tìm hiểu, chứ không phải dùng cái không biết để chấm dứt cái biết, vì còn muốn có ghi nhớ còn muốn biết nghi tình, còn muốn biết thoại đầu tức là còn muốn tìm hiểu, chứ không phải là muốn chấm dứt tìm hiểu.

Đề tâm trống không làm sao biết trống không? Biết đề trống không tức là biết, còn cái này chỉ cần giữ cái không biết, cái không biết đó mới gọi là nghi tình. Tức là không biết có trống không hay không có trống không. Tất cả cái gì cũng đều không biết. Tại cô dùng cái biết nên mới biết cái trống không. Cái trống không là tôi thí dụ cho người tham thiền hiểu, chứ không phải có cái trống không để cho mình biết cái trống không. Cái này là dùng cái không biết để tu. Biết trống không là biết rồi, chứ không phải là không biết, tại thói quen của con người ham biết ham tìm hiểu.

Cho nên, Phật mới nghịch lại dùng cái không biết của bộ não để chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết của bộ não. Nhưng người ta không những không chịu chấm dứt, mà lại dùng cái biết của bộ não để tìm hiểu cái trống rỗng, như cô này tìm hiểu chỗ thoải đầu. Đã có ý niệm tìm hiểu thì có niệm rồi, đâu phải như chưa có niệm nào mới gọi là thoải đầu!

Hỏi: Tại sao được cảnh giới thanh tịnh là không đúng với đạo?

Đáp: Thanh tịnh và não động là tương đối, nếu muốn thanh tịnh là sai lầm, vì đã có thói quen ai cũng thích thanh tịnh, cô cũng cho là như vậy. Tôi không có dạy người ta tu thanh tịnh. Tịnh với động là tương đối, phạm có tương đối đều phá.

Nếu cho “lời nói của Phật Thích Ca rất đúng”, như vậy là sai lầm. Vì đúng và không đúng là tương đối. Lời thuyết pháp của Phật Thích Ca là phá tương đối, muốn lìa cái đúng và không đúng. Nếu cho đúng thì lọt vào tương đối là sai lầm. Như nói có Phật và không có Phật đều sai lầm. Tại có và không có là tương đối.

Nếu chấp vào thanh tịnh thì lọt vào tà ma tức là lọt vào biên kiến thuộc một trong năm thứ ác kiến (thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến). Như cô muốn biết cái trống rỗng thì cũng lọt vào biên kiến. Mặc dù, tôi nói hư không vô sở hữu là để thí dụ, nếu chấp hư không vô sở hữu cũng lọt vào biên kiến, tại có sở hữu và vô sở hữu là tương đối.

Nhà khoa học Einstein phát minh tương đối luận, nhưng đến lúc ông tuổi già, ông lại phủ định cái tương đối luận của mình. Ông nói “tương đối luận chỉ là sản phẩm của bộ não”. Theo lý luận của Einstein thì có thể biết đến chỗ phi vật chất. Vật chất nhỏ chừng nào thì sức từ lực mạnh chừng nấy, mà nó nhỏ cho tới bề trong tức thành hư thể là phi vật chất thì sức mạnh đó không có bị không gian thời gian hạn chế.

Cho nên, tốc độ ánh sáng đi 1 triệu năm đến, nhưng tâm của mình chỉ một niệm đến, đi 10 triệu năm thì tâm của mình cũng một niệm đến. Vật chất, tốc độ cao nhất là ánh sáng; còn phi vật chất, tốc độ thấp nhất là ánh sáng.

Toán giỏi thì khoa học mới giỏi được; chính nhà khoa học hạng nhất còn sống là giáo sư dạy toán danh tiếng khắp thế giới, hiện nay ở Luân Đôn nước Anh. Ông cũng nghịch lại định lý toán học. Theo toán học thì không có tìm con số nhỏ nhất, cũng không có con số lớn nhất. Không có số con nhỏ nhất tức là không có sự bắt đầu, mà ông lại tìm sự bắt đầu của vũ trụ và sanh mạng, thì rõ ràng nghịch với định lý toán học.

Hỏi: Con tập trung tham câu “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Khi có ý niệm hỏi thì con nhìn vào câu hỏi đó, bất chợt có người mở quạt máy, nhưng con ngồi hoàn toàn không biết mở quạt vào lúc nào. Như vậy con có rơi vào vô ký hay lọt vào hôn trầm không?

Đáp: Ông nói tập trung tinh thần là sai lầm. Tổ Sư dạy tham thiền, không nên tập trung tinh thần, không nên cố gắng, ít phí sức chừng nào tốt chừng nấy, chỉ cần giữ cái không biết. Hỏi câu thoải là kích thích niệm không biết, còn khán là nhìn chỗ không biết tức giữ chỗ không biết được kéo dài. Cho nên, Tổ dạy ít phí sức chừng nào tốt chừng nấy, đừng cố gắng phí sức, có một chút không biết là được, chứ đừng tập trung tinh thần, tập trung lâu ngày sẽ bệnh.

Có khi tập trung cố gắng bị nhức đầu, chóng mặt, khó thở. Nên chỉ cần hỏi và nhìn để giữ cái không biết là được, cái không biết đó gọi là nghi tình, nếu biết là không phải nghi tình. Biết có nghi tình cũng không phải, biết nghi tình nhỏ cũng không phải, biết

nghi tình lớn cũng không phải, tức là không có tham thiền. Phàm có cái biết là không phải tham thiền, tham thiền là không biết.

Tham thiền là đi, đứng, ngồi, nằm đều được hết, cũng như khi cần ngồi xếp bằng; muốn ngồi xếp bằng cũng được, không ngồi xếp bằng cũng được, thông chân ra cũng được. Tham thiền không phải ngồi thiền, ngồi thiền không phải tham thiền, tham thiền khi cần ngồi. Lục Tổ nói trong phẩm Tọa thiền của Pháp Bảo Đàn: “Đạo do tâm ngộ bất tại tọa”, ngộ là do tâm không phải do cái thân. Lục Tổ còn nói “ngồi lâu trói thân, có ích lợi gì!” và có bài kệ phá chấp ngồi:

Lúc sống thì ngồi hoài,
Khi chết lại nằm mãi.
Chấp giữ bộ xương thú,
Làm sao được công phu?

Tại bây giờ người ta cứ chấp cái ngồi, cho ngồi lâu là cao, như thế là sai lầm, hại người ta. Ông cũng bị trúng độc cái đó.

Tham thiền không có nhập thiền và không có xả thiền, tại chấp ngồi nên mới có xả.

Hỏi: Tham thiền đến chỗ nghi tình automatic thì câu thoại đầu còn không?

Đáp: Thoại đầu là không có niệm nào hết mới gọi là thoại đầu, tức là không biết, ông cứ dùng cái biết để tìm hiểu, muốn dùng tìm hiểu biết là nghịch tham thiền. Cứ hỏi và nhìn để giữ cái không biết là được rồi.

Hỏi: Sư Phụ nói lấy cái biết tự nhiên chụp được trái banh, con dùng cái biết để tu, như Sư Phụ chưa đến thì con vẫn thấy, Sư Phụ đến thì con vẫn thấy. Vậy như thế nào?

Đáp: Tôi nói dùng cái biết để tu là Như Lai thiền, bây giờ tôi dạy là dùng cái không biết để tu, chứ không phải là dùng cái biết. Cho nên, chỉ cần hỏi và nhìn để giữ cái không biết là đủ rồi.

Hỏi: Sư Phụ đến con vẫn biết, mà Sư Phụ không đến con cũng biết, ngoài ra những niệm gì nổi lên thì tự nó sẽ lặng mất, con chỉ giữ cái biết đó thôi. Vậy đúng với chánh pháp không?

Đáp: Cái đó là tà pháp chứ không phải chánh pháp. Chánh pháp là ngoài ra Tổ Sư thiền còn có tam thừa (đại thừa, trung thừa, tiểu thừa). Cô nói là ở ngoài tam thừa, không phải là pháp thiền của Phật dạy, tức là thuộc về ngoại đạo tà ma, mà họ lấy bản hiệu Phật giáo.

Các pháp thiền của Phật dạy:

-Đại thừa thiền có ba thứ thiền quán ở trong Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác, nhưng không dịch nghĩa chỉ có dịch âm, gọi là sa ma tha, tam ma bát đề và thiền na.

Kinh Lăng Nghiêm không có giải thích, Kinh Viên Giác thì có giải thích:

-Sa ma tha như gương soi các tướng.

-Tam ma bát đề còn gọi là tam ma đề như mạ dần dần tăng trưởng.

-Thiền na như âm thanh ẩn trong chuông trống. Như cái trống có tiếng ở trong đó, nhưng không thấy, khi nào đánh thì mới ra tiếng, đánh mạnh thì phát ra âm thanh lớn, đánh nhẹ thì âm thanh ra nhỏ. Nhưng nó không bị chuông trống hạn chế, nó vượt ra ngoài chuông trống là thiền Đại thừa.

Thiền Đại thừa ở Trung Quốc có bốn tông:

-Chỉ quán tông Thiên Thai là quán giả, quán không, quán trung. Sa ma tha giống như không quán của tông Thiên Thai, tam ma bát đề thì giống như giả quán của tông Thiên Thai, thiền na thì giống như trung quán của tông Thiên Thai. Nhưng chỉ là giống, không phải hoàn toàn không có khác. Đó là thiền Đại thừa của Phật dạy.

-Trung thừa là thừa Duyên Giác, quán Thập Nhị Nhân Duyên, từ vô minh đến lão tử, tức là trong đó có tam thế luân hồi.

-Tiểu thừa có 5 thứ thiền quán, gọi là Ngũ Đình Tâm Quán. Đình tâm là đình chỉ hoạt động của tâm, gồm có: Sở Tức Quán, Bất Tịnh Quán, Từ Bi Quán, Lục Thức Quán, Nhân Duyên Quán.

Bây giờ phân nhiều dùng Sở Tức Quán, có một số ít tu Bất Tịnh Quán, còn ba thứ quán kia thì theo tôi biết không có ai tu.

Còn cô biết thì không biết ai dạy! không thuộc về của Phật dạy. Thiền của Tịnh Độ có 16 thiền quán ở trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, cũng không có thiền quán nào giống như cô nói vậy.

Hỏi: Con theo dõi công phu của mình thì con thấy, như vật đến thì con nhìn thấy, sau khi thấy đó thì niệm nổi lên, con vẫn giữ cái thấy đó thì tự nhiên nó mất đi, con không có quan tâm nó mất hay nó nổi là tùy nó, vậy như thế nào?

Đáp: Đó là tự dối mình thôi! Cái đó như đi xem đá banh hay đi xem hát kịch, lúc đang xem kịch thì kịch hấp dẫn rồi quên cảnh xung quanh, đến chừng hát kịch xong thì vẫn trở lại bình thường. Có nhà triết học tây phương cũng có sáng lập cái đó, nhưng đối với Phật pháp coi là như ngoại đạo tà ma.

Hỏi: Trước kia con cũng dùng thiền quán, cảnh đến con cũng quán thì tâm cũng thanh tịnh. Vậy như thế nào?

Đáp: Tâm thanh tịnh giống như chú ý xem hát kịch thì cảnh xung quanh quên, đến chừng xong rồi thì trở lại như cũ.

Hỏi: Hằng ngày vì công việc làm ăn nên bị dãi dãi rất nhiều, nhưng lúc con đi xe thì có công phu, đôi lúc xảy ra tai nạn con bị té xe, con còn chưa biết là con bị té, đến chừng con đứng dậy thì mới biết bị thương. Con không biết con có chấp ngồi hay không?

Đáp: Đi xe đâu phải ngồi!

-Nhưng công phu có đúng không?

-Nếu giữ được cái không biết thì đúng, mà dùng cái biết thì không đúng.

- Như hằng ngày sao lúc dãi dãi có khi tham?

- Biết dãi dãi thì không đúng.

- Vì sao có lúc không thấy câu thoại đầu, khi vọng tưởng đến, có khi lại buông?

-Tại vì đang tập nên cái biết nhiều hơn cái không biết.

-Như ngày xưa đi xe gặp người ta lạng lách, bị quẹt xe thì con rất sợ. Từ khi tham thiền, con không còn sợ, như vậy có đúng công phu không?

-Trương Quốc Anh tham thiền không biết thật nên không có bị thương. Y được chị bảo lãnh qua Pháp, khi đến phi trường đi một khoảng đường bị lật xe, mọi người ở trên xe đều bị thương. Lúc nhân viên Hồng Thập Tự kéo y ra, y còn hỏi làm gì vậy?

Vì y hoàn toàn không biết, nên không bị thương. Không biết thì tâm không có tạo, tại ‘tất cả do tâm tạo’, biết thì tâm mới tạo.

Khi chở đi bệnh viện để khám rọi kiến, Trương Quốc Anh nói: Khởi khám, tôi không có bị thương.

Người ta nói: Tuy ở ngoài không có, nhưng ở trong thân làm sao biết? Phải rọi kiến rồi mới biết!

Rọi kiến rồi chứng tỏ hoàn toàn không có bị thương. Tại do không biết thật. Còn cô còn biết nên mới bị thương.

Tất cả ngồi chung trong xe đều có cộng nghiệp, người nào cũng phải bị thương, nhưng Trương Quốc Anh ở trong cộng nghiệp cũng là tai nạn xe hơi, mà có biệt nghiệp y không bị thương, khác hơn những người ngồi chung trong xe. Ở trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, trong biệt nghiệp có cộng nghiệp.

Vũ Trụ Quan Thế Kỳ 21 nói: “Chuyện đi đầu thai tức là thần thức đầu thai”. Tại sao muôn ngàn cha mẹ không đầu thai nơi đó, mà lại đầu thai ở cha mẹ này? Vì cùng với cha mẹ này có cộng nghiệp, cho nên nó có sức hút, sức hút đó gọi là từ lực.

Hỏi: Thế nào là vãng sanh Cực Lạc?

Đáp: Tu Tịnh Độ cũng có chỗ không cần vãng sanh. Tịnh độ có ba cách tu:

- Thật tướng niệm Phật khỏi cần vãng sanh, tức tâm tịnh là Phật độ tịnh, nên cách này khỏi cần vãng sanh gần giống như Thiền tông vậy.

- Quán tưởng niệm Phật có 16 thiên quán ghi ở trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ.

- Trì Danh Niệm Phật thì có cầu vãng sanh. Nhưng phải biết Tín, Nguyện, Hạnh tức là phải phát đại nguyện và thực hành phát đại nguyện của mình phát thì mới được vãng sanh. Như đời nghiệp vãng sanh mà nói lâm chung 10 niệm cũng được vãng sanh, nếu không đúng tông chỉ của Tịnh Độ thì 10 triệu niệm cũng không được vãng sanh. Tu đúng tông chỉ Tịnh Độ chỉ cần 1 niệm cũng được vãng sanh, chứ khỏi cần 10 niệm.

Nghĩa chữ “Phật” là giác ngộ, muốn giác ngộ thì phải từ chỗ nghi mới đến ngộ, nên tất cả muốn ngộ thì phải nghi, không những Phật pháp mà pháp thế gian cũng vậy. Như Newton thấy trái táo trên cây rơi xuống đất, ông phát nghi, nhưng ông dùng bộ não đi nghiên cứu tìm hiểu gọi là hồ nghi thì mới ngộ sức hấp dẫn lực vạn hữu.

Thiền tông phát nghi thì không cho tìm hiểu, mà lại phải chấm dứt tìm hiểu gọi là chánh nghi (không biết), dùng cái không biết mới chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết, nên ngộ được bản tâm. Ngộ được bản tâm thì biết không có sanh tử.

Tịnh Độ còn chấp có sanh tử và Tiểu thừa cũng chấp có sanh tử, vì có sanh tử thì có Niết Bàn.

Tâm như hư không vô sở hữu thì không có trói buộc gọi là giải thoát, chứ không phải trói buộc rồi mở trói được giải thoát.

Người trì danh niệm Phật cho có trói buộc, có sanh tử, có Phật để thành. Những người tin tự tâm và tin pháp môn rồi tham thiền. Còn không tin tự tâm, khi được vãng sanh nhờ Phật Di Đà dạy cách tham thiền, rồi cũng từ nghi đến ngộ. Việc này có ghi trong Kinh Tịnh Độ mà người ta không biết. Như thiền quán có ghi trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ mà người ta cũng không để ý tới, cứ cho Tịnh Độ không phải Thiền, nhưng sự thật Tịnh Độ là Thiền.

Tất cả các pháp môn của Phật dạy đều lấy Thiền làm chủ yếu, có thiền mới có tu. Tà ma ngoại đạo cũng đều lấy thiền làm chủ yếu để tu, tà ma ngoại đạo không phá ngã chấp nên không được giải thoát. Còn chánh pháp phá ngã chấp thì mới giải thoát. Tịnh Độ không phá ngã chấp triệt để, khi được vãng sanh Cực Lạc nhờ Phật Di Đà dạy phá ngã chấp triệt để rồi mới thành Phật, tức là dạy từ nghi đến ngộ.

Hỏi: Con tham thoại đầu khi đến ngày sám hối thì con có tụng kinh sám hối không?

Đáp: Sám hối theo giới luật nhà Phật thì phải đối với người sám hối, chứ không phải ở trước bàn thờ Phật mà sám hối. Như người đã thọ ngũ giới muốn sám hối thì ở trước mặt người đã thọ ngũ giới mà sám hối. Còn người đã thọ giới Bồ Tát muốn sám hối thì phải ở trước người đã thọ giới Bồ Tát mà sám hối. Sa Di cũng phải ở trước Sa Di mà sám hối, Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni cũng như vậy. Cấp dưới thì sám hối cấp trên. Nếu ở trước bàn thờ Phật sám hối thì không có ai chứng minh, sau này cũng có thể phạm lại, vì không ai biết. Còn trước mặt người sám hối có người đó chứng minh thì người ấy sợ biết nên không phạm nữa.

Sám hối triệt để có bài kệ:

Tội từ tâm khởi đem tâm sám,
Tâm nếu diệt rồi, tội cũng tiêu.
Tội tiêu tâm diệt cả đều không,
Ấy mới gọi là chân sám hối.

Vì tất cả đều do tâm tạo, nên phải từ tâm mà sám hối. Nói đến tâm là vọng tâm cũng là bộ não. Tâm làm thì tâm sám hối, nếu tâm đã diệt rồi, tự nhiên tội cũng tiêu. Tại có tâm nên mới có tội, nếu không có tâm thì tội dựa ở chỗ nào? Cho nên, tâm diệt thì tội cũng tiêu. Tâm đã diệt và tội tiêu, cả hai đều không có, ấy mới là chân sám hối.

Tụng kinh là dạy mình tu, tụng kinh không phải tụng cho Phật nghe, tức là nghe Phật thuyết pháp, theo lời Phật dạy mà tu. Vì vậy, giáo môn lúc đang tụng là đang tu, tức là tụng đến câu nào thì quán tưởng đến câu văn đó, gọi là tùy duyên quán tưởng. Như ở chùa có 30 Tăng thì phải 30 Tăng tụng kinh, mỗi ngày có 3 thời kinh. Tông Thiên Thai của Ngài Đệ Nhàn có mỗi thời kinh là phải 2 giờ. Tất cả chúng Tăng tự lại tụng và quán tưởng. Nếu tụng không đủ 2 giờ thì Ngài quở làm biếng.

Bây giờ, các chùa có khi tụng khoảng 40 phút hay chúng đông mà chỉ vài vị tụng cho Phật nghe là đủ rồi, chứ không phải tu.

Hỏi: *Quyển Cội Nguồn Truyền Thừa của Ngài Nguyệt Khê nói “nhìn chỗ sơn cùng thủy tận” có giống chỗ Sư Phụ dạy hồi và nhìn không?*

Đáp:

Sơn cùng thì không có, thủy tận cũng là không có; không có thì không biết, như vậy đâu có khác! Lời nói khác nhưng ý không khác. Như nói “Tâm như hư không vô sở hữu”, vô sở hữu thì không có trói buộc gọi là giải thoát, vô sở hữu thì trống rỗng nên không có khứ lai gọi là Như Lai, trống rỗng khắp không gian thì tự nhiên khắp thời gian không có gián đoạn gọi là Niết Bàn. Mặc dù, danh từ khác nhau nhưng ý thì không khác, cũng là trống rỗng (vô sở hữu).

Sơn cùng thủy tận là không có tức là trống rỗng, trống rỗng không có cái gì thì lấy gì để biết? Nên không biết.

Hỏi: Trong Thiền Thất Khai Thị Lục nói: “Khi mỗi lần khai thị thì Ngài Lai Quã cứ nói ‘hãy tham đi!’ Sao không thấy Ngài dạy như thế nào?”

Đáp: Tham là hỏi, cứ hỏi tiếp hoài. Nói tham là bao gồm hỏi và nhìn, nên gọi là chiếu cố thoại đầu, chiếu cố là nhìn, thoại đầu là chỗ chưa nổi niệm tức không biết. Nói đi nói lại cũng bao nhiêu đó, đừng đuổi theo danh từ, bất cứ nói danh từ gì thì không khác. Bồ Đề, Niết Bàn, giải thoát, Như Lai,... danh từ muôn ngàn sai biệt, nhưng ý không khác. Chỉ là trống rỗng như hư không.

Hỏi: Nghi thoại đầu là như thế nào?

Đáp: Thoại đầu là không có ý niệm nào, nên không biết mới là nghi. Nếu đã biết một cái gì thì không còn nghi. Không có nghi thì không có tham thiền. Cho nên hỏi và nhìn giữ cái không biết là đủ rồi.

Hỏi: Làm phước kiếp này hưởng hay kiếp sau hưởng?

Đáp: Có nhân thì có quả, nhân mạnh thì quả mau đến, nhân yếu thì quả chậm đến. Nhân mạnh có thể quả kiếp này đến, còn nhân yếu có thể kiếp này, 10 kiếp sau, trăm, ngàn kiếp sau đến không chừng!

Tham thiền không cầu quả báo, mà lại muốn ra ngoài quả báo, tại vì quả báo là nhân quả ở trong chiêm bao. Ngộ là nhảy ra ngoài chiêm bao. Như ở trong nhắm mắt chiêm bao thấy mình phát tài rất mừng, khi thức dậy không có. Ở trong chiêm bao phạm tội bị chính phủ chiêm bao bắt, tuyên bố tử hình thì rất sợ, khi thức dậy không thấy có tử hình.

Cho nên, Phật muốn mình ngộ, nghĩa chữ “Phật” là giác ngộ, tất cả chúng sanh nào mà giác ngộ là xong.

Hỏi: Tại sao phải “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”?

Đáp:

Nếu có sở đắc, có sở cầu, có sở sợ thì có ta; có ta là không phá ngã chấp, dẫn cho tu thành cũng thành tà ma ngoại đạo. Nên chánh pháp phải phá ngã chấp, thực hành không có cái ta. Không có cái ta lấy gì cầu? Không có ta để ai đắc? Không có ta thì ai sợ? Vì vậy, không có ta nên không có đắc, không có cầu, không có sợ.

Hỏi: Chữ “không biết” của Sư Phụ dạy là ý của Phật, ý của Tổ cũng là nghĩa lý của các kinh, có phải không?

Đáp: -Không có nghĩa lý.

-Vậy nghĩa lý của Kinh chẳng?

-Phải rồi.

-Cái “không biết” của Sư Phụ dạy là bát nhã vô tri chẳng?

-Vô tri là nhất thiết tri. Nếu cái tri (biết) của bộ não gọi là vọng tri.. Còn biết của chân tâm không gọi là biết, cũng không có thể gọi là không biết. Vì biết và không biết là tương đối của bộ não. Biết của chân tâm thì biết của bộ não không biết được! Cho nên gọi là bát nhã vô tri, chứ không phải là không có cái biết. Biết chân tâm là automatic, bây giờ đang biết.

Như không có ánh sáng mặt trời là không phải không có mặt trời! Vì bị che khuất bởi mây đen hay quả đất. Cái biết chân tâm cũng vậy, nó không có ngưng biết, vì nó bị che khuất. Vậy nó bị cái gì che khuất? Là bị cái biết của bộ não che khuất. Nên Phật dạy mình ngưng cái biết của bộ não thì cái biết chân tâm hiện ra. Nhưng lúc cái biết chân tâm hiện ra thì bộ não hoàn toàn không biết, nên gọi là vô tri. Tức là không có cái tri của bộ não thì mới hiện cái tri bát nhã.

Hỏi: Quán Thế Âm Bồ Tát có thể hóa trai hay gái được không?

Đáp: Quán Thế Âm Bồ Tát không phải trai, không phải gái, mà Ngài muốn hóa thứ gì cũng được, vì không phải cái gì! Không những Quán Thế Âm Bồ Tát hóa được, mà ông cũng hóa được, người nào cũng hóa được, tại bây giờ chưa hiện ra cái sức đó.

Hỏi: Người tham thiền khi lâm chung lại sợ thì lúc đó phải làm sao?

Đáp: Nếu hành giả tham thiền giữ được cái không biết, đã không biết làm sao có sợ hãi, biết sợ hãi là biết rồi, tức là không có tham thiền.

Hỏi: Tâm vốn bất sanh, bất diệt, bất khứ. Tại sao người ta chết chỉ thay đổi cái khác, mà người ta lại quên tiền kiếp của mình?

Đáp: Vì họ vẫn còn ở trong chiêm bao. Nếu họ nhảy ra ngoài chiêm bao, làm sao có tiền kiếp và có sanh tử? Sanh tử tiền kiếp, hậu kiếp là ở trong chiêm bao mới có. Khi ngộ rồi tức là nhảy ra ngoài chiêm bao thì mấy cái đó hoàn toàn kết thúc.

Hỏi: Lúc ngồi thiền nhắm mắt thì vọng tưởng nổi lên, mở mắt không có vọng tưởng; lúc đi kinh hành nhắm mắt không có vọng tưởng, mở mắt có vọng tưởng. Như vậy làm sao trị?

Đáp: Khởi cần trị, cứ hỏi và nhìn giữ cái không biết, không biết làm sao có vọng tưởng? Không biết thì không biết có vọng tưởng. Biết không có vọng tưởng cũng là biết, biết có vọng tưởng cũng là biết. Nếu hỏi và nhìn thì mấy cái kia được giải quyết.

Hỏi: Xin Sư Phụ giảng người có thân trung ấm đầu thai heo?

Đáp: Người này ở Đài Loan tên là Ung bá Huy, khi ấy ông được 43 tuổi quy y Pháp sư Nam Đình ở Đài Loan. Pháp sư Nam Đình thuyết pháp muốn cho người ta tin nhân quả, mới giảng có một đệ tử vừa quy y biết được 3 kiếp. Kiếp đầu tiên dạy học ở thôn quê, rồi sau khi chết nhưng không biết mình chết, cứ đi lang thang ở ngoài đường không biết đói bụng.

Ngày đó đang đi gặp gió bắc cảm thấy lạnh, đi ngang một nhà lớn cửa đang mở, mới vô trong nhà tránh gió. Trong nhà trống rỗng không có ai, trên vách tường có treo mười mấy chiếc áo lớn, người ấy lạnh quá nên ăn cắp một chiếc áo mặc vô thấy ấm rồi ngủ. Khi thức dậy, thấy mình nằm chung những con heo nhỏ với con heo mẹ, mới biết mình cũng là con heo nhỏ mới sanh ra thì biết mình đã đầu thai.

Người ấy biết người ta nuôi heo lớn lên sẽ làm thịt, thấy khổ lắm, rồi không ăn không uống để tự tử; chủ nhà tưởng nó bệnh, nên đem sữa trộn với thuốc cho uống, nhưng không chịu uống, qua 7 ngày nó chết. Chết rồi khôi phục thân trung ấm, cũng đi lang thang ngoài đường gặp gió bắc, đi ngang nhà cũ, cũng vô trong nhà thấy áo treo, muốn lấy một cái để mặc, tay vừa đụng thì rút trở lại; người ấy tự nghĩ kỳ trước lấy, đã thành con heo rồi, bây giờ chẳng thà chết, chứ không ăn cắp nữa!

Vì ăn cắp là điều ác, không ăn cắp là điều thiện. Khi lạnh quá mới chết giấc, lúc thức tỉnh nghe người ta nói sanh con trai; người ấy thấy mình là đứa bé nằm chung với một bà mẹ, biết mình đã đầu thai thành con trai, nhưng có cái tay heo. Được mẹ chăm sóc nuôi nấng, lấy vải may túi che tay heo.

Pháp sư thuyết pháp kể, một đệ tử đầu thai có tay heo, các vị ra vô chùa cũng có thể gặp. Một bữa Ung Bá Huy ăn cơm chung một bàn, người ta bới cơm giùm, ông không chịu; hai người lấy qua lấy lại, làm chiếc túi sút ra, rồi ông vội kéo chiếc túi lên lại che tay và dặn người kia rằng “đừng nói cho người ta biết”, các người khác cũng không để ý.

Khi chỉ có Ung Bá Huy với ông kia, ông kia hỏi “có phải Pháp sư Nam Đình nói người đầu thai có tay heo là ông phải không”? Ban đầu Ung Bá Huy không chịu nói.

Ông kia nói: Nếu ông không nói thì tôi cũng đã thấy rồi! Nói cho tôi biết, tôi không nói cho người khác biết!

Rồi Ung Bá Huy kể lại mà chuyện tôi vừa mới kể. Sau này ông được 62 tuổi, trị bệnh ở nhà thương Diêm Vương và chết ở nơi đó. Chuyện này ghi trong tuần báo của Đài Loan.

Hỏi: Con độc long phá làng xóm, 8 vị sư ngồi thiền định đuổi con độc long, nhưng nó không đi. Một vị sư giữ giới luật đến nói một tiếng thì nó đi. Vậy chỗ giữ giới và thiền định cái nào mạnh hơn?

Đáp: Chuyện này ở trong Hư Vân Niên Phổ, không phải 8 vị mà 500 vị A La Hán đuổi nó không được. Nhưng một người trì giới trong sạch, nói: “Mời ông rời khỏi chỗ này”. Vì đuổi là đối địch rồi, nên 500 vị A La Hán làm không được. Tức là không có tương đối thì sức nó mạnh, bây giờ tâm của ai cũng có sức mạnh đó.

Ông ấy trì giới là giữ vai trò của mình. Theo lục học của Phật Thích Ca thì mỗi mỗi đều giữ đúng vai trò của mình. Người thế gian, như cha phải giữ đúng vai trò của cha, mẹ phải giữ đúng vai trò của mẹ, con cái phải giữ đúng vai trò của con cái, chồng phải giữ đúng vai trò của chồng, vợ phải giữ đúng vai trò của vợ, mỗi mỗi chức nghiệp đều giữ đúng vai trò chức nghiệp của mình.

Người xuất gia, Sa Di phải giữ đúng vai trò Sa Di, Tỳ Kheo phải giữ đúng vai trò Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phải giữ đúng vai trò của Tỳ Kheo Ni. Nhưng tôi gặp nhiều tu sĩ không giữ đúng vai trò của tu sĩ, vì tôi hỏi người Sa Di, 10 giới của Sa Di là gì? Mà Sa Di đó không biết, có biết cũng không đầy đủ. Nếu Sa Di mà không biết giới luật của Sa Di làm sao giữ đúng vai trò được? Còn Tỳ Kheo lại tề nữ, không biết giới luật của Tỳ Kheo thì làm sao giữ đúng vai trò của Tỳ Kheo được?

Bây giờ, tôi có quờ thì cũng không thể quờ hết! Phần nhiều đều là như vậy. Đi thọ giới rồi chỉ biết mình có địa vị cao, mà không biết để giữ đúng vai trò! Như Kinh Lăng Nghiêm nói có 4 thứ tội địa ngục:

-Phi báng Đại thừa.

-Phá hoại luật nghi.

-Hư tiêu Tín thí (không đúng vai trò của mình mà thọ nhận của mười phương Tín thí).

-Lạm nhận cung kính (người ta cung kính lễ bái đâu phải vì mình mặc đồ tu và cạo đầu! Mình phải có bổn phận giữ đúng vai trò và cũng tự hỏi mình có tư cách gì? Để nhận sự lễ bái cung kính của người tại gia).

Có một bài kệ:

Hạt gạo của Thí chủ,
Lớn bằng núi Tu di.
Nếu không tu giải thoát,
Mang lông đội sừng trả.

Vai trò còn giữ không đúng, làm sao tu giải thoát được? Thì tự nhiên phải đầu thai trâu ngựa hay mang lông để trả nợ cho Thí chủ. Muốn trả nợ đâu phải là trả nợ liền! Chết rồi đọa xuống địa ngục, khi khỏi địa ngục thì phải làm trâu ngựa trả nợ, nên hạt gạo của Thí chủ đâu phải dễ ăn! Nhưng các vị ấy không để ý, cứ tưởng mình cạo đầu mặc đồ tu là được!

Hỏi: Đường lối thực hành tham Tổ Sư thiên là gì?

Đáp: Nói sơ về cách thực hành tham thoại đầu và khán thoại đầu: Thoại là lời nói, đầu là đầu tiên lời nói nghĩa là chưa khởi ý niệm muốn nói mới được gọi là thoại đầu, hễ khởi niệm muốn nói là thoại vi rồi. Tham là hỏi câu thoại đầu để kích thích niệm không hiểu không biết, khán là nhìn chỗ không biết, muốn xem chỗ không biết đó là cái gì? Chỗ không biết thì không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn, nên nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết, chính cái không biết đó Thiên tông gọi là nghi tình.

Hành giả tham thiên cứ đồng thời hỏi và nhìn đi song song để giữ cái nghi tình, nghi tình này sẽ đưa hành giả đến thoại đầu, thoại đầu tức là vô thủy vô minh cũng gọi là đầu sào trăm thước, cũng là nguồn gốc của ý thức. Từ đầu sào trăm thước tiến thêm một bước liền lia ý thức, cái sát na lia ý thức đó gọi là kiến tánh thành Phật, tức là trí bát nhã được hiện hành khắp không gian thời gian, sự hiểu biết chẳng thiếu sót, giáo môn gọi là chánh biến tri.

-Bây giờ tôi lấy cây viết này để ví dụ, ở trên là thoại đầu, ở dưới là thoại vi. Bắt đầu tham thiên là từ thoại vi đi đến thoại đầu tức là rời thoại vi chưa đến thoại đầu, đang đi ở giữa đường, đường này gọi là đường đi ý thức tức là thức thứ 6.

Thức thứ 6 gồm có hai mặt: Mặt biết là tu Như Lai thiên, còn mặt không biết là tu Tổ Sư thiên. Tham thiên là hỏi và nhìn như nói ở trên là tu Tổ Sư thiên. Tổ Sư thiên chỉ cần nghi tình, nghi tình tức là không biết, nếu biết thì không phải nghi tình là không có tham thiên.

Tham thiên do Phật Thích Ca thân truyền tức là dùng cái không biết của bộ óc để chấm dứt cái biết của bộ óc. Cái biết của bộ óc chia làm 3 bộ phận: Tìm hiểu biết, suy nghĩ biết và ghi nhớ biết.

Đầu tiên dùng cái không biết của bộ óc để chấm dứt tìm hiểu biết, rồi đến chấm dứt suy nghĩ biết, rồi đến chấm dứt ghi nhớ biết. Thói quen con người hay ham tìm hiểu, không những không chịu chấm dứt, lại dùng hiểu biết của bộ óc để tìm hiểu nghi tình, cứ sợ không có nghi tình, muốn biết có nghi tình. Muốn biết có nghi tình tức là biết rồi, biết thì không phải tham thiên.

Nếu giữ được nghi tình (không biết) thì không biết có nghi tình, nghi tình nhỏ hay nghi tình lớn đều không biết. Vì biết thì không phải nghi tình. Nếu có nghi tình mà để cho bộ óc biết được thì đã biết chứ không phải chấm dứt cái biết. Mục đích là nhờ cái không biết của bộ óc để chấm dứt cái biết của bộ óc.

Sau cùng đến đầu sào trăm thước tức là 3 cái biết đã chấm dứt. Thoại đầu gọi là vô thủy vô minh, nguồn gốc ý thức và Thiên tông cũng gọi là đầu sào trăm thước. Chỗ thoại đầu thì chưa kiến tánh, vì còn cái không biết của bộ óc. Từ chỗ thoại đầu tiến thêm một bước nữa, ngay đó liền lia ý thức, biết và không biết của bộ óc đều sạch thì cái biết của Phật tánh hiện lên gọi là chánh biến tri khắp không gian khắp thời gian.

Khắp không gian thì không có chỗ để chỉ, khắp thời gian thì không có lúc để chỉ. Cái biết của bộ óc không có khắp thời gian nên ngủ mê không biết, chết giấc không biết, chết thật không biết. Còn cái biết Phật tánh khắp không gian khắp thời gian, khắp thời gian thì ngủ mê vẫn biết, chết giấc cũng biết, chết rồi cũng biết.

Nếu chết thật không biết tức là lúc chết thì cái biết bị gián đoạn, không phải cái biết của Phật tánh là luôn luôn khắp không gian khắp thời gian không bao giờ gián đoạn. Nhưng bây giờ nói cho bộ óc biết được nên mới nói là biết. Vì nói biết thì phải có

không biết để đối đãi. Thực tế không thể nói là biết và không biết, vì cái biết Phật tánh không có đối đãi, không có tương đối, nên không thể kiến lập biết và không biết.

Hành giả tham thiền cứ hỏi và nhìn, như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” là kích thích cái niệm không biết, rồi nhìn chỗ không biết, xem chỗ không biết đó là gì, nhưng chỗ không biết thì không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn, nên nhìn không thấy gì vẫn còn không biết.

Lúc hỏi cũng là lúc nhìn, hỏi và nhìn là hai cái song song, chứ không phải hỏi rồi mới nhìn, tức là vừa hỏi vừa nhìn, hỏi là khởi lên niệm không biết và nhìn chỗ không biết, không biết thì không có chỗ tức là không có mục tiêu, nên hỏi và nhìn là giữ niệm không biết và kéo dài niệm không biết. Bất cứ câu thoại đầu nào cũng là vậy, chứ không phải những người muốn tìm hiểu đáp án câu thoại đầu là sai lầm lớn. Vậy tham thiền chỉ cần giữ không biết là đủ rồi.

Những câu thoại đầu như: Khi chưa có trời đất ta là gì? Muôn pháp về một, một về chỗ nào? Khi cha mẹ chưa sanh, mặt mũi bôn lai của ta ra sao?... Tức là muôn ngàn câu thoại mục đích là “không biết”, chứ không phải câu thoại đầu này khác với câu thoại đầu kia! Câu thoại đầu nào cũng giống nhau là kích thích “không biết” mà thôi.

Hỏi: Khi con tham thoại đầu không nghĩ gì hết, như thế có phải nghi tình không?

Đáp: Biết không có nghĩ là nghĩ rồi.

-Khi con tham thoại đầu, con mắt con nhìn ra cảnh vật bên ngoài vẫn thấy, vậy như thế nào?

-Nhu vậy sao gọi là tham thiền? Không biết là không thấy làm sao thấy được? Thấy tức là biết rồi.

-Nếu không thấy làm sao đi đứng tới lui?

-Không đi đứng tới lui được thì không đi đứng tới lui. Bây giờ tôi hỏi ông: Ông biết đói bụng không?

-Dạ, biết.

-Ông thấy cái bụng không?

-Dạ, không.

-Không biết sao thấy đói bụng?

-Tự nhiên đói là con biết.

-Phải rồi! Khi cần thấy cũng đi được mà! Phải không?

-Dạ.

-Vi ông không có thấy bụng mà biết đói bụng.

-Dạ.

-Hiểu chưa?

-Dạ.

-Được rồi.

-Cảm ơn Hòa thượng.

Hỏi: Khi đề lên câu thoại đầu, con nhìn chỗ không biết gì hết, nhưng vẫn biết cái không biết, nên con thấy biết rõ ràng; rồi đề tiếp câu thoại đầu thì không biết, con

có một ý tưởng làm sao thấy được tự tánh là gì? Từ chỗ không biết, con chăm hãm làm sao thấy được chỗ tự tánh? Mà trước sau đều không thấy, thành ra thấy rất mệt mỏi và có lúc rất đau đầu, con không biết mình rơi vào chỗ nào?

Đáp: Như thế là sai lầm lớn, vì dùng cái biết tìm hiểu cái không biết. Bây giờ biết cái không biết cũng là biết. Nếu không biết làm sao biết mình biết cái không biết! Còn thật không biết làm sao biết cái biết và biết cái không biết!

Không những không chịu chấm dứt, mà lại dùng cái biết đó tìm hiểu thêm tức là tìm hiểu cái nghi tình để biết cái nghi tình. Bây giờ cứ hỏi và nhìn để chấm dứt tất cả tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ giống như người khờ ngốc không biết gì mới đúng. Còn nói biết rõ ràng có nghi tình là không đúng.

Hỏi: Ngay đó nhìn thẳng vào coi tự tánh là cái gì? Không có qua câu thoại đầu, nhưng thật sự con cũng không biết là cái gì? Kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Thoại đầu là không có ý niệm. Đã có ý niệm không biết thì khởi ý niệm rồi. Bây giờ chưa đến thoại đầu, phải chấm dứt 3 thứ biết (tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ) mới đến thoại đầu. Không chịu chấm dứt cái biết, mà lại tìm hiểu nghi tình làm sao đến thoại đầu! Nói tham thoại đầu, khán thoại đầu, kỳ thật còn cách rất xa thoại đầu.

Vì mục đích muốn đến thoại đầu nên mới nói là tham thoại đầu, khán thoại đầu. Hỏi câu thoại chứ không phải hỏi thoại đầu. Ba thứ biết được chấm dứt thì giống như người khờ ngốc không biết gì hết, làm sao biết được cái không biết!

Hỏi: Nếu như vậy, chỗ này con thấy không có câu thoại đầu thứ hai, vì khi mình để câu thoại vĩ?

Đáp: Làm sao có thoại đầu ra được? Thoại đầu ra là có ý niệm rồi. Vì ông cứ muốn dùng cái biết, muốn có câu thoại đầu ra thì làm sao gọi là thoại đầu? Bây giờ hỏi là hỏi câu thoại chứ không phải hỏi thoại đầu! Thoại đầu chưa đến. Khi đến thoại đầu thì ngày đêm không biết gì cả. Tức là không có một ý niệm nào nổi lên.

-Như vậy, lúc đó câu thoại vĩ cũng không phải không?

-Làm sao có thoại vĩ! Lúc bắt đầu tham là đã rời thoại vĩ rồi, như vừa rời tôi đã dùng câu viết thí dụ. Bắt đầu tham là rời khỏi thoại vĩ tức là đang đi ở giữa đường của thoại vĩ và thoại đầu. Vì ông đuổi theo danh từ nên mới nói như vậy.

Hỏi: Người tu không cầu phước báo, ngày nào đó mình chưa thực sự ngộ đạo, chưa ra khỏi chiêm bao thì ra sao?

Đáp: Bây giờ cái thật sự là cái gì? Cái thật sự của ông là cái biết của bộ não, nếu tất cả biết bộ não của ông dẹp hết thì không có thật sự hay không có không thật sự gì hết! Vì ông cứ dùng cái biết của bộ não để cho là cái này cho là cái kia, cho là thật sự cho là phải biết, cho là phải có mục đích, phải đi đến chỗ mục đích, phải đi đến chỗ kiến tánh.

Tôi dạy dẹp hết những cái biết đó, muốn dẹp thì phải giữ cái không biết. Ông cứ hỏi và nhìn cứ giữ không biết đó thì sẽ automatic dẹp những thứ biết đó. Ông không những tự dẹp mà lại kéo dài thêm, còn muốn dùng cái biết mà tìm hiểu cái này cái kia, muốn cho có cái thật sự mới được. Vậy là sai lầm lớn.

Hỏi: Con đề khởi câu thoại đầu lên là cần thắc mắc để có nghi tình hay là cần tập trung tư tưởng?

Đáp: Đừng có tập trung tư tưởng, đừng có cố gắng, chỉ cần hỏi và nhìn giữ cái không biết. Không biết thì không biết tập trung, không biết cố gắng, cũng như người khờ ngốc không biết gì hết là được.

Đơn giản chừng nào tốt chừng nấy, ít phí sức chừng nào tốt chừng nấy. Đó là lời của chư Tổ dạy. Nếu tập trung tư tưởng là sai lầm, chỉ có hỏi và thắc mắc, nhìn chỗ không biết. Hỏi với nhìn, hai cái đi song song.

Hỏi: *Bản thân con ăn chay, nhưng mấy đứa con không chịu ăn chay, thành ra mỗi ngày phải đi chợ nấu đồ mặn cho chúng ăn. Như vậy con có bị nhân quả gì không?*

Đáp: Ở trong gia đình cô có quyền không? Nếu con có quyền hơn thì được, nếu mà cô có quyền hơn con thì cô phải chịu trách nhiệm nhân quả đó. Tức là ăn cục thịt phải trả cục thịt, giết một mạng phải trả một mạng. Đó là nhân quả. Vì cô thương con nên chịu con thì phải chịu trách nhiệm.

-Con có khuyến khích ăn chay, nhưng nó nói mẹ ăn chay, chứ đừng bảo con ăn chay?

- Vì nó không nghe rồi cô phải giết hại chúng sanh để cho con ăn thì cô phải trả nợ lại cho chúng sanh.

Hỏi: *Nếu dùng cái không biết để tu thì cái gì cũng không biết nên không làm được cái gì, vậy làm sao sống?*

Đáp: Mình chỉ giữ đúng vai trò của mình, đói bụng thì ăn, lạnh mặc thêm áo, nực cười bớt ra. Tham thiền giữ đúng vai trò tham thiền tức là cứ hỏi và nhìn. Nếu lúc làm việc, hỏi và nhìn không được thì phải ngưng. Lúc không có làm việc mới tập hỏi và nhìn, tập đến khi quen trong lúc làm việc nó tự động hỏi và nhìn được.

Hỏi: *Con đã tham câu “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” con thấy câu “chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật là cái gì?” có nghi tình hơn câu trên, vậy nên đổi câu thoại đầu để tham không?*

Đáp: Tôi hỏi ông: Khi chưa có trời đất ông là cái gì? Biết không?

-Không biết.

-Không biết là đúng rồi, như vậy cần gì đổi nữa! Không biết thì giữ cái không biết và nhìn cái không biết đó thì cái kia cũng nhìn cái không biết vậy!

-Con thấy câu trên dễ nhìn hơn?

-Nếu có dễ nhìn và khó nhìn thì khác rồi! Cái không biết làm sao có khác được? Biết mới có khác.

Hỏi: *Khi con tham câu “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” lúc con ngủ có chiêm bao thì hiện cảnh giới, khi tham câu “chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, là cái gì?” Lúc ngủ không còn chiêm bao. Vậy như thế nào?*

Đáp: Đó là còn để ý cái biết, còn ham cái biết. Bây giờ cứ giữ không biết là được rồi.

Hỏi: *Thế nào sám hối thập tự mười phương Tăng?*

Đáp: Hỏi câu thoại đầu và giữ niệm không hiểu không biết là chân sám hối. Vì thoại đầu là tâm niệm không nổi lên thì vọng tâm được ngưng hoạt động. Cho nên, có câu kệ:

Tội từ tâm khởi lấy tâm sám,
Tâm nếu diệt rồi, tội liền tiêu.
Tội tiêu tâm diệt, thấy đều không,
Ấy mới thật là chân sám hối.

Hỏi: Tại sao phải tu? Sanh tử là gì?

Đáp: Bây giờ hỏi và nhìn, đến thoại đầu rồi kiến tánh thì tất cả các câu hỏi đều giải quyết hết. Tức là biết sanh tử là gì, tất cả đều biết, cái biết đó không có thiếu sót. Còn bây giờ cứ dùng bộ óc đi tìm hiểu là sai lầm, tham thiền thì muốn ngưng cái biết của bộ óc. Tất cả phiền não đều do suy nghĩ sanh ra. Nếu giữ được cái không biết thì phiền não cũng ngưng.

Như cô Phương, ngày đêm nhưc đầu không ăn, ngủ được từ năm này sang năm khác làm cơ thể ốm yếu. Khi biết tham thiền là hỏi và nhìn, giữ cái không biết thì nhưc đầu tự hết. Ngưng tham thiền thì nhưc đầu trở lại, vì có biết. Cho nên, cô ấy tham thiền liên tục, sau này ăn được ngủ được mới mập ra và nhưc đầu hết hẳn luôn.

Tất cả phiền não cũng vậy, tại biết mới có. Nếu không biết làm sao biết có phiền não, có khổ? Tu là cắt đứt khổ, không những cắt đứt khổ hiện tiền mà vĩnh viễn khổ về sau cũng không còn nữa.

Hỏi: Ngồi tham thiền, con cảm thấy nghẹt thở mà tham một hồi thì con không biết gì nữa. Như vậy có đúng công phu không?

Đáp: Tham thiền có không hiểu không biết là được rồi, nếu còn biết thì không được.

Hỏi: Kính xin Sư Phụ kể lại chuyện của Huỳnh Đình Kiên?

Đáp: Đời nhà Đường nước Trung Quốc, có Huỳnh Đình Kiên 26 tuổi thi đậu tiến sĩ làm quan. Ngày sanh nhật của ông tổ chức tại Dinh Huyện. Lúc ngủ trưa, ông thấy chiêm bao, một mình đi ra cửa sau theo con đường thôn quê, mà không có vệ binh đi theo, gặp một ngôi nhà có một bà già mời vô ăn cơm, ăn xong rồi trở về thì thức dậy nghĩ lại giống như thật vậy. Như mùi đồ ăn trên miệng còn lại giống như mới ăn xong.

Ở trong lòng nghi chuyện vừa rồi có phải như vậy không? Nên một mình không cho ai biết, không có vệ binh đi theo, đi theo con đường mà thấy trong chiêm bao. Thật cũng có con đường đó và cũng gặp bà già đó, mới hỏi bà già: Hôm nay nhà bà có làm gì không?

-Bà già nói: Có.

-Huỳnh Đình Kiên hỏi: Làm việc gì vậy?

-Bà già nói: Đám giỗ con gái, con gái tôi đã chết được 26 năm. Lúc con gái tôi còn sống không có lấy chồng, tu ở nhà; trước khi lâm chung, nó có cái rương tự nó khóa lại, ở trong đó để thứ gì cũng không biết rồi nói với tôi, kiếp sau sẽ lại mở cái rương này.

Huỳnh Đình Kiên nghe đến chỗ này thì nhớ lại kiếp trước của mình là con gái của bà già này.

Huỳnh Đình Kiên hỏi bà già: Chia khóa bà có biết để đâu không?

Bà già nói: Không biết.

Huỳnh Đình Kiên nói: Tôi biết, rồi tự ông đi lấy chìa khóa mở cái rương ra thì ở trong đó đều là văn chương, văn bằng tú tài, văn bằng cử nhân, văn bằng tiến sĩ giống như

văn bằng của ông. Bà già chỉ có một mình nên Huỳnh Đình Kiên đem bà già về nhà của ông nuôi.

Huỳnh Đình Kiên làm chức Thượng thư bằng chức Bộ trưởng bây giờ. Ở trong từ điển Từ Nguyên có ghi.

Người có tu mới có cảm ứng như vậy, còn người không có tu thì đâu biết. Nhưng ông Huỳnh Đình Kiên cũng có nhân duyên gặp Thiền sư Huỳnh Long được kiến tánh.

Hỏi: Có phải Ngài Ma Ha Ca Diếp chưa viên tịch còn nhập định ở núi Kê Túc chờ Phật Di Lặc ra đời không?

Đáp: Kiến tánh rồi biết vốn không có sanh tử, không có sanh tử làm sao có viên tịch hay không viên tịch! Vì chấp có sanh tử nên thấy có viên tịch. Tâm như hư không vô sở hữu (trống rỗng), trống rỗng thì không có trói buộc nên gọi là giải thoát, chứ không phải bị buộc rồi mở trói, mới gọi là giải thoát. Vốn không bị trói buộc là không có sanh tử, ngộ được không có sanh tử tức là liễu thoát sanh tử.

Hỏi: Những tội ác mà đời trước đã làm như: Giết người, cướp của, lường gạt, hãm hại người cô thế thì người Phật tử phải làm sao cho hết các tội trên, để việc tu hành khỏi bị chướng ngại, chúng con có thể sám hối hồng danh trước bàn Phật không?

Đáp: Sám hối không có thể diệt tội được! Theo giới luật nhà Phật, sám hối chỉ diệt được tội phá giới, chứ không có diệt được tội nhân quả. Muốn hết tội nhân quả thì phải diệt cái tâm, tâm diệt thì tội liền tiêu.

Có bài kệ:

Tội từ tâm khởi đem tâm sám,
Tâm nếu diệt rồi tội cũng tiêu.
Tội tiêu tâm diệt, thấy đều không,
Ấy mới thật là chơn sám hối.

Muốn diệt cái tâm nên phải tu, như tham thiền đến kiến tánh thì bất cứ tội nặng bao nhiêu đều tiêu hết. Tại sao? Vì tất cả tội đều ở trong việc chiêm bao; lúc kiến tánh như ở trong chiêm bao thức tỉnh tức là đã lìa khỏi chiêm bao, thì tất cả việc làm ở trong chiêm bao đều không còn nữa. Như nhắm mắt chiêm bao, thấy phát tài rất mừng, khi thức tỉnh tìm đồng xu không có. Tạo tội cũng vậy, thức tỉnh liền hết. Muốn ở trong chiêm bao thức tỉnh thì phải tu kiến tánh thành Phật.

Hai thứ chiêm bao do duy thức biến hiện:

1-Độc đầu ý thức biến hiện nhắm mắt chiêm bao:

Ban đêm thân thể của chúng ta nằm trên giường nhắm mắt ngủ say, tiền ngũ thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) đều ngưng nghỉ, duy chỉ có một mình thức thứ 6 hoạt động, biến hiện thân thể và thế giới trong chiêm bao.

Người trong chiêm bao tiếp xúc mọi vật trong chiêm bao đều có cảm giác là thật; tiếp xúc nóng biết nóng, lạnh biết lạnh, đủ thứ cảm giác buồn vui, cũng thấy đau khi bị người đánh... Giả sử lúc ấy có một vị thiện tri thức bảo người trong chiêm bao rằng: “Tất cả những gì mà ông tiếp xúc đều chẳng có thật, kể cả thân thể của ông cũng chẳng phải thật”, thì đương nhiên người trong chiêm bao chẳng chịu tin mà còn nói: “Ông nói chẳng thật, nhưng tại sao khi tôi tiếp xúc lại có cảm giác là có thật chất? Nếu ông nói cơ thể của tôi chẳng phải thật thì tại sao khi bị đánh lại cảm thấy đau? Giả thuyết của ông dù có lý nhưng tôi chẳng thể tin nổi”.

Khi người trong chiêm bao ngủ đã rồi tự mình thức giấc (Duy Thức Học gọi là Tự chứng phần), lúc ấy tự mình chứng tỏ thể giới và người trong chiêm bao hóa ra đều không phải thật, vì thể giới và người trong chiêm bao đều biến mất, chỉ còn thân thể nằm trên giường mà thôi. Ấy là nhắm mắt chiêm bao.

2-Đồng thời ý thức biến hiện mở mắt chiêm bao:

Bấy giờ, tiền ngũ thức và ý thức (thức thứ 6) đều đang hoạt động, ví như nhĩ thức nghe tiếng nhưng không biết tiếng gì, là tiếng người hay tiếng chim kêu, chó sủa. Không biết được, phải nhờ thức thứ 6 đồng thời khởi lên mới có thể phân biệt là tiếng người già, trẻ, nam nữ... Nếu riêng chỉ có nhĩ thức thì chỉ nghe được âm thanh nhưng không thể phân biệt. Nếu chỉ có thức thứ 6 thì lại chẳng nghe được âm thanh, cho nên hai thức phải đồng thời khởi lên mới biến hiện mở mắt chiêm bao.

Mọi người chỉ cho nhắm mắt chiêm bao là chiêm bao, còn mở mắt chiêm bao không phải chiêm bao. Bởi do nhắm mắt chiêm bao có thể thức tỉnh và tự chứng minh được, còn mở mắt chiêm bao thì chẳng thể tự thức tỉnh; nếu chưa giác ngộ thì vẫn còn nằm trong chiêm bao. Mặc dù Phật Thích Ca đã giải thích rất kỹ càng trong kinh điển như kinh Lăng Nghiêm, kinh Lăng Già... nói hai thứ chiêm bao đều là tâm tạo, tức là “nhất thiết duy tâm tạo”. Nhưng đối với người chưa thức tỉnh thì họ vẫn không tin vì còn nằm trong chiêm bao, cũng như người ở trong nhắm mắt chiêm bao vậy, phải đợi khi tỉnh giấc thì mới có thể tự chứng minh được. Duy Thức học gọi là “được tự chứng phần”, cũng gọi là kiến tánh.

Một cái thức biến hiện là do tâm tạo, hai cái thức đồng thời biến hiện cũng do tâm tạo. Do tâm tạo thì chẳng phải thật, chẳng phải thật nên mới gọi là chiêm bao, ấy là “hai thứ chiêm bao do Duy Thức biến hiện” vậy.

Bởi do tâm thức của chúng ta ngày đêm hoạt động chẳng ngừng, dĩ nhiên phải biến hiện hai thứ chiêm bao kể trên, cũng như cơ thể của chúng ta chẳng ngừng xoay chuyển ắt sẽ thấy những cảnh vật xung quanh cũng xoay chuyển theo. Cảnh vật xoay chuyển ví như sanh tử luân hồi, cơ thể xoay chuyển ví như tâm thức hoạt động, hễ tâm thức ngưng hoạt động thì sanh tử luân hồi cũng ngưng hoạt động, ấy gọi là Niết bàn, cũng là từ mở mắt chiêm bao thức tỉnh, Phật pháp gọi là Giác ngộ (chứng ngộ), cũng gọi là kiến tánh thành Phật.

Nếu chúng ta hiểu được hai thứ chiêm bao đều do Duy Thức biến hiện thì đối với câu “vô vô minh, diệt vô vô minh tận. Nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận” của Bát Nhã Tâm Kinh tự nhiên tin chắc chẳng còn nghi ngờ vậy.

-Tức là mình cũng ở trong mở mắt chiêm bao, vì nhắm mắt chiêm bao tự thức tỉnh được nên tự chứng tỏ biết là chiêm bao, còn mở mắt chiêm bao không bao giờ tự thức tỉnh được, phải tu hành đến kiến tánh mới thức tỉnh. Bây giờ đang chiêm bao nên Phật Thích Ca nói “vô vô minh” nghĩa là không có vô minh, “vô lão tử” nghĩa là không có già chết. Chùa nào đều có tụng Bát Nhã Tâm Kinh, mỗi ngày cũng mấy lần. Nhưng tụng cứ tụng mà tin thì không tin. Tại sao? Vì mình còn ở trong chiêm bao chưa thức tỉnh. Như tôi đã già rồi sau này sẽ chết, sao Phật nói không có già chết, làm sao tin nổi?

Thức tỉnh rồi mới chứng tỏ được lời nói của Phật nói “không có vô minh, không có già chết”, còn chưa thức tỉnh dù Phật nói có lý cách mấy cũng không tin. Nhiều người nói tôi tin Phật, sự thật không tin. Kinh cứ tụng, nhưng kinh nói gì mà không tin.

Hỏi: Ngài Mục Kiền Liên đã đắc quả A La Hán được tâm thanh tịnh có thần thông, mà lại có nhân bất thiện trong tiền kiếp là nghe lời vợ đưa cha mẹ vào rừng bỏ, để rồi Ngài phải bị quả báo bị ngoại đạo đánh chết. Tại sao vậy?

Đáp: Nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao đều là hai thứ chiêm bao. Chiêm bao là chuyện không có thật, thức tỉnh thì hết; chư Phật chư Tổ chỉ cần muốn mình giác ngộ, tức là đúng với nghĩa chữ “Phật”. Nghĩa chữ “Phật” là giác ngộ, tiếng Ấn Độ gọi là Phật Đà. Nhưng người ta quên nghĩa giác ngộ, cứ cho Phật là một thần linh. Người nào giác ngộ người ấy là Phật.

Mình không tu để giác ngộ mà cứ tụng lời của Phật. Như ngày xưa tôi dạy học, bắt học trò trả bài; tôi đâu thích nghe học trò trả bài! Tôi rất ngán, tại những bài đó tôi đã dạy chúng mà! Vì tôi ăn lương của chúng nên tôi phải ráng nghe chúng trả bài. Như lời kinh là Phật dạy mình, đâu phải Phật muốn mình đọc cho Phật nghe! Nhưng lại tụng cho Phật nghe cho là có công đức. Đó là rất mâu thuẫn.

Phật dạy là muốn mình thực hành, giáo môn là đang tụng tức đang thiền quán tưởng, gọi là tùy duyên quán tưởng. Nhưng bây giờ thấy không có như vậy, chỉ là tụng nhanh cho mau hết kinh. Như ngài Đệ Nhàn tụng kinh mỗi ngày 3 thời, mỗi thời 2 giờ. Vì vừa tụng vừa quán tưởng. Nếu ở chùa có 30 Tăng thì phải đủ 30 Tăng tụng kinh, vì tụng kinh là tu, đâu phải tụng cho Phật nghe? Cho nên tụng không đủ 2 giờ thì Ngài quả là làm biếng.

Hỏi:

***Tội từ tâm khởi đem tâm sám,
Tâm được tịnh rồi, tội liền tiêu.***

Vậy, “Tâm được tịnh rồi, tội liền tiêu”. Câu này ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Không phải tâm tịnh! Mà tâm diệt mới được. Câu này dịch sai nguyên văn chữ Hán.

Hỏi: Người tham thiền có cần giữ chặt chẽ giới luật không? Vì đâu phải lúc nào cũng thiền quán mãi mãi?

Đáp: Đương nhiên như vậy. Bất cứ pháp môn nào đều lấy giới luật làm căn bản. Thiền tông cũng vậy. Như Sa Di phải giữ vai trò của Sa Di, Tỳ Kheo phải giữ vai trò của Tỳ Kheo, chứ không phải tu thiền mà không giữ giới. Mặc dù có thiền giới, nhưng mình có được 24 giờ thiền giới không? Nếu mình không được 24 giờ thiền giới thì lúc bị gián đoạn công phu, nên lúc đó có thể phạm giới.

Trong Phật pháp có 7 chúng: Chúng tại gia (Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di) và chúng xuất gia (Sa Di, Sa Di Ni, Thức Xoa, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni) đều lấy giới luật làm căn bản, bất cứ tông phái nào cũng theo giới luật làm căn bản.

Hỏi: Ngài Mục Kiền Liên chứng được 6 pháp thần thông, nhưng cứu được mẹ ra khỏi cõi ngạ quỷ, phải nhờ đến Phật, Phật dạy làm thức ăn và sắm những đồ cần dùng cúng dường chư Tăng, nhờ chư Tăng chú nguyện để cho mẹ của Ngài được vãng sanh về cõi trời. Đó có phải là một hình thức cầu siêu không?

Đáp: Cầu siêu như thế mới là chánh thức, Mặc dù Ngài Mục Kiền Liên đã chứng quả A La Hán có thần thông, nhưng sức tâm của Ngài chỉ có một mình thì rất yếu không đủ ảnh hưởng tâm của người mẹ. Cho nên, Phật dạy trai Tăng cho 1250 Tỳ Kheo A La Hán. Sức tâm của 1250 Tỳ Kheo A La Hán hợp lại thì sức tâm mới mạnh, ảnh hưởng được tâm của người mẹ, tâm của người mẹ chỉ thay đổi một chút thì người mẹ lia được khỏi cõi ngạ quỷ.

Thân trung âm, nếu thiện nhiều hơn ác thì sanh thiện đạo, nếu ác nhiều thì sanh ác đạo, nếu thiện và ác bằng nhau chưa phân biệt sanh thiện đạo hay sanh ác đạo mới có thân trung âm. Thân trung âm cứ 7 ngày một sanh tử, nên người ta 7 ngày làm tuần một lần, làm 7 lần. Nếu 7 ngày chưa quyết định sanh về bên thiện đạo hay ác đạo thì thêm 7 ngày nữa, cho đến cuối 7 lần sẽ quyết định đầu thai.

Mẹ của Ngài Mục Kiền Liên không phải vãng sanh về cõi trời! Mà chỉ lìa khỏi đạo ngạ quỷ, tức là khỏi tam ác đạo, sanh tâm thiện đạo, là tùy theo tâm của người mẹ được chuyển biến đến mức độ nào. Nếu tâm của người mẹ không sửa được thì không bao giờ người khác cứu được.

Như khí công ở Trung Quốc nhiều người hợp lại thì sức đó rất mạnh. Mê tín cũng có hiệu ứng mê tín, nếu sức tâm nhiều người hợp lại thì cũng mạnh hơn từ lực vật thường. Bất cứ vật chất gì đều cũng có từ trường phát ra từ lực mà tùy theo mật mã của cái ấy phát ra làn sóng tin tức. Người kiến tánh có sức của tâm mạnh không thể tưởng tượng được. Còn người chưa kiến tánh thì sức mạnh của tâm bị không gian thời gian hạn chế, có mạnh cũng ở mức độ nào đó thôi.

Cho nên, Phật dạy Ngài Mục Kiền Liên trai Tăng là muốn nhiều Tăng hợp lại, mà các vị Tăng ấy gồm có 1250 vị đều chứng A La Hán, nên sức mạnh tâm của các vị ấy mới ảnh hưởng tâm của mẹ Ngài Mục Kiền Liên để sửa lại, chứ không phải có công đức. Cho lấy công đức là sai lầm. Không có công đức gì hết, cứ cho tụng kinh là có công đức, việc này không thể có. Tất cả đều do sức của tâm.

Từ lực phát từ vật chất thì yếu, từ lực phát từ phi vật chất tức là chân tâm của mình thì mạnh. Như vật chất, tốc độ nhanh nhất là ánh sáng, ánh sáng thì ở trong vật chất là cao nhất. Nhưng so với phi vật chất thì nó thấp nhất. Nên ánh sáng đi 10 triệu năm mới đến, tâm mình một niệm đến. Tâm mình một niệm đến tức là người đã kiến tánh. Tâm mình bị cái biết bộ não che khuất thì không được như thế.

Hỏi: Theo như kinh Địa Tạng và các kinh khác dạy: Khi có người thân chết, Phật tử đến chùa thỉnh chư Tăng tụng kinh cầu siêu 7 tuần thất. Chúng con có người nhà mất phải làm như vậy không?

Đáp: Nếu tụng kinh cầu an, cầu siêu được thì không có nhân quả, tức là chỉ cần con cháu có tiền để mời người ta tụng kinh thì làm ác cũng đâu có sao? Bởi vì tụng kinh siêu được! Nếu cầu được thì phá hoại nhân quả, phá hoại nhân quả thì phá hoại Phật pháp. Như Mục Kiền Liên chứng quả A La Hán có thần thông hóa bát cơm để cho mẹ ăn, nhưng mẹ không ăn được, huông mình là người thường, giữ giới còn không có trong sạch nữa.

Như người ta tụng chú có công hiệu không phải ở nơi chú, nếu ở trong chú có công hiệu thì ai tụng chú cũng có công hiệu. Người giữ giới trong sạch tụng chú mới có công hiệu, tại do sức của tâm, chứ không phải do sức của chú. Nên nói “tất cả do tâm tạo” là vậy.

Hỏi: Trong gia đình có chuyện chết trùng là sao? Nếu có chuyện này thì chúng con phải làm sao để khỏi bị chết nữa?

Đáp: Đó là không tin nhân quả, nếu tin nhân quả thì khỏi hỏi câu này. Phật tử còn không tin nhân quả thì những người khác trong xã hội làm sao tin nhân quả được? Kỳ thật, mỗi thứ gì đều có trước nhân sau quả. Chính trị, quân sự, kinh tế đều có trước nhân sau quả. Như bão lụt là do đốn cây phá rừng. Ở trong thiên nhiên đều có nhân quả, mà ở trong Phật pháp làm sao không có nhân quả?

Hỏi: Người tu trì danh niệm Phật có phát đại nguyện hằng ngày, rủi ro ra đường bị xe đụng chết bất ngờ hay bị kẻ cướp giết chết, tinh thần bất loạn trong những giây phút cuối cuộc đời. Vậy sau khi chết có được vãng sanh về cõi Tịnh Độ không?

Đáp: Không được vãng sanh, vì người đó tu không đúng tông chỉ Tịnh Độ. Nếu chỉ có niệm Phật thì không phải Tịnh độ. Tông chỉ của Tịnh Độ là tín, nguyện, hạnh. Quyết định được vãng sanh là do cái nguyện. Cũng như các vị ở chùa tụng kinh A Di Đà, đã phát nguyện thì đã được vãng sanh, đang phát nguyện thì đang được vãng sanh, tức là phải có nguyện. Cái nguyện đó là tiểu nguyện và đại nguyện. Nếu phát tiểu nguyện thì không được vãng sanh, vì không hợp nhân quả. Phải phát đại nguyện, không phải chỉ miệng nói tâm nghĩ là đủ, phải thực hành cái nguyện của mình phát.

Trước kia tôi hoảng dương Tịnh Độ mười mấy năm, không thấy một người tu đúng tông chỉ Tịnh Độ. Duy nhất tôi chỉ gặp được một người, nhưng lúc ấy tôi đã hoảng thiển rồi. Người đó là ông chủ tiệm vàng ở Thị Nghè, y thông suốt giáo lý cũng có phát đại nguyện. Lúc đó tôi ở chùa Từ Ân, mục đích y đến vãn nạn. Tín, nguyện, hạnh, y đều biết hết. Nhưng thiếu không có thực hành đại nguyện của y phát, Mặc dù y có miệng nói tâm nghĩ mỗi ngày.

Không có thực hành đại nguyện là nguyện suông nguyện giả. Phát đại nguyện như mình mở trương mục ở ngân hàng, mình không có tiền hay tiền ít không đủ trả nợ. Không đủ trả nợ thì mình phải làm sao? Chủ nợ đòi thì mình ký ngân phiếu, hoặc 10 năm hoặc 20 năm. Còn Tịnh Độ sau khi vãng sanh mới trả, vãng sanh để sau này tu thành Phật. Như nghe gió thổi chim kêu thì mình ham tu, cũng như mình ham tiền ở trên thế gian này vậy.

Thành Phật tự nhiên độ chúng sanh. Tất cả chủ nợ thịt, chủ nợ mạng đều ưu tiên độ hết. Nhưng mình phát đại nguyện suông tức là nguyện giả, giống như mình ký ngân phiếu giả mà ở trong ngân hàng không có tiền, rồi người ta đến kỳ hẹn lại ngân hàng lấy tiền không có, người ký ngân phiếu phải bị ở tù, giống như nguyện suông làm sao được vãng sanh?

Cho nên, mình phải thực hành đại nguyện. Như mỗi ngày mình được bao nhiêu tiền phải nộp vô ngân hàng, để sau này người có ngân phiếu mới lãnh được. Người phát đại nguyện là phát nguyện độ hết tất cả chúng sanh thì phải coi tất cả chúng sanh đều bình đẳng.

Nhưng bây giờ đâu có thực hành được như vậy, con chó dơ dáy lại gần mình đuổi nó đi, con mèo ăn hư đồ của mình làm sao cho nó chết, tức là không thực hành đại nguyện của mình phát. Nhiều người tu Tịnh Độ mà còn ăn thịt chúng sanh, làm sao có nguyện thật được? Muốn độ nó mà còn giết hại hay làm cho nó khổ thì nguyện giả rõ ràng, không có tội là may, làm sao có công đức để vãng sanh?

Hỏi: “Nhất nhân hành đạo, cứu huyền siêu thăng” là sao?

Đáp: Ấy là phá hoại nhân quả. Nhân quả thì người nào người nấy chịu, không có ai làm thay thế cho ai được. Con cháu có hiếu cách mấy cũng không ăn no dùm cho cha mẹ, cha mẹ thương con cách mấy cũng không ăn dùm cho con. Nếu là vậy không có nhân quả. Như Ngài Mục Kiền Liên tu chứng quả A La Hán, nhưng mẹ của Ngài đâu có siêu thoát? Như thế là rõ ràng rồi!

Hỏi: Kính xin Sư Phụ khai thị thân thông trong đạo Phật, có phải thân thông mà Ngài Mục Kiền Liên đã chứng là có thể đi trên hư không hay lỗ tai có thể nghe xa ngàn dặm?

Đáp: Người đó không có biết Phật pháp. Bây giờ ai cũng có thần thông bằng như chư Phật, không có kém hơn Phật một chút nào cả, không có hiện lên là do bị che khuất. Trong cuốn Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21 có giải thích kỹ.

Hỏi: Đức Phật Thích Ca ngồi thiền định ở dưới gốc bồ đề, hàng ngày còn phải có lúc ăn uống, làm vệ sinh. Ngài Hư Vân có lần ngồi thiền 100 ngày, rồi sau đó Ngài vẫn bình thường. Người Phật tử hiểu như thế nào về việc này để khỏi phản với khoa học, như mỗi ngày cơ thể phải cần một lượng calori để nuôi sống?

Đáp: Người này, Phật pháp không biết, khoa học cũng không biết. Em của Tổ Tịnh Độ Huệ Viễn là Huệ Trì, lúc đó Ngài Huệ Viễn có đạo tràng tu Tịnh Độ được khoảng 123 vị tu. Ngài Huệ Trì từ giả anh đi vô Tứ Xuyên thấy có lỗ cây lớn rồi ngồi ở trong đó, nhập định không hay biết, lâu ngày lỗ cây dần dần bít lại, Ngài ở trong đó trải qua hơn bảy trăm mấy năm.

Lúc trời sấm sét làm cho cây nứt ra, Ngài bị té ra ngoài, té ra ngoài nhưng Ngài cũng chưa xuất định. Những người chăn trâu bò thấy như chết, coi lại thì thân còn ấm và mềm. Rồi báo cho xóm làng, xóm làng không biết, rồi báo lên quan địa phương, quan địa phương cũng không hiểu, rồi mới đưa lên kinh thành. Nhà vua có các vị Thiên sư búng vào tai Ngài làm cho xuất định (đánh chuông cũng xuất định), xuất định rồi, hỏi: Ngài nhập định được bao lâu?

Ngài nói: Mới có một chút.

Người ta hỏi: Ngài là ai?

Ngài trả lời: Tôi là em của Huệ Viễn, không biết anh tôi có mạnh khỏe không?

Người ta nói: Huệ Viễn đã tịch cách đây đã hơn bảy trăm năm rồi.

Ngài mới biết mình đã nhập định lâu như thế.

Người cho Phật Thích Ca không bằng Huệ Viễn, họ ngu quá mà! Cõi trời phi tướng phi tướng nhập định 8 muôn đại kiếp. 1 đại kiếp = 4 trung kiếp, 1 trung kiếp = 20 tiểu kiếp, 1 tiểu kiếp = 16 triệu năm. Đó còn là phạm phu, chưa ra khỏi luân hồi.

Hỏi: Ngài Mục Kiền Liên là người đã chứng ngộ, tại sao còn bị nhân quả? Nhân quả là ở trong chiêm bao, nhưng ngài Mục Kiền Liên đã thoát ra khỏi chiêm bao mà vẫn bị chiêm bao chi phối?

Đáp: Phật Thích Ca muốn cho người ta tin nhân quả nên mới dùng phương tiện. Như trong Hư Vân Niên Phổ nói: “Tiền thân của Phật là đứa bé đánh con cá lớn 3 cái, mà bây giờ Phật bị nhức đầu”. Theo lẽ thường người ta nói chân thật chưa chắc tin, còn Phật nói là “lời của tôi không phải thật”, đừng có chấp thật mà muốn người ta tin. Vì Phật nói xong là phủ nhận liền, như Phật nói: “49 năm thuyết pháp, tôi chưa từng nói một chữ”, kinh Kim Cang nói: “Ai nói Phật có thuyết pháp là phỉ báng Phật”, như thế có phải mâu thuẫn không?

Chẳng có pháp để thuyết mới gọi là thuyết pháp. Phật rất sợ người ta chấp vào lời của Phật, nên Phật vừa nói xong thì phủ nhận liền. Như mình cho có vô mình có sanh tử, đến chừng kiến tánh thấy rõ ràng không có sanh tử. Nhân quả trong chiêm bao, ra khỏi chiêm bao thì hết nhân quả. Tổ Đạt Ma nói trong Pháp Môn An Tâm: “Kiến tánh triệt để thì nhân quả đều hết”.

-Pháp môn an tâm của Tổ Đạt Ma:

Lúc mê thì người đui theo pháp (còn pháp chấp), lúc ngộ thì pháp thuận theo người (pháp chấp đã dứt sạch); lúc mê thì sắc thân làm chủ của tâm, lúc ngộ thì tâm làm chủ

sắc thân. Hễ khởi tâm phân biệt đo lường thì hiện lượng tâm thức đều như mộng huyễn chẳng thật. Nếu tâm thức tịch diệt, chẳng còn chỗ niệm khởi, ấy gọi là chánh giác.

Hỏi: Thế nào là hiện lượng của tâm thức?

Đáp: Thấy tất cả pháp có, có chẳng tự có, do tự tâm chấp thật thành có; thấy tất cả pháp không, không chẳng tự không, do tự tâm chấp thật thành không. Bất cứ pháp nào cũng thế, đều do tự tâm chấp có chấp không mà thành.

Nếu tạo tất cả tội, mà người ấy tự kiến Pháp Vương (kiến tính triệt để, từ mở mắt chiêm bao thức tỉnh) thì liền được giải thoát. Hễ từ nơi ấy “sự” ngộ được thì sức dụng mạnh, nơi tự kiến pháp tính, bất cứ lúc nào cũng chẳng mất chánh niệm. Còn nơi vẫn tự ngộ được thì sức dụng yếu kém vậy.

“Sự” tức là “pháp”, pháp tức là sự, sự và pháp chẳng hai chẳng khác, mặc cho ông nhảy nhót nhào lộn, đủ thứ tạo tác đều chẳng ra ngoài phạm vi của pháp giới. Muốn đem pháp giới dung nạp pháp giới ấy là ngu si, vì bất cứ làm việc gì cũng chẳng thể ra ngoài pháp giới tâm được. Tại sao? Vì tâm thể và sự vật tức là pháp giới, cũng gọi là “hiện lượng” của tâm (hiện lượng tức là thật tướng, chẳng phải hiện số lượng vậy).

Hỏi: Người thế gian đủ thứ tu học, tại sao chẳng đắc đạo?

Đáp: Vì thấy có “ta” nên chẳng đắc đạo. Bậc Thánh gặp khổ chẳng lo, gặp vui chẳng mừng, ấy là do chẳng thấy có “ta” nên chẳng màng khổ vui. Do quên hẳn cái “ta” nên đến được chỗ vô vi. “Ta” còn tự quên thì còn việc gì mà chẳng quên ư!

Hỏi: Pháp tức là Không thì còn ai tu đạo ư?

Đáp: Có “ai” mới cần tu đạo, nếu chẳng có “ai” thì chẳng cần tu đạo. Cái “ai” này tức là “ta”, nếu không chấp ngã, gặp bất cứ sự vật gì cũng chẳng sanh tâm thị phi. “Thị” do ta tự thị mà sự vật chẳng thị, “phi” cũng do ta tự phi mà sự vật chẳng phi, nơi tâm vô tâm, ấy gọi là thông đạt Phật đạo; đối cảnh chẳng khởi tri kiến gọi là đạt đạo. Hễ gặp sự vật nào cũng liễu đạt nguồn gốc của nó thì có thể khai mở huệ nhãn.

Người trí tùy thuận sự vật chẳng tùy thuận bản ngã (ngã chấp đã dứt sạch) nên không có thuận nghịch lấy bỏ; kẻ ngu tùy thuận bản ngã (ngã chấp còn) mà chẳng tùy thuận sự vật nên có thuận nghịch lấy bỏ.

Chẳng thấy một vật gọi là kiến đạo (thấy vật chẳng chấp thật, thấy đồng như chẳng thấy); chẳng hành một vật gọi là hành đạo. Nơi tất cả xứ sở mà quên xứ sở (chẳng chấp thật có xứ sở đồng như không có xứ sở). Đang lúc tạo tác chẳng có năng tác, sở tác, tức là thấy Phật; lúc thấy tất cả tướng tức là có cái kiến chấp để chấp tướng, nên đọa địa ngục, do quán chiếu thấu triệt Pháp tính nên được giải thoát. Hễ có ghi nhớ phân biệt đều thuộc về chảo dầu sôi, lò lửa than, liền hiện tướng sanh tử. Nếu thấy được Pháp giới tính (tính Niết Bàn) tức là kiến tánh, chẳng ghi nhớ phân biệt tức là Pháp tính vậy.

Do tâm chẳng phải là sắc (vật chất) nên phi hữu, thường dụng chẳng gián đoạn nên phi vô; dụng mà thường Không nên phi hữu, không mà thường dụng nên phi vô (Tâm như hư không vô sở hữu mà dụng nạp vạn vật nên Không mà thường dụng, dụng mà thường Không vậy).

Tại người đó tư tưởng chấp thật thì mới sanh ra đủ thứ phiền não mới có đủ thứ vấn đề.

Hỏi: Muôn niệm từ đâu khởi?

Đáp: Từ bộ não.

Hỏi: Tâm là cái gì?

Đáp: Phật cũng không biết nữa. Vì nó không phải là sở tri.

Hỏi: Có phải khi kiến tánh mới biết là cái gì khởi phải không?

Đáp: Chưa kiến tánh cũng biết vậy. Ban đêm khởi niệm gọi là nhắm mắt chiêm bao, ban ngày khởi niệm gọi là mở mắt chiêm bao. Niệm niệm không dứt, tại do vọng tâm hoạt động hoài.

Hỏi: Ngài Địa Tạng Bồ Tát có phải là Mục Kiền Liên Bồ Tát không?

Đáp: Người đó ngu mới hỏi như vậy.

Hỏi: Có người bán con trâu bán căn tin ở một xí nghiệp do con định bán cơm chay và nước, nhưng do yêu cầu công nhân ăn mặn, nếu con bán thức ăn mặn thì có nhân quả không?

Đáp: Nếu lấy cái đó làm lời thì có nhân quả.

Hỏi: Con phát nguyện hiến thân cho ngành y để nghiên cứu sau khi con chết, nhưng con của con không đồng ý giao cho y khoa thì con của con có bị tội không?

Đáp: Người nào làm người nấy chịu, nhưng người nào ra lệnh thì người đó phải chịu. Việc ấy không phải tội mà là nhân quả, nhân quả thì do tâm tạo, khởi tâm động niệm đều có nhân quả, Mặc dù chưa làm cũng có nhân quả.

Hỏi: Pháp Bảo Đàn Kinh nói: “Niệm trước chẳng sanh là tâm, niệm sau không diệt là Phật”. Kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Như người ta hỏi “tham thiền sắp kiến tánh, sắp kiến tánh thì sắp biết phải không”? Tôi nói “không phải, không thể nói là sắp biết, tại vì cái tâm mình đâu có ngưng biết, nó ngưng rồi biết lại mới nói là sắp biết”. Nếu tâm không có ngưng làm sao có tiền niệm hậu niệm? Cũng như ánh sáng mặt trời đâu có tiền (trước) hậu (sau)? Nếu hỏi ‘trời gần sáng thì mặt trời sắp chiếu có được không’? Không được. Vì mặt trời đâu có ngưng chiếu mà nói sắp chiếu? Rồi mặt trời làm sao có trước sau? Nó không có ngưng chiếu thì không có trước sau.

Hỏi: Quy y Tam Bảo là gì?

Đáp: Quy là trở về, y là y nhờ, tức là trước kia không biết, bây giờ biết thì trở về y nhờ Tam Bảo. Tam Bảo là Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo.

Y nhờ Tam Bảo để làm gì? Là được sự giáo hóa của Tam Bảo theo đó tu hành được giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn. Đó là mục đích quy y.

Chữ “Phật” là tiếng Ấn Độ nghĩa là giác ngộ. Tại sao cần phải giác ngộ? Vì nếu không giác ngộ thì phải ở trong chiêm bao mãi, chịu cái khổ trong chiêm bao, cứ luân hồi lục đạo trong chiêm bao chịu khổ hoài không được giải thoát cái khổ sanh tử. Nên cần phải giác ngộ tức là ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh. Vì vậy mình phải theo sự giáo hóa của Tam Bảo mà thực hành Pháp Bảo do Phật truyền dạy thì được giác ngộ, nên mới nhờ Pháp Bảo.

Cũng như quý vị học tham thiền, pháp môn tham thiền giúp quý vị đến chỗ giác ngộ giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn, nên pháp này gọi là Pháp Bảo.

Nhưng có Phật Bảo và Pháp Bảo rồi, phải có Tăng trực tiếp giáo hóa chúng sanh. Nếu có Phật Bảo và Pháp Bảo mà không có Tăng Bảo thì cũng như không có. Cho nên cần có Tăng Bảo từ đời từ đời đem Pháp Bảo truyền dạy cho chúng sanh, đúng theo đó tu hành được giải thoát.

Tăng dịch âm tiếng Ấn Độ là Tăng Già nghĩa là hòa hợp chúng tức là phải nhiều người hòa hợp, theo giới luật thì có 4 vị Tăng hòa hợp mới thành Tăng. Tăng là Tăng đoàn chứ không phải một vị. Quy y Tam Bảo là không quy y một thầy nào, cũng như tôi thay mặt cho Tam Bảo để chứng minh quý vị đã quy y Tam Bảo đã là đệ tử của Tam Bảo nghe theo lời dạy của Tam Bảo để tu hành đến chỗ giác ngộ.

Hỏi: Ngũ giới là gì?

Đáp: Ngũ giới là: Sát sanh – Trộm cắp – Tà dâm – Vọng ngữ – Uống rượu.

1-Giới sát sanh: Là không được giết hại chúng sanh. Bất cứ chúng sanh loài hữu tình nhỏ như con kiến, con muỗi,... cho đến lớn như con trâu, con bò,... và con người thì không được giết hại.

2-Giới trộm cắp: Là tất cả đồ vật của người chủ không đồng ý mà mình lấy, gọi là trộm cắp. Nếu những đồ của cha, mẹ, anh, em dùng qua dùng lại thì không gọi là trộm cắp. Mặc dù tiền của cha, mẹ, anh, em có giữ riêng, nếu chưa có sự đồng ý mà lấy thì cũng thuộc trộm cắp.

3-Giới tà dâm: Là ngoài vợ chồng mà quan hệ dâm thì cấm, còn vợ chồng chánh thức thì không cấm dâm. Việc này ở ngoài đời thì pháp luật cũng cấm. Đó là vai trò bổn phận làm chồng hay làm vợ.

4-Giới vọng ngữ: Gồm có 4 thứ: Vọng ngôn, ý ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt.

-Vọng ngôn: Là có nói không có, không có nói có, tức là nói gạt nói láo.

-Ý ngữ: Là nói lời thêu dệt nghĩa là nói chuyện quan hệ dâm dục của nam nữ.

-Ác khẩu: Là chửi mắng người ta.

-Lưỡng thiệt: Là nói hai chiều, tức là người bên này nói xấu người kia, người bên kia nói xấu người này, làm cho hai bên gây lộn đánh lộn.

5-Giới uống rượu: Đáng lẽ uống rượu không có hại đến ai. Nếu uống rượu say thì có thể phạm đến 4 giới trước (sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ), vì say nên tự mình không kiềm chế được. Cho nên, nhà Phật cấm uống rượu.

Sát, đạo (trộm), dâm, vọng gọi là tánh giới. Bốn giới này là căn bản của nhà Phật. 5 giới của người Phật tử tại gia, 10 giới Sa Di, Sa Di Ni, 250 giới Tỳ Kheo, 348 giới Tỳ Kheo Ni, 10 giới trọng 48 giới khinh của Bồ Tát đều là lấy 4 giới này làm căn bản. 4 giới này thuộc về tánh giới. Không những thọ giới rồi mà lại phá giới thì có tội, không có thọ giới mà phạm thì cũng có tội nhân quả, tức là phải chịu quả báo.

Nhưng sám hối có thể sám diệt được tội phạm giới, còn tội nhân quả không thể sám được. Nhân nào quả nấy thì phải chịu quả báo. Không phải thuộc về tánh giới là giá giới như giới uống rượu có thể khai tức là uống không phạm. Tại sao? Như có bệnh mà thầy thuốc bảo uống thuốc rượu mới trị được bệnh thì mình có thể công khai uống rượu để trị bệnh nên không phạm. Nếu mình uống lén thì phạm hay uống lộn rượu cũng không phạm hoặc những thứ có tên rượu mà uống không say, như cơm rượu, bỏ rượu vào đồ ăn không thể say thì không phạm.

Nhưng tánh giới không thể khai, nhưng có thể sám hối. Sám rồi là hối cải không phạm nữa.

Hỏi: Đi trên đường lỡ đạp nhầm con trùng thì có bị tội không?

Đáp: Mỗi năm đến mùa kiết hạ, chư Tăng không ra ngoài đường là tránh đạp nhầm côn trùng, vì mùa hạ ít lạnh côn trùng ra ngoài đường nhiều. Theo Phật pháp là tất cả do tâm tạo, nếu tâm không biết thì không có nhân, không có nhân thì không có quả. Giữ được thiên giới (không biết) thì không có phạm, lúc biết thì phạm. Nếu có phản ứng tự nhiên thì cũng phải có quả tự nhiên.

-Như vậy có tội rồi phải không?

-Việc ấy không phải tội, mà là việc nhân quả. Tức là tạo nhân nào thì chịu quả ấy. Mình cố ý phạm pháp luật ở ngoài đời tức là có tội cấm nên bị người ta bắt, giết gà vịt thì đối với pháp luật ngoài đời không có tội, mà có tội nhân quả. Phạm giới mới coi là tội, mà có thể sám hối diệt tội phạm giới thì không còn tội. Như tội nặng cách mấy nhưng sám hối thì được hết.

Như tội ba la di là tội hạng nhất của người xuất gia, phải bị 9 triệu năm địa ngục, nếu được sám hối thì hết tội. Còn nhân quả thì khác, nhân nào quả nấy. Như bây giờ mình vô ý có phản ứng tự nhiên đạp chết con muỗi giống như mình ra ngoài đường bị xe cán chết. Chiếc xe vô ý cán chết người thì pháp luật cũng phạt người lái xe. Nên tâm cố tình thì bị quả cố tình, tâm vô ý thì bị quả vô ý.

Hỏi: Người chồng bán đồ mặn để nuôi vợ con, người vợ phát tâm tu. Như vậy có lọt vào nhân quả không?

Đáp: Người nào có quyền mà chủ trương làm thì chịu nhân quả, còn người cấp dưới không có quyền là chỉ nghe lệnh cấp trên thì không bị nhân quả. Cũng có trường hợp cấp trên sai cấp dưới đi giết hại thì cấp dưới cũng phải bị nhân quả.

Hỏi: Những người ăn thịt không thấy con vật bị giết hay không thấy con vật đau khổ la lên, vậy những người ăn thịt đó có mắc tội nhân quả không?

Đáp: Có mắc tội nhân quả. Kinh Lăng Nghiêm và kinh Lăng Già nói: “Ăn tam tịnh nhục, ngũ tịnh nhục đều cấm”. Không nghe, không thấy, không vì mình mà giết gọi là tam tịnh nhục, rồi thêm cầm thú ăn dư hay con vật tự chết, cộng chung là 5 thứ gọi là ngũ tịnh nhục. Mình dùng đồ có liên quan đến thân thể của con vật thì cũng có dính líu nhân quả, như dùng giày làm bằng da trâu bò, áo lông thú,...

Hỏi: Có người ăn thịt khỉ, đến khi bệnh thì có hành vi leo cây, nhảy nhót như khỉ. Người vợ của người ăn thịt khỉ thắc mắc sao nghiệp báo đến nhanh quá?

Đáp: Nghiệp nào nặng thì trả trước, như nghiệp thiện nhiều hơn nghiệp ác thì phước báo đến trước, nghiệp ác nhiều hơn nghiệp thiện thì việc xấu đến trước. Tức là nhân mạnh thì quả mau đến, nhân yếu thì quả đến sau. Có một vị phát minh thuốc phòng tê liệt để trị cho người khác thì được, nhưng chính ông đó lại bị tê liệt mà dùng thuốc của ông thì không chữa được, nên lúc ông gần chết rất khổ.

Tại sao? Đó là quả báo của ông. Trong khi giúp người ta được phải thí nghiệm biết bao nhiêu con thỏ con chuột chịu đau khổ rồi mới chết. Cho nên trong khi sống ông bị quả báo chứ không đợi đến kiếp sau mới có quả báo. Vì vậy, nhà khoa học Einstein ăn chay trường là ông sợ quả báo.

Hỏi: Con đã ăn chay trường lâu rồi, nhưng người mẹ của con không chịu ăn chay thì con phải làm cách nào để cho bà ăn chay?

Đáp: Ở Thượng Hải, có ông chủ ngân hàng ăn chay trường, nhưng khuyên mẹ ăn chay lần nào cũng bị rầy. Ông không khuyên nữa, bảo nhà bếp làm chay thật ngon

nhưng không nói là đồ chay. Bà mẹ ăn chay được 2 năm mà không biết mình ăn chay. Đến lần sanh nhật của bà, ông chủ ngân hàng mới nói với bà mẹ rằng: “Sanh nhật của mẹ, mời tất cả mọi người đều dự tiệc chay và mẹ cũng ăn chay”.

Bà nói: Ăn không được mà cứ nói ăn chay hoài!

Ông ấy nói: Mẹ đã ăn chay được hai năm rồi mà! Tại sao còn nói không được?

Bà nói: Sao nói tôi ăn chay 2 năm?

Ông ấy nói: Mẹ cứ hỏi các vị nhà bếp?

Về sau bà ấy không còn nói gì về việc ăn chay nữa.

-Mấy đứa em của con nói con bắt hiểu và nói sao không mua thịt cho mẹ ăn? Rồi mấy đứa em chửi con hoài! Tại sao?

-Tại vì cô không biết dùng phương tiện. Nếu hại cha mẹ chịu quả báo mới là bắt hiểu. Mấy đứa em có chửi cũng mặc kệ. Như ông chủ ngân hàng cũng bị mẹ ông chửi vậy.

Hỏi: Bát quan trai là gì?

Đáp: Bát quan trai là phương tiện cho người tại gia tập tu một ngày một đêm cuộc sống xuất gia, nên có qui định một ngày một đêm. Theo giới luật của nhà Phật là khi thọ giới thì được xả giới, còn bát quan trai khỏi cần xả, vì thọ giới bát quan trai là quy định chỉ được một ngày một đêm thì tới giờ tự xả. Như ngũ giới là cấm tà dâm, nhưng thọ giới bát quan trai là giới xuất gia một ngày một đêm thì tà dâm và chánh dâm đều cấm.

Bát quan là 8 thứ quan ải (cấm), tức là 9 giới của 10 giới Sa Di, trừ ra giới cầm tiền bạc, vì người Phật tử không có thể lia tiền bạc được. Trai là ăn ngũ.

Giới dâm là quan hệ sinh lý rất khó giữ. Các cầm thú như cạp, beo, sư tử,... mình cho nó là ác thú. Nhưng nó dâm dục vì sự truyền giống, ngoài sự truyền giống thì nó không dâm dục, nó giết hại con khác vì sự đói của nó, còn nó no thì không giết hại. Con người thì không phải vậy, không phải vì đói no mà giết hại, không phải vì truyền giống mà dâm dục! Cho nên, nhà Phật phải cấm, mà lại rất là khó cấm. Tu sĩ có thêm 5 giới để làm hàng rào giữ giới dâm.

Bát quan trai như cái cầu để cho người ta tu giải thoát. Thói quen của con người rất khó sửa, nên phải tập sửa lần lần. Theo qui định người thọ giới Bồ Tát mỗi tháng phải thọ 6 ngày bát quan trai (2 ngày cuối tháng, mùng 1, rằm, mùng 8 và 23). Nếu đã tập quen thì ngày nào mình cũng có thể thọ bát quan trai được. Tức là mình ở nhà tiếp tục tu như mình đến chùa, gọi là thân tại gia nhưng tâm xuất gia. Như Lục Tổ nói: “Thân tại gia mà tâm xuất gia, còn tốt hơn thân xuất gia mà tâm tại gia”. Những người thân xuất gia mà tâm tại gia là những người tạo tội địa ngục.

Hỏi: Con tham thoại đầu giữ nghi tình, con mắt con vẫn thấy cảnh vật cũng như không thấy, nhưng vẫn đi đứng được và con không biết trời biết đất biết ta gì nữa, rồi câu thoại đầu cũng biến mất. Như vậy là thế nào?

Đáp: Biết câu thoại đầu biến mất thì không được rồi, đừng có biết, cứ giữ cái không biết là đủ. Nếu nghi tình còn thì không biết thì mấy cái kia khỏi cần nói.

-Làm thế nào để tăng nghi tình lên?

-Như vậy là muốn tìm hiểu cho biết làm chi nữa? Đã giữ không biết là chấm dứt tìm hiểu.

-Đến giai đoạn nào thì nghi tình thành khối?

-Vì ông muốn tìm hiểu nghi tình là nghịch với tham thiền. Đã biết tham thiền là “không biết” mà! Không biết là chấm dứt tìm hiểu, bây giờ không chịu chấm dứt tìm hiểu mà lại tìm hiểu nghi tình, tức là không có tham thiền.

Sơ lược cách tham Tổ Sư thiền:

Cách thực hành rất giản dị chỉ là hỏi và nhìn, hỏi là kích thích niệm không biết, nhìn là nhìn chỗ không biết. Như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” thì khởi lên một niệm không biết, khán là nhìn chỗ không biết, chỗ không biết thì không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn, nên nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết, chính vẫn còn không biết đó gọi là nghi tình. Cứ hỏi và nhìn, hai cái một lượt đi song song để giữ nghi tình, thì nghi tình này sẽ đưa hành giả đến thoại đầu, rồi kiến tánh thành Phật.

Năm năm trước, mỗi năm tôi đều có đi Canada một lần để hoằng Tổ Sư thiền. Ở bên Mỹ có 10 Phật tử đi theo, trong đó có 2 mẹ con, người mẹ là tên Nguyệt Anh có đứa con mới 3 tuổi (4 tuổi ta) cùng đi theo. Đứa bé được mẹ nó dạy tập tham thiền khoảng mấy tháng. Đến thành phố lớn nhất của Canada là Toronto có quán khoa học, trong đó có máy vi tính để mình thử hoạt động của bộ óc. Khi để tay trên bộ phận máy vi tính thì đèn ở trên sáng lên. Những người theo tôi đi Canada đều là hành giả tham thiền đều thử qua máy này, lúc hỏi và nhìn thì đèn sáng lên từ trên xuống cùng rồi đèn tắt.

Tôi thường nói con nít 6, 7 tuổi và bà già 70, 80 tuổi đều biết tham thiền. Nhưng đứa bé mới 3 tuổi, tôi chưa tin nó tham thiền được, sẵn có máy để thử coi. Tôi ẵm nó trên đầu gối tôi, tôi lấy tay nó đè trên máy thì đèn cũng sáng ở trên, tôi bảo nó tham thiền đi, nó tham khi chưa có trời đất ta là cái gì? Thì đèn ở trên sáng rồi xuống dưới cùng tắt luôn.

Lúc đó những người da trắng đứng kế bên nói: Các vị sao hay quá! Người nào thử thì đèn đều xuống được, luôn đứa bé thử, đèn cũng xuống được, tại sao chúng tôi làm không được? Muốn đèn xuống một chút cũng không được vậy?

-Nói với họ: Bộ óc bớt suy nghĩ thì đèn mới xuống được.

-Họ nói: Tôi không suy nghĩ sao đèn không xuống?

Họ nói không suy nghĩ nhưng bộ óc họ không nghe lời theo. Như những người bị mất ngủ, cứ suy nghĩ hoài, muốn ngưng suy nghĩ cũng không được. Nếu ngưng suy nghĩ thì không bị mất ngủ. Đứa bé khi thử thì đèn còn xuống nhanh hơn người lớn.

Tại sao? Ở trong 10 người có cô Hằng Thiên thợ may công phu được tự động hóa rồi, cô đang cắt may khỏi cần qua ọc, nhưng cũng cắt xong bộ đồ. Tại sao cô biết khỏi cần qua ọc? Ban đầu cũng để ý ghi thước tấc vào trong sổ theo thước tấc mà cắt, khi tham thiền nghi tình đến tự động cuồn cuồn nổi lên, nhưng cô ấy vẫn còn cắt. Khi cắt xong chợt nhớ lại “vừa rồi mình không biết, chắc cắt lộn, nên phải thường cho người ta”, nhưng xét lại thì không có lộn. Cái đó may xong mà người ta còn khen đẹp hơn kỳ trước. Từ đó về sau cô ấy cắt cứ cắt, không biết gì hết, rồi cũng cắt xong và cắt từ sáng đến chiều mà không thấy mệt. Cô ấy chỉ cắt còn người khác thì may.

Sau này cô Hằng Thiên qua Mỹ vẫn cắt may; cô Duy Nghi tốt nghiệp thiết kế, thiết kế một kiểu rất phức tạp, đem cho những thợ may nghiên cứu để cắt mấy ngày làm không được, rồi nhờ cô Hằng Thiên cắt, cô ấy khỏi cần nghiên cứu vẫn cắt được, vì khỏi cần qua bộ ọc là do bộ ọc không biết.

Lúc ở Canada, cô Hằng Thiên đo máy vi tính thì đèn tắt chậm hơn đèn của đứa bé đo máy vi tính. Vì cô Hằng Thiên là người lớn đã biết quá nhiều nên phải dùng công phu

đẹp cái biết, còn đứa bé thì chưa biết gì tức là không biết sẵn nên tham thiền dễ tắt đèn nhanh hơn.

Như vậy chỉ cần dùng cái không biết, nên đứa bé 3 tuổi vẫn tham thiền được. Rồi về Mỹ, nó dạy mấy đứa nhỏ tham thiền, nhưng mấy đứa đó là 7, 8 tuổi hỏi nó “tại sao mà không dạy mấy đứa bằng mà?” Nó trả lời “tụi nó không biết”. Vì kiếp trước nó có thể đã tham thiền rồi, nên bây giờ nó 3 tuổi tham thiền được. Vậy nó là thành phần đặc biệt.

Hỏi: Phật dạy là “nhân nào quả nấy”, con không hiểu tại sao vào ngày rằm tháng giêng, trong hàng Phật tử đến chùa cúng sao giải hạn, thậm chí cũng có quý thầy thúc giục quả trách Phật tử nào không cúng sao một năm sẽ gặp rắc rối về bốn mạng. Vậy điều này có hợp chánh pháp không?

Đáp: Những việc này là tà mạng thực nên Phật cấm, nhưng người ta không chịu nghe lời Phật dạy. Nếu đã tin nhân quả thì còn hỏi những việc đó làm chi! Vì người đó không tin nhân quả nên mới hỏi.

Thượng tọa Minh Hiền thay mặt đại chúng có lời cảm tạ:

Nam mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

-Kính bạch Hòa thượng phó chủ tịch hội đồng trị sự giáo hội trung ương, kiêm Tổng thư ký giáo hội Phật giáo Việt Nam và trụ trì chùa Hưng Phước.

-Kính bạch Sư Phụ.

Chúng con từ lâu khát ngưỡng tu tập Thiền tông, được sự hướng dẫn của Hòa thượng Thích Duy Lực. Để đáp sự thỉnh cầu của chúng con, Hòa thượng cho phép đả Thiền thất tại chùa Hưng Phước trong suốt một tuần qua, công ơn của Hòa thượng không biết gì hơn, toàn thể đại chúng vân tập đánh lễ cảm niệm Hòa thượng đã dành cho chúng con nhiều thuận duyên tu tập, vậy toàn thể Tăng Ni Phật tử đánh lễ Hòa thượng và Sư Phụ chứng minh.

Nam mô bốn sư Thích ca Mâu Ni Phật.

Lời đáp từ của Hòa thượng Hiền Pháp viện chủ chùa Hưng Phước:

-Kính bạch Hòa thượng Thiền sư.

-Kính bạch chư đại đức Tăng Ni và thừa các vị Hành Giả đả thiền thất.

Thật ra, đối với Thiền sư Duy Lực thì chỉ biết và kết duyên. Sau ngày miền nam hoàn toàn giải phóng, lúc bấy giờ giáo hội phân công cho chúng tôi làm chủ nhiệm tổ hợp tác xã sản xuất và mua bán, trong thời buổi kinh tế khó khăn, nên chúng tôi nghĩ rằng chỉ có các chùa của người Hoa có tiền dự trữ, nên chúng tôi có nhờ Hòa thượng tổ chức một cuộc họp các vị trụ trì người Hoa ở tại Chợ Lớn, được Hòa thượng hứa khả, nhờ hỗ trợ một số vốn cho hợp tác xã lúc thời bấy giờ.

Trong lúc kinh tế thời bao cấp khó khăn, mà tín dụng ở bên ngoài, các vị cũng biết họ cho vay tiền lãi 15% hay 20%. Chúng tôi cũng được Hòa thượng được số tiền tương đối, cho mượn mà không có lãi, hứa một năm rồi trả, chúng tôi cũng hoàn trả đủ hết theo uy tín của Phật giáo.

Từ đó Hòa thượng có tổ chức những kỳ thiền thất, lúc đầu ở tại Từ Ân, sau đó ở tại Pháp Thành, sau này cũng khó khăn nên thiền thất chỗ này chỗ khác, từ nội bộ Từ Ân như vậy, chúng tôi hết sức chua xót, là muốn tìm một địa điểm để hỗ trợ trong việc hướng dẫn tu hành cho Tăng Ni và Phật tử. Một năm về trước chúng tôi có thỉnh Hòa

thượng về đây một hai lần, rồi ở văn phòng 2 trung ương giáo hội, chúng tôi tổ chức được một lần.

Lần này chúng tôi bàn thầy Minh Hiền, vì địa điểm và hoàn cảnh chật chội, có khó khăn, nên quý vị cũng hơi vất vả trong việc tu học trong tuần lễ mỗi tháng, mong quý vị thông cảm cho nhà chùa chúng tôi. Nếu có đủ duyên thì chúng tôi tổ chức cho đàn tràng hoành hơn, cũng mong sao việc định cư của Hòa thượng hoặc trở về Việt Nam tiếp tục hướng dẫn các Phật tử tu học xuyên suốt. Điều này là sự mong muốn của giáo hội cũng như chúng tôi, còn những duyên khúc khiêu ở bên ngoài, chúng tôi nghĩ rằng mình sẽ khắc phục được.

Nhân kỳ đả thiên thất năm Kỷ Mão này, nếu không có gì trở ngại thì hằng tháng chúng ta sẽ tổ chức thiên thất. Trong một tuần lễ tu học vừa qua chúng tôi ghi nhận công đức của Hòa thượng Thiên sư, cũng mong Hòa thượng nhiều sức khỏe và tiếp tục dìu dắt cho Tăng, Ni, Tín đồ. Và cũng kính chúc cho Tăng, Ni, Phật tử được tinh tấn tu học, làm sao đạt được mục đích Thiên tông theo sự hướng dẫn của Hòa thượng.

Trước hết cảm ơn Hòa thượng Thiên sư và xin cảm ơn tất cả chư Tăng, Ni và quý Phật tử. Lần nữa cầu chúc chư vị được tinh tấn.

Nam mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát.

KHÓA BỒI DƯỠNG THIỀN HỌC TẠI CHÙA LONG KHÁNH (BÌNH ĐỊNH). 13 – 4 – 1999

Tâm là cái gì? Nguồn gốc Phật pháp là tâm, ai cũng nói được, mà chẳng có ai biết, vì chân tâm vô hình vô tướng không có số lượng, mọi người đều có. Chư Phật nói tâm như hư không vô sở hữu; Ngài Long Thọ là Tổ thứ 14 Thiên tông giảng trong Trí Độ Luận; Ở trong Phật pháp với Thiên tông, tôi có giải thích.

Ngài Long Thọ nói: “Tâm như hư không vô sở hữu”. Vô sở hữu là không có hư không, mà dung nạp và ứng dụng, ấy là cái thực dụng. Như bây giờ nhà cửa đất đai, cây cối, núi sông đều phải nhờ vô sở hữu này dung nạp và ứng dụng, nhưng hiện nay, các vị ngồi đây cũng nhờ vô sở hữu mới có chỗ ngồi.

Vô sở hữu tức là trống rỗng, Phật pháp nói là Tánh Không, vì trống rỗng mới hiện bày cái dụng. Tâm mình trống rỗng, không bị thời gian không gian hạn chế, nên tất cả vũ trụ vạn vật đều ở trong đó. Nhưng cái thông minh của bộ não làm hạn chế lại, như cái tách bít lại là cái tách chết không dùng được, cái bình này cũng vậy, nó có cái KHÔNG mới đựng nước được. Tất cả các thứ muốn dùng đều phải nhờ cái KHÔNG.

Ngài Long Thọ nói: Trống rỗng mới dùng được, nếu không trống rỗng thì không dung nạp và không dùng được. Như cái tách bị bít thì không còn dùng được, còn hư không trống rỗng thì không bị thời gian, không gian hạn chế. Cái tách bị không gian thời gian hạn chế, nếu cái gì có thể tiêu mất thì không chân thật.

Có và không là phân biệt của bộ não, vì có và không là nhị biên tương đối, Phật pháp không có tương đối. Trong Trung Quán Luận phá tương đối. Có là pháp hữu vi, không là pháp vô vi. Trong đó phẩm Quán Như Lai, Quán Niết Bàn đều phá pháp hữu vi. Quán Nhân Duyên, Quán Khứ Lai,... đều phá pháp hữu vi.

Phàm có tương đối đều phá. Vì sao lại phá? Vì nó không phải thực tế, thực tế thì không có tương đối; nhưng cuộc sống hằng ngày đều phải nhờ tương đối, cũng như mình hiện giờ ở trong mở mắt chiêm bao.

Trong biểu đồ Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21, có 2 bộ phận: Thật thể và hư thể, ở chính giữa là Diệu giác. Diệu giác là cái biết cao nhất. Vừa rồi tôi nói: Trống rỗng mới dung nạp tức là tánh không, không này chẳng phải cái không chết, không này có cái biết cao nhất của Diệu giác. Cái biết này không phải cái biết của bộ não, cái biết bộ não gọi là vọng tâm. Còn cái biết chuyển thành trí gọi là chân tâm. Thức chưa chuyển thành tứ trí thì nó hợp tác với hệ thống thần kinh bộ não, tức là lục căn gọi là vọng tâm. Cuộc sống hằng ngày ở trong vọng tâm, vì mình ở trong chiêm bao.

Triết Học, Tự Nhiên Khoa Học, Y Học, Tâm Lý Học; 4 thứ hợp lại giải quyết cơ thể của mình chưa đầy đủ. Tại sao? Vì họ không phân biệt được lục căn, lục thức. Lục căn đảm nhiệm chức vụ gì? Lục thức đảm nhiệm chức vụ gì? Tất cả đều không rõ mà chỉ biết bộ não. Thức thứ 6 và thức thứ 7 thì hoàn toàn không biết, cho nên họ giải thích không thông, như các giáo sư trường đại học, nghi thiếu cái gì nhưng không biết.

Quyển Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21 giải thích rõ và đầy đủ hơn 4 đại học hợp lại. Duy thức nhà Phật diễn giải thông suốt tất cả. Trong thật thể biểu đồ: Nhãn căn như cây đèn đảm nhiệm sự chiếu soi, nhãn thức thì phân biệt. Tức là nhờ nhãn căn chiếu soi thấy chậu bông thì nhãn thức mới nhận ra màu trắng, đỏ, vàng, xanh; đồng thời có thức thứ 6 để giúp. Nhãn căn chiếu soi hiện cái hình ra, còn nhãn thức phân biệt cái hình gì, thức thứ 6 phân biệt đầy đủ hơn; nhãn thức chỉ phân biệt cố định, thức thứ 6 có tánh khả biến. Vì tánh khả biến bao gồm tam tánh: Thiện, ác và vô ký.

Tam tánh gồm có: Biến kế chấp, y tha khởi và viên thành thật. Thiện ác thì người nào cũng biết, nhưng không có rõ, không có tiêu chuẩn. Tôi muốn hoàng dương với người tây phương, nên mới nói có tiêu chuẩn. Thế nào gọi là thiện? Thế nào gọi là ác? Trong cuốn Vũ Trụ Quan có giải thích kỹ.

Đã nói nhãn căn rồi, thì các căn kia cũng như vậy; chỉ có ý căn nhiều người chưa hiểu; ý căn đảm nhiệm suy nghĩ, còn ý thức theo đó phân biệt thiện, ác... ý căn và ý thức khác nhau.

Thức thứ 7 có 2 nhiệm vụ:

-Ngày đêm chấp thức thứ 8 là TA (thức thứ 8 là bản thể của vũ trụ, là bao gồm tất cả các chủng tử vũ trụ, cũng là bản thể của tâm mình. Đầu thai đến trước và chết đi sau cùng là do thức này).

-Truyền tổng thức: Đem chủng tử thiện nghiệp, ác nghiệp của thức thứ 6 hay không thiện không ác truyền vô thức thứ 8 (còn gọi là tạng thức hay kho tàng), khi nào chủng tử chín mùi, thì nó truyền ra giao cho thức thứ 6 đi thi hành. Cái nào tâm lực mạnh thì cái quả đến trước, cái nào tâm lực yếu thì cái quả đến sau, có khi kiếp này tạo cái nhân, kiếp sau mới nhận cái quả, hoặc là 10 kiếp, 100 kiếp mới nhận cái quả.

Nếu tu Tổ Sư Thiên, tăng cường sức mạnh của tâm, tức là tạo nhân mạnh thì quả đến liền. Mặc dù tạo nhân ác nhiều kiếp trước, nhưng nó yếu hơn nên quả đến sau. Ví dụ như tạo nhân là 1 độ, mà tham thiên 10 độ thì quả tham thiên đến trước, đến hết rồi thì tới quả 9 độ, 8 độ, cuối cùng đến quả 1 độ.

Nếu tham thiên được 10 độ, mà không ngưng tham lại tiến thêm 100 độ, 1000 độ, 1000000 độ cho đến thành Phật thì cái nhân ác không có cơ hội đến được. Thành Phật rồi phải độ chúng sanh nào có nhân duyên. Trong kinh Kim Cang nói: Tiên thân Phật Thích Ca bị Ca Lợi Vương xê thân ra từng miếng, mà Phật Thích Ca lại độ ông ấy trước. Ca Lợi Vương sau này là tôn giả Kiều Trần Như.

Bất cứ chúng tử thiện ác, một khi đã chín mùi thì cái quả mới đến, nhân yếu dòi lại sau, nhân mạnh thì đến trước. Cho nên tự mình có thể sửa đổi nhân quả, nhưng người khác không sửa được. Như ngài Mục Kiền Liên cứu mẹ, ngài đã chứng quả A La Hán được đệ nhất thân thông, nhưng không cứu được cái nghiệp mẹ ngài là bà Thanh Đề; phải nhờ tâm lực của 1250 vị Tỳ Kheo A La Hán hợp lại mới chiêu cảm được tâm bà Thanh Đề, rồi tâm bà tự chuyển ra khỏi cõi nạ quý.

Nhân quả là vậy! Ai ăn người nấy no, con cái có hiếu không ăn no giùm cho cha mẹ, cha mẹ thương con cách mấy cũng không ăn no giùm cho con.

Hỏi: *Những người tinh tấn tu thiền thất, phiền não chưa dứt, vậy cuối cùng cuộc đời người ấy có được giải thoát không?*

Đáp: Vừa rồi nói là tùy theo sức lực của mình tạo nhân, như kiếp trước mình tạo nhân ác, làm cho người ta bị chết đói, nếu kiếp này tâm lực chỉ 1 độ, cũng phải chịu quả chết đói. Bây giờ tham thiền từ 1 độ lên đến 2 độ, 3 độ cho đến 10 độ và mình chỉ làm việc lành, không làm việc ác thì phước báo đến trước, quả chết đói dòi lại sau. Nếu tham thiền được 10 độ mà không tu nữa thì quả 10 độ hết, rồi đến quả 9 độ, 8 độ, cứ dần dần đến 1 độ thì quả chết đói cũng phải tới.

Tham thiền được 10 độ không ngưng tham, lại tiến thêm 100 độ, 1000 độ, 1.000.000 độ, cho đến thành Phật thì quả chết đói không đến được, nhưng nhân đó không tiêu mất, nên thành Phật còn phải độ chúng sanh, người mình làm cho chết đói, được ưu tiên độ họ trước thì nhân chết đói mới tiêu mất, vì thế mình không bị chết đói.

Hỏi: *Theo Đại Thừa Khởi Tín Luận nói: Giải ngộ rồi tu chơn như tam muội thì mới ngộ nhập được, còn tu thoai đầu công án chưa giải ngộ, có phải tu giống như ngoại đạo không?*

Đáp: Ấy là người đó không có rõ, cuộc sống hằng ngày đều phải dùng ý thức (bộ não). Bộ não gồm có 2 mặt: Biết và không biết. Người ta dùng mặt biết để tu gọi là Như Lai thiền, như Tịnh Độ tông, Thiên Thai tông, Hiền Thủ tông, Duy Thức tông,... theo phổ thông giáo môn có 52 cấp: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác.

Dùng không biết để tu là Tổ Sư thiền không có cấp bậc, tức từ địa vị phàm phu tu chứng lên Đẳng Giác. Từ Đẳng Giác tiến thêm một cấp nữa gọi là Diệu Giác tức là quả Phật. Vì người hỏi không hiểu, cho nên câu hỏi không đúng.

Hỏi: *Tông chỉ Thiền tông là bất lập văn tự, tại sao những bản văn bất hủ, những án văn tuyệt tác, mà lại do các Thiền sư để lại?*

Đáp: Lục Tổ nói trong Pháp Bảo Đàn: Chính 2 chữ “bất lập” cũng là văn tự vậy! Kinh Lăng Già cũng nói: “Văn tự tánh li”. Nếu không dùng văn tự thì Phật pháp bây giờ không còn, Thiền tông cũng vậy. Có văn tự nhưng không chấp vào văn tự, tất cả đều không chấp. Phật pháp là phá chấp trước của chúng sanh, nếu không chấp trước thì tất cả các pháp đều là Phật pháp, tức là theo thể lưu bố tướng không sanh ra trước tướng (kinh Đại Niết Bàn).

Hỏi: *Thế gian Thánh Phàm khác biệt, phàm phu ngoài tâm chấp pháp, vọng lập kiến văn; bậc Thánh đã ngộ nhất tâm, tại sao còn có tri kiến như phàm phu?*

Đáp: Bậc Thánh dù có tri kiến, nhưng thấu rõ vật như huyễn, chẳng sanh chấp trước. Kinh Đại Niết Bàn nói:

Bồ Tát Ca Diếp bạch Phật: Thế Tôn! Nếu như phiền não sanh bởi điên đảo tướng, thì tại sao bậc Thánh thật có điên đảo mà không có phiền não?

Phật hỏi: Sao nói bậc Thánh có điên đảo tướng?

Bồ Tát Ca Diếp đáp: Bạch Thế Tôn! Tất cả Bồ Tát gọi con trâu là con trâu, con ngựa là ngựa, gọi nam, nữ lớn nhỏ, nhà cửa, xe cộ,... ấy là điên đảo tướng.

Phật nói: Tất cả phàm phu có 2 thứ tướng: thế lưu bố tướng (thế gian đã lưu hành) và trước tướng (chấp trước).

Bậc Thánh chỉ có thế lưu bố tướng chẳng có trước tướng, phàm phu chấp trước nên ở thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng. Bậc Thánh khéo giác quán, nên ở nơi thế lưu bố tướng không sanh ra trước tướng. Cho nên phàm phu gọi là điên đảo tướng.

Bậc Thánh dù tri, nhưng chẳng gọi là điên đảo tướng; lại do cảnh vốn tự không, đâu cần hoại tướng; do linh tâm tự chiếu, đâu nhờ cảnh sanh, nên chẳng như phàm phu chấp trước năng sở tri kiến như vậy.

Triệu Luận nói: Hễ có sở tri thì có sở bất tri. Do Thánh tâm vô tri nên vô sở bất tri, cái tri của vô tri gọi là nhất thiết tri. Nên Kinh nói: “Thánh tâm vô tri mà vô sở bất tri”, thật đáng tin vậy! Cho nên bậc Thánh trống rỗng nơi tâm, mà thật tế chiếu soi, suốt ngày tri nhưng chưa từng tri, như lắng nước soi bóng, há đâu có lập tâm năng sở. Cảnh trí đều không đâu có cảnh giác tri ư! Theo sự trình bày trên đây và kinh Đại Niết Bàn, thì biết ở nơi pháp thế gian không sanh trước tướng tức là pháp xuất thế gian, cũng là Phật pháp. Chứ không phải ngoài pháp thế gian mà có pháp xuất thế gian đặc biệt gọi là Phật pháp vậy.

Nói tóm lại, cuộc sống hằng ngày đói thì ăn, khát thì uống, lạnh thì mặc thêm áo, nóng thì cởi bớt ra, cho đến nói năng tiếp khách làm việc... ở nơi các pháp thế gian, chẳng sanh trước tướng, tức là Phật pháp. Chẳng đem chủ quan của mình xen vào sự vật, tức là chẳng sanh trước tướng, cũng là chẳng có “cho là” thì không lọt vào nhị biên đối đãi vậy.

Phật nói: Dùng văn tự nhưng không biết văn tự, vì chỉ là phương tiện. Chấp phương tiện chân thật là si mê; phương tiện là tạm thời, đâu phải chân thật. Tất cả lời nói văn tự đều là văn tự, chớ nên chấp thật.

Cuộc sống hằng ngày, ăn cơm thì cứ ăn cơm, mặc áo thì cứ mặc áo, chứ không cho áo này đẹp, áo kia xấu, sanh tâm chấp trước thì phiền não mới đến, cũng như muốn may áo mà không có tiền may áo cũng phiền não. Theo câu hỏi trên, người hỏi có chấp trước văn tự.

Hỏi: Minh tâm kiến tánh thì lấy cái gì để minh, lấy cái gì để kiến?

Đáp: Tâm như hư không vô sở hữu, làm sao lấy cái gì để minh để kiến? Vì tất cả lời nói đều có ngữ bệnh, như trong kinh nói: “Từ vô thi đến nay”. Từ vô thi sao có đến nay được! Phải có hữu thi mới có đến nay. Rồi nói: “Kiến tánh thành Phật”, tánh làm sao kiến? Nếu tự tánh thành sở kiến thì có năng sở, đâu phải bất nhị! Nếu có năng kiến và sở kiến là nhị rồi. Cho nên, tất cả văn tự và lời nói chỉ là phương tiện; nếu chấp phương tiện cho là thật thì học cũng uổng công.

Hỏi: Thiền là một pháp môn tương đối khó thực hiện trong hiện tại, vậy cúi mong Hòa thượng dạy cho phương pháp dễ thực hiện nhất, mà vẫn đạt như sở nguyện?

Đáp: Phương pháp Tổ Sư thiền rất dễ tu, chỉ hỏi câu thoại và nhìn thoại đầu. Tham là hỏi câu thoại, để kích thích lên một niệm không biết; khán là nhìn, nhìn chỗ không biết, nhưng chỗ không biết thì không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn, không có mục tiêu để nhìn, thì nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết; chính vẫn còn không biết đó, Thiền tông rất chú trọng gọi là nghi tình, tức là cái

không biết; hỏi và nhìn, hai cái song song đi một lượt, vừa nhìn để giữ cái không hiểu không biết, tức là nghi tình để đưa hành giả đến thoại đầu, rồi kiến tánh thành Phật.

Ví dụ chỗ trên cây viết là thoại đầu, ở dưới là thoại vi. Bắt đầu hỏi và nhìn là rời khỏi thoại vi, chưa đến thoại đầu là đang đi ở giữa đường. Vì mục đích của mình là muốn đến thoại đầu, cho nên gọi là tham thoại đầu hay khán thoại đầu.

Phật Thích Ca dạy dùng không biết của bộ não, để chấm dứt cái biết của bộ não. Tất cả biết bộ não chia ra làm 3 bộ phận: Tìm hiểu biết, ghi nhớ biết và suy nghĩ biết. 3 cái biết này hết thì sẽ đến thoại đầu, Thiên tông gọi là đầu sào trăm thước, có người dịch là đầu sào trăm trượng, chỗ này cũng gọi là nguồn gốc của ý thức, ngài Nguyệt Khê nói là vô thị vô minh, tức là căn bản vô minh.

Tại sao còn có vô minh? Vì còn không biết của bộ não, nên sát na cuối cùng của đầu sào trăm thước tiến lên một bước lìa khỏi ý thức, thì biết và không biết của bộ não đều sạch, cái biết Phật tánh hiện ra khắp không gian và thời gian.

Khắp không gian tức là trống rỗng nên gọi là tánh không, khắp không gian không có khứ lai nên gọi là Như Lai. Khắp thời gian không có gián đoạn, chẳng có sanh diệt nên gọi là Niết Bàn. Vì không sanh không diệt nên trống rỗng, không có chỗ trụ gọi là vô sở trụ. Lục Tổ nghe Ngũ Tổ giảng Kinh Kim Cang đến câu: “Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm” rồi ngộ triệt để.

Cái tay nắm mở, muốn lấy gì cũng được gọi là hoạt bát vạn năng, vì nó không có trụ, tức không nắm hẳn một nắm tay cố định. Nếu nắm hẳn lại thì cái hoạt bát vạn năng của tay bị mất, không thể cầm lấy cái gì nữa.

Cái không biết của nghi tình là cái chỗi tự động quét tất cả biết và không biết của bộ não, khôi phục hoạt bát vạn năng của bản tánh, nên sử dụng việc gì cũng thông. Như cái tay tự làm nắm tay, thì trụ nơi nắm tay cũng không lấy cái gì được, nên không trụ nơi nắm tay, mới có được hoạt bát vạn năng, muốn lấy gì cũng được.

“Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”, ung là nên, vô sở trụ là không có chỗ trụ. Sanh kỳ tâm là cái dụng, tức muốn dùng phải vô sở trụ, nếu có trụ thì không dùng được; mặc dù trụ nơi có, trụ nơi không, hay bất cứ trụ nơi nào đều không được; như trụ nơi Phật, trụ nơi Bồ Tát đều bị chướng ngại, không được hiện ra cái dụng hoàn toàn.

Hỏi: Tu thiền để đưa đến thanh tịnh giải thoát, tại sao có vài vị tu thiền một thời gian lại bị điên?

Đáp: Tham thiền không phải muốn thanh tịnh, cũng không mở trí để giải thoát. Tại sao? Vì tâm như hư không trống rỗng, tại có cái TA, muốn có sở đắc, có sở cầu, có sở sợ nên ma mới nhập được. Còn không có cái TA thì ma nhập ở đâu! Những người hỏi vì bệnh chấp thật quá nặng nên không hiểu, mới có câu hỏi này.

Hỏi: Đạo Phật không thừa nhận định mệnh, vì làm mê hoặc con người, nhưng có người nói Phật Thích Ca thọ ký cho Phật Di Lặc một kiếp nữa sẽ thành Phật. Vậy vấn đề này có phải như định mệnh không?

Đáp: Định mệnh gọi là nghiệp nhân nghiệp quả, nếu ở trong chiêm bao thì còn nhân quả trong chiêm bao, nhưng nhân quả của mình tự mình sửa mới được, chứ người khác không sửa giùm được. Tâm lực yếu thì theo nhân quả lúc trước, còn tâm lực mạnh thì nó sẽ sửa khác, đâu phải cái nghiệp có nhất định, tu là chuyển nghiệp.

Hỏi: Phật nói trong phẩm Phổ Môn: Nước Quỷ La Sát, vậy Quỷ La Sát có ở cõi Nam Diêm Phù Đề này không?

Đáp: Phật nói “Vạn pháp duy tâm tạo”, tâm mình chấp thì có, không chấp thì không có. Đại Trí Độ Luận nói “Tại chấp Phật thì có Phật, chấp Bồ Tát thì có Bồ Tát, chấp Đại thừa thì có Đại thừa”. Nếu tất cả tánh không thì tất cả trống rỗng. Tất cả vì do chấp nên mới có, có và không là tương đối, thuộc sản phẩm của bộ não. Còn thực tế thì không dính dáng đến có và không. Nếu ta chấp có và không thì lọt vào biên kiến trong 5 thứ ác kiến.

Năm thứ ác kiến là: Thân kiến, biên kiến, kiến thủ, tà kiến, giới cấm thủ. Nhiều người lọt vào biên kiến mà không tự biết. Như chấp có Phật hay chấp không Phật đều là biên kiến. Tôi có giải thích trong Trung Quán Luận.

Hỏi: Ngài Quán Thế Âm được cúng dường châu ngọc vô giá, tại sao Phật không nhận?

Đáp: Chư Phật chư Bồ Tát muốn chúng ta được ngộ, nếu chúng ta chấp thật thì không bao giờ ngộ. Cái vô giá là cái tâm của chúng ta vậy, ngộ cái tâm mới thật là vô giá; còn không ngộ, nếu có được vô giá, mà sau khi chết thì chẳng được gì?

Bây giờ có thể lực cao, có sự nghiệp lớn, thành công to, tiền của nhiều, có đầy châu báu vô giá,... đâu làm chủ những cái ấy được! Không muốn lia mà nó vẫn lia, thân này không muốn bệnh mà nó cũng bệnh, không muốn chết nhưng nó cũng chết, tự mình làm chủ không được, mà có vô giá thì được ích lợi gì!

Hỏi: Tu Thiền phải có người hướng dẫn, nếu không có người hướng dẫn sẽ bị lạc. Vậy muốn tu không có thầy hướng dẫn, thì phải tu như thế nào?

Đáp: “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Nếu thực hành được 9 chữ này thì bảo đảm không có bị lạc, vì chánh pháp phải cần phá ngã chấp. Nếu không phá ngã chấp thì không giải thoát mà thành tà ma ngoại đạo. Tà ma ngoại đạo cũng có thiền định rất cao, nhưng họ không có phá ngã chấp.

Hỏi: Quán thoại đầu “Ta là ai?”, có chứng đắc gì mà không biết, thấy mặt ngọc ngáo, thân mình lơ đãng thường ngồi một mình. Vậy có phải tu không đúng chánh pháp không? Và sửa chữa bằng cách nào?

Đáp: Vì họ không tu đúng chánh pháp, tại dùng cái biết để suy nghĩ ta là ai? Ta là đàn ông, ta là đàn bà,... có đủ thứ ta mà sao nói không biết! Họ đã tự dối mình. Họ hỏi câu thoại thiếu một đoạn đầu.

Câu thoại đầu đầy đủ là: “Khi chưa có trời đất, ta là cái gì?”, họ cứ dùng cái biết để suy nghĩ thì không phát khùng cũng phát điên. Dùng cái không hiểu không biết để chấm dứt tìm hiểu biết, chấm dứt ghi nhớ biết và chấm dứt suy nghĩ biết của bộ não.

Hỏi: Dụng tâm nhìn thẳng vào hãm sâu vô minh, ô lên một tiếng phá bức màn vô minh, Phật tánh hiển lộ. Vậy vô minh không thấy không nghe, không tướng, làm sao biết mà nhìn?

Đáp: Người hỏi có đọc Bát Nhã Tâm Kinh không? Chắc là có. Chùa nào, sớm chiều thời kinh nào cũng có tụng: “Vô vô minh diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận”. Không có vô minh, làm sao hỏi vô minh, mà lại chấp vô minh là thật! Chỉ cần ngộ không có vô minh, không có già chết thì giải thoát.

Như Tôi bây giờ đã già, sau này cũng phải chết. Tại sao trong kinh nói không già không chết? Trong lúc tụng kinh mình phải tự hỏi, còn miệng cứ tụng mà kinh nói gì không biết!

Hỏi: Trong kinh sách chư Tổ thường đã phá tất cả. Như “gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ”. Nếu ngày nay, mọi người thấy vậy, có ảnh hưởng đến đạo pháp không?

Đáp: Gặp Phật giết Phật là giết cái tâm chấp Phật, chứ đâu phải giết Phật Thích Ca; chấp ma là giết tâm chấp ma, chứ đâu phải giết ma. Tức là chấp cái gì là giết cái đó.

Hỏi: Lục căn tiếp xúc lục trần, làm sao lục thức không bị đắm nhiễm?

Đáp: Tông Tịnh Độ lấy Ngài Đại Thế Chí trong kinh Lăng Nghiêm làm gương mẫu, có nói “độ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Nếu nhiếp được nhãn căn không phân biệt tốt xấu, vì thấy tốt ham thích, thấy xấu chê bai; nhiếp được nhĩ căn thì không phân biệt tiếng hay dở, khen không mừng, chê cũng không tức giận.

Nhiếp được lục căn thì tịnh niệm mới được tương tục. Tức là niệm trong sạch không có niệm nào khác. Nếu nhiếp không được thì có tương đối, có lúc thương ghét, ham thích, khen chê. Vậy làm sao có niệm trong sạch được! Tất cả các pháp môn tu đều như vậy.

Tham thiền giữ cái không hiểu không biết thì đã nhiếp được lục căn. Không biết tốt thì không ham thích, không biết xấu thì không chê. Nếu dùng cái biết để tu thì khó hơn, dùng cái không biết để tu thì dễ hơn. Cái không hiểu không biết gọi là pháp Thiền trực tiếp.

Có người hỏi tôi: Nếu dùng cái không biết để tu tới thoái đầu thì sắp kiến tánh, có phải sắp biết không?

Tôi nói: không phải, không được nói là sắp biết.

Người ấy hỏi: Nếu không được nói là sắp biết, như vậy có giống như gỗ đá không?

Tôi nói: Cũng không phải, vì cái biết chơn tâm không bao giờ ngưng, nếu có ngưng rồi trở lại biết thì nói là sắp biết được. Nó không bao giờ ngưng, làm sao nói là sắp biết! Người đó không hiểu, vì cứ dùng bộ não, làm sao biết được chơn tâm?

Tôi đổi lại câu hỏi: Trời gần sáng thì mặt trời sắp chiếu, vậy có được không? Không được, không được nói mặt trời sắp chiếu! Tại sao? Vì mặt trời có ngưng chiếu hồi nào, mà nói mặt trời sắp chiếu! Trời sáng, mặt trời đâu có bắt đầu chiếu. Bây giờ nó cũng đang chiếu, vì không thấy mặt trời là do bị trái đất hay mây đen che khuất, đâu phải nó bị ngưng chiếu!

Cái biết chơn tâm của mình cũng vậy, nó không có ngưng biết, vì bị che khuất bởi biết và không biết của bộ não. Cho nên, Phật dùng phương tiện không biết của bộ não, để dẹp cái biết che khuất của bộ não thì đến thoái đầu. Chứ không phải cái biết của chơn tâm bị ngưng, nếu cái biết chơn tâm bị ngưng thì bị sanh diệt luân hồi, kiến tánh thành Phật đâu có ích lợi gì!

Bản tâm của mình không có sanh diệt, nên Phật gọi là vô thi (không có bắt đầu) cũng là nghĩa vô sanh (không có sự sanh khởi). Nếu có sự sanh khởi là có sự bắt đầu. Vậy, người chứng quả là ngộ pháp vô sanh hay chứng vô sanh pháp nhẫn.

Theo lý toán học không có con số nhỏ nhất và cũng không có con số lớn nhất, các nhà giỏi toán cũng biết không có con số nhỏ nhất, vì đem chia mãi không có hết.

Trong quyển toán học của Hồng Kông nói: Con sâu dếp cỡ nhỏ bằng một đơn té bào, cách ngày đêm nó sanh ra làm hai; như ngày nay 1 con, ngày mai thì 2 con, ngày mốt thì 4 con... cứ như thế trải qua 90 ngày đêm thì thể tích bằng một mét khối, cho đến 130 ngày đêm thì thể tích bằng quả địa cầu, nếu một ngày nữa thì 2 quả địa cầu.

Ngược lại, đem quả địa cầu xẻ ra, xẻ đến 130 ngày đêm thì khôi phục con sâu dếp cỏ. Nếu lấy toán học đem con sâu xẻ thêm 130 lần nữa, thì thịt con sâu mình có thể biết không? Cứ theo toán học như vậy mà đến trăm lần 130, ngàn lần 130, nhưng vẫn thấy con số để biểu thị thịt con sâu dếp cỏ. Nhưng thực tế còn có thịt con sâu dếp cỏ đó không? Có chia nữa thì con số vẫn còn mãi.

Nếu đem con sâu đó làm đơn vị 1, thêm trước số 1 là số “0.” thì nó nhỏ 10 lần, rồi thêm số 0 sau “0.” thì nhỏ thêm 10 lần nữa, cứ thêm như thế, dài bằng một quả đất, hai quả đất... con số cứ nhỏ nhưng không có hết.

Cái gì nhỏ nhất có thể dùng kính hiển vi mới thấy được. Giả thiết khoa học cải tiến kính hiển vi, còn nhanh hơn mình thêm con số 0 thì cũng có thể nhìn thấy thịt con sâu đó. Nhưng thịt con sâu đó chưa phải thực tế. Tại sao? Vì còn phân chia được nữa.

Vậy, biết định lý toán học không thể tìm sự bắt đầu. Nên Phật nói: “Vô thi, bất khả đắc” gọi là vô sanh. Nhà khoa học dùng toán tìm sự bắt đầu của sanh mạng và vũ trụ, có phải ngu si không? Nói nhà khoa học ngu si thì không thể được, vì khoa học tạo hạnh phúc cho con người.

Hỏi: Phật tử tại gia tu thiền cần trường trai không?

Đáp: Có cần trường trai hay không cần trường trai là tương đối, cho nên không nói cần hay không cần, vì việc này là nhân quả. Như ăn một cục thịt phải trả một cục thịt, giết một mạng phải trả một mạng. Nếu mình sẵn sàng để cho người ta ăn thì cứ ăn người ta. Nếu mình sợ người ta ăn mình thì mình đừng ăn người ta. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Kiếp này làm người ăn thịt dê, kiếp sau mình đầu thai dê, dê đầu thai người thì nó ăn lại”. Tức là thay phiên ăn lẫn nhau, cũng như mình ăn thân của mình vậy.

Hỏi: Mấy mươi năm thực hành thiền, Hòa thượng có tâm đắc điều gì của mình và có suy nghĩ gì sự truyền bá trong giai đoạn phát triển của xã hội, có thuận nghịch gì không?

Đáp: Vì sự hoằng pháp cũng làm chướng ngại việc tu của tôi. Tại sao? Vì bắt đầu ra hoằng Tổ Sư thiền, người ta hỏi tôi thì tôi phải biết. Nếu tôi không biết làm sao người ta tin tôi được! Bất cứ người ta hỏi cái gì thì tôi phải biết. Bây giờ, tình hình xã hội kinh tế... tôi phải biết, chính cái đó làm chướng ngại việc tu. Đã dùng cái không biết để tu, mà lại dùng cái biết mãi, vậy làm sao không bị chướng ngại?

Nhưng tôi hy vọng các vị kiến tánh trước tôi, như trong Thiền tông có: Ngài Thần Tán kiến tánh, mà thầy của ngài chưa kiến tánh. Nên thầy của ngài xin làm đệ tử ngài.

Hỏi: Kính xin Hòa Thượng dạy cho phương pháp tham thiền, để ứng dụng trong đời sống hằng ngày khỏi bị chướng ngại với nhau?

Đáp: Khoảng 4, 5 năm trước, tôi ở Mỹ đi Canada dạy Tổ Sư Thiền, ở Mỹ có 10 Phật tử đi theo; trong đó có 2 mẹ con, người mẹ tên là Nguyệt Anh, có đứa con 3 tuổi tây, nó được mẹ dạy tham thiền 4 tháng, tham câu “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Đền quán khoa học thành phố Toronto, có máy vi tính đo hoạt động bộ não, máy chia ra làm ba mươi mấy cấp. Khi để tay trên máy thì đèn báo sáng ở trên, mọi người đi trong đoàn đều tham thiền, mỗi người đo thì đèn báo ở trên sáng từ từ xuống rồi tắt.

Tôi thường thuyết pháp, người già 70, 80 tuổi đều tham thiền được, con nít 7, 8 tuổi cũng tham thiền được. Nhưng đứa bé mới 3 tuổi tôi không tin nó tham thiền được. Sẵn có máy thử, tôi ẳm nó để trên đầu gối tôi, tôi cầm tay nó để trên cái máy. Ban đầu

đèn báo cũng sáng, tôi báo nó tham thiền đi, nó liền tham thiền, đèn báo cũng từ trên xuống rồi tắt.

Cái máy đo thì không có gạt ai. Bên cạnh các người Canada đang đứng nhìn, mà họ đã đo qua máy. Họ nói: Ai đo, đèn báo đều tắt và luôn đưa bé cũng vậy, còn chúng tôi tại sao không được?

Tôi nói với họ: Hãy bớt suy nghĩ thì đèn báo mới xuống và tắt.

Họ nói: Tôi không suy nghĩ, nhưng đèn báo không xuống được.

Miệng họ nói không suy nghĩ, nhưng bộ óc đâu chịu nghe lời. Vì họ chưa có tập thì làm sao không chế bộ óc được. Những người này đều có tập tham thiền rồi, nên không chế bộ óc rất dễ. Nhưng đứa bé này đặc biệt, chắc là kiếp trước có tham thiền. Nó sẵn có cái không biết nên đèn báo xuống mau hơn những người lớn. Người lớn đã tập tham thiền mười mấy năm, lại đèn xuống chậm hơn nó. Vì người lớn đã biết nhiều, muốn dẹp cái biết, phải trải qua thời gian lâu.

Sau khi về Mỹ, nó dạy tham thiền cho mấy đứa 7, 8 tuổi.

Hỏi nó: Sao không dạy cho mấy đứa bằng này?

Nó nói: Mấy đứa đó không biết.

Vì vậy, dùng cái không hiểu không biết để tu thì dễ hơn dùng cái biết để tu. Tham thiền dùng cái không hiểu không biết chấm dứt tất cả biết như gió thổi tan mây đen, nếu thổi trống được lỗ nhỏ thì ánh sáng mặt trời ngay chỗ đó xuyên qua, dùng liền chứ không phải đợi tới kiến tánh mới dùng được. Lúc đó bộ não không biết, nhưng công việc của bộ não đều được hoàn thành. Có nhiều Phật tử cũng đạt đến mức độ này, nhưng chỉ được chút ít. Nếu ngưng tham thiền như mây đen che lại thì không dùng được nữa. Nếu gió thổi tan mây đen được lỗ lớn hơn thì cái dùng nhiều hơn.

Hỏi: Tổ Sư thiền và Như Lai thiền khác nhau như thế nào?

Đáp: Như Lai thiền là dùng cái biết để tu, có giai cấp: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Trụ, Đẳng Giác và Diệu Giác, tổng cộng gồm có 52 cấp.

Còn Tổ Sư thiền không có cấp bậc, nhưng có tam quan: Sơ Quan, Trung Quan và Mạt Hậu Lao Quan. Kỳ thật, có người khởi cần phải qua Sơ Quan, Trung Quan, có khi thẳng đến Mạt Hậu Lao Quan.

Cho nên giáo môn tụng kinh là tu. Quán Tông Tự của Ngài Đệ Nhàn, mỗi thời tụng kinh phải 2 giờ, mỗi ngày 3 thời. Nếu tụng không đủ 2 giờ thì Ngài quở cho là làm biếng. Vì tụng kinh đến đâu là quán tưởng đến đó, gọi là tùy duyên quán tưởng, tức là đang tụng kinh là đang tu thiền quán, chứ không phải tụng cho Phật nghe.

Khai thị Thiền thất ngày 16-4 =>22-4-1999 tại chùa Hưng Phước.

Hỏi: Ngài Bác Sơn trong Tham Thiền Cảnh Ngữ dạy: “Người tham thiền nếu chưa triệt ngộ, trước hết lo giải quyết bồn phận của mình phải kiến tánh, chứ không được dạy người khác”, ý như vậy là thế nào?

Đáp: Muốn dạy người khác phải biết phương tiện, nếu không biết phương tiện mà dạy người thì có thể làm hại người, nên chư Tổ phải nói như vậy.

Hỏi: Con có đọc tiểu truyện của Ngài Đại Am Tĩnh Sư là một thiền sư kiến tánh, sau này sao Ngài lại tu Tịnh Độ? Khi Ngài sắp lâm chung thì được vãng sanh cực lạc. Như vậy con không hiểu rõ, kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Kiến tánh rồi đi hoằng Tịnh Độ thì có thể được, chứ kiến tánh rồi đâu có thể tu Tịnh Độ! Ông ấy không có biết. Người tu Tịnh Độ không tin pháp môn Tổ Sư thiên, không tin tự tâm, nên họ phải đi đường xa, khi được vãng sanh rồi thì Phật A Di Đà mới dạy pháp môn tham thiên là từ nghi đến ngộ. Đó là được ghi từ kinh Đại A Di Đà.

Người tu Tịnh Độ không biết, cho thiên không phải Tịnh Độ. Nhưng 3 cách tu của Tịnh Độ đều là thiên. Thật tướng niệm Phật gần bằng như Tổ Sư thiên, quán tưởng niệm Phật có 16 pháp thiên quán ở trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, còn trì danh niệm Phật mục đích là đến nhất tâm bất loạn cũng là thiên. Tất cả các pháp môn của Phật dạy đều lấy thiên làm căn bản, không có thiên thì không thể tu được. Không những Phật giáo là vậy, mà tà ma ngoại đạo cũng đều có thiên.

Nhưng tà ma ngoại đạo thì không phá ngã chấp, nên không được giải thoát. Chánh pháp thì phá ngã chấp, như người tu Tịnh Độ phát đại nguyện, rồi thực hành đại nguyện của mình phát, tức là phá ngã chấp. Còn ông này thì ngã chấp chưa phá được, vậy làm sao giải thoát hay nói vãng sanh cũng chưa chắc được. Việc như thế, làm cho người ta hiểu lầm tức là hại người. Nếu làm cho người ta hiểu lầm và bị hại thì phải đọa địa ngục.

Hỏi: Cụ ĐỂ Hòa thượng được ngộ đạo do Thiên Long Thiền sư khai thị giờ một ngón tay, sau này đệ tử cũng bắt chước giờ một ngón tay thì mới lập phương tiện mài con dao thật bén để trong túi áo. Một hôm hầu trà, Hòa thượng hỏi thì giờ ngón tay lên, Hòa thượng chặt đứt. Như vậy Hòa thượng có lỗi không?

Đáp: Cụ ĐỂ Hòa thượng chưa ngộ mà tưởng mình đã ngộ, một hôm ngồi ở thiền sàng gặp cô Ni Thật Tế từ ngoài bước vô chùa không chịu bỏ nón xuống. Cụ ĐỂ nói: Xin cô lấy nón xuống.

Ni Cô đi 3 vòng rồi nói 3 lần: Nói được thì ta bỏ nón xuống.

Cụ ĐỂ nói không được, cảm thấy mắc cỡ, biết Ni Cô rất hay. Ni Cô định đi ra, Cụ ĐỂ nói: Trời gần tối, mời Ni Cô ở lại một đêm (để thỉnh giáo).

Ni Cô nói 3 lần: Nói được thì ta ở lại.

Cụ ĐỂ vẫn không nói được, Ni Cô bỏ đi. Sau khi Ni Cô đi rồi, Cụ ĐỂ cảm thấy hổ thẹn, mình là đại trượng phu mà không bằng người nữ. Trong Phật pháp Tỳ Kheo Ni có bát kinh đối với Tỳ Kheo, tức là Tỳ Kheo Ni 100 tuổi hạ cũng phải đánh lễ Tỳ Kheo mới thọ giới. Nhưng Tỳ Kheo Ni kiến tánh thì Tỳ Kheo phải đánh lễ.

Cụ ĐỂ định bỏ chùa đi tham học, nhưng đêm đó chiêm bao thấy thần Hộ Pháp cho biết: “Ông khỏi đi, ngày mai sẽ có thiện tri thức đến”. Đúng ngày mai có thiền sư Thiên Long đến, Cụ ĐỂ tiếp đãi tử tế, rồi đem chuyện Ni Cô Thật Tế kể cho thiền sư Thiên Long nghe và nhờ thiền sư chỉ dạy. Thiền sư Thiên Long không nói, chỉ đưa một ngón tay lên thì Cụ ĐỂ liền ngộ.

Về sau có người đến hỏi pháp, Cụ ĐỂ cũng đưa một ngón tay lên, thị giả thấy và bắt chước, có ai hỏi thì thị giả cũng đưa ngón tay lên. Người ta lại nói với Cụ ĐỂ, thị giả của ngài thuyết pháp cũng hay vậy. Cụ ĐỂ hỏi: Thuyết pháp như thế nào?

Người ấy nói: Có ai hỏi pháp thì thị giả cũng đưa ngón tay lên.

Cụ ĐỂ mài con dao thật bén để trong túi áo, có một hôm thị giả bung trà đến Cụ ĐỂ, rồi Cụ ĐỂ hỏi thị giả: Thế nào là Phật?

Thị giả liền đưa ngón tay lên, Cụ Đê lấy dao chặt ngón tay, thị giả hoảng sợ bỏ chạy, Cụ Đê rượt theo và nói “đứng lại!”, thị giả đứng lại nhìn. Cụ Đê hỏi: Thế nào là Phật? Thị giả giơ tay lên không thấy ngón tay rồi liền ngộ.

Hỏi: Con đã tham Tổ Sư thiên, nhưng có người nhờ con dâng hương lễ sám, việc này có nên làm không?

Đáp: Theo giáo môn, tụng kinh là tu. Giáo môn của Thiên Thai tông ở Trung Quốc tên là Quán Tông tự (Ninh Ba), Pháp sư Đê Nhân trụ trì ở đây, ngài là đời thứ 42 của tông Thiên Thai dạy người ta tu thiên giáo môn, mỗi ngày 3 thời tụng kinh, mỗi thời phải 2 giờ. Tụng kinh là thiên quán, tức là tụng đến đâu quán đến đó gọi là tùy duyên quán tưởng.

Nếu tụng không đủ 2 giờ thì ngài Đê Nhân quở là làm biếng. Bây giờ các chùa cũng tụng bao nhiêu đó, thường thường chỉ có 40 phút là xong. Sự thật tụng kinh là tu, chứ không phải tụng kinh để cho Phật nghe. Vì lời của Phật dạy cho người ta tu, chứ Phật đâu cần nghe, mà cho Phật nghe là có công đức, như thế lừa gạt mình và người.

Hỏi: Thông thường các thầy dạy Phật tử niệm Phật khi chết được Phật rước về Tây Phương, tụng kinh rất nhiều, niệm Phật có ghi 108 biến, nhưng họ niệm có 10 biến, ra ngoài ngôi nói chuyện sám. Nhân cơ hội họ thích niệm Phật, con hướng dẫn họ niệm Phật đi kinh hành ở chánh điện có được không?

Đáp: Họ niệm Phật mà không phải niệm Phật của Tịnh Độ, giáo môn thì không đúng tông chỉ của giáo môn. Niệm Phật thuộc tông Tịnh Độ, thực hành tín, hạnh, nguyện mới là tông chỉ Tịnh Độ. Chỉ có niệm Phật thì cũng không phải Tịnh Độ, vì không thực hành đúng theo tông chỉ Tịnh Độ. Giáo môn ở Trung Quốc có 4 tông: Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức.

Thiên Thai tông là giáo môn, vừa tụng tới đâu thì thiên quán tới đó. Tông chỉ Tịnh Độ gồm có: “Tín, hạnh, nguyện”. Tín là có 3 thứ tin, nguyện có 2 thứ nguyện, hạnh tức là niệm Phật cũng có 2 thứ: Nhất tâm niệm Phật và tán tâm niệm Phật. Chỉ có hạnh thì không thể vãng sanh, vãng sanh được hay không là do cái nguyện.

Nếu phát tiêu nguyện không được vãng sanh, phát đại nguyện lại không thực hành đại nguyện thì thành nguyện suông cũng không được vãng sanh. Nhưng bây giờ chưa thấy người nào tu đúng tông chỉ Tịnh Độ, không đúng làm sao được vãng sanh!

Đại nguyện của Phật A Di Đà giống như tổng đài phát thanh, nếu mình có radio nhỏ ở bất cứ chỗ nào, xa cách mấy cũng thu được; muốn thu được thì phải tương ứng với tổng đài, nếu mình vặn tần số sai một chút không thể thu được.

Bây giờ, những người tu Tịnh Độ không những thực hành xê xích một sợi tóc, mà xê xích không biết bao nhiêu dặm, làm sao tương ứng với đại nguyện Phật A Di Đà!

Hỏi: Bây giờ kinh của Phật rất nhiều, nhưng tụng kinh nào để thiên quán?

Đáp: Kinh của Tịnh Độ là: Kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh đại A Di Đà và tiểu A Di Đà. Thường mỗi chiều ở chùa tụng kinh tiểu A Di Đà, kinh đại A Di Đà người tu Tịnh Độ cũng ít biết. Kinh Quán Vô Lượng Thọ là chuyên dạy thiên quán của Tịnh Độ mà một số người tu Tịnh Độ cũng không biết lại phủ nhận tu thiên. Tất cả các pháp môn của Phật dạy đều là thiên, vì không có thiên thì không có tu, phải có thiên mới gọi là tu. Họ không nhìn nhận mình là thiên sao gọi là tu? Vì họ không đi đúng theo lời Phật, Tổ dạy.

Tổ thứ 13 của tông Tịnh Độ là Ấn Quang đại sư dạy tín, nguyện, hạnh rất kỹ. Tôi chỉ xem qua một lần và hoảng dương mười mấy năm chưa có gặp được người tu đúng

tông chỉ Tịnh Độ. Lúc tôi chưa đi Mỹ, ở Từ Ân gặp một người ở Thị Nghè là chủ tiệm vàng Mỹ Nữ, ông này thông suốt giáo lý, biết rõ tông chỉ Tịnh Độ, tu theo tông chỉ Tịnh Độ, nhưng chỉ thiếu một chút rất quan trọng là không thực hành theo đại nguyện của mình phát, thành nguyện sông.

Theo pháp thế gian mình mở trương mục ngân hàng, nhưng tiền ít không đủ trả cho các chủ nợ thì phải mắc nợ. Như lúc nhỏ mình có giết chết một con muỗi, con kiến không? Có ăn thịt không? Nếu có ăn một cục thịt thì phải trả một cục thịt, giết một mạng thì phải trả một mạng. Chủ nợ rất nhiều mà tiền thì ít không đủ trả, nên phải ký ngân phiếu 10 năm, 20 năm.

Mình phát đại nguyện là độ hết tất cả chúng sanh, mình và tất cả chúng sanh đều được vãng sanh. Nếu mình được vãng sanh rồi tu thành Phật, trở lại độ chúng sanh tức là trả nợ cho các chủ nợ của mình, chủ nợ của mình thì được ưu tiên. Phát đại nguyện là coi tất cả chúng sanh bình đẳng, trái lại, ăn thịt chúng sanh hay giết chúng sanh, nợ còn chưa trả làm sao vãng sanh được?

Ông ấy nghe tôi giảng, rồi cúng dường tiền và hứa giúp đỡ tôi trong việc hoằng pháp. Ông đi dự thiền thất tham thiền không tu Tịnh Độ nữa. Người ta cho tu Tịnh Độ dễ hơn tham Tổ Sư thiền, nhưng sự thật tu Tịnh Độ khó hơn tham Tổ Sư thiền gấp trăm ngàn lần. Người tu Tịnh Độ thường dẫn chứng Tịnh Độ của Đại Thế Chí trong kinh Lăng Nghiêm, có 8 chữ “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Nếu không nhiếp được lục căn làm sao có niệm trong sạch kéo dài?

Vừa rồi nói có ông tu thiền kiến tánh lại tu Tịnh Độ, người ấy rất ngu không biết gì hết! Tịnh Độ còn không biết thì Thiền làm sao biết được? Tu Tịnh Độ phải theo lời dạy của Tổ Tịnh Độ. Lời dạy của Tổ Tịnh Độ không bắt chước theo, mà cứ theo không biết gì! Từ Tổ Huệ Viễn làm sơ Tổ Tịnh Độ đến bây giờ chỉ có 13 Tổ, Ấn Quang đại sư là Tổ thứ 13 của Tịnh Độ giải thích Tịnh Độ rất kỹ càng.

Hỏi: Tu Tịnh Độ khó như thế nào? Tu Thiền khó như thế nào?

Đáp: “Đô nhiếp lục căn tịnh niệm tương tục” của Đại Thế Chí. Nhiếp nhãn căn thì không thấy tốt xấu, nhiếp nhĩ căn thì không biết khen chê, khen không mừng chê cũng không giận, nhiếp tỷ căn là không phân biệt thơm thúi, các căn kia cũng giống như vậy. Nhưng tôi chưa thấy những người tu Tịnh Độ nhiếp được một căn, có một số người chỉ biết chê Thiền.

Như Tứ Liệu Giản cho là của ngài Vĩnh Minh, sự thật không phải là do người ta đặt ra có mâu thuẫn mà không biết, nói có Thiền mà không có Tịnh Độ thì mười người chín người sai. Có Tịnh Độ mà không có Thiền thì một trăm người, một trăm người thành tựu tức là 100%, như vậy là tốt rồi. Tại sao tiếp theo nói là “có Tịnh Độ và có thiền còn tốt hơn, như cạp có sừng”? Đó là mâu thuẫn bậy bạ. Tại sao? Vì có Tịnh mà không có Thiền được 100%. Tại sao đem Thiền vô để bớt 90 chỉ còn có 10? Vậy lại nói hơn như cạp thêm sừng! Thêm cái gì? Vì 10 người hết 9 người sai thì 100 người phải mất hết 90 người. Đáng lẽ là 100% mà thêm Thiền vô làm hết 90 còn có 10, nói là tốt hơn có phải mâu thuẫn không?

Những người cho mình là tu Tịnh Độ đem Tứ Liệu Giản đi khoe, nói là của ngài Vĩnh Minh! Ngài Vĩnh Minh là người kiến tánh của tông Pháp Nhãn. Tông Pháp Nhãn ở Trung Quốc tuyệt truyền, nhưng ở Đại Hàn vẫn còn. Nhưng tác phẩm của ngài Vĩnh Minh không có cái đó. Ngài Vĩnh Minh kiến tánh làm sao đặt ra 4 bài kệ mâu thuẫn như vậy?

Kỳ thật, Tịnh Độ không phải là không tốt! Nhưng phải tu đúng. Vì tôi chuyên hoằng Thiền, tôi muốn viết ra đường lối thực hành của Tịnh Độ, vì mắc hoằng Thiền nên không có thì giờ viết ra cuốn đó. Nếu tôi viết ra cuốn đó thì cũng có người hiểu lầm tôi như có người nói Ngài Vĩnh Minh bỏ Thiền rồi tu Tịnh Độ thành Tổ Tịnh Độ.

Tổ Tịnh Độ có 6, 7 Tổ Thiền tông kiến tánh rồi kiêm hoằng Tịnh Độ. Nhưng có người nói bỏ Thiền tu Tịnh Độ được vãng sanh. Nếu tôi viết đường lối thực hành tu Tịnh Độ, người ta nói tôi bỏ Thiền tu Tịnh Độ, thì tôi làm sao tiếp tục hoằng Tổ Sư thiền được? Chính như vậy nên tôi không viết ra. Mặc dù tu Tịnh Độ khó, nhưng có đường lối để cho mình tập dần dần.

Hỏi: Con đã tham Tổ Sư thiền, nhưng người ta nhờ con làm nghi lễ tụng kinh lễ sám, vậy con phải là sao?

Đáp: Nếu ông muốn tu thiền thì chỉ hỏi và nhìn là đủ rồi, mấy cái kia khỏi hỏi nữa, cứ hỏi câu “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” không biết, nhìn chỗ không biết, hai cái đi song song là được rồi, được cái không biết thì cái kia đẹp hết.

Hỏi: Hòa thượng dạy “Lấy không biết mà tu, ghi nhớ biết, tìm hiểu biết, những cái ấy phải quên hết”. Vậy Hòa thượng cái gì cũng biết, cái biết đó là tâm biết hay là bộ não biết?

Đáp: Cái biết của tôi không phải học, vì học làm sao học hết được? Cũng như Tục tạng kinh, tôi mỗi ngày xem 10 giờ, xem một năm được 7 tập, Tục tạng kinh có 150 tập, tính ra xem hết phải mất 20 năm, chưa kể Đại tạng 100 tập. Suốt đời tôi xem không hết, dẫu cho xem hết thì làm sao nhớ nổi? Nhưng bây giờ bất cứ người ta đề ra câu hỏi gì thì tôi đều giải đáp được, tôi đâu biết người ta muốn hỏi gì! Cái này không phải là học.

Hỏi: Tông chỉ pháp môn Tổ Sư thiền là như thế nào?

Đáp: Tông chỉ của Tổ Sư thiền thì không có tông chỉ, nếu có tông chỉ thì không phải Tổ Sư thiền. Vì Tổ Sư thiền là muốn ngộ bản tâm, bản tâm là như hư không vô sở hữu, tức là tất cả không có sở hữu, luôn cả hư không cũng không có sở hữu.

Mặc dù, không có nhưng thực tế dung nạp và ứng dụng. Mặt trời, mặt trăng, đất đai, nhà cửa, bất cứ thứ gì đều do không sở hữu này dung nạp và ứng dụng. Thực tế không có thứ gì, không có tức là trống rỗng, trống rỗng không có chỗ để trụ gọi là vô trụ.

Trống rỗng nên không có thứ gì nên gọi là Tánh không, trống rỗng không có gì trôi buộc nên gọi là giải thoát, đâu phải bị trôi rồi mở trôi rồi gọi là giải thoát! Kỳ thật bản tâm vốn là giải thoát. Trống rỗng nên khắp không gian không có khứ lai gọi là Như lai, khắp thời gian không có sanh diệt nên gọi là Niết bàn, Niết bàn là tiếng Ấn Độ nghĩa là không sanh không diệt.

Tất cả danh từ muôn ngàn sai biệt, nhưng ý không khác, cũng là hư không vô sở hữu. Những người không biết thì chấp những danh từ lời nói. Vì trống rỗng chẳng có thứ gì, nhưng hiện hoạt bát vạn năng.

Ví dụ cái tay là hoạt bát vạn năng, lấy cái gì cũng được, lấy khăn, lấy đĩa, lấy bình,... Nếu tay trụ cái khăn này thì hoạt bát vạn năng của tay bị mất, lấy đĩa, lấy bình, lấy tách,... đều không được.

Tham thiền khởi lên nghi tình (không biết) là cây chổi automatic, vì không biết nên không biết cái nào thì tự nhiên quét sạch tất cả mọi thứ, khôi phục lại bản tánh hoạt bát vạn năng của chân tâm, nên xử dụng việc gì cũng được.

Nhưng cái khăn, cái bình, cái tách,... là pháp có, không trụ nơi có mà lại trụ nơi không, tức là trong tay không có cái gì, nhưng cũng bị mắc kẹt nên không lấy cái gì được, vì thế cái không này phải quét, mới khôi phục hoạt bát vạn năng bản tâm.

Cho nên, Lục Tổ nghe Ngũ Tổ giảng “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” liền ngộ triệt để. Vô sở trụ mới dùng được, có sở trụ là mắc kẹt nên không dùng được. Phật pháp là ứng dụng hằng ngày, chứ không phải nghiên cứu những danh từ để đoán mò bậy bạ.

Hỏi: Con tham câu thoại đầu “khi chưa có trời đất ta là cái gì?”, ta là cái gì là thân tứ đại này hay thức mắc cái tâm ta là cái gì?

Đáp: Không phải muốn tìm ta là cái gì, là muốn hỏi “chưa có trời đất ta là cái gì?” thì không biết. Nếu bỏ “chưa có trời đất” mà hỏi “ta là gì?” cũng như nói ta là Duy Lực, ta là đàn ông, ta là gì đó thì đã biết rồi. Còn khi chưa có trời đất thì không biết, không thể tìm hiểu, muốn biết mà không thể biết, không thể tìm hiểu, làm cho không biết mãi, không biết chân thật, rồi nhìn chỗ không biết tức là giữ cái không biết đó được lâu dài, không biết này gọi là nghi tình.

Nghi tình này sẽ đưa hành giả đến thoại đầu, rồi kiến tánh thành Phật. Chứ không phải tìm hiểu ta là gì? Là mục đích chấm dứt sự tìm hiểu. Dùng không biết của bộ não để chấm dứt cái biết của bộ não; chấm dứt tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ biết của bộ não, 3 thứ biết của bộ não được chấm dứt, rồi đến thoại đầu thì sắp kiến tánh. Khi kiến tánh gọi là mở mắt chiêm bao được thức tỉnh thì giải thoát tất cả khổ.

Người hỏi như vậy là sai lầm vì muốn tìm hiểu. Đây là muốn chấm dứt sự tìm hiểu, mà trái lại muốn tìm hiểu thêm, như thế là sai lầm lớn.

Hỏi: Giáo môn và giáo lý Phật pháp khác nhau hay giống nhau?

Đáp: Giáo môn là quét sạch tất cả lý, tức là không phải hợp lý và bất hợp lý. Vì tâm như hư không vô sở hữu vốn không có lý. Kiến lập lý thì phải có nhị, tự tánh là bất nhị, hợp lý và không hợp lý là nhị, đúng lý và không đúng lý cũng là nhị, nên nói lý tức là nhị. Thiền môn không nói lý, giáo môn nói lý là chướng (sở tri chướng).

Giáo môn nói lý là phương tiện, chứ không phải có chơn lý. Phật giáo khác hơn các tôn giáo khác là không kiến lập chân lý, vì kiến lập chân lý là nhị tức tương đối. Tại có chân lý thì có giả lý. Phật giáo không kiến lập chân lý, không phải là không có chân lý!

Nếu kiến lập chân lý thì có hai chân lý. Tại sao? Vì chân tâm là chân lý rồi. Kiến lập chân lý nên Thiền tông gọi là trên đầu mọc thêm đầu, vậy phải mời bác sĩ cắt bỏ mới được.

Hỏi: Chúng con là hành giả sơ cơ nên có nhiều lỗi lầm, kính xin Sư Phụ thương xót chỉ dạy cho chúng con về bốn phận của hành giả để được tốt đạo đẹp đời?

Đáp: Hành giả tham thiền làm đúng vai trò của mình thì cứ hỏi và nhìn. Hỏi là kích thích niệm không biết, nhìn là giữ niệm không biết được kéo dài.

Quyển Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21 nói: “Đã vì đói khát thì cứ ăn uống, đừng nghĩ cái khác; vì che thân chống lạnh thì cứ mặc áo, chớ nghĩ cái khác; làm chức nghiệp gì thì phải giữ đúng chức nghiệp đó, chẳng nghĩ cái khác. Cho nên, cha phải giữ đúng vai trò cha, mẹ phải giữ đúng vai trò mẹ, con phải giữ đúng vai trò con, chồng phải giữ đúng vai trò chồng, vợ phải giữ đúng vai trò vợ, Tu sĩ phải giữ đúng vai trò Tu sĩ, Sa Di phải giữ đúng vai trò Sa Di, Tỳ Kheo phải giữ đúng vai trò Tỳ Kheo, mỗi mỗi đều phải giữ đúng vai trò của mình”.

Hôm trước, tôi có hỏi một Tu sĩ Tỳ Kheo: Thầy có giữ đúng vai trò Tỳ Kheo không?

Tỳ Kheo đáp: Có.

Tôi hỏi giới luật Tỳ Kheo thì thầy ấy không biết, nếu không biết làm sao giữ?

Tỳ Kheo nói: Tôi tham thiền nên không để ý cái đó.

Tôi nói: Như vậy làm sao giữ đúng vai trò? Còn bé thì giữ đúng vai trò con, lớn lên có vợ thì giữ đúng vai trò chồng và con. Tu sĩ đã xuất gia thì không có nhà thì không có giữ vai trò cha con, nhưng phải giữ đúng vai trò Tu sĩ. Nếu Tỳ Kheo tham thiền phải giữ đúng vai trò hành giả tham thiền và vai trò Tỳ Kheo, chỉ giữ đúng vai trò hành giả tham thiền, mà vai trò Tỳ Kheo không giữ thì không được.

Nếu Tỳ Kheo tham thiền mà chỉ giữ đúng vai trò Tỳ Kheo, giống như thanh niên có vợ chỉ giữ đúng vai trò con mà không giữ vai trò chồng, đến khi sanh con không giữ đúng vai trò cha, như vậy không thể được. Cho nên, bốn phận đến đâu thì phải giữ đúng vai trò đến đó.

Hỏi: Thiền Thất Khai Thị Lục nói: “Các vị tham đi sẽ được lạc đường tự tại”. Vậy câu đó như thế nào?

Đáp: Câu đó là tiếng Hán, chữ “lạc đường” không phải đi sai đường, đó là đi đúng theo quỹ đạo, tức là công phu được thành phiên gọi là lạc đường thì mới được tự tại.

Hỏi: Con là Phật tử thọ tam quy ngũ giới, Thầy nói “ăn một cục thịt phải trả một cục thịt”. Trong cuộc sống thường ngày có những con vật nhỏ như: Con cá, con kiến,... mình cần phải giết. Như vậy có phải trả nợ đó không?

Đáp: Phải trả nợ, theo nhân quả “giết một mạng phải trả một mạng” mới đúng. Khi cạp gắp mình thì muốn ăn thịt mình, theo người thế gian thì phải giết chết nó; nếu mình giữ giới không sát sanh thì để cho cạp ăn, chứ không giết chết nó, việc này là hạnh Bồ Tát.

Hỏi: Tín Tâm Minh có câu: “Tuyệt ngôn tuyệt lục, vô xứ bất thông”. Có phải Tổ dạy: “Đừng nói đừng lo thì đừng động não sẽ có kết quả”. Kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Tham thiền là dùng không biết của bộ não để chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ và ghi nhớ của bộ não. Ba thứ biết này chấm dứt thì bộ não ngưng hoạt động tự nhiên tuyệt ngôn tuyệt lục, công năng của tự tâm sẽ hiện ra dùng.

-“Cái bản thể đã chẳng thể thấy mà chẳng hợp logic kia mà phải nhờ tâm lực cá nhân của chúng ta đã sẵn có để chứng minh. Khi chúng ta y theo pháp thiền trực tiếp Tổ Sư thiền do Phật Thích Ca truyền dạy mà thực hành đến trình độ N₁, tức là đến giai đoạn tự động hóa, được một khoảng thời gian, khiến 3 thứ biết (tìm hiểu biết, tư duy biết, ghi nhớ biết) được tạm ngưng, nghĩa là bộ não ngưng hoạt động thì phát huy được cái công năng sẵn có, chẳng dùng bộ não mà hoàn thành công tác bộ não. Khi ngưng hoạt động bộ não càng lâu thì độ thiền càng sâu, cái công năng tự phát thì lại càng lớn”.

Như vậy, “tuyệt ngôn tuyệt lục vô xứ bất thông” là vậy. Vì nó không bị không gian và thời gian làm chướng ngại.

Hỏi: Lục Tổ dạy:

**“Dục nghĩa hóa tha nhân,
Tự tu hữu phương tiện.
Vật linh bỉ hữu nghi,**

Tức thị tự tánh hiện”.
Kính xin Sư Phụ giải thích chữ “phương tiện” và đoạn kệ?

Đáp: Phương tiện này là người kiến tánh mới dùng được.
Bài kệ trên dịch là:

Muốn giáo hóa mọi người,
Tự cần có phương tiện.
Khiến người kia hết nghi,
Tức là Tự tánh hiện.

Như bây giờ tôi giải đáp, không phải muốn cho các vị hiểu biết giáo lý cao siêu là muốn giải tỏa cái nghi của các vị để các vị đầy đủ tin tự tâm.

Tôi giải thích có 5 thứ nghi: Nghi lý, nghi sự, nghi Pháp, nghi thầy, nghi mình.

Như nghi mình có nghiệp chướng nặng cũng không được, nghi thầy cũng không được, vì còn nghi thì thầy dạy không tin. Cho nên, biết phương tiện có người hỏi thì giải tỏa cái nghi cho họ để được tăng cường lòng tin tự tâm. Mục đích tham thiền là tự tánh hiện, nếu không tin tự tâm làm sao tự tánh hiện được?

Hỏi: Khoa học hiện đã phát minh vô sinh và thực hiện ở con bò con cừu, rồi cũng thực hiện bằng cách cấy mô. Như vậy con người này do khoa học tạo ra, có phải là chúng sanh bình thường không?

Đáp: Khoa học không chế tạo cơ nhân được, phải nhờ cơ nhân sẵn có, cũng như mình ghép cây này với cây kia. Nếu không có cây thì làm sao ghép được? Họ phải dùng tế bào người đó, nếu không có, họ đâu có thể tự tạo ra tế bào được!

Dùng tế bào con dê này thì giống con dê này, chứ không thể giống con dê khác, vì mỗi mỗi cơ nhân khác nhau. Trong cuốn Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21, ở đoạn nói về đầu thai, nói rõ hơn sinh lý giải phẫu học của đại học Mỹ.

-“Muốn thuyết minh trình trạng luân hồi của nhân loại, nên nhờ câu tụng của Huyền Trang đại sư để chứng minh:

Bát Thức Quy Củ Tụng có câu “khứ hậu lai tiên tác chủ công”. Hấp lực tỏa ra do cộng nghiệp của mình và cha mẹ khi cha mẹ giao hợp, khiến thức thứ 8 đến trước nhất (lai tiên). Khi chết thức này rời nhục thân sau cùng (khứ hậu). Do tính chấp ngã của thức thứ 7 kết hợp với sinh lý của cơ thể, mà làm chủ nhân nơi thân này. Đồng thời do tinh cha trứng mẹ kết hợp hình thành thai nhi, nhờ bát thức làm cơ nhân (DNA) mà dần dần hình thành hệ thống thần kinh của bộ não, đồng thời cùng khắp các tế bào và lục phủ ngũ tạng của toàn thân, do bộ não làm thủ tướng.

Do sự lôi kéo của ngã chấp, khiến lục thức với lục căn hợp tác mà nghe theo lệnh của bộ não. Nhưng mà, lục căn thuộc về sắc pháp (thể vật chất), lục thức thuộc về tâm pháp (thể tinh thần), căn có thể hoại diệt, thức thì không thể hoại diệt. Nếu tu hành đến kiến tánh thì chuyển được bát thức thành tứ trí mà ra khỏi luân hồi, chấm dứt sự sanh tử, dứt hẳn sự đầu thai chuyển thế, tự do tự tại vĩnh viễn, chẳng còn tạo nghiệp và bị nghiệp lực trói buộc”.

Thức thứ 8 là cái kho chứa tất cả chủng tử thiện ác của mình kiếp trước làm cơ nhân. Cái đó mỗi mỗi khác, nên cái cơ nhân của mỗi người cũng mỗi khác. Phải dùng cơ nhân bồi dưỡng đều qua tử cung của người đàn bà mới thành thai nhi được. Bộ não làm thủ tướng, nhưng có 3 bộ phận: Tim hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ.

Bộ phận ghi nhớ mà nhà khoa học đã bắt chước chế tạo thành máy vi tính, dần dần họ cải tiến rất nhanh. Còn 2 bộ phận: Tìm hiểu và suy nghĩ, cũng có nhà khoa học nói là năm sau sẽ ra đời. Vì nó là vật chất có thể y theo đó mà chế tạo cái máy. Cũng như cái rada là bắt chước con dơi, con dơi không có con mắt, nhưng nó bay không đụng.

Hỏi: Thế nào là “tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”?

Đáp: Vì tự tánh không thể thay đổi, không lay động nên gọi là bất biến. Nhưng cũng tùy duyên mà hiện ra dùng, tùy duyên nên bản thể lại bất biến, gọi là bất biến tùy duyên. Bất biến là không biến đổi thì không chết mất, nên tồn tại vĩnh viễn. Chỗ này Phật giải thích trong kinh Lăng Nghiêm rất kỹ.

Ai cũng cho kẻ thấy là con mắt, nhưng Phật chứng tỏ không phải sự thấy là con mắt. Vậy Phật làm sao chứng tỏ? Mỗi cuốn kinh đều có vị đại diện đương cơ cả triệu người nghe để hỏi Phật. A Nan là đại diện đương cơ.

Phật dùng tay thí dụ: Ta có cái tay để làm nắm tay, người có con mắt thì thấy được. Như lai, vậy hai việc này có giống nhau không?

A Nan đáp: Giống nhau.

Phật nói: Không giống. Tại sao? Ta có cánh tay mới làm ra nắm tay. Nếu không có cánh tay thì nắm tay làm sao có? Người không có con mắt vẫn còn thấy được.

A Nan nói: Người không có con mắt làm sao thấy?

Phật bảo: Người đi hỏi người không có con mắt, trước mắt có thấy gì không? Người ấy sẽ trả lời: Trước mắt sẽ thấy đen tối.

A Nan nói: Thấy trước mắt đen tối, sao gọi là thấy?

Phật muốn giải thích “thấy đen tối vẫn là thấy” thì phải thí dụ thêm. Một người không có con mắt ở trong phòng đen tối không có ánh sáng gì cả, có phải thấy trước mắt đen tối phải không?

A Nan đáp: Phải, thấy đen tối.

Phật nói: Vậy người có con mắt thấy trước mắt đen tối và người không có con mắt thấy trước mắt đen tối, hai thứ đen tối này có khác nhau không?

A Nan đáp: Không khác.

Phật hỏi tiếp: Vậy người không có con mắt, thỉnh linh được con mắt sáng thấy đồ vật sắc tướng trước mắt, phải là con mắt thấy không?

A Nan đáp: Phải, con mắt thấy.

Phật hỏi tiếp: Người có con mắt ở trong phòng đen tối, thỉnh linh đốt đèn lên thấy rõ đồ vật sắc tướng trước mắt, có phải đèn thấy không?

A Nan đáp không được. Cây đèn là hiển hiện sắc tướng để chiếu soi như lục căn vậy. Năm thức trước (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) chỉ tác dụng như cây đèn, chứ không phải kẻ thấy, kẻ thấy là tánh thấy. Thấy là nhãn thức mà không phải nhãn căn, nhãn căn chỉ là chiếu soi như cây đèn.

Sáng với tối là hai pháp sanh diệt, lúc sáng thì không thấy tối, lúc tối thì không thấy sáng. Nếu thấy tối là không thấy thì thấy sáng cũng là không thấy. Vì lúc sáng thì không thấy tối cho là không thấy, lúc tối thì không thấy sáng cũng cho là không thấy. Nói thấy thì hai cái đều thấy, thấy sáng cũng là thấy, thấy tối cũng là thấy. Tại sao thấy tối mà nói là không thấy? Còn thấy sáng cho là thấy! Đó là mâu thuẫn.

Do thí dụ của Phật nên mình biết: Cái thấy không phải con mắt, mà cái thấy là tánh thấy. Con mắt là tác dụng như cây đèn để chiếu soi. Căn là vật chất thì chết mất, thức là thể tinh thần không chết mất. Tại sao? Vì nó không lay động nên không biến đổi.

Tiếp theo vua Ba Tư Nặc hỏi Phật: “Ngoại đạo nói khi thân này chết thì tất cả đều biến mất” phải không?

Phật nói: Không phải, cái nào có lay động thì biến đổi chết mất. Cái nào không lay động không biến đổi không chết mất, tồn tại vĩnh viễn.

Phật hỏi vua Ba Tư Nặc: Vua biết mình có cái không chết mất không?

Vua đáp: Không biết.

Phật nói: Ta nói cho vua biết.

Phật dùng tay để đối đáp với A Nan, tay Phật nắm buông rồi hỏi A Nan: Ngươi có thấy tay ta nắm buông không?

A Nan đáp: Thấy tay Phật nắm buông.

Phật nói: Thấy tay ta nắm buông hay tánh thấy của ngươi nắm buông?

A Nan nói: Tay của Phật nắm buông, còn tánh thấy của con đâu có lay động mà nói nắm buông!

Tay của Phật nắm buông, sau khi chết thiêu thành tro, chôn thành đất. Tánh thấy không lay động làm sao chết mất được? Vì không lay động thì không biến đổi, không biến đổi thì không chết mất. Tại vì con mắt lay động thì chết mất. Tánh thấy không lay động thì không chết mất, tồn tại vĩnh viễn.

Như vậy, Phật còn chưa thỏa mãn, cái lay động là thân của Phật, còn tánh thấy không lay động là thân của A Nan, hai thân khác nhau. Phật muốn trong một thân có cái lay động và có cái không lay động. Phật mới phóng hào quang bên vai mặt của A Nan, A Nan ngó qua vai mặt. Phật phóng hào quang vai trái của A Nan, A Nan ngó qua vai trái.

Phật hỏi A Nan: Tại sao cái đầu ngươi ngó qua ngó lại làm cho đầu ngươi lay động vậy?

A Nan đáp: Đầu của con lay động, còn tánh thấy của con tịnh còn không có làm sao có động?

Cho nên, cái đầu lay động thì sau này sẽ chết mất, thiêu thành tro, chôn thành đất. Còn tánh thấy không lay động, không biến đổi làm sao chết mất được? Không những tánh thấy không chết mất, mà tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc và tánh biết đều tồn tại vĩnh viễn, không chết mất.

Hỏi: Lúc chưa tạo thiên lập địa thì mọi người ở đâu?

Đáp: Chỗ này để các vị tham, không được giải thích. Mới có câu thoại đầu “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Nếu có thể giải thích thì có thể tìm hiểu, nên không thể làm câu thoại đầu để tham được. Cho nên, tham câu này là giữ cái không biết mãi mãi, rồi đến chỗ thoại đầu mới kiến tánh thành Phật.

Sau này các vị ngộ rồi sẽ tự biết, chưa ngộ mà đoán mò bậy bạ là sai lầm, vì không thể giải được. Mặc dù, đã kiến tánh thì rõ biết, như Phật Thích Ca muốn nói cho mình biết thì không thể được. Nếu có thể nói được thì không phải rồi.

Muốn làm nhà khoa học thì phải giỏi toán. Như lấy số một chia mãi không cùng tận được. Tại sao không có con số cuối cùng? Vì không có số cực nhỏ, không có số cuối cùng, không thể giải thích được. Nên Phật nói là không có sự bắt đầu (vô thi), cũng gọi là bất khả đắc. Chỉ có thể nói vậy thôi, làm sao giải thích được? Nếu giải thích thì có số cuối cùng, có số cực nhỏ. Không có số cực nhỏ thì không có số cực lớn, nên gọi là vô thi vô chung.

Hỏi: Con hỏi câu thoại đầu “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Chưa trời đất đã có bản tâm, nhưng không biết là cái gì? Như vậy có đúng cách dụng công không?

Đáp: Câu thoại đầu là kích thích niệm không biết, không biết này là không biết của bộ não, để chấm dứt biết của bộ não là tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Khiến bộ não ngưng hoạt động, chứ không phải hỏi câu thoại để tìm hiểu đáp án của câu thoại. Nếu không chịu chấm dứt tìm hiểu, mà lại kéo dài sự tìm hiểu thì sai lầm lớn.

Bất cứ hỏi câu thoại nào đều kích thích niệm không biết, nên muôn ngàn câu thoại đều kích thích niệm không biết. Khán là nhìn chỗ không biết được kéo dài. Hỏi và nhìn, hai cái đi song song để giữ niệm không biết, không biết này gọi là nghi tình.

Chỉ cần giữ niệm không biết, chứ không phải tìm hiểu đáp án của câu thoại. Không phải muôn tìm hiểu ta là cái gì? “Khi chưa có trời đất ta là cái gì?” là chỉ kích thích niệm không biết. Nếu câu thoại đầu nào tìm hiểu được thì không thể dùng để tham. Phải dùng câu nào không thể giải thích, không thể tìm hiểu, mới làm cho mình khởi lên niệm chân thật không biết.

Hỏi: Vô thi là không có bắt đầu, sao gọi là thoại đầu?

Đáp: Vô thi thì không thể tìm hiểu, tức chưa có trời đất. Hữu thi (có bắt đầu) thì dễ tìm hiểu. Câu thoại đầu không thể tìm hiểu mới làm thoại đầu để tham được.

Hỏi: Học đạo kiến tánh thì khó, vậy thế nào là kiến tánh?

Đáp: Phật Thích Ca và chư Tổ đã kiến tánh cũng không thể nói cho mình biết được. Nếu nói cho mình biết được thì mình khởi tu, có nói được thì không phải kiến tánh. Tự tánh không phải sở biết, sở kiến. Không có năng kiến để kiến tự tánh mới gọi là kiến tánh. Kiến tánh là tự tánh tự hiện. Nếu có tự tánh mà Phật Thích Ca thấy được thì không phải tự tánh, vì nó là nhị, tự tánh là bất nhị. Nếu có năng kiến, sở kiến cũng là nhị.

Mặc dù, Phật Thích Ca đã kiến tánh là tự tánh tự hiện, chứ không phải có người năng kiến để kiến tự tánh. Nếu tự tánh mà Phật Thích Ca phát hiện ra thì tự tánh này là sở kiến. Tự tánh không phải là sở kiến. Năng kiến và sở kiến đều diệt thì mới hiện ra tự tánh.

Hỏi: Một khi kiến tánh rồi thì tướng bệnh đã hết, tướng mạnh hiện ra. Tại sao ngài Hư Vân và vị sửa đường lộ gặp nhau không biết, mà phải dùng thiền ngữ mới biết?

Đáp: Vậy cô đã kiến tánh rồi sao! Nếu cô chưa kiến tánh sao biết thế nào, thế nào? Người kiến tánh là tự biết mà không thể nói cho người khác biết được, vì tự tánh không phải là sở kiến.

Hỏi: Con ở xa không gần các vị lão tham, có thể con tự chọn câu thoại đầu để tham được không?

Đáp: Câu thoại đầu là mình tự chọn, chọn câu nào không thể tìm đáp án được thì mới thích hợp để tham; còn nếu có thể tìm ra đáp án hay giải thích thì không thích hợp để tham.

Hỏi: Tham thoại đầu ở nhà, đi ít ngồi nhiều được không?

Đáp: Tham thiền ở nhà đi đến mỗi chân thì ngồi, ngồi đến tê chân rồi đi, không cần nhất định thời gian nào. Nếu làm công việc thì cứ làm, khỏi ngồi khỏi đi.

Hỏi: Con đến đến với đạo Phật hơn một năm, đi tìm học Phật và dự thiền thất lần thứ hai, pháp môn thiền con rất thích, con tham câu “muôn pháp về một, một về chỗ nào?” Vậy con nên học giáo lý ở trường nữa không? Nếu học thì phải trả bài, vậy con phải làm sao?

Đáp: Làm nghề nào tham thiền cũng được, làm thợ hồ thì cứ làm thợ hồ, làm thợ mộc thì cứ làm thợ mộc, làm thợ bếp thì cứ làm thợ bếp, làm nghề học cũng được vậy, huống là học giáo lý. Bất cứ làm nghề gì cũng được, đừng làm nghề nào mà gây ra quả báo không tốt. Như sát sanh hay mua bán sinh mạng,... còn các nghề sinh sống làm bình thường, tức là mình làm cái gì thì phải giữ đúng vai trò cái đó.

Hỏi: Nghiên cứu giáo lý sách Phật, tụng kinh hằng đêm có tiếp tục làm nữa không?

Đáp: Tụng kinh là tu của giáo môn, tụng tới đâu thì thiền quán tới đó, gọi là tùy duyên quán tưởng. Tổ đình tông Thiên Thai là Quán Tông tự tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Ngài Đế Nhân là Pháp sư danh tiếng của tông Thiên Thai. Một ngày có 3 thời, mỗi thời có 2 giờ tụng kinh vừa quán, chứ không phải như ở đây tụng kinh bao quán tưởng, tức là đang tụng kinh là đang thiền nhiều đó chỉ có 40 phút là xong. Tụng kinh không phải cho Phật nghe. Còn có người nói tụng kinh mới tiêu của Tín thí! Nhưng sự thật thì không phải vậy, tụng kinh là tu, có tu mới tiêu của Tín thí được, đó là cách tu của giáo môn.

Hỏi: Vai trò của bộ não trong bát thức như thế nào?

Đáp: Lục căn thì có mỗi căn nhiệm vụ riêng biệt, 8 thức thì có nhiệm vụ của mỗi thức. Vai trò bộ não là hệ thống thần kinh tức là lục căn. Người thường hay nhà khoa học chỉ biết bộ não, họ cho 8 thức chỉ một thức là bộ não, rồi cùng với lục căn. Đến lúc bát thức chuyển thành tứ trí thì cũng dùng bộ não, nhưng bộ não chỉ là công cụ nô lệ của tứ trí (chơn tâm) tức là cái dụng của chơn tâm.

Bát thức chưa chuyển thành trí thì hợp tác với hệ thống thần kinh (lục căn) nghe lệnh của bộ não gọi là vọng tâm, nghịch với thực tế. Bộ não làm chủ là theo ngã chấp, mới có những chuyện ác. Làm thiện làm ác đều do bộ não chỉ huy, bát thức chuyển thành tứ trí chỉ có làm thiện, chứ không có làm ác. Nhưng làm thiện cũng không cho làm thiện.

Hỏi: Phật tánh siêu việt logic, có đồng với câu “cứu cánh cùng cực, bất tôn quý tể” của Tín Tâm Minh không?

Đáp: Cũng giống như vậy, nếu có logic thì có tương đối, phải có thí dụ. Còn chơn tâm bất nhị không có tương đối thì không thể dùng lời nói để diễn tả, không thể theo logic để chứng minh. Cho nên, nói “Phật tánh siêu việt logic”. Nếu nói đồng là nhị, nói khác cũng là nhị. Tại sao? Người ta nói “đồng nhất”, nhưng phải có hai cái mới đồng được, như cái này đồng với cái kia. Còn khác cũng vậy, cái này khác với cái kia, phải có hai cái mới nói khác.

Hỏi: Các chùa thường có gia phả chánh pháp hoặc Lâm Tế chánh tông, có phải là triệt ngộ không?

Đáp: Xưa, có triệt ngộ mới truyền tâm ấn gọi là nối pháp. Thường thường thầy truyền pháp, đệ tử ngộ rồi được thầy ấn chứng, nhưng thầy không biết nối pháp của mình.

Sau khi vị ấy ra làm trụ trì, bắt đầu hoằng pháp, đốt cây hương đầu tiên và tuyên bố “thầy truyền pháp cho tôi là người...”, rồi gửi thư cho thầy, nói “nhờ ơn pháp nhũ của thầy mà nay con được nối pháp”, có khi thư gửi đến thì thầy đã tịch hay thư đến vị thầy đó mới biết mình có pháp tử.

Thời ấy có người kiến tánh mới nối pháp, sau này chưa kiến tánh cũng nối pháp. Rồi dần dần tệ hơn, nhưng lại có tham thiền; sau nữa thầy tìm đệ tử nối pháp. Đến sau còn tệ hơn không có tham thiền mà có niệm Phật cũng được truyền pháp thiền. Sau nữa không niệm Phật và không tu mà được truyền là đệ tử của Thiền sư đời nào đó...

Bây giờ càng ngày càng tệ, thầy viết ra pháp quyền không biết người đó có đọc qua pháp quyền không? Nhưng cũng kể từ 7 Phật quá khứ đến bây giờ, từ đời từ đời đều đầy đủ hết. Như ban đầu là sữa nguyên chất, rồi pha thêm nước, pha đến lúc nước nhiều hơn sữa, cuối cùng chỉ còn có nước, như hiện nay cũng gọi là pháp nhũ!

Hỏi: Con vừa hỏi câu thoại và nhìn một chỗ, một niệm chưa sanh, khi câu thoại vừa hết, con lại hỏi tiếp tục. Trong lúc đó cái nhìn vẫn liên tục. Vậy như thế nào?

Đáp: Mình phải tập lần lần, cái hỏi thì dễ hơn cái nhìn, vì thói quen của mình thì phải có mục tiêu để nhìn; bây giờ không có mục tiêu để nhìn thì người ta không quen. Nhưng phải tập lần lần cho quen, tức là không thấy gì cũng nhìn hoài, nhìn chỗ trống rỗng không có gì cũng nhìn, mà hỏi và nhìn 2 cái đi song song tập lần lần, tập lâu sẽ nhìn được.

Hỏi: Người kiến tánh là tương đối bước vào lãnh vực tuyệt đối. Vậy có đúng không? Tuyệt đối có phải triệt ngộ không?

Đáp: Công phu đến chỗ nào thì biết đến chỗ đó, chưa tới mà tìm hiểu là sai lầm. Đừng nói mình chưa chứng gì hết, Sơ Địa còn chưa biết Nhị Địa, Nhị Địa thì không biết Tam Địa. Chưa chứng Nhị Địa mà tìm hiểu Nhị Địa là sai lầm, chứng Nhị Địa rồi tìm hiểu Tam Địa cũng sai lầm, huống là chưa chứng gì hết! Muốn tìm hiểu Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, vậy làm sao được?

Tham thiền là chấm dứt tìm hiểu, công phu đến đó mới biết; còn bây giờ công phu chưa đến chỗ đó làm sao biết? Như mình chưa đến Hà Nội mà hỏi thành phố Hà Nội là sao? Dẫn cho người ta nói để mình biết, mình cũng không biết được. Khi nào mình đến Hà Nội thì tự biết rõ ràng. Nếu nghe sự diễn tả của người ta để biết, nhưng đến nơi thì lại thấy khác.

Hỏi: Tự tánh cùng khắp, sao bộ não không cùng khắp?

Đáp: Bộ não là vật chất thì bị không gian và thời gian hạn chế nên không cùng khắp. Còn tự tánh là phi vật chất nên tự nhiên cùng khắp.

Hỏi: Tại sao khởi niệm hỏi câu thoại gọi là tham thoại đầu?

Đáp: Khởi niệm lên thì không phải thoại đầu, vì mục đích muốn đến thoại đầu nên gọi là tham thoại đầu hay là khán thoại đầu. Nhưng sự thật nhờ câu thoại để hỏi mà khởi lên niệm không biết, chứ không phải thoại đầu.

Bộ não (ý thức) gồm có mặt biết và mặt không biết. Nếu dùng mặt biết để tu gọi là Như Lai thiền, dùng mặt không biết để tu gọi là Tổ Sư thiền, cuối cùng đều đến thoại đầu.

Bắt đầu hỏi và tham là rời khỏi thoại vị, nhưng chưa đến thoại đầu, đang đi ở giữa đường thì một ngày kia sẽ đến thoại đầu, tức là tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết đều chấm dứt.

Chỗ thoai đầu còn gọi là vô thi vô minh, cũng gọi là đầu sào 100 thước là nguồn gốc bộ não. Từ đầu sào 100 thước bước lên một bước nữa là lia ý thức thì biết và không biết của bộ não được sạch, cái biết Phật tánh hiện ra khắp không gian và khắp thời gian.

Vì bộ não là vật chất nên không cùng khắp không gian thời gian, lia bộ não được phi vật chất là Phật tánh. Nếu còn dính líu với bộ não thì không cùng khắp được.

Hỏi: Cây mô tế bào động vật được hình thành, vậy đó có phải là hữu tình không? Và có bị chi phối nhân quả không?

Đáp: Hữu tình là loài động vật, nếu dùng tế bào con đực cấy vào trứng của con cái và dùng tinh trùng con đực cấy vào trứng của con cái, hai việc này giống nhau.

Hữu tình cũng phải chi phối theo luật nhân quả, có tình cảm buồn vui, yêu ghét, biết đau biết khổ. Vô tình thì không biết đau, biết khổ.

Bồ Tát là bồ đề tát đỏa, nghĩa là giác hữu tình làm cho hữu tình được giác ngộ, chứ không phải đối với vô tình, vô tình thì không thể giác ngộ được. Phật thuyết pháp là đối với hữu tình mà thuyết.

Hữu tình là chánh báo, vô tình là y báo, tức là để cung cấp cho hữu tình dùng, chánh báo là chủ.

Hỏi: Phương pháp hành thiền tự tánh như: Thiền là tỉnh thức, thiền là an nhiên, thiền là điềm đạm, thiền là không vọng tưởng, thiền là ở sáu căn, thiền là khi tụng kinh, thiền khi niệm Phật, tất cả những đề mục trên, có phải oai nghi tế hạnh của người tu không? Hay là Như lai thiền?

Đáp: Không phải Như Lai thiền, mà là tà ma ngoại đạo thiền, không phải chánh pháp của Phật dạy. Chánh pháp của Phật dạy là Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Tối thượng thừa (Tổ Sư thiền), tức là 4 thừa.

Ngài Nguyệt Khê giải thích 4 thừa:

1. Tiểu thừa:

-Giai đoạn chấp ngã: Tất cả pháp môn của chánh pháp đều phá ngã chấp. Tiểu thừa là giai đoạn phá chấp ngã.

-Chủ quan duy vật luận: Tại sao nói duy vật? Vì lục căn đối với lục trần đều là duy vật.

-Phạm vi tương đối: Lục căn và lục trần là tương đối.

-Tu Tứ Thánh Đế: Tứ Thánh Đế còn gọi là Tứ Diệu Đế (khổ, tập, diệt, đạo), hằng ngày mình thấy khổ, khổ đó là do tâm tạo ra gọi là tập đế. Muốn diệt khổ thì phải tu đạo, rồi mới chứng diệt (Niết bàn). Cho nên nói là khổ, tập, diệt, đạo.

-Ở trong nhất niệm vô minh: Cuộc sống hằng ngày của mình đều ở trong nhất niệm vô minh, từ niệm này qua niệm kia ngày đêm không ngừng. Ban đêm biến hiện ra nhắm mắt chiêm bao, ban ngày biến hiện ra mở mắt chiêm bao.

-Thừa Thanh văn: Là Tiểu thừa nghe âm thanh của Phật thuyết pháp được ngộ đạo.

-Mục đích đoạn dứt lục căn: Tiểu thừa cho lục căn là nguồn gốc, vì lục căn tiếp xúc lục trần, ham thích lục trần sanh ra phiền não. Cho nên Tiểu thừa là muốn dứt lục căn, vì không có lục căn thì không có phan duyên lục trần, nên mới hết cái khổ phiền não.

2. Trung thừa:

-Giai đoạn phá pháp chấp: Đến Trung thừa thì phá được ngã chấp, nhưng lại chấp pháp. Tất cả vũ trụ vạn vật, bất cứ cái gì đều là pháp.

-Chủ quan duy tâm luận: Không phải đối với vật hay đối với lục căn, lục trần. Phá được ngã chấp là không đối với vật, nhưng lại đối với pháp. Pháp không có hình thể chỉ là khái niệm trong tâm, nên gọi là duy tâm luận.

-Phạm vi tương đối: Thừa này còn ở trong phạm vi tương đối, vì pháp với tâm là tương đối.

-Tu mười hai nhân duyên: Trung thừa tu 12 nhân duyên là từ vô minh đến lão tử, bao gồm quá khứ, hiện tại, vị lai.

-Ở trong nhất niệm vô minh: Thừa này vẫn còn ở trong nhất niệm vô minh, tức là từ niệm này qua niệm kia.

-Thừa Duyên giác: Vì họ tu 12 nhân duyên được giác ngộ, nên gọi là thừa Duyên giác.

-Mục đích đoạn nhất niệm vô minh: Tiểu thừa đoạn lục căn, vì lục căn bám theo lục trần là duy vật. Chấp pháp là cái niệm chấp pháp. Ý niệm đó gọi là nhất niệm vô minh, nên đoạn nhất niệm vô minh để không còn chấp gì nữa.

3.Đại thừa:

-Giai đoạn không chấp: Đến Đại thừa thì phá được ngã chấp và pháp chấp, nhưng lọt vào không chấp tức là chấp không.

-Tâm vật hợp nhất: Tiểu thừa là duy vật, Trung thừa thì duy tâm, Đại thừa là duy tâm và duy vật hợp một.

-Phạm vi tương đối: Tâm với vật hợp một cũng còn tương đối.

-Tu sáu ba la mật: Đại thừa là tu sáu ba la mật (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ).

-Ở trong vô thi vô minh: Ở trên là nhất niệm vô minh, nhất niệm vô minh được phá rồi, đến nguồn gốc là vô thi vô minh, Thiền tông gọi là thoát đầu.

-Tu Bồ Tát thừa: Tu 6 ba la mật, tức là Đại thừa.

-Mục đích phá vô thi vô minh: Nhất niệm vô minh sạch thì đến vô thi vô minh. Tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ đều là nhất niệm vô minh, nhất niệm này sạch hết thì đến thoát đầu là vô thi vô minh.

4.Tối thượng thừa:

-Giai đoạn thật tướng: Tiểu thừa phá ngã chấp, Trung thừa phá pháp chấp, Đại thừa phá không chấp thì đến chỗ thật tướng.

-Phi tâm phi vật: Cái kia còn ở trong tương đối có tâm có vật, đến Tối thượng thừa thì chẳng phải tâm cũng chẳng phải vật. Như ngài Long Thọ nói: “Tâm như hư không vô sở hữu” tức là không có gì cả (trống rỗng).

-Phạm vi tuyệt đối: Trống rỗng không có gì, là tương đối đi vào tuyệt đối.

-Tham thoát đầu, công án: Tối thượng thừa là tham thoát đầu. Tôi dạy các vị tham thoát đầu, tham công án. Công án phức tạp hơn thoát đầu, nhưng đều giữ cái “không biết”. Như người ta gặp công án, ngộ thì ngộ, không ngộ thì không hiểu, không hiểu tức là không biết (nghi tình), giữ nghi tình thì sau này sẽ được ngộ. Chứ không phải các người làm tà khôn viết sách thiền giải công án, tìm hiểu công án, ấy là sai lầm,

phải bị tội địa ngục. Công án là để cho người ta ngộ, chứ không phải để cho người ta tìm hiểu.

-Chơn như Phật tánh: Tối thượng thừa là mục đích hiện Chơn như Phật tánh.

-Nhất Phật thừa: Các thừa trên gọi là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, còn đây gọi là Phật thừa.

-Vạn đức viên mãn vô tu vô chứng: Đến chỗ này thì tất cả đầy đủ, vì nó sẵn có nên gọi là vạn đức viên mãn. Tại nó sẵn có nên không phải tu mới thành, nên nói là vô tu; không phải chứng mới đắc gọi là vô chứng, vì nó thành sẵn đắc sẵn. Tại nó bị che khuất, nên tham thiền là dẹp bỏ các che khuất thì nó tự hiện.

Như luyện quặng vàng, luyện bỏ tạp chất thì vàng ròng hiện ra; vàng ròng được hiện ra thì phải qua luyện mới được. Nhưng không phải luyện rồi mới thành, vàng đã thành sẵn ở trong quặng, nhưng bị đất cát tạp chất che khuất.

Như Phật tánh đã thành sẵn, bị biết và không biết của bộ não che khuất, nên phải nhờ tham thoại đầu hay tham công án, dẹp bỏ những che khuất để Phật tánh hiện ra, chứ không phải tu mới thành, chứng mới đắc, nên gọi là vô tu vô chứng.

Hỏi: Trong tác phẩm Nẻo Vào Thiền Học có viết một đoạn kể lại đối thoại giữa 2 vị là Thiền giả và Hòa thượng.

Thiền giả hỏi: Đạo là gì?

Hòa thượng trả lời: Đạo là tâm bình thường của con người.

Thiền giả nói: Vậy cần gì phải tu?

Hòa thượng trả lời: Nếu có tu thì trái với đạo.

Kính xin Sư Phụ giảng: Có ý muốn tu là trái với đạo?

Đáp: Vì vô tu vô chứng, tại không phải tu mà thành.

Hỏi: Thế nào phiền não tức Bồ đề và sanh tử tức Niết bàn?

Đáp: Bồ đề là giác ngộ, phiền não là si mê. Nếu không có si mê thì làm sao có giác ngộ? Nên có si mê mới có giác ngộ. Mê và ngộ là tương đối.

Hỏi: Con dùng “tâm là cái gì?” làm thoại đầu để tham được không?

Đáp: Tâm là danh từ ai cũng nói được, nhưng tâm là cái gì thì ai cũng không biết, chỉ là tâm tự biết, Phật Thích Ca cũng không biết được. Nếu Phật biết được thì nó thành sở biết, tức là còn ở trong tương đối, có năng có sở. Chân tâm không phải sở biết nên gọi là bất nhị, nhị là tương đối; không có tương đối nên nó không bị phát hiện được, nó không thành sở biết. Nếu có năng biết và sở biết thì không phải chân tâm.

Hỏi: Giới Bồ Tát nói “Người đã thọ giới Bồ Tát, nếu bán rượu thì 500 kiếp không tay”, lúc con đi ăn chung với bạn, bạn có nhờ con đưa rượu cho người ta uống. Vậy con có mang tội không?

Đáp: Ngũ giới là giới của thừa Thanh Văn, bán rượu thì không phạm, còn uống rượu thì phạm, vì chỉ không cho thân phạm. Còn giới Bồ Tát là cấm thêm tâm, cho nên tâm động là phạm. Giới Bồ Tát uống rượu là tội nhẹ, bán rượu thì tội nặng. Bồ Tát là hy sinh thân mình là cứu độ chúng sanh, bán rượu là hại chúng sanh nên tội nặng, còn uống rượu chỉ hại một mình nên tội nhẹ.

Hỏi: Giới Bồ Tát có xả được không?

Đáp: Giới của nhà Phật bất cứ giới nào đều xả được hết. Như Bát quan trai giới chỉ một ngày một đêm là xả.

Hỏi: Nghi sự là gì?

Đáp: Sự là công việc, bất cứ công việc gì đều là sự. Như giải đáp của tôi cũng là sự, các vị đi hương, tọa hương trong thiền thất cũng là sự, tức làm là sự. Như muốn cất nhà, phải theo kiến trúc mà xây tường lợp mái, những việc ấy đều là sự.

Nghi sự của mỗi người thì mỗi khác. Cũng như nghi việc tham thiền có được giải thoát không? Nghi lý tham thiền có đúng lý không?

Hỏi: Nếu con xuất gia mà bỏ cha mẹ già, vậy có bất hiếu không?

Đáp: Nếu xuất gia chơn tu là đại hiếu, còn tại gia có hiếu nuôi cha mẹ đến già chết nhưng không được giải thoát, kiếp sau vẫn còn tiếp tục chịu khổ. Nếu mình xuất gia chơn tu giải thoát thì sẽ cứu được cha mẹ. Như Phật Thích Ca tu được giải thoát, rồi về độ cha mẹ và tất cả thân thuộc.

Hỏi: Mẹ con bán chim phóng sanh, có một số chim bị chết, con nhỏ lông đem bán để khỏi bị lỗ. Như vậy con có bị phạm vào nhân quả hay không?

Đáp: Mua chim về rồi tụng kinh để phóng sanh làm nhiều con bị chết. Việc làm này không đúng, phóng sanh không có ý để mua; tức là gặp chỗ nào thì mua phóng sanh chỗ ấy liền, chứ không đến chỗ bán chim để mua. Người ta đem chim vào chùa bán không được mua để phóng sanh, là mướn người ta đi bắt. Nếu mua chim về bán thì bị tội nhân quả, vì bán sinh mạng để kiếm lời, dù chim không bị chết nhưng nó cũng đau khổ.

Hỏi: Những đứa con ngỗ nghịch bất hiếu, có phải cha mẹ bị mắc nợ ở kiếp trước không?

Đáp: Cũng có người sanh 2 đứa con, người con có hiếu thì đến trả nợ, người con bất hiếu thì đến đòi nợ.

Hỏi: Tự tánh vốn sẵn có, sao bộ não xen vào Tự tánh?

Đáp: Bộ não là nghiệp tạo thành, do chủng tử thiện ác kiếp trước của thức thứ 8 đem theo đầu thai. Vì ngã chấp của thức thứ 7 khiến cho lục thức lục căn hợp tác nghe theo lệnh của bộ não. Bộ não là hệ thống thần kinh theo ngã chấp mà tạo nghiệp nhân thì phải chịu nghiệp quả, chứ không phải Tự tánh bất nhị là không có tương đối. Khi chuyển bát thức thành tứ trí thì mới hiện Tự tánh bất nhị. Còn bây giờ Tự tánh bị che khuất, nên lục căn và lục thức theo lệnh của bộ não.

Hỏi: Tại sao tâm ma ở trong thì khó trị, còn tâm ma ở ngoài thì dễ trị?

Đáp: Ở ngoài thì không phải tâm ma, tự tâm của mình sanh mới gọi là tâm ma. Tâm ma ở trong ra thì khó trị, vì mình không biết; còn tâm ma ở ngoài vô thì dễ trị. Nếu mình giữ được chánh niệm nên ma không thể có. Thực hành được 9 chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” thì ma cũng không đến được.

Hỏi: Người cư sĩ thọ tam quy ngũ giới có bắt buộc phải ăn chay không?

Đáp: Nên ăn chay, vì giới thứ nhất là cấm sát sanh; nếu không sát sanh thì sao có thịt để ăn! Có người nói “tôi đi mua thịt của người ta làm sẵn”. Thí dụ: Người ta làm sẵn 10 con gà để bán thì phải có người mua, nếu 10 con gà được bán hết thì ngày mai họ lại làm thêm 12 con, 12 con bán hết thì bữa sau làm 15 con. Nếu 10 con gà bán không được thì ngày mai họ phải nghỉ bán, không giết hại nữa. Cho nên người mua là thúc đẩy cho họ giết thêm. Trong kinh Lăng Già nói: “Mình dùng tiền bắt họ đi giết”.

Hỏi: Tại sao chúng con ngồi tham thiền bị hôn trầm, trạo cử lắc lư cựa quậy?

Đáp: Lúc bớt vọng niệm thì tự nhiên sinh lý bị hôn trầm, còn vọng niệm nhiều thì bị trạo cử. Khi hôn trầm phải mở mắt, mở mắt còn hôn trầm thì lấy nước lạnh rửa mặt. Nếu rửa mặt mà còn hôn trầm, nên đứng dậy đi kinh hành và kiếm công việc để làm. Còn vọng niệm nổi lên thì nhắm mắt lại, hỏi và nhìn liên tiếp.

Hỏi: Phật tử tại gia tham thiền có những giai đoạn thử thách đau khổ trong cuộc sống, vậy có phải trả nghiệp không?

Đáp: Có thử thách mới gọi là tu, nếu không có thử thách giống như người ta nhập thất tự nhốt trong phòng, việc ấy không phải tu, mà lại có hại nữa, vì không có tiếp xúc cảnh vật bên ngoài. Chuyện đó trong Thiền tông có công án:

Thiền sư ở trên núi một mình, có lần xuống núi gặp đứa bé bị bỏ, rồi đem về núi để nuôi. Nuôi bé được 20 tuổi, ở trên núi chỉ có 2 thầy trò, không có người khác ở. Đứa bé chỉ thấy chim cá cạp beo.

Một hôm, Thiền sư dắt đứa bé xuống chợ. Đứa bé thấy cái này cái kia không biết nên gặp cái nào cũng hỏi thầy.

Bé hỏi thầy: Cái này là gì?

Thầy nói: Cái bình.

Bé hỏi thầy: Cái này là gì?

Thầy nói: Cái tách.

Bé gặp cái nào cũng hỏi, rồi gặp người nữ lại hỏi: Cái này là gì?

Thầy nói: Con cạp chợ. Cạp ở trên núi mà đã biết rồi phải không? Cạp chợ lợi hại hơn cạp ở núi! Đừng có gần nó nghe không?

Bé nghe như vậy thôi. Khi trở về núi thầy mới hỏi bé: Lúc mà xuống núi chơi có thích nhất cái gì không?

Bé nói: Con không thấy cái gì thích, nhưng trong lòng con thích nhất cạp ở chợ.

Từ nhỏ bé đâu gặp cạp chợ, nhưng khi gặp lại thích. Cho nên bé ở trên núi như nhập thất 20 năm, đâu có ích lợi gì!

Hỏi: Chúng con sơ cơ tham thiền chưa rõ cách nhìn. Kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Vì không có chỗ để nhìn, mà tánh con người muốn nhìn thì phải có cái gì để nhìn; đã không có mục tiêu nhưng cũng phải nhìn, thành ra mới thấy khó. Tập dần dần như tập xe máy, ban đầu tập hai tay vịn nhưng cứ ngã, sau này tập được thì hai tay vịn không ngã, tập được quen mà hai tay buông cũng không ngã, tập thuần thục lúc queo cũng không cần tay, rồi tập thêm nữa muốn ngừng muốn nhảy cũng được nữa.

Người ta tập xe một bánh để chạy biểu diễn vẫn được. Nên tập dần dần quen thuộc thì nó tự động sẽ tham thiền được.

Hỏi: Chúng con mới tham thiền học đạo, nhưng lỡ chết đi, chúng con có gặp lại chánh pháp này không?

Đáp: Theo nhân quả, khi gieo chánh nhân thì sẽ thành chánh quả, tà nhân thì bị tà quả. Tham Tổ Sư thiên của Phật Thích Ca truyền dạy là gieo chánh nhân. Giả sử ngày nay tham thiền mà ngày mai chết, nhưng chánh nhân đã gieo rồi thì kiếp sau tiếp tục cho đến cuối cùng kiến tánh thành Phật, tại vì nhân quả rõ ràng.

Câu chuyện con dâu và mẹ chồng:

Mẹ chồng có bệnh đau nhức, con dâu biết châm kim, châm là hết liền, nhưng vài ngày sau đau nhức lại, nên phải châm kim. Cứ vậy mà châm đi châm lại hoài.

Mẹ chồng biết tu, cầu nguyện Quán Thế Âm, thấy chiêm bao nghe nói: “Vì bà lúc trước châm kim con dâu nhiều lần, nên bây giờ con dâu phải châm kim bà lại, nhưng còn 19 lần châm nữa mới hết”. Mẹ chồng thức dậy chưa đau nhức lại bảo con dâu châm kim 19 lần.

Con dâu nói: Không có đau nhức mà châm làm chi?

Mẹ chồng nói: Kệ cứ châm đi, năn nỉ con dâu.

Con dâu bắt đắc dĩ châm 19 lần thì bệnh đau nhức của mẹ chồng từ đó về sau không còn nữa.

Hỏi: Tại sao các Thiền Viện chỉ thờ Phật Thích Ca và các Tổ Ma Ha Ca Diếp,... mà không thờ các vị Phật khác, như Phật Di Đà, Phật Quán Thế Âm,...?

Đáp: Thiền Đường ở Trung Quốc không có thờ Phật gì hết. Ngày xưa Bá Trượng sáng lập Tông Lâm không có thờ Phật. Bây giờ có chùa chỉ thờ Phật Thích Ca, lại có chùa thờ đủ thứ, nói ra cũng không nói ra hết được. Nhưng Thiền tông không nói đến việc thờ, nếu nói đến thờ thì không phải Thiền tông. Thiền tông có chùa là bắt đầu ngài Bá Trượng.

Hỏi: Phật Thích Ca nhập diệt rồi, có phải theo sự sanh tử của người thế gian để cứu độ họ hay là về ở cõi thiên, không còn ở cõi này nữa?

Đáp: Người hỏi có đọc Bát Nhã Tâm kinh không? Mỗi ngày ở chùa có đọc Bát Nhã Tâm kinh ba lần. Bát Nhã Tâm kinh nói: “Vô vô minh diệt vô vô minh tận, vô lão tử diệt vô lão tử tận”. Vô lão tử là không có sanh tử, người kiến tánh triệt để là ngộ không có sanh tử. Người hỏi luôn Bát Nhã Tâm kinh còn không đọc! Tướng Phật Thích Ca còn ở trong sanh tử thì thành Phật có ích lợi gì!

Hôm qua nói: “Không phải tu mới thành, chứng mới đắc, tức là đã thành đã đắc rồi”. Thiền tông ngộ vốn không có sanh tử thì liễu thoát được sanh tử, chứ không phải có sanh tử rồi tu thành Phật, lại còn ở trong sanh tử nữa!

Hỏi: Kinh Pháp Hoa có từ năm nào? Và do vị nào làm tác giả?

Đáp: Kinh Pháp Hoa là Phật Thích Ca thuyết, nhưng Phật Thích Ca nói trong kinh Pháp Hoa: “Vị Phật nào cũng đều thuyết kinh Pháp Hoa”, chứ đâu phải có ai làm tác giả!

Hỏi: Câu thoại đầu chưa khởi niệm là như thế nào?

Đáp: Nếu không có khởi niệm thì làm sao nói như thế nào được! Như thế nào là đã khởi niệm rồi, mới biết là “như thế nào”. Còn chưa khởi niệm làm sao biết như thế nào, phải mâu thuẫn không?

Hỏi: Chiêu cố thoại đầu là gì?

Đáp: Chiêu cố thoại đầu là nhìn chỗ không biết để giữ cho không biết được kéo dài.

Hỏi: Có người nói: Chỉ cần chăm chú hỏi rõ ràng câu thoại đầu là được rồi, có được không?

Đáp: Không được chăm chú, không được tập trung tinh thần, không được cố gắng. Chư Tổ nói “ít phí sức chừng nào thì tốt chừng nấy”. Tức là chỉ hỏi và nhìn để giữ

nghi tình (không biết), nếu không biết làm sao chăm chú! Chăm chú là đã biết rồi. Kéo dài nghi tình một chút bằng sợi chỉ cũng được, chứ không được chăm chú để phí sức.

Hỏi: Ở thế gian muốn học Đại học thì phải tốt nghiệp Trung học rồi đi vào Đại học. Nếu muốn rút ngắn thời gian thì phải nhảy lớp, nhưng căn bản ở mỗi lớp phải học qua. Còn đối với pháp xuất thế gian, chúng con tu pháp Tối thượng thừa thì phải tu từ Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa để có thể nắm bắt căn bản của các thừa trên không?

Đáp: Giáo môn là từ cấp từ cấp mà lên, còn Thiền môn là địa vị phạm phu tu chứng lên Đẳng Giác, nên không có giai cấp. Giáo môn thường có 52 cấp: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, gồm có 50 cấp và Đẳng Giác, Diệu Giác, tổng cộng là 52 cấp.

Kinh Lăng Nghiêm có 57 cấp. Mặc dù Thiền môn có nói tam quan là “Sơ Quan, Trung Quan và Mạc Hậu Lao Quan”, ấy là phương tiện tùy theo căn cơ. Có người không cần phải qua Sơ Quan, Trung Quan mà thẳng tới Mạc Hậu Lao Quan, chứ không có cấp nào hết.

Hỏi: Con là Phật tử tại gia có quy y thọ 5 giới, con chỉ giữ được 10 ngày ăn chay trong mỗi tháng, không biết như vậy có phạm giới sát sanh không?

Đáp: Theo nhân quả thì ăn cục thịt phải trả lại cục thịt, giết 1 mạng phải trả 1 mạng. Người Phật tử thọ 5 giới, mà giới đầu tiên là cấm sát sanh, nếu ăn chay 10 ngày trong mỗi tháng, còn 20 ngày kia thì sao? Khỏi trả nợ chăng? Để cho người ta làm sẵn cho ăn sao!

Việc ấy là nhân quả, Phật muốn mình đừng gây ác nhân mà phải bị ác quả. Mình không ăn người ta thì không bị người ta ăn lại. Còn nói “tôi không có giết mà người ta giết sẵn cho tôi ăn”. Hôm qua tôi có thí dụ, người ta giết 10 con gà đem ra chợ bán, nếu bán hết thì ngày mai sẽ giết 12 con, 12 con bán hết thì ngày một sẽ giết 15 con. Giả sử 10 con gà không bán được thì họ nghĩ bán, không giết hại nữa. Vì người mua nên thúc đẩy họ giết.

Cho nên kinh Lăng Già nói: “Người dùng tiền mua thịt ăn, tức là dùng tiền để sát sanh thì cũng phải trả quả”.

Hỏi: Chúng sanh do nghiệp mà có, rồi chừng nào mới hết nghiệp?

Đáp: Kiến tánh triệt để mới hết nghiệp. Cho nên, chư Phật chư Tổ muốn mình kiến tánh triệt để. Vì nghiệp là ở trong mờ mắt chiêm bao, kiến tánh triệt để là ở trong mở mắt chiêm bao được thức tỉnh, nhân quả và nghiệp ở trong chiêm bao đều chấm dứt. Vì nhảy ra ngoài chiêm bao thì không dính líu với chiêm bao nữa.

Nếu chưa giác ngộ triệt để thì còn dính líu trong chiêm bao, nên đầu thai thành con heo, con bò,... mà không có biết!

Như nhắm mắt chiêm bao mà tạo tội, bị chánh phủ chiêm bao bắt rồi tuyên bố tử hình; trong nhắm mắt chiêm bao phát tài thấy rất mừng, thức dậy tìm lại những việc trên không có. Nên chư Phật chư Tổ cần mình thức tỉnh ở trong mở mắt chiêm bao. Hiện nay mình ở trong mở mắt chiêm bao. Tôi đang giảng và các vị đang nghe cũng ở trong mở mắt chiêm bao.

Nhắm mắt chiêm bao là một thức biến hiện, còn mở mắt chiêm bao là đồng thời 2 thức biến hiện đều là do tâm tạo. Tâm tạo thì không phải thật, không phải thật nên nói là chiêm bao.

Hỏi: Tự tánh cùng khắp, sao có bộ não?

Đáp: Bộ não không phải Tự tánh, vì bộ não là vật chất, còn Tự tánh không phải vật chất. Bộ não là lục căn có hệ thống thần kinh là vật chất, nếu dùng kính hiển vi thì thấy được. Bộ não gồm 3 bộ phận (tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ). Bộ phận ghi nhớ, nhà khoa học bắt chước chế ra máy vi tính. Bộ phận tìm hiểu và suy nghĩ cũng có nhà khoa học tuyên bố vài năm sẽ ra đời, họ cũng bắt chước chế tạo ra được, vì nó thuộc về vật chất.

Tự tánh chẳng phải vật chất nên không thể bắt chước chế tạo được. Ở trong Vũ Trụ Quan Thế Kỳ 21, tôi có giải thích từng căn từng thức.

Hỏi: Vay trả nhân quả không biết chừng nào mới hết nhân quả?

Đáp: Kiến tánh triệt để thì hết nhân quả, vì nhân quả ở trong mờ mắt chiêm bao. Kiến tánh là ra ngoài chiêm bao thì hết nhân quả. Chư Phật chư Tổ muốn mình ngộ triệt để. Nghĩa chữ “Phật” là giác ngộ. Bất cứ nghiệp chướng nặng cách mấy khi được giác ngộ là xong.

Hỏi: Người tu Tịnh Độ có “tín, nguyện, hạnh” kiên cố, tuy hiện thời chưa được nhất tâm hay vào cảnh giới niệm Phật tam muội, giờ phút lâm chung giữ được chánh niệm thì được chư Phật, chư Bồ Tát hiện thân tiếp dẫn nên được vãng sanh, mà trong kinh gọi là “đời nghiệp vãng sanh”. Vậy người tu thiền chỉ cần phá được nghi tình của câu thoại đầu thì kiến tánh thành Phật, nhưng thực hành đến lúc lâm chung vẫn chưa kiến tánh, rồi chết sanh về đâu?

Đáp: Người hỏi, Tịnh Độ không biết, Tổ Sư thiên cũng không biết. Phật dạy các pháp môn đề tu, căn bản là thiền. Tu Tịnh Độ có 3 cách tu đều là thiền: Thật tướng niệm Phật là thiền, gần giống như Tổ Sư thiên; Quán tưởng niệm Phật là thiền quán gồm có 16 pháp thiền quán, ghi trong kinh Quán Vô Lượng Thọ; Trì danh niệm Phật cũng là thiền, niệm đến nhất tâm bất loạn là thiền định.

Tịnh Độ có 3 cuốn kinh: Kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà. Tại người hỏi không biết Tịnh Độ là như thế nào? tưởng thiền không phải Tịnh Độ.

“Tín, nguyện, hạnh”, người đó không hiểu rõ. Quyết định vãng sanh là do cái nguyện, niệm Phật là phẩm vị cao thấp. Nhưng phải có nguyện thì niệm Phật mới có phẩm vị. Nếu cái nguyện không đúng thì niệm Phật cũng có thể lọt vào ngoại đạo.

Có người cho tụng kinh là Tịnh Độ thì không đúng. Tụng kinh là thiền quán tưởng của giáo môn, tức là vừa tụng vừa quán tưởng.

Thật tướng niệm Phật là thiền không cần vãng sanh, tức là tâm tịnh Phật độ tịnh.

Nếu đúng “tín, nguyện, hạnh” khỏi 10 niệm mà chỉ 1 niệm cũng được vãng sanh. Nếu không đúng “tín, nguyện, hạnh” thì muôn triệu ngàn niệm cũng không được vãng sanh.

Thí dụ: Nguyện của Phật Di Đà như tổng đài phát ra làn sóng rất mạnh, mình có radio nhỏ ở bất cứ nơi đâu đều thu được, nhưng phải vặn đúng làn sóng của tổng đài, làn sóng đó tương ứng mới được.

Cũng như cái nguyện của người tu Tịnh Độ với cái nguyện của Phật Di Đà phải tương ứng thì người niệm Phật mới được vãng sanh. Nếu mình vặn làn sóng xê xích một chút cũng không được. Nhưng người hỏi ấy còn cách xa biết bao nhiêu dặm! Làm sao vãng sanh được?

Nguyện có 2 thứ: Đại nguyện và tiểu nguyện. Nếu phát tiểu nguyện thì nghịch với nhân quả không được vãng sanh. Còn phát đại nguyện thì thực hành đại nguyện của mình phát, nếu miệng phát nguyện và cũng nhớ cái nguyện của mình, tức là miệng nói tâm nghĩ mà không có thực hành thì thành nguyện suông, làm sao được vãng sanh? Như mình mở trương mục ngân hàng, không có tiền mà lại thiếu nợ rất nhiều, không đủ trả.

Mình từ hồi nhỏ đến bây giờ nghĩ lại có giết con muỗi, con kiến nào không? Có ăn thịt heo, gà, vịt không? Một bữa cơm ăn mấy chục con cá, con tép,... như ăn 10 con thì phải đầu thai 10 lần để cho người ta ăn lại. Đâu phải chỉ niệm Phật là được vãng sanh u! Được đời nghiệp vãng sanh giống như ký ngân phiếu, tức là bây giờ không có tiền trả, nhưng hẹn lại 10, 20, 30 năm sau.

Đại nguyện của người tu Tịnh Độ là sau khi được vãng sanh thì nhất định thành Phật, sau đó mới trả. Phát đại nguyện là muốn độ hết tất cả chúng sanh, mà lại giết hại chúng sanh và không coi bình đẳng, như con chó dơ đến gần, mình đá nó đi. làm sao được đời nghiệp vãng sanh? Mỗi buổi chiều các chùa có tụng kinh A Di Đà, trong kinh chú trọng cái nguyện, nói 3, 4 lần là đại nguyện và thực hành đại nguyện.

Lúc trước, tôi chưa hoằng Thiên tông, tôi hoằng Tịnh Độ được mười mấy năm, mà chưa gặp người nào tu đúng tông chỉ Tịnh Độ, lúc đó tôi ở chùa Từ Ân Chợ Lớn, duy nhất chỉ gặp một người tu đúng tông chỉ Tịnh Độ, y thông suốt giáo lý, cũng biết phát đại nguyện nhưng thiếu một điều là không thực hành đại nguyện của mình phát. Còn nhiều người nói “tín, nguyện, hạnh” cũng không đúng.

Ban đầu, ông đến chùa Từ Ân muốn vấn nạn tôi, bài xích thiên. Rồi tôi giảng tông chỉ Tịnh Độ, ông ấy phát hiện mình không thực hành đại nguyện, mới biết mình nguyện suông. Như ký ngân phiếu giả thì bị chính phủ bắt, còn có tội thì làm sao có công đức để được vãng sanh?

Ông đó là chủ tiệm vàng Mỹ Nữ ở Thị Nghè, lúc nghe tôi giảng thì y mới phục. Rồi lấy ra 2.000 đồng cúng dường tôi, khi ấy đất nước mới giải phóng và còn hứa sau này tôi làm Phật sự sẽ ủng hộ thêm. Khi đã Thiên thất ở chùa Sùng Đức, cần tu sửa nhà vệ sinh thì y đem 50.000 đồng để tu sửa. Y cũng dự Thiên thất không tu Tịnh Độ chuyển sang tu thiên.

Phật dạy 84.000 pháp môn đều có thiên, cho đến ngoại đạo, tà ma muốn tu cũng phải có thiên, vì có thiên mới tu được. Nhưng những người chấp lại không biết, chỉ biết bài xích thiên, không biết mình đang tu thiên.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ có 16 pháp thiên quán. Tại sao người tu Tịnh Độ mà không biết? Chùa nào mỗi ngày đều tụng tiểu A Di Đà. Người không tin tự tâm, không tin Tổ Sư thiên mà lại bỏ thiên Tịnh Độ vì người ấy không biết. Nếu họ được vãng sanh cực lạc thì Phật A Di Đà mới dạy tu Tổ Sư thiên là từ nghi đến ngộ. Nhưng mình tin Tổ Sư thiên là bắt đầu tham thiên ở cõi này.

Pháp thế gian và xuất thế gian đều từ nghi đến ngộ. Vì nghĩa chữ “Phật” là ngộ, muốn ngộ thì phải nghi. Nhà khoa học cũng vậy, như Newton thấy trái táo trên cây rơi xuống đất mà lại nghi sao không rơi trên trời? Sau này ông được ngộ sức hấp dẫn lực của trái đất, vì ông dùng bộ não đi nghiên cứu nên gọi là hồ nghi.

Tổ Sư thiên không cho dùng bộ não đi tìm hiểu, lại còn chấm dứt cái tìm hiểu, nghịch lại hồ nghi trên nên gọi là chánh nghi. Chánh nghi thì ngộ được chân tâm của mình.

Hồ nghi thì ngộ pháp thế gian, có giá trị ở thế gian nhưng không ngộ được bản tâm. Nên không giải thoát, không được tự do tự tại. Như có nhiều tiền nhưng chết rồi tiền cũng không mang theo được.

Hỏi: Như Sư Phụ nói “trước đây Sư Phụ hoằng dương Tịnh Độ mười mấy năm”, vậy sao Sư Phụ giờ đây chuyển sang tham thoại đầu?

Đáp: Vì tôi hoằng dương Tịnh Độ chưa gặp người nào tu đúng tông chỉ Tịnh Độ, nên tôi mới hoằng dương Tô Sư thiền, không bao lâu có kết quả người hạ căn chuyển sang người thượng căn.

Ngài Bác Sơn nói: “Mạt pháp có thể chuyển thành chánh pháp, hạ căn có thể chuyển thành thượng căn”. Mạt pháp chuyển thành chánh pháp thì tôi chưa chứng tỏ được, còn hạ căn chuyển thành thượng căn thì tôi chứng tỏ được.

Tại sao? Vào năm 1980 có một số người theo tôi tham thiền được 2 năm. Những người này chưa tham thiền coi kinh không hiểu, khi tham thiền tức là không học giáo lý Phật pháp, thì mở được trí huệ thông suốt kinh điển mà không cần ghi nhớ. Còn những người học Phật học đến Cao đẳng phải mất qua thời gian khoảng 15 năm học để ghi nhớ mới có trí huệ.

Những người được trí huệ ghi nhớ có lúc quên, nên hỏi cái nào còn nhớ thì trả lời được, cái nào quên thì không thể trả lời. Còn hỏi những người tham thiền được trí huệ đều trả lời được, mà những người đó chỉ có 1, 2 năm hay nửa năm tham thiền. Cho nên, chúng tôi hạ căn chuyển thành thượng căn.

Hỏi: Lúc mới tham thiền, vọng tưởng nhiều mà nghi tình mạnh nên con dụng công liên tục; còn bây giờ các vọng tưởng lắng dịu, tâm con được thanh tịnh. Vậy sự dụng công không còn như trước, thường hay bị gián đoạn; con biết những căn bản phiền não vẫn còn nằm sâu trong tàng thức chưa trừ diệt hết. Vậy làm cách nào để cho sự dụng công được liên tục?

Đáp: Vị này không phải vì sanh tử, chỉ vì hứng thú mà tu, khi hết hứng thú thì hết tham. Nên ngài Hư Vân nói: “Năm đầu sơ tham, năm thứ nhì lão tham, năm thứ ba hết hứng thú thì không tham”. Ban đầu hứng thú thì công phu mãnh liệt, sau này hứng thú bớt dần, đến năm thứ 3 cũng nghỉ tham luôn.

Còn vì giải thoát sanh tử, khi nào giải quyết được sanh tử thì mới hết tham, tức là kiến tánh triệt để rồi mới xong việc. Việc này hứng thú thấy người ta tham thiền, bắt chước tham thiền; như thấy người ta mặc đồ đẹp, cũng bắt chước may một bộ đồ đẹp để mặc để có như thiên hạ.

Hỏi: Làm sao biết được mình đã kiến tánh?

Đáp: Người kiến tánh thì tự biết hay có thầy ấn chứng còn gọi là truyền tâm ấn. Không có thầy ấn chứng thì dùng kinh Đại thừa liễu nghĩa để ấn chứng, ngữ lục của Tổ dùng để ấn chứng cũng được.

Hỏi: Khi tham thoại đầu không được sợ, nhưng con hay sợ, cố gắng giữ chánh niệm sao không hết sợ?

Đáp: Nói “chánh niệm” nhưng không biết chánh niệm là gì? Lục Tổ nói trong Pháp Bảo Đàn: “Vô niệm tức là chánh niệm”, nghĩa là không có niệm nào mới gọi là chánh niệm. Người này tưởng chánh niệm là cái gì! Tham thoại đầu là không khởi một niệm nào, mới là chánh niệm.

Vô niệm, niệm tức chánh,

Hữu niệm, niệm là tà.

Nổi lên một niệm gọi là nhất niệm vô minh tức là tà. Người hỏi đem tà niệm cho là chánh niệm!

Hỏi: Nguồn gốc Phật giáo là tâm, tức là bản thể của nó là tri, mà dụng của nó cũng là tri. Tại sao Phật không biết nó?

Đáp: Nếu Phật biết nó thì nó sẽ thành sở tri, nên Phật thành năng tri. Có năng sở thì không phải chân tâm, vì chân tâm là bất nhị, nói Tự tánh bất nhị mà ai cũng biết. Nếu có năng sở là nhị, vì Tự tánh không phải sở tri, nên không có năng tri nào để tri nó. Nó tri là tự nó tri, thể cũng là tri, dụng cũng là tri, mà cái tri đó trông rỗng không có bản thể.

Cho nên dung nạp tất cả, gọi là không. Nhưng không này chẳng phải cái không chết, mà có cái tri. Tri mà có cái không để dùng, nên không cũng là nó, không này tức chánh giác gọi là Diệu Giác cao nhất.

Hỏi: Ngài Long Thọ Bồ Tát biết được tâm và dụng của tâm không?

Đáp: Phật Thích Ca chứng quả là ngộ được bản tâm và ngài Long Thọ cũng vậy. Vì tâm không có bản thể, nên Ngài nói: “Tâm như hư không vô sở hữu”, tức là không có hư không mà dung nạp tất cả vật. Như bây giờ mình thấy rõ ràng nhà cửa, đất đai, cây cối, thấy bất cứ cái gì đều phải nhờ cái “vô sở hữu” này dung nạp và ứng dụng.

Bây giờ tôi đang giảng và các vị đang nghe, nếu không có không gian vô sở hữu này thì quý vị làm sao nghe được, tất cả quý vị nhìn thấy tôi, tôi nhìn thấy quý vị cũng đều nhờ vô sở hữu này, tức là không gian trống rỗng; Phật pháp gọi là Tánh không, Tánh không thì chẳng có gì nên gọi là vô sở hữu.

Như chỗ ngồi của quý vị đều có vô sở hữu, nên mới ngồi được. Cuộc sống hằng ngày của mình là ăn cơm, mặc áo, tiếp khách đều nhờ vô sở hữu này, mình ứng dụng hằng ngày mà chẳng tự biết. Lại đi tìm những danh từ, mò đoán bậy bạ.

Phật pháp là thực dụng cuộc sống hằng ngày của mình. Nếu lia cuộc sống hằng ngày, làm sao có Phật pháp? Nên Lục Tổ nói: “Phật pháp ở thế gian, chẳng lia thế gian mà giác ngộ”.

Hỏi: Nếu kiến tánh thành Phật thì mình biết được tâm và dụng của nó không?

Đáp: Nếu kiến tánh triệt để thì cái dụng đó là cái dụng bát nhã, dụng bát nhã là automatic, không qua bộ óc, nhưng làm xong công việc của bộ não. Thí dụ cảm giác lớp da khắp không gian và thời gian cơ thể, vì khắp không gian thì tự nhiên khắp thời gian, tại không gian và thời gian không thể lìa nhau được.

Có người cho là nó tiếp xúc nó mới biết, còn không tiếp xúc thì nó không biết, nhiều người tưởng như vậy. Nhưng sự thật có tiếp xúc nó cũng biết, không tiếp xúc nó cũng biết; tiếp xúc đau nó biết đau, tiếp xúc ngứa nó biết ngứa, không tiếp xúc nó cũng biết không tiếp xúc. Nếu không tiếp xúc nó không biết làm sao nó biết không tiếp xúc? Tiếp xúc cơ thể ở chỗ nào nó cũng biết, chứ không phải tiếp xúc tay thì tay mới biết, tiếp xúc đầu thì đầu mới biết! Vì nó cùng khắp.

Ngày đêm nó tiếp xúc không gián đoạn, tức là khắp thời gian. Như lúc mình ngủ mê bị muỗi cắn, tay tự động gãi chỗ đó, vì cảm giác của lớp da ngày đêm làm việc không ngưng; khắp không gian cơ thể thì chỗ nào trên cơ thể đều có cảm giác, chỗ nào tiếp xúc thì nó biết có tiếp xúc, chỗ nào không tiếp xúc thì nó biết không tiếp xúc là chứng tỏ khắp không gian.

Cái biết của bộ não thì không cùng khắp không gian, không cùng khắp thời gian, vì nó bị hạn chế. Mặc dù, mình chưa kiến tánh, nhưng cái chơn tâm cùng khắp không gian và thời gian. Vì nó bị che khuất nên bị hạn chế cái dụng. Khi nào kiến tánh triệt để thì dẹp hết che khuất cái biết và không biết của bộ não, mới hiện ra cái biết khắp không gian và thời gian.

Hỏi: Hỏi câu thoại và nhìn vào một niệm chưa sanh khởi, không biết là cái gì, nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết. Như vậy có đúng không?

Đáp: Không biết là đúng rồi, nhưng đến thật không biết thì “không biết” cũng không biết.

Hỏi: Tự tâm và tánh có khác không?

Đáp: Tánh chấp ngã cũng là tánh, còn “Tự tánh” có 2 nghĩa:

Tự tánh của thế gian thì việc nào cũng có Tự tánh.

Tự tánh của chân tâm là bất nhị.

Tự tánh thế gian, như nói ông này có tánh bồn sên, tánh tham,... là tự tánh của người đó.

Tự tánh của chân tâm thì khác, không có tương đối là bất nhị.

Hỏi: Phật Thích Ca đưa cành hoa lên, thấy Ma Ha Ca Diếp miệng mỉm cười, Phật tuyên bố: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn, Diệu tâm, Thật tướng, Vô tướng. Nay ta trao truyền cho ngươi”. Vậy Ma Ha Ca Diếp được thọ ký tâm ấn tâm là gì? Làm sao có được?

Đáp: Ấn là con dấu, người được ấn tâm là để chứng minh. Như bây giờ các tiệm và các cơ quan ký tên còn có đóng dấu, con dấu là để người ta tăng cường lòng tin. Ấn chứng là thầy chứng minh trò đã ngộ rồi, còn gọi là truyền tâm ấn.

Thiền tông cần ngộ, không cần hiểu, ngộ thì tự biết. Nếu tìm hiểu thì không phải ngộ. Đầu tiên Phật đưa cành hoa trong hội cả triệu người, chỉ có một mình Ma Ha Ca Diếp mỉm cười, Phật ấn chứng cho Ma Ha Ca Diếp được ngộ.

Hỏi: Trải qua bao nhiêu năm tu tập, con thấy có người hiển bày cái dụng của Tự tánh, tạp niệm càng bớt thì cái dụng càng rộng, tạp niệm là tà nên niệm khởi lên làm mất chánh niệm. Như vậy có đúng không?

Đáp: Không phải vậy, chánh niệm là không có niệm; không phải có cái niệm mới gọi là chánh niệm. Lục Tổ nói: “Vô niệm, niệm là chánh”, tức là không có niệm mới gọi là chánh. Lại nói: “Hữu niệm, niệm là tà”, tức là bất cứ có niệm gì đều là tà. Dẫu cho niệm Phật nhưng đối với Thiền tông cũng cho là tà. Vì có niệm là tà.

Hỏi: Hành giả tu đã lâu, tại sao tập khí không dứt bỏ được, thậm chí bản thân của mình không biết đó là sai, trái lại phải làm cho bao người khác phải khổ lụy?

Đáp: Vì đó là do tập khí sâu nặng khó sửa. Như Lục Tổ là người thượng căn thượng trí, đã kiến tánh triệt để làm Tổ rồi, cũng phải trải qua 15 năm để dứt trừ tập khí, huống là mình không bằng Lục Tổ. Cho nên, tập khí không phải dễ mà dứt! Nhưng chỉ cần kiến tánh thì tập khí dần dần sẽ hết.

Hỏi: Nếu một người đã tạo nghiệp ác ở quá khứ, nhưng giờ đây đã biết ăn năn sám hối, phát tâm đại nguyện làm các việc lành như: Phóng sanh, giúp các vị xuất gia tu học, tu sửa chùa, ấn tống kinh, đắp đường lộ. Như vậy có tiêu được nghiệp quá khứ không?

Đáp: Nhân quả không có trừ với nhau được. Nhân thiện thì được phước báo, nhân ác thì bị khổ báo, không thể lấy nhân thiện để trừ nhân ác được. Muốn sửa lại thì tâm lực phải mạnh mới sửa được.

Như người làm thiện thì được giàu sang, nếu họ có làm ác cũng bị khổ báo, như bệnh nặng hay bị tai nạn gì đó, cũng phải chịu, chứ không lấy thiện mà trừ cái ác.

Hỏi: Người quen cho con một món quà hay một món tiền, mà con không dùng lại cho một người bạn. Vậy theo luật nhân quả thì con phải trả hay người bạn con trả?

Đáp: Người ta cho tiền không phải nợ, mình giựt đồ người ta hay mượn mà không trả mới là nợ. Theo luật tự nhiên, như bố thí thì người nhận sau này có dịp họ sẽ bố thí lại tức là trả. Việc này gọi là duyên, Phật giáo gọi là kết duyên hay gieo duyên, nghĩa là giúp đỡ lẫn nhau, cũng thuộc về nhân quả.

Như mình ăn cục thịt phải trả cục thịt, giết một mạng phải trả một mạng vậy. Mình bố thí hay tặng người thì sau này người sẽ bố thí hay tặng lại.

Hỏi: Tụng kinh thấu rõ ý nghĩa của Phật là sao?

Đáp: Tụng kinh là tu, giáo môn tụng kinh là thiền quán, tụng đến đâu là quán đến đó. Chứ không phải tụng cho Phật nghe.

Hỏi: Có người tu trì danh niệm Phật, phát đại nguyện, mà nhà có lu nước, con lãng quăng sanh ra muỗi, hoặc trời mưa kiến ở dưới đất bò lên kéo thành đàn đi ngang qua nhà. Vì muốn giữ vệ sinh và phòng bệnh, người phát đại nguyện có nên đổ nước hay lấy dầu đốt kiến, dùng chổi quét cho kiến ra khỏi nhà không?

Đáp: Việc này không thể nói được hay không được. Tôi đã nói “theo nhân quả là giết một mạng phải trả một mạng, ăn cục thịt phải trả cục thịt”, còn người phát đại nguyện thì không có tội ác nhân, nên không phải đi trả quả thì mới được vãng sanh. Nếu phát đại nguyện mà không thực hành đại nguyện là nguyện giả.

Hỏi: Người tu mật tông ở thời Đức Phật Đại Nhật Như Lai. Vậy Đức Đại Nhật Như Lai là Đức Phật thật hay là biểu trưng chỉ cho Chơn tâm của người tu Mật tông?

Đáp: Tất cả chúng sanh đều có chơn tâm, vốn cùng khắp không gian thời gian. Cùng khắp không gian thì không có khứ lai nên gọi là Như Lai, chứ không phải Đại Nhật Như Lai mới là Như Lai! Vì Như Lai này bị che khuất, tham thiên là dẹp cái che khuất thì Như Lai sẽ hiện ra. Còn Mật tông có cách tu của Mật tông, nhưng bí mật truyền thọ, khác với hiển giáo.

Hỏi: Người phát đại nguyện sanh về Tịnh Độ, nếu giết một con mèo để cứu một vạ con chuột, thì người ấy có trái với đại nguyện đã phát ra không?

Đáp: Trái.

Hỏi: Hữu tình và vô tình đồng thành Phật đạo là như thế nào?

Đáp: Nếu hữu tình thành Phật thì vô tình cũng thành Phật. Sự thật Phật đã thành sẵn rồi. Phật thí dụ trong kinh Viên Giác như quặng vàng, vàng thật đã thành sẵn, chỉ là lộn đất cát tạp chất nên nó không hiện ra, chứ không phải tu mới thành, chứng mới đắc.

Hỏi: Người tu thiền nói chung, người tham Tổ Sư thiền nói riêng. Nếu đến lúc lâm chung tu chưa kiến tánh thì có thể biết được sanh về nơi nào không?

Đáp: Nếu người thật tu Tổ Sư thiền đã được ngộ thì tự nhiên họ biết, còn các thiền khác như: Tà ma cũng có thiền, Tịnh Độ cũng có thiền. Thiền là tổng danh. Phàm tu là phải có thiền, nhưng Tổ Sư thiền khác hơn Như Lai thiền. Tất cả thiền khác đều dùng cái biết, còn Tổ Sư thiền là dùng cái không biết.

Hỏi: Con mới tập tu, khi bao chuyện buồn vui hiện ra, khiến con không giữ được miên mật. Vậy làm sao giữ được nghi tình miên mật?

Đáp: Phải thực tập “hỏi và nhìn” lâu ngày nghi tình mới miên mật được.

Hỏi: Vừa tu Tịnh Độ vừa tu Tổ Sư thiền lấy câu thoại đầu là “Nam mô A Di Đà Phật”, khi chết có được vãng sanh không?

Đáp: Không được. Tu Tịnh Độ phải đúng theo tông chỉ Tịnh Độ mới được vãng sanh. Còn tham thiền là giữ cái không biết để dẹp tất cả biết rồi đến thoại đầu mới có hy vọng kiến tánh. Bây giờ dùng cái biết để niệm Phật, Thiền cũng không thành, Tịnh Độ cũng không được vãng sanh, hai cái đều không có kết quả.

Hỏi: Tạo si phước là oan gia đời thứ ba, vậy nghĩa như thế nào?

Đáp: Tạo si phước là đầu thai thành con heo. Nhưng người ta nuôi ăn no ngủ thoải, không bị người ta làm thịt.

Hỏi: “Chỗ ẩn thân không tung tích, chỗ tung tích không ẩn thân” là nghĩa như thế nào?

Đáp: Công án là để cho người ta ngộ, nếu không ngộ thì không hiểu, giữ không hiểu đó là nghi tình, sau này sẽ được ngộ. Chứ không phải công án là để cho người ta hiểu.

Tham thiền là hỏi câu thoại, chứ không phải tìm hiểu đáp án của câu thoại để hiểu, chỉ khởi lên niệm không biết và giữ niệm không biết gọi là nghi tình. Còn nếu tìm hiểu là sai lầm, tìm hiểu là che khuất chơn tâm, như mây đen che khuất mặt trời. Nếu tìm hiểu như mây đen càng nhiều thì mặt trời làm sao hiện ra được?

Hỏi: “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” là như thế nào?

Đáp: Ấy là phá ngã chấp, tại có sở đắc là còn chấp ngã, tức còn có ta, có sở cầu là còn có ta, có sở sợ là còn có ta. Nếu “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” là phá được ngã chấp. Không có ta thì không thể tâu hỏa nhập ma, có ta nên ma mới nhập được, ta còn không có thì ma nhập ở đâu?

Hỏi: Chánh trí là gì? Có đồng nghĩa Như Lai không?

Đáp: Chánh trí là trí Bát nhã không có qua bộ não, diệu dụng của Phật tánh không qua bộ não. Nhưng nó làm xong công việc của bộ não mà bộ não làm không được. Dụng của nó là như như.

* Ngũ pháp:

Ngũ pháp gồm tướng, danh, phân biệt, chánh trí, như như. Nay lược giải như sau:

1. Tướng: Phàm là vật thể hữu hình mỗi mỗi đều có sự cao thấp, dài ngắn, lớn nhỏ, màu sắc, chất lượng. Luôn cả những khái niệm vô hình như ảo tướng của sự tướng tượng dựa theo vật thể hữu hình cũng vậy. Cả hai thứ hữu hình và vô hình đều gọi là “tướng”.
2. Danh: Y theo tướng hữu hình và vô hình mà lập ra tên gọi, gọi là “danh”.
3. Phân biệt: Đối với danh tướng kể trên, trải qua sự tư duy phân tích để nhận thức sự thật giả, tốt xấu, giá trị, chất lượng, thị phi, tà chánh,... gọi là phân biệt.

4. Chánh trí: Trí thức chẳng nhờ tác dụng của bộ não mà do công năng tự động của trí Bát nhã tự hiện, là vốn sẵn có của Diệu giác (bộ não chẳng thể biết được), là có sự thật tồn tại khách quan. Cái trí huệ chẳng cần tác ý của bộ não mà tự hiện này là trí huệ chẳng bị không gian và thời gian hạn chế, gọi là “chánh trí”.

5. Như như: do nơi chánh trí tự động phát huy, chẳng kể ngày đêm, cổ kim, luôn luôn như bản lai thật tế từ vô thi đã sẵn có, chẳng có tương đối, siêu việt biện chứng của logic, gọi là “như như”.

Gọi chung là Ngũ pháp.

Hỏi: Kính xin Sư Phụ kể lại sự tích con heo ăn bạc hà?

Đáp: Việc này ghi trong tạng kinh là Bồ Tát muốn thị hiện độ heo nên phải đầu thai heo.

Đại thừa Bồ Tát có:

- Lục Độ Ba La Mật là có 6 Ba La Mật (bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ).
- Tứ Nhiếp Pháp (bồ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự).

Bồ thí, ái ngữ, lợi hành thì người có tôn giáo và không có tôn giáo cũng làm được. Nhưng đồng sự thì Bồ Tát của Phật giáo mới làm được, tức là muốn độ người ăn xin thì phải làm người ăn xin để độ người đó.

* Có Tăng chơn tu đi hành cước đến một ngôi chùa nhiều chúng Tăng, trong đó một vị lão tu hành bệnh ghê hôi hám, bề ngoài thấy xấu xí, nhiều người ở chùa không ai ưa thích gần, chỉ có Tăng đi hành cước gần gũi giúp đỡ.

Qua thời gian khoảng 3 tháng, Tăng hành cước từ giả đi về kinh thành. Lão tu hành nhờ Tăng hành cước gởi một bức thư giao cho Bạc hà ở cửa thành Đông.

Tăng hành cước đến thành Đông, nghe mấy con nít nói Bạc hà. Ông mới hỏi con nít: Bạc hà đâu?

Con nít nói: Bạc hà ở ngay vách tường kia.

Thì ra một con heo già lớn, thường thường người ta nuôi heo một năm là bán thịt, nhưng con heo này thì được mười mấy năm rồi.

Tăng hành cước hỏi con nít: Tại sao mấy đứa gọi con heo này là Bạc hà?

Con nít nói: Con heo này chỉ ăn bạc hà thôi.

Tăng lại hỏi: Chủ con heo này là ai?

Con nít mới chỉ chủ con heo là ông Triệu.

Tăng hỏi ông Triệu: Có phải con heo này của ông không?

Ông Triệu trả lời: Phải.

Tăng hỏi: Sao ông nuôi con heo mười mấy năm không bán và không làm thịt?

Ông Triệu nói: Tôi nuôi heo rất nhiều, nhưng heo thường đi mất; khi nuôi Bạc hà thì nó kêu mấy con heo kia về, không mất con nào. Cho nên tôi không bán và làm thịt.

Tăng hành cước lấy thư ra coi thì thấy trong thư chỉ có 16 chữ, ý trong đó là “độ chúng sanh xong rồi, mau mau về đi, chớ đừng tiếp tục mà tạo nghiệp”. Ông nghĩ bức thư này là của con heo này, chẳng phải của ai khác. Vì vậy ông đem bức thư đến con

heo rồi đưa cho nó. Con heo dùng 2 chân trước chụp bức thư đưa vào miệng nuốt, đứng 2 chân sau mà chết.

Hỏi: “Nhất niệm bất sanh, vạn duyên buông bỏ” là như thế nào?

Đáp: Câu này không phải tu Tổ Sư thiền, vì tu Tổ Sư thiền không buông bỏ, mà chỉ giữ “không biết”. Nếu biết được bản tâm như hư không vô sở hữu thì không có gì để buông bỏ. Lục Tổ nói “bỏ lại vô nhất vật”, tức là không có vật gì để buông bỏ.

Câu này hơi có mâu thuẫn, nếu không có niệm sanh khởi thì lấy gì để buông bỏ? Nếu có sự buông bỏ thì đã sanh lên một niệm rồi.

Hỏi: Chấp thành bệnh, trước thành ma, kể thành ngoại đạo. Kể có phải là biến kế sở chấp không?

Đáp: Trước cũng là chấp, kể cũng là chấp, Duy Thức gọi là biến kế sở chấp.

Hỏi: Tham thiền sợ nhất nhận thức thần làm Phật sự hoặc nương mày chớp mắt, xoay đầu ngó lại cho là có ít nhiều kỳ đặc. Nếu nhận thức thần làm việc chánh là tội lỗi của ngoại đạo cũng chẳng được. Vậy có phải không?

Đáp: Nếu tham Tổ Sư thiền chỉ hỏi và nhìn, giữ niệm không biết gọi là nghi tình. Còn biết những cái này không phải Tổ sư thiền.

Hỏi: Thế nào là nạp Tăng- núi bạc- vách sắt?

Đáp: Đây là để thí dụ, nếu giữ được nghi tình (không biết) thì cũng như núi bạc vách sắt, các thứ phiền não và các thứ khác không vô được.

Hỏi: Trong Tham thiền cảnh Ngữ có câu “khẩn, chánh, miên mật, dung hoá”. Chúng con chưa hiểu, kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Lời nói của chư Tổ là phương tiện để đối trị. Như mình hôn trầm thì phải mở mắt to hay rửa mặt, nếu còn hôn trầm thì đứng dậy đi kinh hành hoặc kiếm việc làm.

Vọng tưởng nhiều phải nhắm mắt lại. Hỏi và nhìn cho khẩn (vừa vừa). Hỏi và nhìn cho đúng gọi là chánh. Nói “chánh niệm” là không có niệm nào khởi lên.

Miên mật là liên tiếp không có kẻ hở, như hỏi câu thoại đầu có kẻ hở thì vọng tưởng từ kẻ hở nổi lên.

Dung hoá là không nghiêng về bên nào, không nghiêng về bên động và cũng không nghiêng về bên tịnh. Ngài Lai Quả nói: “Động cũng không động đến mình, tịnh cũng không tịnh tới mình”, tức là giữ cái không biết thì không lọt vào 2 bên gọi là dung hoá.

Hỏi: Con đường Bồ Tát đạo là gì? Những ai thực hành được con đường Bồ Tát đạo?

Đáp: Người thọ giới Bồ Tát là học giới Bồ Tát. Bồ Tát tại gia của người cư sĩ có 6 điều trọng và 28 điều khinh. Bồ Tát xuất gia có 10 điều trọng và 48 điều khinh, những Bồ Tát này không phải chứng quả, không phải như Bồ Tát Quán Thế Âm.

Không có tham thiền và chưa quy y đều được học đạo Bồ Tát. Thọ 5 giới của cư sĩ, thọ 10 giới của Sa Di và Sa Di Ni, thọ 250 giới của Tỳ Kheo, thọ 348 giới của Tỳ Kheo Ni là tiệp giới. Như muốn thọ 10 giới Sa Di thì phải thọ 5 giới rồi mới được thọ Sa Di.

Giới Bát Quan Trai và giới Bồ Tát gọi là đôn giới, tức là chưa thọ ngũ giới cũng được thọ giới Bồ Tát. Chưa quy Tam bảo cũng được thọ giới Bồ Tát, cũng được thọ Bát

Quan Trai, nên mới gọi là đốn giới. Như mỗi lần truyền Bát Quan Trai đều phải truyền tam quy, muốn truyền giới Bồ Tát đều phải qua tam quy. Bất cứ truyền giới gì đều phải qua tam quy. Cho nên chưa quy y đều được thọ giới, tức là trước thọ giới là đã quy y.

Hỏi: Công năng của giới luật làm cách nào để người xuất gia giữ đúng tất cả giới mà mình đã thọ?

Đáp: Theo giáo môn nửa tháng bố tát một lần để kiểm thảo. Bố tát là hội nghị làm việc, chứ không phải chỉ tụng giới thôi. Trước khi tụng giới phải kiểm thảo, cũng như cử ra chủ tịch lâm thời hỏi đại chúng “nửa tháng nay có ai phạm giới không? Có thì ra sám hối trước đại chúng”, vì người phạm giới mà sám hối thì được thanh tịnh, nên người ấy có tư cách nghe tụng giới. Hỏi 3 lần mà không có ai lên thì tuyên bố tát cả đại chúng trong sạch, rồi tụng giới.

Mỗi năm kiết hạ rồi giải hạ, có kiểm thảo là kiến, văn, nghi. Như hỏi đại chúng “có ai thấy tôi phạm giới không? Nếu không có. Có ai nghe không? Nếu không thấy không nghe, mà có ai nghi không? (Không biết người ấy có phạm giới hay không phạm giới, gọi là nghi. 3 cái này gọi là kiến, văn, nghi). Nếu có ai thấy xin cử tội tôi trước đại chúng hay là có ai nghe hoặc là có ai nghi thì ra cử tội”. Từng người ra trước đại chúng mà nói như thế, gọi là Tự tứ.

Hỏi xưa truyền giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni vào ngày bố tát.

Hỏi: Từ bi là gì? Làm sao được tâm từ bi?

Đáp: Người ta thường hiểu lầm từ bi và bác ái giống nhau. Kỳ thật, bác ái có ngã chấp, từ bi là không có ngã chấp.

Có người Mỹ đến Thiên Đường Từ Ân, y là người đạo Tin Lành cho bác ái và từ bi không khác. Nên tôi mới giải thích cho y hiểu:

Tôi nói: Mình ăn đồ ngon mới tự thấy vui, nếu người khác ăn mình không có cảm thấy vui, phải không?

Ông ấy đáp: Phải.

Tôi nói: Như mình chơi tự mình thấy vui, mình không có chơi mà thấy người khác chơi, mình cũng không thấy vui phải không?

Ông ấy đáp: Phải.

Tôi nói: Nếu mình thấy người ta chơi mà mình không có chơi thì mình cũng vui, thấy người ta ăn mà mình không ăn thì mình cũng vui.

Ông ấy nói: Không có lý này!

Tôi nói: Chính ông cũng làm được.

Ông ấy nói: Sao nói tôi làm được?

Tôi hỏi: Ông có con ruột không?

Ông ấy đáp: Có.

Tôi hỏi: Con ruột của ông còn nhỏ phải không?

Ông ấy đáp: Phải.

Tôi hỏi: Vậy ông mua đồ ăn cho con ruột ông ăn mà ông không ăn, thấy con ruột ông ăn, vậy ông vui không?

Ông ấy đáp: Vui.

Tôi hỏi: Ông mua đồ chơi cho con ông chơi, mà ông không chơi, ông thấy con ông chơi, vậy ông vui không?

Ông ấy đáp: Vui.

Tôi nói: Phải không! Ông cũng làm được mà! Nhưng ông chỉ làm được với con ruột của ông thôi. Còn con của người khác thì ông làm không được. Nếu mình đối với tất cả chúng sanh như con ruột, làm sao có việc giết hại, làm sao có chiến tranh? Tất cả chúng sanh coi như con ruột của mình, nhưng chưa phải là từ bi. Vì còn thấy có đồ của tôi cho nó, đó chỉ là bác ái.

Từ bi lại khác, không có ta từ bi, không có người nhận từ bi của ta, cũng không có tài vật để tôi làm việc từ bi đó, mới gọi là từ bi. Phật giáo gọi là tam luân thể không. Ở trong phẩm Phổ Môn của yếu chỉ kinh Pháp Hoa, tôi có phụ lục.

Hỏi: Tăng Ni và Phật tử chúng con phải thương yêu như thế nào mới đúng theo lời Phật dạy?

Đáp: Tăng thì phải giữ đúng vai trò của Tăng, Sa Di phải giữ đúng vai trò của Sa Di, Tỳ Kheo phải giữ đúng vai trò của Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phải giữ đúng vai trò của Tỳ Kheo Ni. Nếu Sa Di không biết giới luật của Sa Di hay biết mơ hồ thì làm sao giữ đúng vai trò của Sa Di được? Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni cũng vậy.

Người thế gian thì cha phải giữ đúng vai trò cha, mẹ phải giữ đúng vai trò mẹ, con cái phải giữ đúng vai trò của con cái, chồng phải giữ đúng vai trò của chồng, vợ phải giữ vai trò của vợ.

Tu sĩ giữ đúng vai trò của Tu sĩ, chứ không phải tu sĩ cạo đầu mặc áo cà sa được người cung kính lễ bái, mà không giữ đúng vai trò của mình. Nên có một bài kệ:

Hạt gạo của Thí chủ,
Lớn bằng núi tu di.
Nếu không tu giải thoát,
Mang lông đội sừng trâu.

Hỏi: Người mới tham thiền thì cần tiếp xúc với trần, đương nhiên ý thức phân biệt phát sinh làm cho tâm vọng động. Vậy tham bằng cách nào để cho tâm khởi giao động?

Đáp: Nếu giữ được không biết thì sao bị giao động? Thấy cái nào đẹp cũng không biết, làm sao có sự ham thích? Thấy cái nào xấu cũng không có chê. Giữ được cái không biết thì tự nhiên tất cả đều không bị giao động. Tức là giữ nghi tình là được rồi.

Hỏi: Tại sao là “sắc tức thị không, không tức thị sắc”?

Đáp: Sắc là vật chất, không là chẳng phải vật chất. Nếu không chấp sắc là thật sắc tức là sắc tức là không. Không chấp cái không là thật không thì không tức là sắc.

Cho nên, ở trong thế lưu bố tướng không sanh ra trước tướng, tức là Phật pháp (không chấp thật). Như chấp thật có là bệnh còn nhẹ thì dễ trị, còn chấp thật không là bệnh nặng thì khó trị.

Hỏi: Sao có pháp mà gọi là không pháp?

Đáp: Nếu không có chấp trước thì tất cả pháp thế gian là Phật pháp, tức có pháp cũng như không có pháp. Nên ăn cơm, mặc áo đều là pháp, không có cái gì không phải là

pháp! Tại không còn tương đối thì pháp và không pháp không khác, vì có tương đối nên mới khác.

Hỏi: Sao gọi tu mà vô tu?

Đáp: Vì chấp nên mới có tu, nếu ngộ rồi thì biết là không có tu. Như thành Phật không phải tu mới thành, chứng quả không phải chứng mới đắc. Tại vì đã thành sẵn, chứng sẵn. Như Phật trong kinh Viên Giác dùng quặng vàng để thí dụ. Vàng thật ở trong quặng đã thành sẵn, chứ không phải luyện các tạp chất rồi mới thành. Nếu không có vàng sẵn, dù có luyện cách mấy thì vàng không thể có được. Cho nên không phải tu mới thành, chứng mới đắc. Vì người ta chấp nên mới có tu mới thành, chứng mới đắc.

Tâm như hư không vô sở hữu thì không bị trói buộc gọi là giải thoát, không phải bị buộc rồi, mở trói rồi mới là giải thoát. Tu cũng vậy, tu không phải mở trói, mà ngộ vốn không có trói tức là giải thoát. Như liễu thoát sanh tử, vốn không có sanh tử để liễu thoát thì gọi là liễu thoát sanh tử.

Hỏi: Tại sao có vật mà Lục Tổ nói “bổn lai vô nhất vật”?

Đáp: Vì tại chấp nên có, nên ngài Lâm Tế nói “gặp Phật chém Phật, gặp ma chém ma”, tại tâm mình chấp Phật nên phải chém tâm chấp Phật, tại tâm mình chấp ma thì phải chém tâm chấp ma.

Hỏi: Thường 5 giờ sáng tụng kinh Lăng Nghiêm, Đại Bi Thập Chú, rồi qua tháng khác thì tụng kinh Pháp Hoa, Thủy Sám, Vu Lan. Bây giờ bắt đầu tham thiền không tụng kinh nữa, vậy có lỗi không?

Đáp: Nếu như trước kia tụng kinh thì đã có lỗi rồi đó! Tại vì tụng kinh là tu theo giáo môn, tụng kinh tới đâu là thiền quán tới đó. Nếu tụng kinh mà không thiền quán, cho người hiểu lầm tụng kinh có công đức, cũng như câu hỏi đó thì đã có tội rồi, vì để cho người ta hiểu lầm Phật giáo.

Tham Tổ Sư thiền phải giữ đúng vai trò hành giả tham Tổ Sư thiền. Thiền Tịnh Độ phải giữ đúng vai trò thiền Tịnh Độ. Thiền Tịnh Độ có 3 cách thiền có ghi trong kinh Tịnh Độ. Nếu tu một pháp môn nào không thành thì có thể tu pháp môn khác cũng được, chứ làm sao có lỗi?

Trước kia tụng kinh không đúng theo vai trò tụng kinh là thiền quán tụng kinh. Theo giáo môn tụng kinh là thiền. Như ngài Đế Nhân, mỗi thời kinh phải 2 giờ, một ngày 3 thời kinh. Nếu tụng kinh không đủ 2 giờ thì ngài quở làm biếng. Vậy người hỏi tụng kinh có thiền quán không? Nếu không thì đã có lỗi rồi.

Hỏi: Người ăn con nhộng khi kéo tơ tâm hết. Vậy có bị nhân quả không?

Đáp: Có sát sanh thì phải đền mạng, ăn cục thịt phải trả cục thịt, chứ không phải có tội hay không có tội! Đó là việc nhân quả, tạo nhân nào thì chịu quả nấy. Tôi nói “nếu không sợ người ta ăn mình thì mình cứ ăn người ta, nếu sợ người ta ăn mình thì mình đừng ăn người ta”.

Hỏi: Chúng con là hành giả mới, kính xin Sư Phụ từ bi phổ biến tài liệu khoa học và tâm linh trong Phật pháp để chúng con tăng trưởng lòng tin và dạy lại đường lối tham Tổ Sư thiền?

Đáp: Tâm linh và khoa học trong Phật pháp là mục đích tôi muốn hoàng dương người tây phương, vì người tây phương phải có bằng chứng cụ thể thấy được họ mới chịu tin, nếu họ không tin thì không học. Cuốn Tâm Linh và Phật Pháp không bằng cuốn

Vũ Trụ Quan Thế Kỳ 21, cuốn này bao gồm hết. Tôi đã nói hơn Sinh Lý Giải Phẫu, Tâm Lý Học, Triết Học, Tự Nhiên Khoa Học của đại học Mỹ, 4 thứ hợp lại giải thích còn không thông. Cuốn Vũ Trụ Quan Thế Kỳ 21 giải thích đầy đủ trọn vẹn hơn 4 đại học hợp lại.

Hỏi: Hành giả tham thiền bị những thử thách đau khổ, có phải đó là lúc trả nghiệp không?

Đáp: Làm sao cứ trả nghiệp trả nghiệp! Ở trong thuận cảnh tu khó hơn ở trong nghịch cảnh. Như người ta chấp nhập thất, tự mình nhốt trong phòng không tiếp xúc bên ngoài, nếu lấy cái đó để tu là có hại chứ không có ích, tại vì không có tiếp xúc thì không có cảnh để khởi tâm động niệm. Tôi có kể thằng bé ở trên núi 20 năm, vì không tiếp xúc thì không khởi tâm động niệm, có tiếp xúc mới gọi là tu, không tiếp xúc sao gọi là tu? Rồi người ta nói là thử thách, nói là trả nghiệp! Đó là nói bậy. Vậy như thằng bé xuống núi thấy người nữ gọi là trả nghiệp sao?

Hỏi: Chúng con tham thiền đã lâu, nhưng vẫn thấy những tập khí vẫn còn nhiều, chỉ bớt chút đỉnh chứ không bỏ hẳn được. Vậy chúng con phải làm thế nào?

Đáp: Phải hỏi và nhìn thì lâu ngày thấy như khờ ngốc, nên tập khí sẽ bớt dần dần. Nhưng người ta không biết coi người đó như người khờ ngốc, vì cái gì đều cũng không biết.

Hỏi: Khi thiền thì tâm tịnh trở thành không, khi nào nhận biết được bản lai của mình hiện ra?

Đáp: Nếu nói như vậy thì người đó không có tham thiền. Vì tham thiền là giữ cái không biết. Người đó dùng cái biết để tìm hiểu tâm tịnh, không những không chấm dứt mà còn kéo dài phát triển tìm hiểu, như thế là nghịch với tham thiền.

Hỏi: Khi thiền tâm tịnh thì cảnh giới Phật được ra, như vậy cảnh giới Phật thật hay giả? Nếu cảnh thật thì người ngồi thiền có tiếp nhận được cảnh giới đó không?

Đáp: Người đó có thể tẩu hỏa nhập ma, tức là giống ma. Tham thiền thì không biết, làm sao biết những cái đó? Sao còn đi tìm hiểu mấy cái đó? Tâm tịnh Phật độ tịnh là Tịnh Độ, tức là thật tướng niệm Phật không cần vãng sanh. Còn Thiền chỉ cần hỏi và nhìn để giữ nghi tình.

Hỏi: Tâm từ đâu ra?

Đáp: Bây giờ ông tự hỏi để mà tham! Tâm là một danh từ ai cũng nói được, nhưng Tâm là cái gì thì ai cũng không biết! Luôn cả Phật Thích Ca cũng không biết. Nếu tâm bị Phật Thích Ca biết thì nó thành sở biết. Có sở biết và có năng biết là nhị. Còn chân tâm bất nhị hay còn gọi là tự tánh bất nhị. Cho nên, tự tánh không cho ai biết được, tự tánh tự biết.

Nếu ông muốn ngộ phải nghi, còn dùng bộ não để tìm hiểu thì một trăm năm, một kiếp hay hai kiếp, muôn ngàn triệu kiếp cũng không thể tìm được. Vì bộ não không thể biết được tự tánh, tại bộ não là vật chất, còn tự tánh không phải vật chất. Như lục thức phối hợp với lục căn nghe lệnh của bộ não, đó là vọng tâm tức là bộ não.

Hỏi: Tu theo pháp môn Tổ Sư thiền được giác ngộ rồi sẽ trừ tập khí, sau người ấy chết có đầu thai làm người để độ chúng sanh không?

Đáp: Bây giờ tự lo cho mình được giác ngộ rồi tự biết, nếu dùng bộ não để đoán mò bậy bạ chỉ là chướng ngại thôi! Người hỏi có đọc Bát Nhã Tâm kinh: “Vô vô minh

diệt vô vô minh tận, vô lão tử diệt vô lão tử tận”, không có già không có chết tức là không có sanh tử, đã ngộ không có sanh tử làm sao đi đâu thai? Nếu còn đi đâu thai thì chưa ngộ. Ngộ là vốn không có sanh tử gọi là liễu thoát sanh tử, mà còn hỏi kiến tánh rồi còn đi đâu thai không? Hỏi gì kỳ vậy!

Hỏi: Con chưa hiểu 2 chữ “năng, sở”, kính xin Sư Phụ giải thích?

Đáp: Ông có ăn cơm không?

-Có.

-Ông là năng ăn, cơm là sở ăn. Ông có uống nước không?

-Có.

-Ông là năng uống, nước là sở uống. Đó là năng sở. Ông thấy cái bình này không?

-Thấy.

-Ông là năng thấy, cái bình là sở thấy.

Khóa bồi dưỡng giảng sư tại văn phòng 2: Từ ngày 10 – 5 => 19 – 5 – 1999.

Thiền là gì? Thiền là phương pháp thực hành để vọng tâm lặng xuống, đạt đến an định. Thường thường chữ “thiền” đi đôi chữ “định” gọi là thiền định.

Thông thường dùng công phu thiền quán chiếu gọi là thiền quán. Như tông Thiên Thai gọi là Chi quán thiền. Chi là định, quán là đạt đến chỗ định. Định sâu chừng nào thì quán cao chừng nấy, nên thiền định đi đôi với nhau.

Nguồn gốc của Phật pháp là Tâm, tức bất nhị. Bây giờ Phật giáo chia ra nhiều tông phái, làm sao bất nhị được? Chia nhiều tông phái là giáo pháp, chứ không phải Phật pháp. Phật pháp là pháp bất nhị không thể chia, giáo pháp mới có thể chia. Phật vì đề thích ứng căn cơ của mỗi chúng sanh, thuyết 84000 pháp môn.

Phật pháp là trên phù hợp ý Phật nên không thể chia, dưới khế hợp đương cơ thì có thể chia. Cách dạy của Phật có 84000 pháp môn, nhiều môn môn, nhưng quy nạp lại gồm có tam thừa (Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát). Thanh Văn là Tiểu thừa, Duyên Giác là Trung thừa, Bồ Tát là Đại thừa. Mỗi thừa có thiền tu tập riêng biệt.

Thừa Thanh Văn có thiền để tu tập là Ngũ Đình Tâm Quán, Đình là đình chỉ hoạt động của nội tâm, gọi là Ngũ Đình Tâm (năm thứ thiền quán). Năm thứ thiền quán là:

- Sở Tức Quán.

- Bất Tịnh Quán.

- Từ Bi Quán.

- Nhân Duyên Quán.

- Lục Thức Quán.

Bây giờ phân nhiều theo Sở Tức Quán, có một số ít theo Bất Tịnh Quán, còn ba thứ kia chưa thấy người ta tu, ấy là thiền quán của Tiểu thừa. Gọi Tiểu thừa nhưng các nước Tiểu thừa họ không đồng ý và không nhìn nhận Đại thừa.

Thừa Thanh Văn là nghe thanh giáo của Phật được ngộ đạo. Mục đích của Tiểu thừa là diệt lục căn. Vì tất cả phiền não vọng tưởng là do lục căn tiếp xúc với lục trần mà sanh khởi. Cho nên, muốn diệt lục căn đối tượng lục trần là vật chất, theo triết học là Chủ Quan Duy Vật Luận.

Trung thừa là thừa Duyên Giác, pháp tu là Thập Nhị Nhân Duyên, Thập Nhị Nhân Duyên bao gồm tam thế (quá khứ, hiện tại, vị lai).

Tôi chỉ nói sơ lược nghĩa chữ “Thiền” như vậy thôi.

Theo triết học thì Thanh văn là Chủ Quan Duy Vật Luận, Duyên Giác là Chủ Quan Duy Tâm Luận. Tại sao? Vì diệt được lục căn, nhưng một niệm không diệt được; muốn diệt lục căn thì phải giữ một niệm. Vậy một niệm đó là nguồn gốc phiền não.

Nên Trung thừa muốn diệt được một niệm, nhưng một niệm này không phải vật chất mà là tâm pháp, theo triết học gọi là Chủ Quan Duy Tâm Luận. Vậy một niệm phát xuất từ chỗ nào? Phát xuất từ nguồn gốc vô thi vô minh (căn bản vô minh). Khi đã diệt một niệm rồi thì trở về nguồn gốc cũng là vô minh (vô thi vô minh), chỗ này không có chỗ bắt đầu.

Bồ Tát thừa (Đại thừa) thấy diệt lục căn và một niệm chưa được, nên cần phải phá vô thi vô minh. Muốn phá vô thi vô minh thì không diệt lục căn và một niệm vô minh.

Thí dụ: Muốn diệt những người phản loạn, vua cướp dụ cho vô thi vô minh, tướng cướp và binh lính cùng binh khí của cướp dụ cho một niệm vô minh.

Như Tiểu thừa là tịch thu vũ khí của cướp cho là xong, nhưng họ có thể tạo lại được.

Trung thừa như giết hết binh lính của cướp, nhưng vua cướp vẫn còn, rồi ngày nào họ chiêu binh mãi mã, tổ chức lại. Vậy chưa có triệt để nên phải bắt luôn vua cướp.

Đại thừa lợi dụng binh lính của cướp, tướng cướp và vũ khí của cướp để bao vây vua cướp, bắt được vua cướp thì tất cả đều bình yên; tướng cướp, binh lính của cướp thành lính chính quy của nhà nước vẫn còn sử dụng, chứ không diệt họ. Ấy là nghĩa Đại thừa.

Tiểu thừa là duy vật, Trung thừa là duy tâm, Đại thừa là tâm và vật hợp một.

Lục Tổ nói trong Pháp Bảo Đàn: “Ở ngoài tam thừa còn có Tối thượng thừa”, tức là có 4 thừa. Tối thượng thừa không ở trong tam thừa nên gọi là phi thừa (không phải thừa), là pháp Thiền trực tiếp do Phật Thích Ca truyền dạy, vì đó không phải là thiền gì, mà Phật Thích Ca truyền cho Tổ Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Diếp truyền cho nhị Tổ A Nan, A Nan truyền cho tam Tổ Thương Na Hòa Tu, từ Tổ từ Tổ truyền xuống đến Tổ Đạt Ma thứ 28, rồi truyền sang Trung Quốc, sau này Trung Quốc truyền qua Việt Nam. Thiền đó do Tổ Sư từ đời từ đời truyền xuống, nên có tên gọi là Tổ Sư Thiền.

Nói đến vọng tâm thì phải có chân tâm. Chữ “Tâm” là một danh từ ai cũng nói được, nhưng Tâm là cái gì? Không có ai biết. Tại sao? Vì chân tâm không có hình tướng không có số lượng, nhưng nó có thực dụng rõ ràng, cái thể mình không thể thấy được, cái thể không có ai biết, luôn cả Phật cũng không thể biết.

Tại sao Phật không biết? Phật đã chứng chân tâm nhưng chân tâm tự biết. Nếu Phật Thích Ca biết chân tâm thì chân tâm trở thành sở biết, có năng sở là nhị. Chân tâm là bất nhị, vì chân tâm không phải sở nên không có ai biết nó, nó tự biết cao nhất là Diệu giác. Cái biết bây giờ là cái biết của bộ não, gọi là vọng tâm che khuất cái biết chân tâm.

Cho nên, các thiền Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Tối thượng thừa đều là ngưng hoạt động của bộ não (vọng tâm), tức là dẹp hết những che khuất thì chân tâm tự hiện.

Chân tâm và vọng tâm là những danh từ lộn xộn. Vậy làm sao để phân biệt? Không thể nói, nhưng có thể thí dụ, nên chư Phật nói “Tâm như hư không” mà thí dụ vậy thì khó lãnh hội. Tổ 14 của Thiền tông là Long Thọ Bồ Tát dùng hư không vô sở hữu để thí dụ cho chân tâm của mọi người.

Theo chữ Hán, chữ “vô” là không có, không có sở hữu thì cũng như không có hư không. Mặc dù nó không có, không có là lời nói của thế gian, thực tế nó dung nạp và ứng dụng; mình thấy hư không trống rỗng này, khoa học gọi là không gian. Mặt trời, mặt trăng, đất đai, núi sông, nhà cửa, bất cứ cái gì,... đều phải nhờ cái vô sở hữu này dung nạp và ứng dụng.

Không có cái nào ở ngoài vô sở hữu này, vô sở hữu tức là trống rỗng là không có gì hết, nhưng trống rỗng nên nó dung nạp và ứng dụng. Vì trống rỗng không bị không gian và thời gian hạn chế, nên nó khắp không gian thời gian. Khắp không gian thì không có khứ lai nên gọi là Như Lai (đứng như bản lai), khắp thời gian không có gián đoạn thì không có sanh diệt, nên gọi là Niết Bàn (Niết Bàn là tiếng Ấn Độ nghĩa là không sanh không diệt).

Vì trống rỗng thì không có chỗ để trói buộc, nên gọi là giải thoát, chứ không phải bị trói rồi mới mở trói gọi là giải thoát, tại bản thể vốn không có trói buộc. Kinh Duy Ma Cật cũng nói nghĩa này.

Vì trống rỗng thì không có chỗ để trụ, nên gọi là vô trụ. Như Lục Tổ nói “lấy vô trụ làm gốc”, kinh Duy Ma Cật nói “từ gốc vô trụ lập tất cả pháp”, lập tất cả pháp là cái dụng của vô trụ. Lục Tổ nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang đến câu “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” liền ngộ đạo triệt để.

Nhiều người nghe đến câu “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” thấy còn mơ hồ. Bây giờ tôi dùng cái tay để thí dụ:

Cái tay hoạt bát vạn năng dụ cho chơn tâm, dùng cái gì cũng được, lấy cái khăn, lấy cái túi, lấy cái bình,... hoạt bát vạn năng vì nó vô sở trụ. Nếu có sở trụ rồi, như trụ cái khăn này thì cái hoạt bát vạn năng bị mất, nên lấy cái đĩa, cái bình không được. Bản tánh là vô trụ, thể vô trụ, dụng cũng là vô trụ.

Cho nên, tôi hoàng pháp Tổ Sư thiên, dùng nghi tình là cái chổi automatic quét sạch tất cả biết và không biết của bộ não thì khôi phục lại bản tánh vô trụ hoạt bát vạn năng của tự tánh.

Nhưng cái khăn thuộc về pháp có, đối với cái có thì phải có cái không có. Nếu trụ nơi không (ở trong này chẳng có gì), đã có sở trụ rồi thì đánh mất hoạt bát vạn năng, muốn lấy cái khăn, cái đĩa, cái bình,... đều không được. Vậy cái không này cũng phải quét, mới khôi phục cái dụng vô trụ. Cho nên, nói “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, sanh kỳ tâm là dụng vô sở trụ.

Bây giờ, theo triết học, khoa học của thế gian; đối với vọng tâm thì khoa học chưa rõ. Tại sao? Quý vị có học Phật học rồi, biết có 8 thức với lục căn, mỗi căn đảm nhiệm chức vụ gì? Mỗi thức đảm nhiệm chức vụ gì? Mà nhà khoa học chưa rõ, nhà khoa học chỉ biết bộ não, lục căn là hệ thống thần kinh của bộ não, họ chỉ biết có một cái thức tức là bộ não. Họ không phân biệt rõ ràng mỗi căn mỗi thức.

Thừa Thanh văn chỉ biết có 6 thức, không biết có thức thứ 7 và thức thứ 8. Kỳ thật bản thể của vũ trụ và bản thể của sanh mạng là thức thứ 8, còn gọi là tạng thức (kho tàng). Tất cả chủng tử thiện ác, phi thiện phi ác đều ở trong kho tàng đó. Cho nên, thức thứ 8 là bản thể của vũ trụ, cũng là bản thể của sanh mạng.

Theo Duy Thức, thức thứ 8 là vô ký chẳng che lấp, còn thức thứ 7 cũng là vô ký có che lấp. Tại sao có che lấp? Vì có tánh chấp trước, nó luôn luôn ngày đêm chấp thức thứ 8 là ta. Thức thứ 7 có 2 nhiệm vụ:

- Chấp thức thứ 8 là ta.

- Truyền tổng thức.

Tại sao gọi là truyền tổng thức? Nó đem thức thứ 6 lãnh đạo 5 thức trước tạo ra thiện, ác, vô ký thành chủng tử truyền vô thức thứ 8. Thức thứ 7 đem các chủng tử chín mùi ở trong thức thứ 8, rồi giao cho thức thứ 6 lãnh đạo 5 thức trước để thi hành, nên mới có những hiện tượng mình đang sống đây.

Do thức thứ 7 chấp thức thứ 8 là ta, thành có ngã chấp, hợp tác với lục căn rồi nghe theo lệnh bộ não. Thí dụ: Bộ não là Thủ tướng điều khiển các bộ. Các hoạt động tạm thời chia ra làm 3 bộ: Bộ tìm hiểu, bộ suy nghĩ, bộ ghi nhớ.

Theo bộ ghi nhớ là lục căn và hệ thống thần kinh đều là vật chất. Nếu dùng kính hiển vi có thể thấy được, nên nhà khoa học bắt chước cấu tạo bộ ghi nhớ, chế tạo thành máy vi tính. Máy vi tính nhớ rất hay, bao nhiêu phức tạp đều nhớ hết cả, bây giờ mỗi ngày đang cải tiến; cải tiến cách máy cũng không bằng bộ ghi nhớ của bộ não, nhưng thực dụng nó hay hơn bộ não. Tại sao? Vì bộ não hay quên, còn máy vi tính nhớ không quên. Tại sao bộ não hay quên? Vì bộ não có phần suy nghĩ nên làm nó hay quên.

Đối với vật chất thì nhà khoa học bắt chước làm được. Cho nên nhà khoa học tuyên bố rằng: “Bộ tìm hiểu, bộ suy nghĩ vài năm sau sẽ ra đời”. Vì nó là vật chất nên có thể bắt chước chế tạo được. Còn 8 thức thức là thể tinh thần, không phải vật chất nên nhà khoa học không thể bắt chước chế tạo được.

Sức dụng của vật chất bị không gian thời gian hạn chế, còn phi vật chất thì không bị không gian thời gian hạn chế. Theo lực học của Einstein nói “vật chất nhỏ nhất chừng nào thì tốc độ nhanh chừng nấy”, tốc độ nhanh như ánh sáng thì vật chất càng nhỏ, sự quan hệ không gian và thời gian cũng thay đổi, lại nói vật chất có thể biến thành năng lượng.

Năng lượng không phải vật chất, mà năng lượng có thể biến thành vật chất, nhưng năng lượng phải từ vật chất mới biến thành được. Nếu không có vật chất thì không thể biến ra được năng lượng. Còn phi vật chất khỏi cần vật chất, nó sẵn sàng có năng lượng đó, mà lại không bị không gian thời gian hạn chế.

Nhà Thiên văn muốn diễn tả khoảng cách của không gian, nếu dùng con số thì không thể thấy được, nên dùng tốc độ ánh sáng để diễn tả. Tốc độ ánh sáng đi một năm mới đến thì khoảng cách đó gọi là một quang niên. Ánh sáng đi một trăm năm mới đến thì khoảng cách đó gọi là một trăm quang niên.

Ánh sáng là tốc độ cao nhất, mỗi giây đi được 300.000 cây số. Nếu ánh sáng đi một trăm năm đến thì tâm mình chỉ một niệm đến. Ánh sáng đi một triệu năm đến thì tâm chỉ một niệm đến. Tại sao? Vì nó trống rỗng, không bị không gian thời gian hạn chế. Nên ngài Long Thọ nói “Tâm như hư không vô sở hữu”. Mình phải tin sức của tâm mình đều sẵn có, nhưng không có hiện ra là bị che khuất.

Bây giờ phải nói chuyện cụ thể để thí dụ. Có người hỏi tôi: Thầy dạy Tổ Sư thiền là dùng cái không biết để tu, khi đến thoại đầu có phải sắp biết không?

Tôi nói: Không phải sắp biết.

Người ta nói: Nếu vậy thì đâu khác như gỗ đá?

Tôi nói: Không phải vậy. Tại sao? Vì cái biết chơn tâm không bao giờ ngưng, nếu nó ngưng rồi biết lại thì mới nói là sắp biết.

Ông đổi lại câu hỏi đi! Như hỏi trời gần sáng thì mặt trời sắp chiếu được không? Không được. Mặt trời không thể sắp chiếu. Tại sao? Mặt trời đâu có ngưng chiếu hồi nào mà nói sắp chiếu! Trời đâu phải sáng rồi mới chiếu! Trời chưa sáng nhưng nó cũng đang chiếu vậy. Không thấy mặt trời là nó bị che khuất bởi quả đất, mây đen, chứ đâu phải mặt trời ngưng chiếu.

Cái biết chơn tâm của mình cũng vậy, nó không bao giờ ngưng biết. Đã không ngưng biết thì tại sao nói là sắp biết? Nó chỉ bị che khuất bởi cái biết và không biết của bộ não, nên nó không được hiện ra.

Pháp Thiền Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Tối thượng thừa đều dẹp hết các thứ che khuất để chơn tâm hiện ra, gọi là kiến tánh thành Phật.

Vừa rồi, tôi nói 3 bộ phận biết, các vị học thì phải tìm hiểu, tìm hiểu rồi thì phải suy nghĩ, mới phân biệt đúng sai chánh tà, rồi ghi nhớ. Nhưng 3 bộ phận biết này che khuất chơn tâm, nên cần phải dẹp hết. Các giáo pháp dạy dẹp những che khuất gọi là pháp thiền.

Tiền ngũ căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) và tiền ngũ thức thì cái dụng khác nhau. Năm căn giống như cái đèn chiếu soi, không có sự phân biệt. Như nhãn căn chiếu soi cảnh rồi, nhãn thức mới phân biệt đó là tướng gì? Tức là năm căn dùng cảm giác trực tiếp, theo khoa học thì nhãn căn là thị giác, nhĩ căn là thính giác, tỷ căn là khứu giác, thiệt căn là vị giác, thân căn là xúc giác. Đó chỉ là cảm giác thô, qua cảm giác của năm căn rồi mới đến năm thức phân biệt.

Tiền ngũ căn và tiền ngũ thức dễ phân biệt, còn ý căn và ý thức khó phân biệt. Ý căn là đảm nhiệm suy nghĩ, ý thức là phân biệt thiện ác đúng sai. Tác dụng năm căn trước cũng giống, nhưng tác dụng đối với tiền trần (tiền là trước mắt nên gọi là tiền ngũ căn, tiền ngũ thức).

Còn ý căn và ý thức là đối với pháp trần, không phải vật chất, mà cũng có thể là cái sanh diệt của vật chất, nhưng nó không phải trước mắt. Quá khứ, vị lai cách xa, nếu dùng ý thức nhớ lại chuyện quá khứ, nhớ lại thân nhân ở nước ngoài, như nước Mỹ, nước Pháp,... quý vị ngồi đây có thể nhớ lại cái tủ cái chén để trong nhà của quý vị, dùng ý thức nhớ lại những thứ ấy, khỏi cần trước mắt nên gọi là pháp trần, chứ không phải tiền trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc).

Tôi đại khái phân biệt lục căn lục thức, nhiệm vụ mỗi căn mỗi thức đều khác biệt. Nhưng sự luân hồi làm sao giải thích đây?

-Bát Thức Quy Củ Tụng có câu “khứ hậu lai tiên tác chủ công”.

Thức thứ 8 chứa các chủng tử thiện ác nghiệp, khi đầu thai thì đến trước (lai tiên), khi chết là rời nhục thân sau cùng (khứ hậu), do tính chấp ngã của thức thứ 7 kết hợp sinh lý của cơ thể mà làm chủ nơi thân này. Bắt đầu tinh cha trứng mẹ kết thành thai nhi, nhờ bát thức làm cơ nhân (DNA) mà dần dần hình thành hệ thống thần kinh của bộ não, đồng thời cùng khắp các tế bào và lục phủ ngũ tạng của toàn thân, do bộ não làm thủ tướng.

Do sự lôi kéo của ngã chấp, khiến lục thức và lục căn hợp tác mà nghe theo lệnh của bộ não. Nhưng mà, lục căn thuộc về sắc pháp (thể vật chất), lục thức thuộc về tâm pháp (thể tinh thần), căn có thể hoại diệt, thức thì không thể hoại diệt. Nếu tu hành đến kiến tánh thì chuyển được bát thức thành tứ trí, mà ra khỏi luân hồi; chấm dứt sự đầu thai chuyển thế, tự do tự tại vĩnh viễn, chẳng còn tạo nghiệp và bị nghiệp lực trói buộc.

Hỏi: Vừa qua nói bản thể sanh mạng theo Duy Thức, hiện tại khoa học phối thai trong ống nghiệm: Thứ nhất đi đến trình trạng vô tính mà nghiệp cảm duyên sanh luân hồi, thì phải có linh hồn cha mẹ và linh hồn đồng cảm, mới có một chúng sanh ra đời. Cái này là điều thông thường, nhưng nó quan trọng vô cùng, những nhà khoa học cho rằng: “Có thể đảo lộn thế giới”. Bởi vì vô tính thì không có đồng cảm của linh hồn. Như vậy vật chất sanh ra con người hay sao? Hay trường hợp này dẫn đến thế giới hóa sanh?

Nghĩa là muốn hỏi Hòa thượng giải thích cho chúng con biết là cái dục phải đi tìm mô tọc mạch của thần thức tìm nơi sáng khi mà phối thai? Còn vô tính là chỉ có một người đàn ông thôi, lấy 2 vật chất trong người đàn ông sanh ra đứa con, chứ không phải do sắc thể của nam và nữ?

Đáp: Cái cơ nhân vừa rồi đọc là bao gồm các chủng tử thức thứ 8. Bây giờ khoa học khôi cần giao phối mà họ cũng tạo ra được, nhưng phải có cơ nhân, cũng như lấy tế bào của con dê này làm cơ nhân để trồng vô trứng con dê cái, mới tạo ra dê con. Họ không có thể tạo ra cơ nhân, cơ nhân đó là chủng tử thức thứ 8.

Hỏi: Xin Hòa thượng giảng rõ thần thức ở chỗ khác, tìm đến đó để vô thai. Đó là nghiệp cảm duyên sanh ở dạng đặc biệt hay là nhà khoa học tạo ra một linh hồn?

Đáp: Không có tạo được! Vì cơ nhân mà khoa học không thể tạo được. Ấy chỉ là có sẵn, qua sự sẵn có mà biến đổi thôi, chứ không phải từ chỗ không có. Tôi xin giảng lời nói của Phật là “vô thi” chứng minh cho quý vị biết.

Tại sao nói là vô thi? Thi là bắt đầu, vô là không có; tức là không có bắt đầu, không có bắt đầu là nghĩa vô sanh, cũng là không có sự sanh khởi. Vì có sự sanh khởi thì có sự bắt đầu. Nên người chứng quả là ngộ pháp vô sanh, cũng gọi là chứng vô sanh pháp nhẫn.

Tại sao chắc chắn không có sự bắt đầu? Vì nguồn gốc bắt đầu chỉ có 2 cái: Bắt đầu chỗ có và bắt đầu chỗ không có.

Nếu bắt đầu chỗ có thì không thể nói là bắt đầu, vì cái có kia đã bắt đầu rồi, tức nói cái cơ nhân vừa nói đã có sẵn.

Nếu bắt đầu chỗ không có thì thế giới này loạn hết. Tại sao? Cây đào khỏi cần cây đào sanh, cây lý khỏi cần cây lý sanh, con người khỏi cần con người sanh, con dê khỏi cần con dê sanh. Nhưng nhà khoa học muốn sanh con dê cũng phải lấy tế bào từ con dê để trồng vô trứng con dê cái, chứ không phải khi không từ chỗ không có mà tạo ra được!

Nếu mà chỗ không có tạo ra được thì không có giá trị gì hết, vì tại không có tạo ra cái gì cũng được, tạo ra con người, con dê, cây đào cũng được. Như vậy thế giới loạn hết.

Hỏi: Vừa rồi Hòa thượng có nói trong kinh Kim Cang là “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Vậy một hành giả dụng công phải nhận biết như thế nào? Bây giờ nhận biết các pháp vô sở trụ hay chúng ta dụng công phu trên lục căn không trụ trên lục trần, ấy là nhận vô sở trụ? Hoặc nhận tánh các pháp vô trụ, rồi mình sống vô trụ đó?

Đáp: Phật pháp là muốn hiển bày chơn tâm cũng gọi là tự tánh. Chơn tâm là bất nhị không có tương đối, không có tương đối nên không thể dùng lời nói của thế gian để diễn đạt được. Vì muốn diễn đạt thì phải có tương đối, mà chúng tỏ cái tương đối đó đúng hay sai gọi là logic, nó có hai cái mới thành logic được.

Còn chơn tâm thì không có tương đối là bất nhị, siêu việt logic, nó không có thể dùng logic để chứng tỏ, vì dùng logic để chứng tỏ là tương đối rồi. Cho nên, muốn chứng minh phải qua tự tâm của cá nhân.

Hỏi: *Vậy người hành giả phải thế nào để trọn vẹn cái nghĩa vô sở trụ?*

Đáp: Tôi nói “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” là lời nói của thế gian. Kinh Duy Ma Cật, kinh Lăng Già, cho đến Đại Thừa Khởi Tín luận, phải lia văn tự lia lời nói, vì lời nói văn tự không thể diễn tả. Mặc dù, tôi nói “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” thì cái đó cũng là lời nói. Nếu chấp vào lời nói văn tự thì nghịch ý của Phật.

Hỏi: *Ý con muốn hỏi là một hành giả đang dụng công, trong kinh Phật dạy “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, cũng như trước có nói “bất ưng vị sắc sanh tâm, bất ưng vị thanh sanh tâm,... mới ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Như vậy một hành giả nhận theo cái ý, tức là trên lục căn trên lục trần là đúng hay nhận như thế nào mới gọi là đúng?*

Đáp: Nếu mà có đúng thì có sai, đúng sai là tương đối.

Hỏi: *Nếu vậy, mình tiếp xúc trên căn trần không trụ trước, đó là lỗi của con tu tập hay là có lỗi dụng công cao hơn nữa để dụng công tiến xa hơn?*

Đáp: Nếu mà tự tâm chứng được sẽ biết không có nghĩa lý gì hết, nếu lập ra nghĩa lý thì có tương đối, có đúng lý và không đúng lý, hợp lý với không hợp lý. Ở trong tương đối thì có tranh luận, mỗi người mỗi khác. Còn tuyệt đối thì không có tương đối, lấy cái gì để tranh luận! Nhưng cái ấy tự tâm ngộ mới được, chứ không phải học. Cái học là phương tiện tương đối, như thầy nói thí dụ, thí dụ là dùng logic.

Mặc dù, Phật dùng đủ thứ thí dụ, nhưng sau khi nói xong đều phủ định liền. Như ai cũng biết Phật tự phủ định nói “49 năm thuyết pháp, tôi chưa từng nói một chữ”. Vì không thể nói, tất cả lời nói là phương tiện tạm thời, chứ không phải là chơn lý. Lại Phật giáo không kiến lập chơn lý, tất cả các tôn giáo đều có kiến lập chơn lý.

Cho nên, cái nào có kiến lập chơn lý thì sẽ bị lật đổ, còn Phật Thích Ca không thể bị lật đổ, vì không có kiến lập chơn lý. Tất cả đều không thể kiến lập chơn lý, nên gọi là “vô thi vô sanh”. Nếu có kiến lập thì có “thi” (bắt đầu) tức là có sanh rồi, tức là nghịch với ý Phật.

Bây giờ danh từ của Phật nói chỉ là phương tiện thôi, chứ không được cho chấp thật. Như các vị có học Phật pháp, nói là “thật tướng vô tướng”, tức là thật tướng thì không có tướng. Chữ “vô” là lời nói của thế gian, nếu theo thực tế thì hữu cũng vô, mà vô cũng vô. Tức là phủ định tương đối, hữu và vô đều phủ định, mới là thật tướng.

Nếu chấp vô tướng là thật tướng thì lọt vào biên kiến (một bên). Phật pháp có năm thứ ác kiến, mà biên kiến là một trong năm thứ ác kiến (thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến và giới cấm thủ). Nhưng bây giờ nhiều người lọt vào biên kiến mà tự mình không hay biết. Tức là chấp vào một bên, không chấp cái có lại chấp cái không.

Vừa rồi tôi dùng “ung vô sở trụ” thì không được chấp, nên cũng phải quét. Vì chơn tâm trống rỗng là vô sở hữu, không có thể kiến lập, nên Phật nói là “vô thi vô sanh”, người chứng quả gọi là ngộ pháp vô sanh hay là chứng vô sanh pháp nhẫn, nếu có sanh thì không phải.

Nhưng bây giờ thấy có sanh, thấy có bắt đầu; cái bắt đầu này là bắt đầu từ chỗ có, bắt đầu từ chỗ có tức là ở chính giữa rồi, không phải là chỗ bắt đầu.

Hỏi: Có người tu kinh Kim Cang, cuộc sống hằng ngày họ không trụ lục căn lục trần, trong lúc tọa thiền không trụ trên pháp trần. Như vậy công phu dần dần họ đạt đến chỗ lặng lẽ thường tịch, công phu đó còn tiến thêm lên nữa không?

Đáp: Cái tịch lặng này cần phải tiến lên nữa, vì đó là Đại thừa thô, chứ chưa phải là Tối thượng thừa. Đại thừa là tâm vật hợp một, Tối thượng thừa là phi tâm phi vật (chẳng phải tâm chẳng phải vật).

Hỏi: Đến giai đoạn đó thì hành giả phải làm sao để tiến lên?

Đáp: Đến giai đoạn đó thì hành giả phải dùng cái “không hiểu không biết” của bộ não để dẹp cái “biết” của bộ não, gọi là nghi tình. Như dùng câu thoại đầu để hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” thì khởi lên một niệm không biết, rồi khán thoại đầu là nhìn chỗ “không biết”, nhưng chỗ “không biết”, Mặc dù nói chỗ, nhưng không có chỗ, vì có chỗ là biết rồi.

Không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn, không có mục tiêu để nhìn thì nhìn mãi không thấy gì, chỉ trống rỗng vẫn còn không biết, chính cái trống rỗng không biết đó, Thiền tông gọi là nghi tình; cứ hỏi và nhìn hai cái song song để giữ nghi tình, sẽ đưa hành giả đến thoại đầu, rồi kiến tánh thành Phật, lúc ấy ngộ rồi tự biết, chứ không phải do ai phát hiện.

Hỏi: Nếu hành giả đến giai đoạn “không biết”, mà vẫn giữ công phu “không biết” để diệt trừ những cái biết của tâm thức. Nhưng giai đoạn đó, hành giả vẫn còn ôm lấy công phu, như vậy có vượt thoát chưa hay còn kẹt trong công phu?

Đáp: Phải tới ngộ mới được! Vừa rồi tôi nói là mục đích muốn đến thoại đầu là căn bản vô minh, cũng là vô thi vô minh, ấy là nguồn gốc của ý thức, Thiền tông gọi là đầu sào trăm thức. Thầy nói dùng cái biết để tu theo kinh là Như Lai thiền. Kinh giáo thuộc về giáo môn là Như Lai thiền, mục đích cũng đến thoại đầu.

Còn Tối thượng thừa là dùng cái “không biết” để tu, cũng gọi là tham Tổ Sư thiền. Nếu dùng “không biết” thì không biết trụ, không biết vô trụ. Biết vô trụ tức là đã biết rồi, chứ không phải là không biết! Vì không biết là không có cái gì dính mắc, không có cái trụ và vô trụ dính mắc.

Hỏi: Hành giả còn biết chỗ “không biết” thì sao?

Đáp: Nếu còn biết chỗ “không biết” thì không phải Tổ Sư thiền. Đó là cái biết để tìm hiểu cái “không biết”, chứ không phải dùng “không biết” để chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Những người đi sai lầm là dùng cái biết để tìm hiểu cái “không biết”, tức là không phải Tổ Sư thiền, không có tham thiền.

Hỏi: Như vậy, còn dụng công là còn kẹt trong công phu phải không?

Đáp: Cái đó gọi là Như Lai thiền, ấy là tùy cái biết mà tiến lên, tức là có 52 cấp (Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa là 50 cấp và Đẳng Giác, Diệu Giác. Tổng cộng là 52 cấp). Còn Tổ Sư thiền dùng cái “không biết” là không có cấp nào hết, từ địa vị phàm phu tu chứng Đẳng Giác.

Hỏi: Phẩm Định Huệ của Pháp Bảo Đàn nói: “Định huệ thì đồng đẳng”, còn kinh khác nói: “Có giới rồi mới có định, đến sau phát huệ”. Như vậy định huệ đồng đẳng của Lục Tổ Huệ Năng so với định huệ của kinh điển có khác nhau như thế nào?

Đáp: Tự nhiên hai cái khác nhau rồi, vì định huệ của kinh điển là dùng cái “biết” của giáo môn. Còn định huệ của Lục Tổ là Thiền môn dùng cái “không biết” để tu.

Biết và không biết là hai mặt khác nhau, dùng cái biết thì có giai cấp, vừa rồi tôi nói có 52 cấp. Còn dùng cái không biết thì không có giai cấp nào hết.

Hỏi: Nếu dùng cái không biết thì Lục Tổ nói “định huệ đồng đẳng”, vậy ngay khi có định có huệ thì cái huệ có biết hay không?

Đáp: Thầy có đọc 36 pháp đối của Lục Tổ dạy không?

-Có.

Người ta hỏi: Thế nào là sáng? Thì trả lời là: Tối.

Người ta hỏi: Thế nào là tối? Thì trả lời là: Sáng.

Theo giáo môn thì đâu có được vậy? Hỏi sáng thì giải thích có mặt trăng, mặt trời, có đèn mới sáng. Còn Lục Tổ thì không phải vậy, hỏi tối thì đáp sáng, hỏi sáng thì đáp tối. Tại sao? Vì sáng với tối làm nhân với nhau, tại có sáng mới có tối, có tối mới có sáng.

Sáng tối là hai pháp sanh diệt, đều không phải thực tế là tương đối mới có. Như con gà với trứng gà, vậy con gà có trước được không? Không được. Tại sao? Vì không có trứng gà làm sao có con gà! Trứng gà có trước được không? Không được. Tại sao? Vì không con gà thì không thể có trứng gà.

Cho nên, trứng gà và con gà mà tương đối mới có, thì sáng với tối cũng vậy, hữu vô cũng vậy, tất cả tương đối đều là vậy. Chỗ thật tế (thật tướng) thì phủ nhận tương đối. Không có tương đối thì không thể dùng lời nói để diễn tả.

Ở trên là vai trò của người thế gian, như vai trò cha, mẹ, vợ, chồng, con cái. Tu sĩ có vai trò của người Tu sĩ, tức là Sa Di phải giữ đúng vai trò của Sa Di, Tỳ Kheo phải giữ đúng vai trò Tỳ Kheo, Sa Di Ni phải giữ đúng vai trò của Sa Di Ni, Tỳ Kheo Ni phải giữ đúng vai trò Tỳ Kheo Ni, mỗi mỗi đều giữ đúng vai trò của mình thì tự nhiên tập khí sẽ dứt dần dần.

Cũng như vừa nói “vì đói khát ăn uống thì cứ ăn uống, đừng nghĩ cái khác. Vì che thân chống lạnh cần mặc áo thì cứ mặc áo, đừng nghĩ cái khác”. Cần nhất là “đừng nghĩ cái khác”, tại mình ham nghĩ cái khác nên tập khí không dứt được. Cứ giữ đúng vai trò của mình, đói bụng thì ăn cơm, lạnh mặc thêm áo, nực cởi áo ra. Cho nên Phật pháp chỉ là vậy thôi.

Hỏi: Chúng con biết Hòa thượng là bậc tu thiên, xin Hòa thượng chỉ dạy, tại sao những vị tu thiên bị tẩu hỏa nhập ma? Xin chỉ dạy phương pháp điều thân điều tâm như thế nào?

Đáp: Người tu bị nhập ma vì có ngã, tức là có cái ta nên ma mới nhập được. Tham Tổ Sư thiên có 10 điều kiện, điều thứ nhất có 9 chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” là phá ngã chấp. Ban đầu tôi nói “vô sở sợ”, họ nói không được, phải nói là “vô sở úy”, tôi nói phải “vô sở sợ”, tại sao? Vì tôi nói “vô sở sợ” là 10 người thì 10 người đều hiểu, còn nói “vô sở úy” là 10 người thì chỉ 5 người hiểu. Thành ra, tôi muốn 10 người đều 10 người hiểu, nên mới nói như vậy.

Nếu thực hành được “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” thì không bị ma nhập. Tham đúng Tổ Sư thiên thì ma làm sao nhập? Chỉ các Thiên khác có ngã chấp nên ma mới nhập được. Như kinh Lăng Nghiêm có 50 thứ ma ngũ âm, do người đó có mong cầu, nên ma thừa dịp mong cầu mà nhập vào; muốn đắc thì ma hóa ra có sở đắc để nhập, có sở sợ cũng vậy.

Chánh pháp Phật giáo đều phá ngã chấp, mới giác ngộ ra khỏi sanh tử luân hồi; tất cả các tôn giáo khác không phá ngã chấp, nên không được giải thoát cái khổ sanh tử luân hồi.

Hỏi: Ngày xưa, Tổ Huệ Năng nói với các Thiền giả rằng “Các vị tu thiền phải làm sao cho nhân tâm tử thì đạo tâm mới trường tồn”. Chúng con thấy chánh pháp này là pháp giải thoát, nhưng nó gắn liền với pháp thế gian. Đối với thế gian pháp, mà các lãnh đạo của chúng ta hết sức bâng khuâng việc này.

Vì tâm sanh nên các pháp sanh, tâm diệt nên các pháp diệt; mà nhân tâm không chịu tử, làm sao đạo tâm trường tồn được? Chỗ này con thấy các ban trị sự, ban đại diện, giữa Tăng Ni, giữa tự viện, nhân tâm sao không biết mà nó xảy ra những chuyện va chạm với nhau, thậm chí thừa kiện đến chánh quyền này nọ.

Đây là những vương mắc của các giảng sư sắp đến các vùng sâu. Nhờ Hòa thượng chỉ cho con, làm sao cho nhân tâm này tử, không cho các tâm sanh thì các pháp không sanh, tất nhiên mọi việc sẽ được êm đẹp?

Đáp: Thế gian pháp tức là Phật pháp, chứ không phải ngoài thế gian mà có Phật pháp.

Thế lưu bố tượng và trước tượng (trích từ kinh Đại Niết Bàn):

Hỏi: Ở nơi thế gian Thánh phàm khác biệt, phàm phu ngoài tâm chấp pháp, vọng lập kiến văn, bậc Thánh đã ngộ nhất tâm, tại sao còn tri kiến như phàm phu?

Đáp: Bậc Thánh dù có tri kiến nhưng thấu rõ vật hư như huyễn, chẳng sanh chấp trước.

Như kinh Đại Niết Bàn nói: “Bồ Tát Ca Diếp bạch Phật: Thế Tôn, nếu như phiền não sanh bởi điên đảo tưởng thì tại sao tất cả bậc Thánh đều thật có điên đảo tưởng mà chẳng có phiền não?

Phật bảo: Sao nói bậc Thánh có điên đảo tưởng?

Bồ Tát Ca Diếp bạch Thế Tôn: Tất cả bậc Thánh cũng gọi con trâu là trâu, gọi con ngựa là ngựa và gọi nam nữ, lớn nhỏ, nhà cửa, xe cộ... ấy tức là điên đảo tưởng.

Phật bảo: Thiện nam tử, tất cả phàm phu có hai thứ tưởng: Thế lưu bố tượng (thế gian đã phổ biến lưu hành) và trước tượng. Phàm phu chấp trước, ở nơi thế lưu bố tượng sanh trước tượng. Bậc thánh chỉ có thế lưu bố tượng, khéo giác quán nên ở nơi thế lưu bố tượng chẳng sanh trước tượng. Cho nên, phàm phu gọi là điên đảo tưởng, bậc thánh dù tri mà chẳng gọi điên đảo tưởng. Lại, do cảnh vốn tự không, đâu cần hoại tướng! Do linh tâm tự chiếu, đâu nhờ cảnh sanh! Nên chẳng như phàm phu chấp trước năng sở tri kiến vậy”.

Triệu Luận nói: “Hễ có sở tri thì có sở bất tri. Do Thánh tâm vô tri nên vô sở bất tri”. Cái tri của bất tri là nhất thiết tri, nên kinh nói: “Thánh tâm vô tri mà vô sở bất tri” thật đáng tin vậy. Cho nên bậc Thánh trống rỗng nơi tâm mà thật tế chiếu soi suốt ngày tri mà chưa từng (cho là) tri, như nước lóng soi bóng, há có lập tâm năng sở; cảnh trí đều sáng, đâu có tư tưởng giác tri ư!

Theo sự hình thành trên đây (kinh Đại Niết Bàn) thì biết: Ở nơi thế gian chẳng sanh khởi trước tượng tức là pháp xuất thế gian, cũng là Phật pháp. Chứ không phải ngoài pháp thế gian mà có pháp xuất thế gian đặc biệt gọi là Phật pháp vậy.

Nói tóm lại, đối với cuộc sống hằng ngày, đói thì ăn, khát thì uống, lạnh thì mặc thêm áo, nóng thì cởi bớt áo ra, cho đến nói năng tiếp xúc, làm việc... đủ thứ pháp thế gian đều chẳng sanh khởi trước tượng, tức là Phật pháp vậy. (Chẳng đem chủ quan của

minh xen vào sự vật của thế gian tức là chẳng sanh trước tướng, cũng chẳng có “cho là” để lọt vào nhị biên đối đãi vậy).

Hỏi: Hòa thượng dạy chúng con nhận thức điểm đó, con suy nghĩ nghiệp vụ hoàng pháp như ở đây thì rất dễ vì là giáo hội. Giáo hội thì có hành giáo và thiền giáo, mà pháp môn Hòa thượng giảng từ sáng đến giờ là tu để cầu giải thoát. Nhưng con thấy Phật pháp đã đi sâu vào xã hội để phổ hoá độ sanh, để vượt qua khổ não trần lao. Phải nhờ pháp môn giải thoát này để trấn an cho pháp thế gian. Vì vậy chúng con nhờ Hòa thượng khai thông những giới xuất gia của Phật.

Hai chúng xuất gia cũng còn bất đồng quan điểm với nhau, đi đến chỗ cho giáo hội phải nhọc nhằn. Đây là công tác trước mắt của các giảng sư về những vùng sâu đến các vị trụ trì. Hòa thượng cho con biết thêm làm sao nhân tâm tử thì đạo tâm mới trường tồn? Nếu nhân tâm không tử thì vạn pháp thế gian sanh mãi mãi, làm cho Phật pháp khó thực hiện ở thế gian?

Đáp: Quý vị đều là giảng sư, đi giảng cho mọi người nghe, tạo cho xã hội được hạnh phúc, cũng như tất cả ngành nào cũng muốn cho nhân loại được hạnh phúc. Kinh Viên Giác nói vấn đề thuyết pháp:

- Bạch Thế Tôn! Nếu giác tâm này bản tánh trong sạch, vì sao bị ô nhiễm, khiến những chúng sanh mê muội chẳng thể ngộ nhập? Xin Như Lai vì chúng con khai thị pháp tánh, để làm đạo nhân cho tương lai, khiến cho đại chúng trong hội này và chúng sanh đời mạt pháp dễ được ngộ nhập.

Ngài Tịnh Chư Nghiệp Chương Bồ Tát nói xong, 5 vóc gieo sát đất, đánh lễ thưa thỉnh 3 lần như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tịnh Chư Nghiệp chương Bồ Tát rằng:

- Lành thay! lành thay! Thiện nam tử! Người khéo vì các Bồ Tát và chúng sanh thời mạt pháp, hỏi Như Lai về những phương tiện như thế. Nay người hãy lắng nghe, ta sẽ vì người mà thuyết.

Khi ấy Tịnh Chư Nghiệp Chương Bồ Tát và đại chúng hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe.

- Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, vọng chấp thật có 4 tướng: Ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng, nhận lầm 4 tướng điên đảo là thật thể của mình, do đó liền sanh 2 cảnh yêu ghét, vậy nơi thể hư vọng lại chấp thêm một lớp hư vọng nữa. 2 thứ vọng nương nhau sanh ra vọng nghiệp, vì có vọng nghiệp nên vọng thấy có luân hồi; kẻ nhàm chán luân hồi lại liền thấy có Niết Bàn, do sự chấp thật ngã tướng này nên chẳng thể ngộ nhập được bản giác trong sạch. Chẳng phải bản giác chống cự với những kẻ năng nhập, vì có kẻ năng nhập (ngã tướng) thì chẳng phải bản giác vậy.

Cho nên, động niệm và dứt niệm đều là mê muội. Tại sao? Vì có bản khởi vô minh đã làm chủ cho mình từ vô thủy rất khó đoạn trừ, phải có huệ nhãn mới trừ được. Vì tất cả chúng sanh, sanh ra chẳng có huệ nhãn, hiện tiền các tánh thân tâm đều là vô minh, vô minh chẳng thể tự dứt vô minh, cũng như người có sinh mạng, sinh mạng chẳng thể tự dứt sinh mạng vậy.

Vậy người nên biết, có người yêu ta tùy thuận với ta thì tâm sanh hoan hỷ, người chẳng tùy thuận thì liền sanh oán ghét. Có tâm yêu ghét để nuôi dưỡng vô minh, làm cho vô minh tương tục mãi, nên cầu đạo chẳng thể thành tựu.

Thiện nam tử! Thế nào là ngã tướng? Những chúng sanh tu hành, tâm biết có sở chứng đều thuộc về ngã tướng.

Thiện nam tử! Ví như có người cơ thể điều hòa thư thái, tay chân thư giãn, bỗng quên mất thân ta, vì ăn uống thất thường sanh bệnh hoạn, nhờ thầy thuốc châm cứu thấy đau mới biết có ta còn đây, cho nên người chấp có sở chứng mới hiện ra ngã tướng.

Thiện nam tử! Nếu tâm liễu tri rốt ráo biết có sở chứng, dù chứng đến thanh tịnh Niết Bàn của Như Lai đều thuộc về ngã tướng.

Thiện nam tử! Thế nào là nhơn tướng? Như những chúng sanh tâm có sở chứng, cho kẻ năng chứng là ta, nay tiến thêm một bậc, ngộ biết chúng chẳng phải là ta, ngộ này siêu việt tất cả chúng, nhưng còn giữ tâm ngộ tức là nhơn tướng.

Thiện nam tử! Những tâm biết có năng sở đều thuộc về ngã, tâm dù chỉ còn chút năng ngộ để chứng lý cùng tột của Niết Bàn đều gọi là nhơn tướng.

Thiện nam tử! Thế nào là chúng sanh tướng? Chỗ này là những chúng sanh có tâm biết năng chứng năng ngộ đều chẳng thể biết.

Thiện nam tử! Ví như có người nói rằng: “Ta là chúng sanh”, thì biết kẻ nói chúng sanh kia chẳng phải ta cũng chẳng phải người. Sao nói chẳng phải ta? Vì “ta là chúng sanh” thì chẳng phải ta, sao nói chẳng phải người? Vì nói “ta là chúng sanh” thì chẳng phải người cũng chẳng phải ta vậy.

Lược giải:

Nói “ta là chúng sanh” vì chúng sanh là nhiều người nhiều loài. Nay nói “ta” chỉ có một mình ta, như thế thì chúng sanh chẳng phải “ta”; nói người cũng vậy, nghĩa là chỉ có một mình người chẳng phải nhiều chúng sanh, nên nói “ta là chúng sanh” thì chẳng phải “người” cũng chẳng phải “ta” vậy.

(lược giải hết).

Thiện nam tử! Nếu những chúng sanh có tâm biết năng chứng năng ngộ đều là Ngã tướng, Nhơn tướng. Nay tiến thêm một bậc, liễu tri chỗ này là Ngã tướng, Nhơn tướng chẳng thể đến, nhưng còn có sở liễu tri, biết có năng chứng năng ngộ để lia, nên gọi là Chúng sanh tướng.

Thiện nam tử! Thế nào là Thọ mạng tướng? Những chúng sanh tiến thêm một bậc nữa, tâm quán chiếu sáng tỏ chiếu soi tâm liễu tri cũng bất khả đắc, chỉ còn một giác thể trong sạch; giác thể này tất cả nghiệp trí trong luân hồi đều chẳng thể tự thấy được, cũng như con mắt chẳng tự thấy mắt, tất cả tịch diệt. Vì trụ nơi tịch diệt thì mạng căn chưa dứt, nên gọi là Thọ mạng tướng.

Thiện nam tử! Nếu tâm chiếu soi thấy tất cả người giác tri và cấu bẩn của trần lao. Có năng giác sở giác là chẳng lia được trần lao. Ví như nước canh làm băng tan, nước canh là năng tan, băng là sở tan; khi băng đã tan thì nước canh và băng đều thành nước, năng tan (nước canh) sở tan (băng) đều diệt, nếu còn có kẻ biết băng tan thì còn cái năng biết, cái biết đó là ngã. Nói “còn Thọ mạng tướng” thì nghĩa cũng như vậy.

Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt pháp chẳng rõ 4 tướng không thật, dù trải qua nhiều kiếp siêng năng khổ hạnh tu hành, chỉ gọi là pháp hữu vi, rốt cuộc chẳng thể thành tựu tất cả Thánh quả (pháp vô vi), cho nên gọi là “chánh pháp trong đời mạt pháp”. Tại sao? Vì lầm nhận tất cả ngã tướng cho là tướng Niết Bàn; cho có chứng có ngộ mới gọi là thành tựu. Cũng như có người nhận giác làm con thì tài sản nhà họ chẳng thể thành tựu. Tại sao? Như có người luyện ái ngã, cũng luyện ái Niết Bàn, đè nén gốc luyện ái ngã trở thành tướng Niết Bàn; có người chán ngã, cũng chán sanh tử, chẳng biết gốc luyện ái ấy mới thật là chơn sanh tử vậy. Nay có tâm nhằm chán sanh tử, nên gọi là chẳng giải thoát.

Tại sao biết được pháp ấy chẳng giải thoát?

Thiện nam tử! Chúng sanh đòi mạt pháp tu tập Bồ đề, cho sự chứng của mình tự trong sạch, chứng được chút ít cho là đủ, chưa dứt sạch cội gốc của ngã tướng nên chẳng giải thoát. Nếu có người tán thán pháp mình thì liền sanh tâm hoan hỷ, muốn cứu độ họ; nếu phi báng pháp sở đắc của mình thì liền sanh tâm sân hận. Vậy thì biết cái tâm chấp ngã tướng rất kiên cố, tiềm ẩn trong tạng thức, gặp ngoại cảnh kích thích thì phát khởi hiện hành nơi các căn, mãi chẳng gián đoạn.

Thiện nam tử! Người tu hành vì chẳng dứt sạch ngã tướng nên chẳng thể ngộ nhập bản giác trong sạch.

Thiện nam tử! Nếu biết ngã tướng vốn không, thì chẳng có cái bản ngã để cho họ tán thán và phi báng; nay thấy “có ta thuyết pháp” thì ngã tướng chưa dứt, như tướng, chúng sanh tướng, thọ mạng tướng đều cũng như thế.

Thiện nam tử! Chúng sanh đòi mạt pháp vì chưa dứt ngã tướng, cho sự thuyết pháp là “do ta thuyết”, nên pháp của họ thuyết là cái bệnh của ngã tướng, chẳng phải thuyết cái pháp của Niết Bàn vậy, cho nên gọi là kẻ đáng thương xót! Dù siêng năng tinh tấn, chỉ tăng thêm các pháp bệnh, nên chẳng thể ngộ nhập bản giác trong sạch.

Thiện nam tử! Chúng sanh đòi mạt pháp vì chẳng thấu rõ 4 tướng kể trên, chấp chỗ hành và kiến giải của Như Lai cho là kiến giải của mình, vì chẳng phải do tự mình tu chứng, nên rốt cuộc chẳng thể thành tựu. Hoặc có chúng sanh chưa đắc nói đắc, chưa chứng nói chứng, thấy người hơn ta thì sanh ganh tỵ, ấy là do chúng sanh chưa dứt ngã kiến, nên chẳng thể ngộ nhập bản giác trong sạch.

Thiện nam tử! Chúng sanh đòi mạt pháp muốn tu thành đạo, chớ nên sanh tâm cầu ngộ; người sanh tâm cầu ngộ thì muốn học rộng nghe nhiều để hiểu thêm giáo lý, vậy chỉ thêm đa văn tăng trưởng ngã kiến, chẳng phải người chơn tu.

Người chơn tu chỉ nên tinh tấn hàng phục phiền não, khởi tâm đại dũng mãnh: Niết Bàn chưa đắc khiến cho đắc, phiền não chưa dứt khiến cho dứt. Những tâm tham, sân, si, mạn, siểm khúc, ganh tỵ đối cảnh chẳng sanh, ân ái giữa mình và người tất cả đều tịch diệt, Phật nói người ấy sẽ dần dần thành tựu Thánh quả. Nương theo nhân địa này tu hành để cầu thiện trí thức thì chẳng đọa tà kiến, nếu có sở cầu khác với nhân địa phát tâm kể trên, lại sanh lòng yêu ghét thì chẳng thể ngộ nhập bản giác trong sạch.

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tịnh Nghiệp Chương nên biết,
Tất cả những chúng sanh,
Đều do chấp ngã tướng,
Luân hồi từ vô thủy.
Chưa dứt sạch bốn tướng,
Chẳng được thành Bồ Đề.
Yêu ghét sanh nơi tâm,
Siểm khúc giữ trong niệm.
Cho nên bị mê muội,
Chẳng thể vào giác thành.
Nếu muốn về cõi Phật,
Phải bỏ tham sân si,
Tâm chẳng luyến ái pháp
(pháp Niết Bàn),
Dần dần được thành tựu.

Thân ta vốn chẳng có,
Yêu ghét do đâu sanh?
Cầu thầy bạn chánh tu,
Thì chẳng đọa tà kiến.
Nếu tâm cầu pháp khác,
Rốt cuộc chẳng thành tựu.

-“Ta đã chứng Niết Bàn” thì Thiên tông gọi là mạng căn chưa dứt, cũng còn ngã tướng. Trong kinh Viên Giác diễn tả: “Ngã, Nhân, chúng sanh, thọ mạng”, còn kinh Kim Cang nói: “Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả”. Vì nhận lầm 4 tướng này, nên tu hành không dứt được ngã kiến.

Hỏi: Ngài Hương nghiêm nói với một vị Tăng rằng: Có người ngâm một cành cây, dưới cây có một hố sâu, có một người đi ngang qua hỏi “Thế nào là Phật?” Người ấy trả lời liền mất mạng. Nếu không trả lời thì phụ câu hỏi của người kia.

Ngưỡng mong Hòa thượng khai thị cho chúng con rõ?

Đáp: Ông Newton thấy trái táo ở trên cây rơi xuống đất, ông phát nghi tại sao trái táo không rơi lên trời, mà lại rơi xuống đất? Từ đó ông mới dùng bộ não đi nghiên cứu tìm hiểu, cuối cùng ông ngộ được hấp dẫn lực của quả đất, rồi đến ngộ hấp dẫn lực vạn hữu.

Pháp thiên của Phật cũng từ nghi đến ngộ, nhưng không phải tìm hiểu; tìm hiểu không thể ngộ được, vì tìm hiểu là sản phẩm của bộ não, bộ não là che lấp chơn tâm, nên Phật dạy phương pháp dẹp nó.

Nếu tiếp tục tìm hiểu thì giống như mây đen nhiều thêm che lấp ánh sáng mặt trời không hiện ra được. Cho nên công án là để cho mình ngộ, chứ không cho mình tìm hiểu; còn những người không ngộ tất nhiên là không hiểu, nhưng giữ cái không hiểu đó (nghi tình), sau này sẽ được ngộ.

Hỏi: Lúc tham thiền bị hôn trầm thì phải làm sao? Và tán loạn thì phải như thế nào?

Đáp: Nếu hôn trầm thì phải mở mắt to ra, mở mắt to mà còn hôn trầm thì lấy nước lạnh rửa mặt, rửa mặt bằng nước lạnh mà còn hôn trầm thì phải đứng dậy đi kinh hành hay kiếm công việc làm, cũng phải tiếp tục thiền nữa. Nếu có tán loạn thì phải nhắm mắt lại.

Hỏi: Thiền sư Duy Tính nói: “Lão Tăng 30 năm trước, khi chưa có vào đạo, thấy núi là núi, thấy nước là nước; sau này được Thiện tri thức dẫn cho lối vào thì thấy núi không phải núi, thấy nước không phải nước. Rồi sau này ngộ nhập thiền rồi, thấy núi là núi, thấy nước là nước”. Vậy cái đầu tiên thấy núi là núi, thấy nước là nước và cái sau cùng thấy núi là núi, thấy nước là nước, khác nhau chỗ nào?

Đáp: Đó là nghĩa ba câu của kinh Kim Cang, tôi có dịch kinh Kim Cang, trong đó giải thích rất kỹ càng. Nhưng bây giờ có câu hỏi rồi thì tôi giải thích.

Kinh Kim Cang từ đầu đến cuối đều là nghĩa ba câu. Như Phật nói: “chúng sanh, tức phi chúng sanh, thị danh chúng sanh. Thế giới, tức phi thế giới, thị danh thế giới. Đệ nhất ba la mật, tức phi đệ nhất ba la mật, thị danh đệ nhất ba la mật”, đều là nghĩa ba câu.

Vừa rồi thầy hỏi, ban đầu thấy núi sông thì chắc thật có núi sông, khi tu đến giai đoạn thấy núi sông không phải thật tức là phi (chẳng phải) núi sông; sau cùng đã ngộ rồi thấy núi sông vẫn là núi sông.

Câu thứ nhất “núi sông” là giả danh, câu thứ nhì “phi núi sông” cũng giả danh, câu thứ ba “thị danh núi sông” cũng giả danh. Tức là chẳng trụ nơi câu thứ nhất, chẳng trụ nơi câu thứ nhì và chẳng trụ nơi câu thứ ba. Ấy là nghĩa “vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” của kinh Kim Cang.

Khai thị Thiền thất ngày 15-5 =>21-5-1999 tại chùa Hưng Phước.

Hỏi: Con tham Tổ Sư thiền khoảng 2 tháng, khi tham một tháng bắt đầu quên; con ăn rồi tắm, chừng nửa giờ sau, không biết mình ăn và đã tắm xong; lúc ấy con đi chợ mua đồ, đưa tiền cho người bán, người bán thối tiền, con cũng không nhớ; hiện tại con dọn dẹp đồ đạc trong nhà không biết cất ở đâu, sự sinh hoạt của con hằng ngày có phân xao trộn. Vậy cái quên của con có tương ứng với công phu không?

Đáp: Nếu tham Tổ Sư thiền, hỏi và nhìn mà quên như vậy là hiện tượng tốt, không có ảnh hưởng đến sự sống; nếu sự tu tiến bộ như cảnh giới này thì dùng tiền đâu có thể mua được!

Tham thiền quên mọi cảnh xung quanh là tốt, nếu là bệnh tâm thần mà quên thì không được. Như Truyền Nam mua bán không để ý đến tiền, người ta trả bao nhiêu thì lấy, mỗi ngày bán bao nhiêu lời lỗ không cần biết! Nhưng thật sự công phu đến mức này mới được.

Hỏi: Tham thiền đang đi ở ngoài đường, đến mức độ quên không biết về nhà. Có trường hợp này không?

Đáp: Có chứ, nhưng không hại gì hết, cũng có người như vậy, như Trương quốc Anh tham thiền trong lúc đi về nhà mà không biết vô nhà.

Hỏi: Con bị áp huyết cao, thần kinh căng thẳng, con tiếp tục tham hay ngưng rồi uống thuốc cho hết mới được tham?

Đáp: Nếu vậy thì đã kể trên không phải thật rồi, nếu thật quên làm sao còn nhớ áp huyết cao mà sợ? Người ta chưa quên mà còn phải vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ. Nếu còn nhớ cái sợ, tức là còn nhớ cái ngã, làm sao gọi là quên?

Hỏi: Nếu vừa hỏi vừa nhìn song song, hỏi đến đâu thì nhìn đến đó, phải vậy không?

Đáp: Đó là dùng cái “biết”, chứ không phải dùng cái “không biết”. Tổ Sư thiền là dùng cái không biết của bộ não, để chấm dứt cái biết của bộ não, tức là ngưng hoạt động của bộ não. Vì cái biết của bộ não che khuất cái biết của chơn tâm. Cho nên phải dẹp những cái che khuất, rồi chơn tâm mới hiện ra, gọi là kiến tánh thành Phật.

Bây giờ không những không chịu dẹp, mà lại dùng cái biết để tìm hiểu, vì có tìm hiểu nên biết mình có áp huyết cao, rồi sợ áp huyết cao, sợ chết, làm sao mà không biết được? Nếu đã quên làm sao biết áp huyết cao và sợ chết?

Hỏi và nhìn đi song song thì đâu có trước sau! Đâu có hỏi trước nhìn sau, rồi nói hỏi đến đâu rồi nhìn đến đó! Vậy hỏi trước nhìn sau rồi, tức là nhìn theo cái hỏi; hỏi và nhìn cùng một lượt, đâu có phải nhìn theo cái hỏi, cái hỏi theo cái nhìn! Như vậy người đó nghịch với Tổ Sư thiền, vì tìm hiểu cái không biết.

Cái “không biết” là từ câu hỏi để kích thích lên niệm không biết, nhìn là kéo dài niệm không biết. Nhưng không chịu dùng cái “không biết” để ngưng cái “biết”, mà dùng cái biết để tìm hiểu, để đuổi theo câu hỏi, nên mới nói là hỏi tới đâu nhìn tới đó.

Nếu đã không biết thì đâu có hỏi tới đâu! Làm sao có chỗ để nhìn tới đó? Vì không biết thì không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu. Vậy làm sao biết hỏi tới đâu nhìn tới đó được? Tức là câu hỏi mâu thuẫn vì dùng cái biết. Dùng cái biết là không phải tham thiền, tham thiền là dùng cái “không biết”.

Tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết, 3 cái biết này chấm dứt thì đến thoại đầu. Bây giờ không những không chịu chấm dứt, lại còn kéo dài tìm hiểu, dùng tìm hiểu để tìm hiểu nghi tình, cho nghi tình tới đâu thì tìm hiểu tới đó, tức là có chỗ rồi. Đã không biết thì không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn, nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết, nên gọi là nghi tình.

Hỏi thì không biết nên làm sao có chỗ? Vô sở hữu thì không có, không có nên trống rỗng, trống rỗng thì khắp không gian, khắp không gian tự nhiên không có chỗ. Vì có chỗ nên không cùng khắp không gian. Cùng khắp không gian thì không có khứ lai nên gọi là Như lai.

Vì trống rỗng cùng khắp không gian tự nhiên cùng khắp thời gian, tại không gian và thời gian thì không thể rời nhau được. Cùng khắp thời gian không có sanh diệt gọi là Niết Bàn.

Tôi không phải có dạy giáo lý cao siêu, là muốn giải tỏa 5 thứ nghi của quý vị để tăng cường lòng tin tự tâm.

Năm thứ nghi là gì? Là nghi lý, nghi sự, nghi pháp, nghi thầy, nghi mình.

Tại sao nghi mình? Nghi mình nghiệp chương nặng; nhiều người cho mình là nghiệp chương nặng, đó là sai lầm.

Tại sao nghi thầy? Như tôi dạy quý vị, mà quý vị nghi không biết thầy dạy có đúng không? Nên mới hỏi thì tôi mới giải tỏa cái nghi đó. Như nghi mình nghiệp chương thì tôi giải tỏa nghiệp chương không có nặng, không có nghiệp chương gì hết.

Tại sao nghi pháp? Không biết pháp này có đúng hay sai, nên tôi giải tỏa cái nghi đó.

Nghi sự và nghi lý cũng như nghĩa này, không biết đúng hay không đúng, sanh ra cái nghi nên đề ra câu hỏi để tôi giải đáp cho hết nghi.

Quý vị có hỏi đều ở trong 5 thứ nghi này, qua sự giải đáp thì hết nghi. Vì 5 thứ nghi này làm chướng ngại lòng tin tự tâm. Tham thiền là muốn hiện tự tâm của mình, nếu không tin tự tâm thì tham thiền không hiện tự tâm ra được.

Hỏi: Thế nào tránh trong thoại đầu? (Ấn dấu trong thoại đầu).

Đáp: Khi những cái che khuất bị dẹp thì ánh sáng mặt trời hiện ra. Như mặt trời mới mọc thì mình nhìn được, đến chừng ánh sáng mạnh thì nhìn không được. Ánh sáng Phật tánh hiện ra thì ma quỷ và Thiên thần đều không thể thấy được. Nên không thể nói là tránh!

Bây giờ, người nào đều cũng có hào quang, người nào có tu thì hào quang sáng hơn, không tu thì hào quang tối hơn. Với người kiến tánh thì hào quang rất mạnh.

-Sơ Tổ luật tông là Đạo Tuyên luật sư trì giới rất trang nghiêm, cảm ứng Thiên thần trên trời. Vì trì luật nên ăn ngọ (chỉ ăn một bữa trưa, quá 12 giờ không ăn), mỗi bữa trưa trước giờ ngọ, Thiên thần đem cơm xuống cúng dường cho Đạo Tuyên, ngày nào cũng như mọi ngày, tiếng tăm truyền khắp các nơi.

Một Thiên sư nghe vậy, muốn biết Thiên thần như thế nào? Nên mới đến thăm Đạo Tuyên để gặp Thiên thần. Nhưng hôm đó đợi mãi qua 12 giờ không thấy Thiên thần,

ông nghĩ rằng Thiên thần hôm nay bận việc nên không đến, rồi từ già Đạo Tuyên đi về.

Sau khi Thiên sư đi về, Thiên thần mới vào. Đạo Tuyên hỏi: Tại sao hôm nay ông đến trễ? Bây giờ quá ngọ thì đâu có ăn được!

Thiên thần nói: Không phải tôi đến trễ, 11 giờ tôi đã đến rồi, nhưng tòa nhà của ông có hào quang che lấp nên tôi vào không được, lúc hào quang tan hết thì tôi mới vào nhà được.

Vậy chứng tỏ Thiên sư ngồi đây có hào quang sáng che khắp tòa nhà này, nên Thiên thần không vào được. Thiên thần còn vào không được, huống là quý sứ của Diêm La Vương có nhằm gì! Vậy sao mà cần dấu? Nếu mình tu đến kiến tánh thì hào quang cũng mạnh vậy.

-Kim Bích Phong có hào quang mạnh nên quý sứ của Diêm La Vương không thấy được. Ông đâu có ấn dấu! Ấn dấu thì không thể được.

Người ta nói tụng chú có linh nghiệm, tại sao người này tụng chú linh nghiệm, mà người kia tụng chú không linh nghiệm? Linh nghiệm là tâm người tụng, chứ đâu phải do chú ấy! Chú ấy chỉ là công cụ, làm sao có sức dụng? Sức dụng là do tâm.

Cho nên, người tâm lực mạnh tụng chú thì linh nghiệm, người tâm lực yếu tụng chú thì không linh nghiệm. Chứng tỏ chú ấy không có linh nghiệm gì hết, có linh nghiệm hay không là tâm người tụng, chứ không phải do chú. Hỏi câu thoại đầu cũng vậy, câu thoại chỉ kích thích niệm không biết, chứ đâu có sức che dấu!

Hỏi: Người tham thoại đầu, khi nghi tình thành khối thì Diêm La Vương có bắt được người ấy không?

Đáp: Nếu dẹp hết che khuất thì hào quang hiện ra, tức là được tâm lực mạnh thì nghiệp lực sẽ sửa đổi. Như lúc mình tạo ác nghiệp, kiếp trước làm cho người ta chết đói, nhưng tâm lực chỉ 1 độ. Kiếp này mình không tu thì tâm lực cũng chỉ 1 độ, nên phải chịu quả chết đói.

Nếu mình biết tu thì tâm lực từ 1 độ lên đến 2 độ,...10 độ, tức là không làm ác mà chỉ làm thiện, cái quả sẽ đến trước. Các nhân ác đã làm, nhưng yếu hơn nhân thiện, nên nhân ác này phải ẩn lại để nhân thiện hiện ra trước.

Như mình tham thiền tâm lực lên 10 độ, rồi không tham thiền nữa, khi cái quả 10 độ hết thì quả 9 độ đến, dần dần đến quả 1 độ thì mình phải chịu chết đói. Còn bây giờ mình không có ngưng tham thiền, từ 1 độ đến 1 triệu độ là thành Phật, nhưng cái nhân chết đói đó vẫn còn.

Khi thành Phật phải độ chúng sanh (nghĩa chữ “Phật” là tự giác, giác tha. Giác tha là độ chúng sanh). Những người nào mình làm cho họ chết đói thì tự nhiên phải độ họ trước.

Tiền thân của Phật là Tiên Nhân bị Ca Lợi Vương xé thịt, sau này vị Tiên Nhân thành Phật Thích Ca, Ca Lợi Vương là Kiều Trần Như thì được độ trước, nên cái nhân mới hết.

Khi kiến tánh thành Phật thì không phân biệt thiện ác, người có ân với mình thì cũng được độ, người có thù với mình (hại mình) cũng được độ, như tiền thân Kiều Trần Như hại tiền thân Phật cũng được ưu tiên độ trước.

Chánh pháp phải phá ngã chấp, nếu tu có ngã chấp thì không bao giờ kiến tánh được. Tu là phải quên thân mình, đừng coi nặng thân này, coi nặng thân này là ngã chấp.

Như có người nói là xuất gia, đáng lẽ xuất gia là ra gia đình, tức là không có gia đình. Nhưng cũng phải lo cho gia đình, lo cho con cái, lo cho cháu chắt.

Nếu dùng tiền của Thí chủ 10 phương để lo cho gia đình thì sau này phải làm trâu làm ngựa trả nợ cho Thí chủ. Cho nên Phật giáo có bài kệ:

***Hạt gạo của Thí chủ,
Lớn bằng núi Tu di.
Nếu không tu giải thoát,
Mang lông đội sừng trả.***

Cho nên, một hạt gạo của Thí chủ không để gì ăn! Không phải mình cạo đầu mặc áo tu cho là có địa vị cao, mà để cho người ta kính lễ cúng dường, nếu mình thiếu tu thì không thể được.

Người tại gia có bốn phận của chồng, vợ, con cái. Người Tu sĩ có bốn phận của người Tu sĩ, Sa Di có bốn phận của Sa Di, Tỳ Kheo có bốn phận Tỳ Kheo, Sa Di Ni và Tỳ Kheo Ni đều cũng vậy.

Nếu không giữ đúng vai trò của mình, như kinh Lăng Nghiêm nói có 4 thứ địa ngục:

1- Hư tiêu Tín thí: Là những việc ăn, ở, đi,... đều của Thí chủ cúng dường cho mình, nếu mình không tu giải thoát theo đúng nghĩa chữ Phật, phải đầu thai trâu ngựa trả nợ cho Thí chủ sau khi chết. Cho nên, làm Tu Sĩ thọ nhận của 10 phương Thí chủ, mình phải tu giác ngộ, rồi giác ngộ cho người khác, mới đúng nghĩa chữ “Phật” là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

2- Lạm nhận cung kính: Như người tại gia lạy người xuất gia, nếu người xuất gia không giữ đúng bốn phận của mình, tức là không có tu thì gọi là lạm nhận cung kính của người tại gia, cũng là tội địa ngục, phải đầu thai trâu ngựa để trả nợ cho Thí chủ.

3- Phi báng đại thừa.

4- Phá hoại luật nghi.

Hỏi: Vừa rồi Sư Phụ nói chấp nghiệp sâu nặng là sai lầm. Vậy như thế nào?

Đáp: Một Kỹ sư người Mỹ, khoa học và Phật pháp đều thông suốt. Kỹ sư nói với tôi: Con có nghiệp chướng phiền não nhiều quá, thầy dạy cho con trừ nghiệp chướng đó.

Tôi hỏi Kỹ sư: Nghiệp chướng của ông phải không?

Kỹ sư đáp: Phải.

Tôi hỏi: Nếu nghiệp chướng của ông thì ông biết nghiệp chướng từ đâu mà ra? Như tiền trong túi của ông thì ông biết tiền đó từ đâu mà có phải không?

Kỹ sư suy nghĩ trả lời không được. Tôi nói tiếp: Ông khỏi trả lời, tôi sẽ nói cho ông biết, nghiệp chướng của ông là do ông suy nghĩ mà ra. Tâm ông là năng suy nghĩ, nghiệp chướng là sở suy nghĩ. Năng thì không phải sở, sở thì không phải năng. Tâm của ông không có nghiệp chướng, tại ông suy nghĩ nên mới có sở sanh ra nghiệp chướng.

Tâm là danh từ mà ai cũng nói được, nhưng ai cũng không biết được. Kỹ sư giỏi khoa học, thông suốt giáo lý, nhưng đối với danh từ “tâm” còn mơ hồ. Tôi nói vậy Kỹ sư chưa hiểu được, vì tâm là một danh từ trống rỗng, không có hình thể, không có số lượng. Nên tôi phải nói cái khác, nói cái có hình thể có số lượng.

Hai chân của ông là năng đi, con đường gai góc cút sinh là sở đi của hai chân, tại vì hai chân của ông ham giẫm trên con đường đó, rồi bị dính cút sinh, tự cho cút sinh của mình.

Kỹ sư hỏi tôi: Có cách nào để rửa sạch cút sinh đó?

Tôi nói: Khỏi cần, cái đó là sở thôi, hai chân của ông sạch đâu có cút sinh! Vì hai chân của ông ham đi con đường đó, mới bị dính cút sinh, cho cút sinh đó của ông, rồi nhờ tôi tìm cách rửa sạch cút sinh đó. Mặc kệ nó, chỉ cần hai chân không giẫm trên con đường đó thì đâu có bị dính! Vì nó là sở.

Tâm của ông cũng vậy, tâm của ông đâu có nghiệp chướng! Tại ông ham suy nghĩ nên mới có nghiệp chướng, nghiệp chướng đó là sở suy nghĩ.

Hỏi: Câu “bổn lai vô nhất vật”, hiện tại con tham câu “chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật là cái gì?” Ý 2 câu này có giống nhau không?

Đáp: Tham thiền là dùng cái không biết để chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Không được tìm hiểu câu thoại đầu, tìm hiểu nghi tình. Tìm hiểu đáp án câu thoại là sai lầm lớn. Ba cái biết trên (tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ) hết, đến thoại đầu mới hy vọng kiến tánh. Nếu dùng cái biết tìm hiểu nghi tình thì vĩnh viễn không thể kiến tánh được.

Hỏi: Đức Phật Thích Ca mới sanh ra nói “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn”. Chúng con chưa rõ, xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Phật Thích Ca mới sanh ra nói câu này là muốn hiển bày Tự tánh bất nhị. Thiên tông có một công án cũng ý này:

Tăng đem việc này hỏi Vân Môn. Vân Môn nói: “Nếu lúc ấy gặp, tôi sẽ đánh chết cho chó ăn”.

Tại sao? Phật Thích Ca nói “duy ngã độc tôn” là không có đôi đũa, tức là bất nhị. Nếu có Phật Thích Ca và Vân Môn khác nhau là nhị rồi. Đánh chết mà còn xác cũng là nhị, nên phải đem xác cho chó ăn thì không còn xác mới gọi là bất nhị. Cho nên, Vân Môn nói: “Đánh chết cho chó ăn” cũng là hiển thị nghĩa bất nhị.

Hỏi: Hoàng hậu Ma Gia nơi vườn Lâm Tỳ Ni sanh ra Thái tử, có nơi gọi là đản sanh, có nơi nói là sanh bên hông, xin Sư Phụ từ bi khai thị?

Đáp: Tự tánh bất nhị không thể dùng lời nói để diễn tả được. Thường thường dùng văn học cổ truyền của Ấn Độ để thí dụ diễn đạt. Nếu lấy đó để giải thích thì vô lý, giống như thần thoại, không nên hiểu theo ý của mình.

Lời của chư Phật chư Tổ là muốn mình ngộ, không phải muốn mình hiểu. Nếu mình không ngộ thì không hiểu, không hiểu thì sẽ phát nghi, giữ cái nghi đó sau này sẽ được ngộ.

Ngài Long Thọ nói “Tâm như hư không vô sở hữu” tức là trống rỗng thì không có nghĩa lý gì hết. Nhưng bộ não đem cái không đó hạn chế thành cái không của cái tách, cái bình, cái nhà, ... thì muôn ngàn thứ nghĩa không khác biệt, vì có hạn chế nên mới sanh ra nghĩa lý, có nghĩa lý rồi mới có sự tranh cãi.

Nếu không có cái không làm sao dựng cái nhà lên được? Làm sao có cái không của cái tách? Làm sao có cái không của cái bình? Cái không ở trong nhà và cái không ở ngoài nhà, cái không ở trong tách và cái không ở ngoài tách thì đâu có khác?

Nhưng đem cái không này không kia để hạn chế thành ra có khác. Cái dụng của mỗi thứ đều khác, nhưng nguồn gốc của nó thì không có khác, mà luôn nghĩa lý của nó không có nữa. Vì kiến lập rồi nên mới có nghĩa lý khác nhau.

Cho nên, Phật Thích Ca rất sợ người ta đuổi theo lời nói, vì vậy Phật nói “49 năm thuyết pháp, tôi chưa từng nói một chữ”. Kinh Kim Cang nói “ai nói Phật có thuyết pháp là phi báng Phật”. Vì không thể nói được, nếu nói được thì không phải rồi. Nói ra là để mình ngộ nhập, chứ không phải để hiểu nghĩa lý, nên tìm hiểu nghĩa lý là sai lầm, nghịch với ý Phật.

Hỏi: A lại da thức là gì?

Đáp: A lại da thức là thức thứ 8. Tiền ngũ căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn) là đối với tiền ngũ trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc) mới có tiền ngũ thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức). Thức thứ 6 là đối với pháp trần (không cần trước mắt), cũng như quá khứ, vị lai cách xa đều thấy được.

Thức thứ 7 gọi là mặt na thức, có 2 nhiệm vụ:

- Chấp thức thứ 8 là ta.

- Truyền tổng thức là đem chủng tử thiện ác của thức thứ 6 vào thức thứ 8 và khi chủng tử thiện ác chín mùi từ thức thứ 8 giao cho thức thứ 6 cùng 5 thức trước thì hành.

Thức thứ 8 còn gọi là tạng thức, tức kho chứa chủng tử thiện ác. Đầu thai là thức thứ 8 đi, nhưng thức này bao gồm hết 7 thức kể trên, chứ không phải có 8 thức riêng biệt.

Bản thể là A lại da thức cũng là bản thể sanh mạng và bản thể vũ trụ. Vì bản thể này trống rỗng tức là vô sở hữu mà dung nạp và ứng dụng. Như hư không trống rỗng dung nạp mặt trời, mặt trăng, đất đai, nhà cửa,... bất cứ cái gì cũng đều nhờ cái trống rỗng này.

Hỏi: Tâm viên ý mã ẩn dụ như thế nào?

Đáp: Như con khỉ ở trên cây nhảy qua nhảy lại, con ngựa hay chạy nhảy, không bao giờ yên tĩnh.

Tâm của mình cũng vậy, suốt ngày nổi niệm này sang niệm khác, cứ suy nghĩ liên tục không bao giờ ngưng, nên gọi là “tâm viên ý mã”. Trong Phật học gọi là nhất niệm vô minh, ban đêm hoạt động gọi là nhắm mắt chiêm bao, ban ngày hoạt động biến hiện ra mở mắt chiêm bao.

Như bây giờ tôi đang giảng và các vị đang nghe đều ở trong mở mắt chiêm bao là do tâm thức hoạt động biến hiện ra.

Hỏi: Thế nào là giới tánh?

Đáp: Giới luật nhà Phật chia ra làm 2 thứ: Tánh giới và giá giới.

- Những giới có dính líu đến sát, đạo, dâm, vọng gọi là tánh giới.

- Những giới thuộc về oai nghi gọi là giá giới. Ở trong giới luật Tỳ Kheo có 100 giới oai nghi thuộc về giá giới, giới này không có tội nhân quả mà có tội phạm giới.

Tại sao Phật muốn chế giới? Vì Phật muốn đem Phật pháp hồng dương ở nước nào cũng hoan nghinh, nên phong tục tập quán của nước nào thì giới luật cũng có thể thuận theo.

Như phong tục ở Ấn độ không cho Tu sĩ đi làm ruộng, nếu Tu sĩ đi làm ruộng thì phạm giới, nên Tu sĩ phải đi khát thực để sống. Ở Trung Quốc, nếu Tu sĩ đi làm ruộng thì được hoan nghênh, còn đi khát thực thì người ta chê là “con sâu ăn gạo”.

Cho nên, Tu sĩ ở Trung Quốc làm ruộng là giữ giới, ở Ấn Độ là phạm giới, tức là theo phong tục truyền thống của địa phương, nên gọi là giá giới. Để Phật giáo khỏi bị phê bình là không tốt, giá giới có thể tùy theo địa phương mà thay đổi.

Tánh giới thì không thể thay đổi, tánh giới là có cái phạm pháp luật nhà nước, có tội nhân quả. Như sát, đạo, dâm, vọng thì bất cứ nước nào cũng có pháp luật để cấm.

Mặc dù, những giới mà nhà nước không cấm, nhưng có tội nhân quả. Như giới sát, nếu giết hại con người thì cấm, còn giết hại súc sanh thì không cấm, nhưng có tội nhân quả, tức là giết một mạng phải trả một mạng, ăn cục thịt phải trả lại cục thịt.

Pháp giới tánh thì lại khác, pháp giới là bao gồm tất cả vũ trụ. Tùy theo chỗ hợp danh từ này thì nghĩa thế này, danh từ kia là nghĩa thế kia, danh từ có nghĩa khác nhau. Thường nói tánh và tướng khác nhau, chưa giác ngộ thì khác, giác ngộ rồi thì tánh và tướng chẳng khác, gọi là bất nhị. Cho nên, nguồn gốc vạn vật là thật tướng. Tự tánh bất nhị thì thật tướng cũng là bất nhị.

Hỏi: Vừa nhìn vừa hỏi song song với nhau. Vậy nhìn vào câu hỏi hay nhìn chỗ không biết mới đúng?

Đáp: Câu thoại đầu là kích thích niệm không biết, không phải nhìn vào câu thoại đầu; nhưng hỏi và nhìn cùng một tâm đồng thời 2 thứ không gián đoạn. Như mình muốn 3 thứ một lượt cũng được. Ví dụ cái đồng hồ này, nhìn kim giờ, kim phút và kim giây và 3 kim này chạy không gián đoạn.

Hỏi: Xin Sư Phụ kể lại người bán đậu hủ đi 3 vòng trong Thiên Đường được lợi ích, lúc chết không đầu thai làm con chó, mà được tăng thêm 30 năm nữa?

Đáp: Phật nói “Tất cả đều do tâm tạo”, Phật pháp muốn hiển bày cái tâm, tâm ấy là chơn tâm, không phải bộ não. Người ta nói tâm là bộ não, biết tìm hiểu, biết suy nghĩ, biết ghi nhớ. Như vậy không phải là chơn tâm, mà là vọng tâm che khuất chơn tâm.

Chơn tâm là không hình thể, không số lượng, không phải vật chất. Vọng tâm là bộ não, hệ thống thần kinh đều là vật chất. Vật chất có thể hoại diệt. Còn phi vật chất, như 8 thức thì không thể hoại diệt.

Tham thiền được tâm lực mạnh, những thứ che khuất bị dẹp thì chơn tâm hiện ra. Sức chơn tâm rất mạnh không bị không gian và thời gian hạn chế.

Người thiền định đến mức nào thì có thể biết được quá khứ, biết được vị lai. Ông bán đậu hủ thiền định chưa đến mức đó, nhưng cũng hiện ra một chút dụng. Các nghiệp ác của ông tạo yếu thì ẩn lại sau, các nghiệp thiện của ông tạo mạnh hơn thì hiện ra trước. Không phải ông đó đi 3 vòng mà được lợi ích.

Như Kim Bích Phong chỉ có 1 tuần lễ ra sức tham thiền thì quỷ sứ không thấy được ông. Tham thiền được tâm lực mạnh thì có thể sửa đổi nghiệp quả của mình, nên đời sống cũng được sửa đổi.

Hỏi: Kính xin Hòa thượng giảng chữ “tri” của ngài Huyền Giác?

Đáp: Chữ “tri” của ngài Huyền Giác là cái tri của Phật tánh, tri của Phật tánh thì không thể kiến lập, vì vốn sẵn. Nếu có kiến lập thì thành 2 cái tri. Một người chỉ có một cái tri, nếu kiến lập thành 2 cái tri, nên Thiền tông gọi là “đầu mọc thêm đầu”.

Bây giờ mình có một cái đầu đủ dùng, nếu ở trên đầu mọc thêm một cái đầu nữa thì khổ lắm, phải mời bác sĩ cắt bỏ mới được, cho nên tri không thể kiến lập.

Bốn bài kệ của ngài Huyền Giác nói về chữ “tri”:

1- Bài kệ thứ nhất là kiến lập sở tri tịch lặng, bình thường người ta tu đến thanh tịnh cho là cao, nhưng kiến lập sở tri biết tịch lặng thành chướng ngại, không hiện ra cái dụng hoạt bát vạn năng của bản tri (vô duyên tri), vì có sở tri thì phải có năng tri. Như tay cầm như ý thì trụ nơi ngoại cảnh, đánh mất sự hoạt bát vạn năng của tay, tay chẳng cầm cây như ý thì tay muốn lấy gì cũng được, hễ tay cầm cây như ý thì muốn lấy gì cũng chẳng được.

2- Bài kệ thứ hai là tiến thêm một bước, dù chẳng lập sở tri nhưng biết mình có năng tri vẫn là kiến lập sự tri, nên chẳng phải vô duyên tri. Như tay chẳng cầm vật bên ngoài mà tự làm nắm tay (tức là trụ nơi cái tri của tự mình kiến lập) thì mất hết sự dụng hoạt bát vạn năng của cánh tay, nên chẳng thể cầm lấy đồ vật nào cả.

3- Vậy chẳng biết ngoại cảnh cũng chẳng tự biết, người ta thường cho như thế là lọt vào vô tri như gỗ đá chẳng biết gì cả, nên có bài kệ thứ ba: Vì tự tánh rõ ràng, chẳng đồng như gỗ đá. Thế thì làm sao chứng minh được?

4- Nên có bài kệ thứ tư dùng cánh tay để chứng tỏ: Như tay chẳng cầm vật ngoài, cũng không tự làm nắm tay, chẳng phải là không tay, vì tay vẫn an nhiên chẳng hề bị mất, nên chẳng đồng như sừng thỏ, vì sừng thỏ chỉ có tên gọi mà chẳng có vật thật vậy.

Người ta hay ham thích cái biết, dùng vọng tâm để tìm hiểu; dùng vọng tâm là mây đen che khuất, Phật dạy dẹp hết che khuất, lại không chịu dẹp mà càng tăng thêm. Ngài Huyền Giác dạy đừng kiến lập cái biết, vì cái biết chơn tâm sẵn có, chỉ cần dẹp những che khuất thì cái biết chơn tâm hiện ra dùng.

Nhưng bây giờ người ta khó tin, khi đã sanh ra thì cha mẹ dạy chấp thật, tin cái biết vọng tâm; vào trường thầy cô cũng dạy vậy. Bỗng nhiên sửa lại, nghịch với thói quen của mình, nên rất khó. Vì vậy, Phật dạy lấy cái “không biết” của bộ não chấm dứt cái “biết” của bộ não, để bộ não ngưng hoạt động.

Hỏi: Phật cao nhất xích, ma cao nhất trượng. Nghĩa này như thế nào?

Đáp: Thuốc là dùng để trị bệnh; Phật pháp là trị bệnh chấp ngã, nhưng người ta không biết, như học giáo lý, học sơ cấp rồi lên trung cấp, lên cao đẳng; theo chánh pháp thì phải phá ngã chấp mới đúng.

Thực tế không phải vậy, lúc học sơ cấp thì cái ngã còn nhỏ, học hết trung cấp cái ngã lớn hơn, đến cao đẳng thì cái ngã càng lớn hơn nữa, cho mình biết nhiều. Chỗ này kinh Viên Giác, Phật có chỉ ra: Những người cho mình thuyết pháp tức là thuyết cái ngã tướng, không phải thuyết pháp Niết Bàn.

Hiểu hết giáo lý của Phật, rồi cho ta là cao nhất, ta biết còn các người không biết, cho ta thuyết pháp, các người là người nghe pháp, đó chính là cái ngã, ngã là ma, vì thế không ngộ được bản giác trong sạch.

Vì lời Phật dạy đâu phải của mình tu chứng! Nhưng rồi cho là của mình, mình thông suốt giáo lý, thuyết pháp độ sanh, lại chấp vào đó, chính là “ma cao nhất trượng”.

Hỏi: Từ vô thủy, Đạo cùng một cội nguồn. Nay theo đạo Phật, ta có thể tìm thêm kiến thức để chứng ngộ không? Vậy có phải ngay đó tự đến? Tìm ai? Tìm ở đâu?

Đáp: Câu hỏi này đã sai lầm rồi, Phật đã nói vô thì không có cội nguồn, có cội nguồn tức là có thì (có bắt đầu). Phật đã nói trắng ra là không có sự bắt đầu, cũng là nghĩa vô sanh tức là không có sanh khởi. Nếu có sanh khởi thì mới có nguồn, đã không có sanh khởi làm sao có nguồn! Có nguồn thì mới có bắt đầu. Nhưng thực tế thì không thể bắt đầu. Cho nên, người chứng quả là ngộ pháp vô sanh, cũng là chứng vô sanh pháp nhãn.

Nếu bắt đầu thì bắt đầu từ chỗ nào? Theo mình hiểu thì phải 2 chỗ bắt đầu: Chỗ có và chỗ không có.

-Nói bắt đầu từ chỗ có thì không gọi là bắt đầu. Tại sao? Vì cái có kia đã bắt đầu rồi.

-Bắt đầu chỗ không có là vô lý. Tại sao? Vì bắt đầu chỗ không có thì không sanh ra đủ thứ. Như cây lý khởi cần cây lý sanh, cây đào khởi cần cây đào sanh, con người khởi cần con người sanh, con dê khởi cần con dê sanh. Nếu như thế thì loạn hết rồi, nhưng thực tế không phải vậy. Con người phải con người sanh, con dê phải con dê sanh, cây đào phải cây đào sanh, cây lý phải cây lý sanh, chứ không phải từ chỗ không có mà sanh được.

Không cần tinh trùng con dê đực cũng có thể làm ra con dê đực, tuy không có tinh trùng nhưng phải có tế bào của con dê đực; tế bào của con dê đực là chủng tử thức thứ 8, tức là thức thứ 8 làm cơ nhân, đem tế bào của con dê đực chích vào trứng con dê cái, rồi ở trong tử cung con dê cái sanh ra con dê con. Đâu phải chỗ không có mà sanh ra được? Nếu chỗ không có mà sanh được thì loạn hết! Vì tất cả không có sự bắt đầu, không có sanh khởi, vậy làm sao có nguồn?

Câu “từ vô thì đến nay” đã là bệnh. Vô thì làm sao có đến nay được? Phải hữu thì mới có đến nay, phải bắt đầu kiếp nào rồi đến kiếp nào. Vô thì thì không có lúc bắt đầu, sự thật câu nói của thế gian đều là bệnh, vì ở trong tương đối. Như nói kiến tánh, nếu chấp 2 chữ “kiến tánh” cũng là bệnh. Vì Tự tánh không phải sở kiến, nếu Tự tánh có sở kiến thì có năng kiến rồi, có năng sở là nhị. Tự tánh là bất nhị không có năng sở.

Kinh Viên Giác nói: “Biết có sở chứng thanh tịnh Niết Bàn cũng là ngã tướng”. Người hỏi này có ngã tướng quá nặng không thể cứu nổi. Chánh pháp Phật pháp thì phải phá ngã chấp. Tứ tướng là ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng (kinh Kim cang), kinh Viên Giác gọi là thọ mạng tướng. Bốn thứ tướng này là cảm giác sai lầm của vọng tâm. Như nói chứng quả là ta chứng, đó là ngã tướng, nói thuyết pháp là thuyết cái bệnh ngã tướng, không phải thuyết pháp Niết Bàn.

Hỏi: *Cái biết sẵn có, có thể sáng chế như cái biết của các khoa học gia không?*

Đáp: Không thể kiến lập cái biết, nếu có kiến lập thì giống như trên đầu mọc thêm đầu, làm chướng ngại cái đầu chính, cần bác sĩ cắt bỏ mới được.

Hỏi: *Tánh hung ác, tánh không chân thật, tánh tham lam,... Vậy tánh nào là chân tánh của các tánh trên và có khác với tánh thấy tánh nghe không?*

Đáp: Tất cả đều là vọng, kinh Lăng Nghiêm nói “Chơn với vọng là 2 thứ vọng”, phàm có tương đối đều là vọng, hễ có dùng lục căn nhận biết đều là vọng.

Hỏi: *Nói có tâm độc ác, có tâm tham, có tâm thiện. Các tâm ấy đều là vọng, trước không khởi, đó có phải là chơn không?*

Đáp: Chơn với vọng là hai thứ vọng, còn thực tế thì không có đối đãi, không có chơn với giả, không có chơn với vọng, gọi là Tự tánh bất nhị hay Thật tướng vô tướng, không phải chấp vào một bên mà nói vô tướng. Tức là hữu tướng cũng vô và vô tướng

cũng vô, Thật tướng là phá vô tướng và hữu tướng. Nếu chấp thật cái hữu tướng là biên kiến, chấp thật vô tướng cũng là biên kiến.

Người hỏi này thì Phật không thể giáo hóa nổi, vì có ngã chấp quá nặng.

Hỏi: Tám thức chuyển thành tứ trí chỉ là tên gọi chẳng chân thật, nghĩa là chỉ chuyển cái tên mà cái thể chẳng thể chuyển. Vậy bản lai diện mục của vô thủ vô minh và bản lai Phật tánh giống nhau không?

Đáp: Chuyển thức thành tứ trí của Pháp Bảo Đàn có 8 câu kệ:

Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh,
Bình đẳng tánh trí tâm chẳng bệnh.
Diệu quan sát trí chẳng tác ý,
(Sự thấy của Diệu quan sát trí chẳng cần tác ý)
Thành sở tác trí đồng viên cảnh.
Ngũ, bát, lục, thất quả nhân chuyển,
Chỉ dùng tên gọi chẳng thật tánh.
Nếu ngay nơi chuyển chẳng dính mắc,
Ở chỗ nào động cũng đại định.

Lược giải:

1. Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh: Thức thứ 8 chuyển thành trí, như gương tròn chiếu soi, phổ chiếu vạn pháp là trí vốn thanh tịnh của bản tánh.

2. Bình đẳng tánh trí tâm chẳng bệnh: Thức thứ 7 chấp thức thứ 8 là ta (thức thứ 8 là bản thể tất cả pháp) thành ô nhiễm, nay chuyển thành “bình đẳng tánh trí”, ảnh hưởng thức thứ 6 chẳng khởi phân biệt tướng thì tâm chẳng bệnh.

3. Diệu quan sát trí chẳng tác ý: Do sự chấp ngã của thức thứ 7 khiến thức thứ 6 sanh khởi vọng tướng phân biệt, khi chuyển thành Diệu quan sát trí rồi, dù thấy mà chẳng có tác ý phân biệt, nên gọi là chẳng tác ý.

4. Thành sở tác trí đồng viên cảnh: Tiền ngũ thức duyên theo sự lãnh đạo của thức thứ 6 mà khởi vọng tướng phân biệt, khi chuyển thành sở tác trí rồi, tức đồng như Đại viên cảnh trí, dù dùng nhưng chẳng tác ý phân biệt.

5. Ngũ, bát, lục, thất quả nhân chuyển: Nghĩa là lục và thất trong nhân chuyển, thức thứ 6 là nhân tiệm tu của Giáo môn, thức thứ 7 là nhân đốn ngộ của Thiền môn. Ngũ và bát là trên quả chuyển, vì vọng chấp của thức thứ 7 chuyển thì ngũ và bát cũng chuyển theo.

6. Chỉ dùng tên gọi chẳng thật tánh: Nghĩa là 8 thức kể trên chuyển thành tứ trí chỉ là tên gọi chẳng có tánh thật, nghĩa là chỉ chuyển cái tên, chẳng thể chuyển cái thể vậy.

7. Nếu ngay nơi chuyển chẳng dính mắc: Nghĩa là ở ngay nơi chuyển mà chẳng chấp trước, chẳng chấp thật.

8. Ở chỗ nào động cũng đại định: Nghĩa là ở chỗ nào động cách mấy cũng đều đại định, chẳng có nhập định và xuất định tức là vĩnh viễn ở trong định.

Đây là chuyển 8 thức thành 4 trí.

Hỏi: Như Lai thiên dùng cái “biết” để tu, khác với Tổ Sư thiên như thế nào?

Đáp: Như Lai thiên là dùng cái “biết” để tu, còn Tổ Sư thiên dùng cái “không biết” để tu. Bộ não của mình gồm có 2 mặt: Mặt biết và mặt không biết. Dùng mặt biết để tu thuộc Như Lai thiên là của Phật dạy; dùng cái biết của tà ma ngoại đạo thì không phải chánh pháp.

Dùng cái không biết để tu cũng là Phật Thích Ca dạy, do Phật Thích Ca truyền xuống cho Ma Ha Ca Diếp, rồi Ma Ha Ca Diếp truyền cho A Nan, A Nan truyền cho Thương Na Hòa Tu,... từ Tổ từ Tổ truyền xuống, nên gọi là Tổ Sư thiền. Thiền này chỉ hỏi và nhìn, hỏi là kích thích niệm không biết, nhìn là giữ niệm không biết được kéo dài.

Tu Như Lai thiền gồm có 52 cấp (Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác). Tổ Sư thiền từ địa vị phàm phu tu chứng Phật quả, không qua giai cấp nào.

Hỏi: Ban đêm tham Tổ Sư thiền, ban ngày học giáo lý. Vậy con đi 2 cái song song được không?

Đáp: -Biết và không biết có nghịch nhau không?

- Có nghịch nhau.

- Nếu có nghịch nhau làm sao song song được? Bây giờ cô học giáo lý Tiểu thừa, Trung thừa hay Đại thừa?

- Con học sơ cấp Phật học năm thứ hai ở chùa Tòng Lâm.

- Cô nói đại khái sơ cấp là gì?

- Bài đầu tiên là vô thường, kế đến nghiệp và nhân quả, luân hồi, thiêu dục tri túc, đó là năm thứ hai của con.

- Theo cô nói thì gần như Tiểu thừa, nhưng phải căn cứ kinh nào? Vì giáo môn phải căn cứ lời kinh.

- Bây giờ có lẽ là kinh Tiểu thừa, nhưng ở chùa con có chương trình Cao đẳng Phật học thì học Diệu Pháp Liên Hoa.

- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là kinh Đại thừa, thiền của Đại thừa thì khác thiền của Tiểu thừa và Trung thừa. Thiền Đại thừa gọi là Bồ Tát thừa. Thiền Trung thừa gọi là Duyên Giác thừa. Thiền Tiểu thừa gọi là Thanh Văn thừa.

Thiền Thanh văn thừa là Ngũ Đình Tâm Quán có 5 thứ thiền quán: Sở Túc Quán, Bất Tịnh Quán, Từ Bi Quán, Lục Thức Quán, Nhân Duyên Quán. Những thiền quán này là đình chỉ cái tâm.

Cô học Tiểu thừa mà không biết Tiểu thừa thiền là gì! Còn Trung thừa là Duyên Giác, thiền của thừa Duyên Giác là Thập Nhị Nhân Duyên là từ vô minh đến lão tử (12 thứ nhân duyên). Trong Đại Thừa Tuyệt Đối Luận có giải thích 4 thừa.

Ba thứ thiền quán ghi trong kinh Lăng Nghiêm, nhưng chỉ dịch âm không có dịch nghĩa, gọi là Sa ma tha, Tam ma bát đề, Thiền na.

Kinh Viên Giác giải thích 3 thứ thiền:

-Sa ma tha là thiền quán cực tịnh, thí dụ như gương soi các tướng; bất cứ người nào đến gần trước gương thì nó chiếu soi rõ ràng, nhưng nó không lay động.

-Tam ma bát đề là biến hóa mình không thể thấy được, nó đang biến hóa, thí dụ lúa mạ dần dần tăng trưởng, như mình đem hạt lúa bỏ vào đất thì mọc thành cây mạ, không thấy nó tăng trưởng, nhưng nó đang tăng trưởng trong từng sát na.

-Thiền na thí dụ tiếng ẩn trong chuông trống, như chuông trống đâu có tiếng, nhưng trong đó có tiếng, đánh nhẹ ra tiếng nhỏ, đánh mạnh ra tiếng lớn, mà tiếng không bị hạn chế trong chuông trống, nó vượt ra ngoài xa tùy theo mức độ đánh.

Tông Thiên Thai Trung Quốc có 3 thứ Chỉ quán thiên:

-Sa ma tha giống như Không quán của tông Thiên Thai.

-Tam ma bát đề giống như Giả quán của tông Thiên Thai.

-Thiền na giống như Trung quán của tông Thiên Thai.

Nhưng chỉ giống thôi, chứ không phải hoàn toàn không có khác! 4 tông thiên quán Đại thừa của Trung Quốc là : Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức. Mỗi thừa đều có thiên quán riêng biệt, thiên quán đó không ngoài Sa ma tha, Tam ma bát đề, Thiền na. Nhưng mỗi mỗi khác, không phải hoàn toàn giống nhau hết, cuối cùng có một cái giống nhau là “từ nghi đến ngộ”.

Tổ Sư thiên là bắt đầu từ nghi đến ngộ. Hành giả bắt đầu tham thiền, tôi dạy hỏi và nhìn tức là giữ cái nghi (không hiểu không biết) để đưa đến ngộ.

Tông Thiên Thai trải qua rất lâu đến cùng tột rồi phát nghi. Như ban đầu quán giả, quán mãi thấy không thật giả, rồi quán không, không phải thật không; chẳng phải giả chẳng phải không thì quán trung. Nhưng giả với không là hai đầu, hai đầu không có làm sao quán trung (chính giữa) được? Cho nên phát nghi “không phải giả, không phải không, không phải trung là gì?” gọi là thể chơn chỉ, của tam chỉ tam quán.

Ban đầu là hệ duyên chỉ, tùy duyên chỉ đến thể chơn chỉ. Thể chơn chỉ là thể cứu Chơn Như bằng tham Tổ Sư thiên, nhưng đến chỗ cùng tột mới tự nhiên phát nghi. Vì cái gì đều cũng không phải thì tự nhiên phát nghi: Tại sao? Là cái gì vậy? Là cái gì mới phải?

Bất cứ tông nào cũng vậy, như tông Hiền Thủ gọi là Pháp Giới Quán thiên, gồm có: Lý pháp giới, lý sự vô ngại pháp giới, rồi đến sự sự vô ngại pháp giới, mới phát nghi giống như tông Thiên Thai vậy.

Vì có nghi nên có ngộ, cuối cùng các pháp môn đều phải phát nghi, như tông Tịnh Độ cũng vậy.

Có một số người không nhìn nhận tu Tịnh Độ là thiên, tất cả pháp môn của Phật dạy đều là Thiên, 3 cách tu Tịnh Độ là thiên, có số người tu Tịnh Độ không biết. 3 cách tu của Tịnh Độ là:

1-Thật tướng niệm Phật giống như Tổ Sư thiên.

2-Quán tưởng niệm Phật là thiên quán trong kinh Quán vô Lượng Thọ là kinh của Tịnh Độ. Tịnh Độ chỉ có 3 thứ kinh: Kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ và A Di Đà (tiểu A Di Đà, đại A Di Đà). Phật có dạy 16 pháp thiên quán ghi ở trong kinh Quán Vô Lượng Thọ.

Nhưng sao số người tu Tịnh Độ không nhìn nhận Tịnh Độ có thiên? Tôi cũng không hiểu nữa! Mà lại những người ấy bài xích thiên! Vì bất cứ pháp môn nào đều phải có thiên mới gọi là tu. Nhưng thiên có đủ thứ, tà ma ngoại đạo cũng có thiên vậy.

3-Tri danh niệm Phật là muốn đến chỗ “nhất tâm bất loạn”, nếu đến nhất tâm bất loạn là thiên rồi. Vì nhất tâm bất loạn là thiên định, mà tại sao số người đó phải nhờ tha lực, còn thiên thì phải nhờ tự lực? Họ không chịu tự lực, sự thật đâu có ai tu giúp! Phải tự lực tu chứ không phải nhờ người khác hay Phật A Di Đà tu giúp cho mình.

Họ còn không biết đại nguyện của kinh A Di Đà là mình sanh về cõi cực lạc, Phật A Di Đà mới dạy pháp Tổ Sư thiên là “từ nghi đến ngộ”. Bây giờ các vị đồng tham chưa chết mà đã tham Tổ Sư thiên rồi.

Hỏi: Diệu dụng công phu Tổ Sư thiên và làm thế nào hành giả đi đúng đường lối Tổ Sư thiên?

Đáp: Chỉ cần hỏi và nhìn, hỏi là kích thích niệm không biết gọi là tham thoại đầu, khán là nhìn chỗ không biết, nói chỗ không biết nhưng không có chỗ, vì có chỗ là biết rồi. Không có chỗ là không có mục tiêu để nhìn, nên nhìn trống rỗng thì không biết gì, chỉ cần giữ cái niệm không biết được kéo dài (nghi tình). Tham thoại đầu và khán thoại đầu là 2 cái đi song song, đó là công phu của Tổ Sư thiên.

Đoạn này diễn tả hiện ra cái dụng:

-Chẳng thể thấy mà hợp logic kia, cần phải nhờ tâm lực cá nhân của chúng ta sẵn có chứng minh, khi chúng ta y theo pháp thiên trực tiếp (Tổ Sư thiên) do Phật Thích Ca truyền dạy, thực hành đến trình độ N tức là đến giai đoạn tự động hóa được một khoảng thời gian khiến 3 thứ biết: Tìm hiểu, tư duy, ghi nhớ được tạm ngưng. Nghĩa là bộ não được ngưng hoạt động thì phát huy được công năng sẵn có, chẳng dùng bộ não mà hoàn thành công tác bộ não chẳng thể làm. Khi ngưng hoạt động của bộ não càng lâu thì độ thiên càng sâu có công năng phát ra càng lớn.

Tiểu thừa cũng ngưng hoạt động của bộ não, tức là dùng Ngũ Đình Tâm Quán để đình chỉ Tâm, Trung thừa và Đại thừa cũng vậy. Nhưng Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa là dùng cái biết để tu, còn Tổ Sư thiên là dùng cái không biết để tu.

Hỏi: Lục Diệu Pháp Môn có phải tu bước đầu không?

Đáp: Lục Diệu Pháp Môn của thừa nào? Tiểu thừa cũng có Lục Diệu. Nếu là Tổ Sư thiên thì khỏi cần Diệu, chỉ cần hỏi và nhìn tức là hỏi câu thoại đầu cảm thấy không biết và không đi tìm hiểu là đủ rồi. Khi nào kiến tánh rồi tự nhiên sẽ Diệu, nếu chưa kiến tánh có muốn Diệu cũng không được.

Hỏi: Hiện tượng cầu hồn cầu cơ của người dân tộc đối với trong Phật pháp phải giải thích như thế nào?

Đáp: Trong Phật pháp, Phật cấm những mê tín dị đoan, cầu hồn, cầu cơ. Nếu dùng những thứ đó để sanh sống thì Phật pháp gọi là tà mạng thực, tức là dùng pháp tà để kiếm ăn.

Hỏi: Hành giả tham Tổ Sư thiên có vượt qua 50 thứ ma ngũ âm không?

Đáp: Tại có chấp ngũ âm là ta nên mới có ma ngũ âm. Tổ Sư thiên điều thứ nhất trong 10 điều của Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiên là phá ngã chấp. Tức là không có ta, vì không có ta nên vô sở đắc, vô sở cầu và vô sở sợ. Ta còn không có thì ngũ âm cũng không có, ngũ âm còn không có làm sao có ngũ âm ma?

Hỏi: Con người có trí khôn hơn các loài động vật, tu hành sẽ mau thành Phật. Loài động vật nhỏ bé như con kiến, con muỗi, cua, ốc, côn trùng,... với ý thức nhỏ bé có thành Phật không?

Đáp: Thành Phật không phải nhờ trí khôn. Chúng Đạo Ca nói: “Ngoại đạo thông minh chẳng trí huệ”. Súc sanh muốn thành Phật phải đầu thai thành người, tức là ngoài con người và các ngoại đạo không thể thành Phật. Chỉ có người tu theo chánh pháp của Phật mới thành Phật.

Bên ngoài nhìn thấy hành giả tham thiên giống như khờ ngốc, nếu thật sự hành giả tham thiên đến giai đoạn khờ ngốc thì mới hy vọng thành Phật. Vì giữ được công phu tốt nên người ta nói mình như khờ ngốc. Vì vậy không cần phải nhờ trí khôn để tu thành Phật.

Hỏi: Pháp thí có thể đổi được tài thí không? Ví dụ có người cho mình nhiều đồ vật, rồi ta đem pháp mà nói cho họ nghe hoặc đem kinh tạng cho họ. Như vậy có thể đổi được đồ vật của họ cho mình không?

Đáp: Người hỏi không biết pháp thí là gì! Nếu chấp có pháp để thí cho người thì người đó đã có ngã tướng. Kinh Viên Giác nói: “Cho ta có thuyết pháp là ngã tướng”, mà có sở đắc có sở chứng cũng là ngã tướng.

Ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng là từ thấp lên cao. Chúng đến thanh tịnh Niết Bàn cũng còn ngã tướng, vì không tham luyện ngũ uẩn ngã, nhưng tham luyện Niết Bàn ngã, cho Niết Bàn là ta chúng, nên vẫn còn ngã.

Tại có ngã nên mới thấy có người để ta thí pháp, ta thấy có pháp để thí cho người là còn ngã, chứ không phải pháp Niết Bàn.

Hỏi: Con nhặt được của rơi, rồi đem cho người bạn dùng. Vậy nhân quả đó ai chịu?

Đáp: Nhân quả là “ai làm nấy chịu”, như ăn cơm là “ai ăn nấy no”, không có người khác ăn no giùm cho mình được! Người nào làm người ấy chịu, không phải con làm mà mẹ chịu, không phải mẹ làm con chịu.

Hỏi: Tiểu thừa thiên và Đại thừa thiên có phải thuộc về Như Lai thiên không?

Đáp: Những pháp thiên do Phật dạy dùng cái biết để tu là Như Lai thiên, như phạm vi thiên thì khác.

Tiểu thừa thiên là muốn dứt lục căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý). Vì Tiểu thừa cho rằng lục căn tiếp xúc lục trần sanh ra phiền não, nên phải dứt lục căn mới hết phiền não. Lục trần là vật chất, theo triết lý gọi là Duy Vật Luận.

Trung thừa biết dứt lục căn là không đúng, vì muốn dứt lục căn thì phải giữ một niệm, chính một niệm đó gọi là nhất niệm vô minh, cũng từ đó sanh ra phiền não. Nhưng nhất niệm đối với pháp trần thì ở trong nội tâm, nên triết lý gọi là Duy Tâm Luận.

Đại thừa không dứt lục căn, không dứt nhất niệm vô minh, chỉ cần phá vô thi vô minh (căn bản vô minh).

Ngài Nguyệt Khê đã kiến tánh tịch năm 1965, có thí dụ: Nhất niệm vô minh và lục căn là vũ khí và binh lính của cướp, vô thi vô minh là vua cướp; Đại thừa là dùng vũ khí và binh lính của cướp để bao vây bắt vua cướp.

Lục căn như vũ khí của cướp, nhất niệm là binh lính của cướp. Nếu tịch thu hết vũ khí, nhưng cũng có thể sắm lại vũ khí, hay giết hết binh lính, nhưng vua cướp còn thì có thể chiêu binh mãi mã lại.

Cho nên, Đại thừa không tịch thu vũ khí và không giết lính của cướp, mà lại dùng vũ khí và binh lính của cướp để bao vây bắt vua cướp. Vua cướp bắt được rồi thì vũ khí và binh lính của cướp đều trở thành tài sản và lính chính quy của nhà nước, khỏi cần giết chết binh lính. Đó là pháp thiên Đại thừa.

Tiểu thừa gọi là Duy Vật, Trung thừa gọi là Duy Tâm, Đại thừa gọi là Tâm Vật hợp một, Tổ Sư thiên gọi là Tối Thượng Thừa, không phải tam thừa, còn gọi là Phi tâm phi vật (chẳng phải tâm chẳng phải vật), không có gì hết, trống rỗng.

Hỏi: Có người suốt đời làm thiện, khi cuối đời gặp ác duyên. Vậy việc này như thế nào?

Đáp: Có người nói: suốt đời không có làm ác, sao tôi bị tai nạn đến hoài?

Tôi hỏi: Ông có ăn cá thịt không? Có giết kiến, giết muỗi không?

Người ấy không trả lời được, vì một bữa cơm đã ăn biết bao nhiêu con cá con tép rồi? Vậy từ nhỏ đến lớn đã ăn hết bao nhiêu chúng sanh? Giết hại hết bao nhiêu chúng sanh? Làm sao nói không có làm ác? Theo nhân quả giết một mạng phải trả một mạng, ăn cục thịt phải trả cục thịt.

Như Lương Võ Đế đã làm việc thiện, nhưng cũng có làm ác, thành ra làm ác thì phải chịu khổ báo, làm thiện thì được phước báo, 2 việc này thì không thể trừ với nhau được. Mà lại nhân quả là tam thế, như kiếp trước làm thì kiếp này phải chịu, kiếp này làm thì kiếp sau phải chịu, vì mình không thấy chứ không phải là không có nhân quả.

Hỏi: Thế nào là đời nghiệp vãng sanh?

Đáp: Có nghiệp nhân phải có nghiệp quả, nhân quả rõ ràng. Nếu muốn được đời nghiệp vãng sanh, Mặc dù nghiệp nhân đã gieo mà được vãng sanh, tức là quả báo kiếp này khỏi đến, nhưng phải có cái nguyện. Tịnh Độ có đại nguyện và tiểu nguyện.

Nếu tiểu nguyện cầu một mình mà được vãng sanh thì không hợp nhân quả, vì ăn cục thịt phải trả cục thịt, giết một mạng phải trả một mạng, nên phải đi đầu thai để trả nợ, chứ không được vãng sanh.

Còn đại nguyện như mình thiếu nợ mà không có tiền để trả, thiếu tiền rất nhiều, nhưng mình có trương mục ngân hàng, tiền ở ngân hàng có ít không đủ trả nợ, mình có thể ký kỳ phiếu là 10, 20 năm sau trả. Người tu Tịnh Độ được vãng sanh rồi mới trả, việc ấy giống như kỳ phiếu cũng gọi là đại nguyện.

Phát đại nguyện là cùng tất cả chúng sanh đều được vãng sanh, phải thực hành đại nguyện là coi chúng sanh bình đẳng, khi đã được vãng sanh rồi thành Phật thì những chúng sanh chủ nợ thịt chủ nợ mạng được ưu tiên độ trước. Như mình mỗi ngày gửi tiền vào ngân hàng thì sau này người ta cầm kỳ phiếu đến ngân hàng mới lãnh được tiền.

Phát đại nguyện mà không thực hành đại nguyện của mình phát, còn ăn thịt chúng sanh, giết chết chúng sanh, tức là mỗi ngày không gửi tiền vô ngân hàng thì sau này người ta đến ngân hàng lãnh không có tiền, như thế là ngân phiếu giả, ở thế gian phải bị tù, làm sao có công đức để được vãng sanh? Vì chỉ miệng nói tâm nghĩ nhưng không thực hành, gọi là nguyện giả.

Được đời nghiệp vãng sanh đâu phải dễ! Thực hành được đại nguyện cũng không phải dễ! Nói dễ là tham thiền mới thật là dễ, chỉ cần hỏi và nhìn, ngoài ra không cần biết đến cái gì hết, chỉ giữ cái không biết là đủ.

Hỏi: Người tu Tổ Sư thiền có cần phát đại nguyện và hồi hướng đến quả Vô thượng Bồ đề không?

Đáp: Người hỏi này không biết lại chấp cái biết của mình và theo giáo môn cũng còn không biết. Kinh Đại Niết Bàn thuộc về giáo môn có 3 cửa giải thoát: Không, vô tướng, vô nguyện.

-Vô nguyện là không có nguyện, nếu còn ôm cái nguyện thì không được kiến tánh, vì tâm như hư không vô sở hữu (trống rỗng) là giải thoát, không bị trói buộc, nó đã sẵn như vậy. Chỉ cần phát hiện vốn không có sanh tử, vốn không có trói buộc thì đâu cần nguyện gì nữa!

Nếu có nguyện tức là còn có trói buộc, những người có bệnh chấp thì còn trói buộc, nên có cái nguyện để mở trói. Tổ Sư thiền ngộ thấy không có trói, vì trống rỗng. Ngộ

không có trói thì đã giải thoát rồi, đâu phải là bị trói rồi mở trói cho là giải thoát! Vậy đâu cần mở trói, vì đâu có ai trói!

Hỏi: Có phải tất cả chiêm bao đều là giả không? Và chuyện nàng dâu chiêm kim thêm 19 lần cho bà mẹ chồng như lời nhắc nhở trong mộng, khi bà nằm ngủ. Vậy chuyện này chiêm bao hay không phải chiêm bao?

Đáp: Người hỏi này không biết, nên Phật nói “rất đáng thương xót!”. Chân tâm là bất nhị thì không có tương đối. Họ bỏ chấp thật lại chấp giả, nếu chấp thật thì bệnh còn dễ trị, chấp giả thì bệnh khó trị hơn. Vì thật và giả là tương đối, chấp thật và chấp giả đều lọt vào biên kiến. Biên kiến ở trong Phật pháp là một thứ trong 5 thứ ác kiến, nhưng chính người hỏi lại không biết, thành ra mới đặt ra câu hỏi vậy.

Đã là chiêm bao thì không có thật, chơn thật không phải thật, cái giả cũng không phải thật. Vì chiêm bao đâu có cái nào thật, đâu có cái nào giả? Thật không thành lập làm sao lập ra cái giả?

Hỏi: Trong lúc tụng kinh ta phải tham thiền như thế nào?

Đáp: Tham thoại đầu là hỏi câu thoại để kích thích niệm không biết, khán thoại đầu là nhìn chỗ niệm không biết, cứ hỏi và nhìn 2 cái đi song song là đủ rồi.

Tụng kinh đến đâu quán tưởng đến đó là cách tu của giáo môn, không phải tham Tô Sư thiền. Đó là Đại thừa thiền có Sa ma tha, Tam ma bát đề và Thiền na.

Hỏi: Người phụ nữ tu thiền chỉ ngồi bán già, không ngồi kiết già, vì có bệnh của người nữ. Vậy như thế nào?

Đáp: Tôi đã nói “không cần nhất định phải ngồi bán già hay kiết già”, Lục Tổ nói: “Đạo do tâm ngộ bất tại tọa”, còn nói: “Ngồi lâu trói thân có ích lợi gì!”. Trong Pháp Bảo Đàn có kệ phá chấp ngồi:

Lúc sống ngồi chẳng nằm,
Khi chết nằm chẳng ngồi.
Vốn là đồng xương thú,
Đâu thể lập công phu?

Vậy tại sao còn hỏi toàn già, bán già nữa?

Bệnh của phụ nữ là do sinh lý, đâu phải do cái ngồi! Người phụ nữ có kinh nghiệm đó, cũng như có kinh nguyệt đều đều mỗi tháng, nhưng có người trước khi có kinh hay hết kinh, họ cũng có tâm lý bất thường, như nổi giận, buồn rầu.

Hôm trước có người hỏi “tại sao người nam được xuất gia 7 lần, mà người nữ chỉ được xuất gia 1 lần”? Đó cũng tại sinh lý, như có 5 chúng xuất gia: Bên nam thì Sa Di lên Tỳ Kheo, chỉ có 2 bậc. Còn bên nữ phải có 3 bậc: Sa Di Ni lên Thức Xoa rồi đến Tỳ Kheo Ni.

Ban đầu Phật cũng chế Sa Di Ni lên Tỳ Kheo Ni, nhưng sau này phát hiện Tỳ Kheo Ni sanh con, bị người thế gian phê bình công kích, vì người đó có chồng rồi có thai mà không biết lại xuất gia, tuy chồng có đồng ý cho xuất gia.

Vì vậy, Phật chế thêm một cấp nữa là Thức Xoa. Thức Xoa nghĩa là học pháp của Tỳ Kheo Ni, quy định 2 năm mới được thọ giới Tỳ Kheo Ni. Mặc dù quy định 2 năm, thật ra chỉ 12 tháng và thêm một ngày, nhưng cũng tính 2 năm, cũng như tuổi âm lịch vậy.

Vì người đàn bà có thai 9 tháng 10 ngày thì đã sanh con rồi, 12 tháng là đủ kiểm tra có thai hay không. Nếu không có thai thì được thọ giới Tỳ Kheo Ni, ấy là người nữ có sinh lý khác nên Phật chế giới thêm.

Theo đây mình biết, nếu người nữ hoàn tục một lần có thể sanh thêm một đứa con, hoàn tục hai lần có thể sanh ra 2 đứa con,... cứ như thế nhiều lần, vậy làm sao xuất gia thêm được? Cho nên, Phật chỉ cho người nữ xuất gia một lần thôi.

Hỏi: Có người lấy trộm đồ vật của người khác, rồi đem cho người nghèo để sống. Vậy người lấy trộm có được phước không?

Đáp: Họ không phải tự mình làm ra vật đó, mà lại trộm cướp đem cho người khác. Vậy làm sao có phước được? Vì đã hại người mất đồ bị khổ. Cho nên, người trộm cướp đó bị tội chứ không có phước.

Hỏi: Hư Vân lão Hòa thượng thuộc dòng phái nào?

Đáp: Hư Vân lão Hòa thượng thuộc dòng phái Lâm Tế. Ở Trung Quốc có 5 phái thiền là: “Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, Quy Ngưỡng”. Hai phái Lâm Tế, Tào Động thì còn tiếp tục đến ngày nay, còn ba phái kia tuyệt truyền. Ngài Hư Vân muốn ba phái kia tiếp tục truyền, nhưng rồi cũng không thành.

Hỏi: Lời của Phật không có nghĩa thật. Tại sao Hòa thượng dùng lời của Phật để dẫn chứng? Vậy có phải dùng thuốc giả để trị bệnh giả có đúng không?

Đáp: Lời của Phật gọi là bất định pháp, chỉ là công cụ để phá chấp. Lời của tôi cũng vậy, tôi cũng bất chước lời của Phật Thích Ca dùng công cụ để phá chấp thôi. Nếu chấp công cụ đó thì Phật không thể giáo hóa.

-Trung Quán Luận: Phạm Phá “Hành”.

Hỏi:

*Như kinh Phật sở thuyết,
Hư vọng chấp lấy tướng.
Vi vọng chấp chư hành,
Nên gọi là hư vọng.*

Đáp:

Kẻ hư vọng chấp lấy,
Trong đó lấy cái gì?
Phật thuyết những việc này,
Muốn hiển bày nghĩa không.
Vì các pháp khác nhau,
Biết đều là “vô tính”.
Tính vô pháp cũng vô,
Vì tất cả pháp không.
Đại Thánh chuyển pháp không,
Vi lia chư kiến chấp.
Nếu lại thấy có không,
Phật chẳng thể giáo hóa.

Lược giải:

“Hành” là sự hành vi biến hóa, hành vi biến hóa là sát na sanh diệt, nên Phật nói chư hành vô thường, vô thường thì chẳng thật, chẳng thật nên hư vọng. Hư vọng thì chẳng thể chấp lấy, Phật nói hư vọng chẳng thể chấp lấy là muốn hiển bày nghĩa không vậy.

Vì các pháp khác nhau thì mỗi mỗi chẳng có tự tánh. Pháp chẳng có tự tánh thì pháp chẳng có, nên nói tất cả pháp không, Phật thuyết pháp không là để dùng phá 62 kiến chấp và phá phiền não của nghiệp ái vô minh.

“Không” là công cụ dùng để phá chấp, nếu trở lại chấp “không” thì người ấy chẳng thể giáo hóa. Như có bệnh mới cần uống thuốc, nếu chấp thuốc thành bệnh thì chẳng thể trị. Cũng như lừa từ củi ra thì phải dùng cái gì để diệt?

“Không” dụ cho nước, có thể dẹp tắt những lửa phiền não. Nếu lại ở nơi “không” mà sanh khởi kiến chấp, hoặc cho là có cái “không”, hoặc cho là chẳng có cái “không”, vì tranh chấp “hữu” “vô” lại sanh khởi phiền não nữa.

Nếu dùng “không” để giáo hóa người này thì họ nói tôi biết “không” đã lâu. Nếu lìa “không” thì chẳng có đạo Niết Bàn. Như kinh nói: Không, Vô tướng, Vô tác, nơi ba cửa này được giải thoát. Đây chỉ là ngôn thuyết thôi. (Không, Vô tướng: Thì chẳng thể tu; Vô tác: Thì không có tu, vậy đâu thể giải thoát).

Lời nói của Phật không còn cho chấp, huống là lời nói của tôi! Tôi chỉ là bắt chước lời nói của Phật, chứ tôi không chấp lời nói của Phật.

Hỏi: Tứ pháp y là gì?

Đáp: Tứ pháp y là 4 thứ y chỉ ghi ở trong kinh Duy Ma Cật:

1-Y pháp bất y nhân:

Là y theo pháp chứ không y theo người, tuy người đó có danh tiếng, địa vị cao, nếu nói pháp không đúng cũng không nên theo. Những người nói pháp đúng nhưng không có địa vị cao, không có danh tiếng nên theo.

2-Y nghĩa bất y ngữ:

Ngữ là nói, nghĩa là cái ý. Cũng như lời nói của Phật, mình không y theo, mình y theo ý của Phật.

3-Y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa:

Phật thuyết pháp có hai thứ: Liễu nghĩa và bất liễu nghĩa, như kinh Đại thừa là liễu nghĩa, kinh Trung thừa và kinh Tiểu thừa là bất liễu nghĩa. Mình phải y theo kinh liễu nghĩa, chứ không y theo kinh bất liễu nghĩa.

4-Y trí bất y thức:

Thức thì phân biệt là vọng tâm của bộ não, có phân biệt thì có tương đối, Tự tánh là bất nhị không có tương đối. Không phân biệt là trí, không có tương đối.

Hỏi: Con ăn mặn tu thiền này được không? Và ngồi như thế nào?

Đáp: Tất cả Thiền khác đều chú trọng ngồi, còn Tổ Sư thiền thì không chú trọng ngồi, không cần ngồi cũng được. Lục Tổ nói: “Đạo do tâm ngộ bất tại tọa”, ngộ là do ở nơi tâm, không phải ở chỗ ngồi. Lại nói: “Ngồi lâu trối thân có ích lợi gì!” Nhưng các Thiền khác lại chú trọng ngồi, ngồi lâu là cao. Tổ Sư thiền là ngồi lâu trối thân, chẳng có ích lợi gì!

Có người ngồi đến 6 giờ bị ối máu, phải chở đi bệnh viện. Trong Pháp Bảo Đàn có kệ phá chấp ngồi:

Lúc sống ngồi chẳng nằm,
Khi chết nằm chẳng ngồi.
Vốn là đồng xương thú,
Đâu thể lập công phu?

Cho nên, hành giả tham Tổ Sư thiền, không muốn ngồi cũng được, muốn ngồi thì ngồi; đi đứng nằm ngồi đều tham thiền được. Nếu có ngồi khỏi cần ngồi kiết già, ngồi sao cũng được. Chỉ cần ở trong tâm hỏi câu thoại và nhìn thoại đầu.

Hỏi: Tam pháp ấn là gì?

Đáp: Là 3 pháp ấn của Tiểu thừa, còn Đại thừa chỉ có 1 pháp ấn là Thật tướng vô tướng, tức là không có tướng có, cũng không có tướng không. Vì có hữu tướng và vô tướng là tương đối. Thật tướng vô tướng là công cụ để phá tương đối. Cho nên, hữu tướng cũng phá và vô tướng cũng phá, chẳng có tướng nào hết thì mới gọi là Thật tướng.

Các vị đến đây là tham Tối Thượng Thừa thiền thì luôn cả pháp ấn cũng không có, nên gọi là Tâm ấn. Nhưng tâm như hư không vô sở hữu, luôn cả tâm cũng không có, vì như hư không.

Như Tiểu thừa là duy vật, Trung thừa là duy tâm, Đại thừa là tâm và vật hợp một, Tối Thượng thừa là phi tâm phi vật (chẳng phải tâm, chẳng phải vật).

Chúng ở đây học Tối Thượng thừa là siêu việt Đại thừa, Đại thừa còn gọi là Bồ Tát thừa. Theo giới luật Bồ Tát, khi thọ giới Bồ Tát là học đạo Bồ Tát. Nếu còn dạy người ta học giới Tiểu thừa là phạm giới Bồ Tát, hay người tu Đại thừa mà còn học giới Tiểu thừa cũng phạm giới Bồ Tát.

Tại sao? Tiểu thừa là tiểu học, Trung thừa là trung học, Đại thừa là đại học, mà bài đại học không học lại học bài tiểu học, tức là xuống cấp, đáng lẽ phải lên cấp mới phải, nếu xuống cấp học để làm chi! Người ta học phải lên cấp, nên giới Bồ Tát không cho người Đại thừa học Tiểu thừa là vậy. Còn Tiểu thừa học Đại thừa thì được, vì lên cấp.

Hỏi: Làm thế nào công phu được liên tục?

Đáp: Khi tham thiền cảm thấy làm biếng thì ngưng tham, nghỉ lại việc sanh tử của mình; cũng như mình đang còn sống, không biết giờ nào chết, có khi tối ngủ chết luôn cũng không chừng, chết rồi thì tham thiền đâu có được!

Cho nên, người phát tâm xuất gia, cũng như phát tâm tham thiền phải có chánh nhân là muốn giải thoát sanh tử. Có chánh nhân mới có chánh quả, còn những người không có chánh nhân, cũng như vợ chồng gây lộn rồi đi tu thì không phải chánh nhân, hay sự nghiệp thất bại rồi bỏ đi tu cũng không phải chánh nhân.

Như thấy Thiền thất đông người, mình cũng bắt chước tham thiền, chứ không phải vì giải quyết vấn đề sanh tử. Vì hứng thú mà tu nên ngài Hư Vân nói “năm đầu thì sơ tham, năm thứ hai là lão tham, năm thứ ba không tham”, vì họ hết hứng thú thì không tham.

Nếu sanh tử chưa giải quyết thì phải tiếp tục tới chừng nào được giác ngộ, giải thoát được sanh tử mới thôi. Vì vậy mình phải vì sanh tử mà tham thiền, gọi là sanh tử thiết tức là thiết tha giải quyết sanh tử.

Hỏi: Người chưa ăn chay, có tu Tổ Sư thiền được không?

Đáp: Ai cũng tu Tổ Sư thiền được. Theo nhân quả là “ăn cứt thịt phải trả cứt thịt, giết một mạng phải trả một mạng”. Có người hỏi: Tham thiền cần ăn chay không?

Tôi nói: Cần và không cần là tương đối. Tham thiền là phá tương đối. Nếu ông sợ người ta ăn mình thì đừng ăn người ta, không sợ người ta ăn mình thì cứ ăn người ta.

Kiếp trước mình ăn người ta thì kiếp sau người ta ăn lại mình, tức là thay phiên ăn với nhau. Thay phiên ăn với nhau làm sao giải thoát được sanh tử?

Hỏi: *Lục Tổ dạy “Dụng tánh chứ không dụng thức” là sao?*

Đáp: Lục Tổ không nói dụng tánh, vì tánh không thể chỉ chỗ nào. Trí thì đối với thức. Vừa rồi nói “y trí bất y thức” là dùng trí không dùng thức, vì thức là phân biệt tương đối, trí không phân biệt phá tương đối.

Hỏi: *Tham Tổ Sư thiền tu thêm Bát Quan Trai giới được không?*

Đáp: Bát Quan Trai giới là giới cấm chứ không phải pháp tu, cũng như các vị xuất gia là Sa Di thọ 10 giới, Bát Quan Trai là thọ 9 giới của Sa Di, chỉ bỏ không cầm tiền bạc. Vì người tại gia được phép cầm tiền bạc. Theo giới luật nhà Phật không cho Tu sĩ cầm tiền bạc, phải giao cho cư sĩ giữ, gọi là tịnh thí.

Tức là Tu sĩ thí tiền cho cư sĩ, nhưng cư sĩ không được dùng tiền đó, chỉ là giữ giùm, Tu sĩ muốn dùng tiền thì phải hỏi cư sĩ. Tịnh thí là thí cái tên, cư sĩ đã giữ tiền rồi thì Tu sĩ cũng không dám dùng bậy, vì dùng bậy thì cư sĩ biết, phải vì Phật sự mới được dùng.

Bát Quan là giới, chỉ tập tu một ngày một đêm, còn Sa Di, Sa Di Ni, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phải giữ giới suốt đời. Vậy họ tham thiền không được sao? Giới là giúp cho sự tu.

Có thiền thì mới có tu, thiền Tiểu thừa, thiền Trung thừa, thiền Đại thừa và thiền Tối Thượng thừa. Tịnh Độ cũng có 3 thứ thiền: Thật tướng niệm Phật, Quán tưởng niệm Phật, Trì danh niệm Phật.

Hỏi: *Trong lúc tu tập thiền định, Ngài có gặp những chướng duyên nào?*

Đáp: Tu là sửa chướng duyên, chướng duyên là nghiệp giúp cho mình tu, còn thuận duyên có thể hại cho mình tu. Tại sao? Vì thuận duyên là mình ham thích thỏa mãn dục vọng, không còn nhớ đến việc tu nữa. Có chướng duyên là kích thích mài giũa cho mình tu thêm. Cho nên, người tu không sợ chướng duyên mà sợ thuận duyên.

Hỏi: *Thuận duyên nào mà Ngài có?*

Đáp: Thuận duyên là mình muốn việc gì thì được đáp ứng việc ấy. Như muốn nhà cửa thì có nhà cửa, muốn ruộng đất thì có ruộng đất, muốn xe cộ thì được xe cộ,...

Còn tôi ăn, mặc, ở đều của Thí chủ ủng hộ, tự mình tôi không có tiền. Có bài kệ:

Hạt gạo của Thí chủ,
Lớn bằng núi tu di.
Nếu không tu giải thoát,
Mang lông đội sừng trả.

Tu sĩ ăn gạo của Thí chủ không dễ gì ăn! Nếu không tu giải thoát thì phải đầu thai trâu ngựa để trả nợ cho Thí chủ.

Hỏi: *Phiền não rất nhiều, có phương pháp nào để tu giải thoát?*

Đáp: Một kỹ sư rất thông suốt giáo lý tam thừa, cũng là nhà khoa học. Một ngày y nói với tôi: Con phiền não rất nhiều, nghiệp chướng nặng quá, thầy có cách nào dạy cho con bớt phiền não?

Tôi hỏi: Có phải phiền não của ông chăng?

Kỹ sư đáp: Phải.

Tôi hỏi: Phiền não của ông từ đâu có? Như tiền trong túi của ông thì ông biết từ đâu mà có rồi!

Kỹ sư nghĩ đi nghĩ lại một hồi nói không ra, tôi nói: Bây giờ, ông khỏi nói, tôi nói cho ông biết, phiền não của ông là do tâm ông suy nghĩ mà ra, tâm của ông là năng suy nghĩ, phiền não là sở suy nghĩ, sở thì không phải năng, năng thì không phải sở. Như ăn cơm, tôi là năng ăn, cơm là sở ăn. Vậy tâm của ông không có phiền não, vì ông suy nghĩ nên mới có.

Tâm là danh từ không nói được, không có ai biết. Mặc dù, y là kỹ sư nhưng nói đến tâm lại mơ hồ, vì không có hình thể, không có số lượng để nắm. Tôi mới thí dụ cái khác, ông có hai chân là năng đi, con đường đầy gai gốc cứt sinh là sở đi của hai chân, tại vì hai chân của ông ham đi con đường đó nên bị dính cứt sinh. Rồi nói với tôi: Cứt sinh đó của tôi.

Tôi nói: Đâu phải! Cứt sinh là sở đi của hai chân ông, rồi nhờ tìm cách rửa hết cứt sinh. Khỏi cần, thúí cách mấy mặc kệ nó. Đừng có biết tới, chỉ cần hai chân của ông không giẫm lên con đường đó thì không bị dính.

Như tâm không suy nghĩ làm sao có phiền não, tại ông ham suy nghĩ mới sanh ra phiền não. Cho nên, mình cần hỏi và nhìn, giữ cái “không biết” làm sao có phiền não được? Tìm hiểu, ghi nhớ đều ngưng hết làm sao có phiền não và nghiệp chướng?

Hỏi: Ăn chay mà ăn trứng gà công nghiệp có được không?

Đáp: Trứng gà không có trứng là không có sanh mạng thì ăn không có sát sanh. Mục đích ăn chay là tránh sát sanh, trứng gà đó không phải thịt, con gà đẻ trứng gà nhưng con gà vẫn còn sống, nếu để trứng lâu ngày trứng cũng thúí hư. Vậy ăn trứng gà đâu khác gì ăn cứt gà!

Đề biết gà có trứng hay không trứng, chỉ cần đem trứng gà trước ngọn đèn thấy chấm đen thì trứng đó có trứng, còn không có chấm đen thì trứng đó không có trứng.

Hỏi: Ngài có những chướng duyên nào trong lúc thiền định? Và khắc phục như thế nào?

Đáp: Tâm là danh từ mà ai cũng nói được, nhưng tâm là cái gì thì chẳng ai biết? Luôn cả Phật Thích Ca cũng không biết nữa! Nếu Phật Thích Ca biết thì nó thành sở biết. Vừa rồi tôi nói năng sở, ông có hiểu không?

Chân tâm không phải sở biết, nên không bị ai phát hiện. Nếu bị ai phát hiện thì nó thành sở, nên Phật chỉ nói “Tâm như hư không” mà không thể giải thích.

Ngài Long Thọ là Tổ 14 Thiền tông nói: “Tâm như hư không vô sở hữu”, hư không vô sở hữu là không có hư không. Mặc dù không có hư không, nhưng nó dung nạp và ứng dụng. Như mặt trời, mặt trăng, đất đai, ... bất cứ cái gì, luôn cả ông đều ở trong cái vô sở hữu này.

Vô sở hữu này cũng là tâm của ông, nhưng tại ông không biết lại cho là chướng duyên và không có chướng duyên! Ấy là ông bị trúng độc tri chướng mới nói như thế đó! Kỳ thật, vô sở hữu thì không có chướng duyên, vì ông có bệnh chấp nên thấy có chướng duyên.

Vô sở hữu là trống rỗng, trống rỗng thì không có chỗ trói buộc tức là giải thoát. Đâu phải có sự trói buộc chướng duyên để mở trói mà được giải thoát! Nó vốn không có trói buộc, vì nó trống rỗng.

Ông ở thế gian học hết lớp nào? Nếu học hết đại học thì ông biết toán học. Định lý của toán không có số nhỏ nhất và lớn nhất phải không? Không có số nhỏ nhất nên vô thì (không có bắt đầu), nếu có số nhỏ nhất thì có bắt đầu.

Toán học là công cụ của khoa học, nếu không có toán học thì không có khoa học. Toán học chứng tỏ là không có sự bắt đầu, không có sự bắt đầu là nghĩa vô sanh tức là không có sanh khởi, nếu có sanh khởi là có sự bắt đầu. Cho nên, người chứng quả thì ngộ pháp vô sanh, cũng gọi là chứng vô sanh pháp nhãn.

Hỏi: Có phải Hòa thượng an trú trong cõi Thánh Tăng, còn con ở trong phàm nhân?

Đáp: Ông cũng biết giáo lý, Phật tánh của mỗi chúng sanh đều bằng nhau. Tôi hỏi ông thì trả lời ngay, đừng có suy nghĩ, trả lời có hay không có, phải hay không phải.

-Ông tin ông có Phật tánh không?

-Có Phật tánh.

-Phật tánh có giảm bớt được không?

-Giảm bớt.

-Nếu Phật tánh giảm bớt thì ông khởi cần tu, vì tu rồi Phật tánh vẫn còn sanh diệt! Tu là muốn hiện ra Phật tánh, Phật tánh thì không thể tăng giảm, nó mới tồn tại vĩnh viễn. Nếu Phật tánh giảm được thì sẽ hết, nó thành pháp sanh diệt rồi, nên đâu phải là Phật tánh! Phật tánh là không sanh không diệt tức là Niết Bàn.

Nếu ông không hiểu Phật tánh thì những câu hỏi của ông đều là dư thừa. Bây giờ, ông nói “Phật tánh không có tăng giảm” là đúng rồi.

-Phật tánh có gián đoạn không?

-Không có gián đoạn.

-Đúng rồi, nếu Phật tánh không gián đoạn thì bây giờ thân thông, trí huệ, năng lực của ông bằng Phật Thích Ca. Vừa rồi ông nhìn nhận Phật tánh không có gián đoạn thì hiện nay ông đã là Phật, sao ông còn cho ông còn phàm phu! Phải mâu thuẫn không?

Hỏi: Thiền là gì?

Đáp: Thiền không phải là gì, nếu là gì thì không phải thiền, thiền là công cụ để dẹp loạn tâm, tức là đình chỉ vọng tâm.

Hỏi: Tánh thông là gì?

Đáp: Thông là trống rỗng, như hư không trống rỗng là thông, không có chướng ngại.

Hỏi: Thường trụ Tam bảo là gì?

Đáp: Thường trụ Tam bảo gồm có: Tượng Phật thay cho Phật bảo, kinh của Phật thay cho Pháp bảo, Tăng chúng thay cho Tăng bảo, Tăng là hòa hợp chúng là từ 4 người thanh tịnh sắp lên mới gọi là Tăng.

Hỏi: Làm thế nào để khai thác điều kỳ diệu của tâm?

Đáp: Tham Tổ Sư thiền như hỏi câu thoại đầu “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” là khởi lên niệm không biết, gọi là tham thoại đầu; đồng thời quán là nhìn, nhìn chỗ không biết, chỗ không biết thì không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn, cho nên nhìn đi nhìn lại không thấy gì vẫn còn không biết, cái vẫn còn không biết đó, Thiền tông gọi là nghi tình.

Cứ hỏi và nhìn một lượt 2 cái đi song song, đồng thời giữ cái không biết đó được kéo dài, cái không biết này sẽ đưa hành giả đến thoại đầu, rồi sẽ kiến tánh thành Phật.

Hỏi: Khi tham thoại đầu, nhìn chỗ thùng sơn đen không đáy và đề thoại đầu trong lúc lái xe đi đường, phải làm như thế nào cho tương ứng như lúc ngồi?

Đáp: Mới tập tham thiền mà chưa tự động nghi tình khởi lên, nên ngưng tham thiền trong lúc lái xe hay làm việc, khi không có việc gì thì mới tập tham thiền; tập quen trong lúc không làm việc rồi, tự động trong lúc làm việc hay lái xe thì nghi tình khởi lên, lúc đó không thấy xe cộ mà không bị đưng xe.

Hỏi: Chúng con học Phật pháp và tham thiền làm sao không trở thành ngoại đạo?

Đáp: Phá ngã chấp thì không thành ngoại đạo, vì ngoại đạo không phá ngã chấp. Chánh pháp phá ngã chấp, như tham thiền điều thứ nhất trong Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền là “vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ”. Tất cả các pháp môn khác của Phật dạy đều phải phá ngã chấp mới được giải thoát.

Hỏi: Sự lợi ích của quy y Tam bảo là gì?

Đáp: Quy y Tam bảo là để cho mình có lòng tin. Tăng bảo là trực tiếp đem Pháp bảo trực tiếp truyền dạy cho chúng sanh. Những người đã quy y là đệ tử của Tam bảo, được sự giáo hóa của Tam bảo, tu đúng theo lời Phật dạy được giải thoát tự do tự tại vĩnh viễn.

Hỏi: Tâm là danh từ chỉ bản tánh, kể cả Phật Thích Ca không giải thích được, nên con dùng “Tâm là cái gì?” làm câu thoại đầu để tham. Vậy có được không?

Đáp: Tâm không có bản thể, ai cũng nói được, nhưng tâm là cái gì thì không có ai biết. Vì bản thể trống rỗng, nên chỉ nói là “Tâm như hư không vô sở hữu”. Mặc dù, nói vô sở hữu là không có nhưng có thực dụng, như nhà cửa, đất đai, cây cối,... bất cứ cái gì đều phải nhờ vô sở hữu này dung nạp và ứng dụng.

Chư Phật chư Tổ dùng lời nói diễn đạt là muốn mình hiểu theo ý. Vì vậy 49 năm thuyết pháp, cuối cùng Phật dạy pháp môn Tổ Sư thiền để cho mình khởi nghi tình, tức là từ nghi đến ngộ.

Tất cả các công án là muốn cho người ta ngộ, không phải muốn cho người ta hiểu. Mình cứ hỏi và nhìn để đạt đến ngộ, tức là dùng cái không biết của bộ não để chấm dứt tất cả biết của bộ não, cái biết của bộ não gồm có tìm hiểu biết, suy nghĩ biết và ghi nhớ biết, 3 thứ biết này hết thì đến thoại đầu.

Thoại đầu là chưa khởi ý niệm, nếu có khởi ý niệm là thoại vi. Tuy nói tham thoại đầu nhưng vẫn còn khởi ý niệm, nên chưa phải đến thoại đầu. Bắt đầu tham thiền là rời thoại vi, đang đi giữa đường đến thoại đầu.

Những người tìm hiểu nghi tình là sai lầm lớn, vĩnh viễn không đến thoại đầu được. Vì tham thiền là muốn chấm dứt tìm hiểu, suy nghĩ và ghi nhớ; trái lại không chấm dứt mà tìm hiểu, muốn tìm hiểu nghi tình như thế nào là đại nghi hay tiểu nghi? Vậy làm sao chấm dứt được cái biết?

Hỏi: Có người cho rằng: “Thời gian có tánh co giãn”, nghĩa này như thế nào?

Đáp: Thời gian đâu phải vật chất mà có tánh co giãn! Đặt ra thời gian là do cảm giác sai lầm của bộ não. Không gian, thời gian, tất cả hiện tượng vũ trụ chỉ là cảm giác của bộ não hiện ra. Bộ não là vọng tâm tạo ra, gọi là “nhất thiết duy tâm, vạn pháp duy thức”.

Tâm tạo thì không phải thật, không phải thật nên gọi là chiêm bao. Có 2 thứ chiêm bao: Mở mắt chiêm bao và nhắm mắt chiêm bao. Tôi đang nói và các vị đang nghe là mở mắt chiêm bao. Chiêm bao là không thật, nên khỏi cần tìm hiểu.

Nhưng các vị đề ra câu hỏi, tôi lại giải đáp. Tại sao? Vì tôi giải đáp là không phải cho hiểu giáo lý, mà muốn các vị giải tỏa cái nghi để tăng thêm tin tự tâm. Nghi lý, nghi sự, nghi pháp, nghi thầy, các vị có hỏi đều ở trong 5 thứ nghi này. Nếu còn nghi thì tin tự tâm chưa đầy đủ 100%, làm chướng ngại việc tham thiền, nên tôi mới cho các vị hỏi.

Chỗ thực tế như hư không vô sở hữu thì đâu có cái gì cao siêu! Chư Phật chư Tổ muốn mình ngộ, chứ không muốn mình hiểu, vì không có cái gì để hiểu. Chính cái hiểu đó làm chướng ngại, gọi là lý chướng. Tức là có nghĩa lý thành chướng ngại, tất cả hiểu biết của bộ não là sở tri chướng.

Nhưng hằng ngày mình phải dùng bộ não để ứng phó cuộc sống. Nếu nói vậy mình khỏi sống sao? Không phải vậy. Mình sống theo phương pháp do Phật dạy, như mình vì sự đói khát ăn uống thì cứ ăn uống, chứ đừng suy nghĩ cái khác; vì che thân chống lạnh cần mặc áo thì cứ mặc áo, chỉ cần đừng nghĩ cái khác. Vậy đâu bỏ cuộc sống!

Mỗi mỗi chức nghiệp làm theo vị trí vai trò của mình, nên cha giữ đúng vai trò của cha, mẹ giữ đúng vai trò của mẹ, con cái giữ đúng vai trò của con cái, chồng giữ đúng vai trò của chồng, vợ giữ đúng vai trò của vợ, Tu sĩ giữ đúng vai trò của Tu sĩ.

Vậy mỗi mỗi giữ đúng vai trò của mình thì được an cư lạc nghiệp, thiên hạ thái bình. Đâu phải mình bỏ nghề! Vẫn sống bình thường, làm cái nghề gì thì cứ làm, chỉ cần mình đừng có suy nghĩ bậy bạ, suy nghĩ cái khác.

Hỏi: *Từ vô thí các loài hữu tình do đâu mà có?*

Đáp: Đã là vô thí thì vô sanh rồi, công cụ của khoa học là toán học, nếu không có toán học thì không có khoa học. Những người nghiên cứu khoa học phải giỏi toán, nhưng định lý của toán không có số cực nhỏ, tức là không có bắt đầu, nên Phật Thích Ca gọi là “vô thí”. Không có bắt đầu thì vô sanh là không có sự sanh khởi.

Tại sao? Vì có sự sanh khởi phải có sự bắt đầu. Tại không có bắt đầu thì không có sanh, nên người chứng quả ngộ pháp vô sanh, gọi là chứng vô sanh pháp nhẫn. Pháp vô thí vô sanh mà sao còn hỏi nữa!

Hỏi: *Ngài Triệu Châu nói “Một chữ Phật không thích nghe”, nghĩa đó như thế nào?*

Đáp: Vì người ta chấp Phật, như Lâm Tế nói: “Gặp Phật chém Phật, gặp ma chém ma”, tức là chém tâm chấp.

Nghĩa chữ “Phật” là giác ngộ, không phải là một thần linh. Nhiều người mê tín cho Phật là một thần linh, người nào giác ngộ thì người ấy là Phật.

Hỏi: *“Duy tuệ thị nghiệp” là gì?*

Đáp: Trí tuệ này không phải trí tuệ của bộ não, mà là trí tuệ của Phật tánh gọi là bát nhã. Trí tuệ của bộ não thì phải qua suy nghĩ tác ý mới dùng ra được, còn trí tuệ của bát nhã không qua bộ não suy nghĩ, nó tự động luôn luôn khắp thời gian. Bây giờ mình học Phật là để phát huy trí của Phật tánh, lấy cái đó để làm sự nghiệp.

Hỏi: *Con đến tịnh xá có vị Sư hỏi con “Ông từ đâu đến, rồi sẽ về đâu”? Con ngờ ngác không hiểu. Xin Sư Phụ từ bi khai thị?*

Đáp: Thì ở nhà đến đây, chút nữa từ đây về nhà. Đó là việc thế gian, tại sao không biết?

Chân tâm của mình khắp không gian khắp thời gian, khắp không gian không có khứ lai gọi là Như Lai. Đã không có khứ lai mà còn hỏi đi về đâu? Người hỏi câu đó sai lầm thì đâu cần phải trả lời!

Hỏi: Khoa học ngày nay có đưa ra lý thuyết, nếu có 2 người cùng 20 tuổi, một người lên phi thuyền bay bằng vận tốc ánh sáng một năm, khi quay về thì 21 tuổi, còn người ở lại quả đất thì 60 tuổi. Chúng con không hiểu nghĩa này như thế nào? Như vậy thời gian có phụ thuộc vào lực từ trường vận tốc đó không?

Đáp: Theo lý luận của Einstein: Vận tốc gần bằng ánh sáng thì quan hệ không gian và thời gian có sự biến đổi, vật chất nó càng biến nhỏ. Einstein nói: “Vật chất có thể biến thành năng lượng, năng lượng có thể biến thành vật chất”, nhưng tất cả năng lượng cũng phải có vật chất mới biến ra năng lượng được.

Lực học Thích Ca Mâu Ni ngoài vật chất biến ra năng lượng, còn có năng lượng phát từ phi vật chất (không phải vật chất), thuộc về phạm vi Tâm pháp, vật chất thuộc về sắc pháp, vì thế nó không bị thời gian không gian hạn chế. Vì bây giờ dùng cảm giác của bộ não thì mỗi mỗi có cảm giác, nên có tranh cãi, vì người này cho thế này, người kia cho thế kia.

Tất cả nhà khoa học khắp thế giới đều công nhận định luật của Newton là đúng. Nhưng sau này Einstein lật đổ lý luận của Newton cho là không đúng. Tức là lý luận của nhà khoa học A, tất cả nhà khoa học thế giới công nhận là đúng, sau này nhà khoa học B phát minh cái mới lật đổ lý luận nhà khoa học A cho là không đúng. Sau này nhà khoa học C phát minh cái mới lật đổ nhà khoa học B cho là không đúng.

Cứ lý luận sau lật đổ lý luận trước, định luật cho người ta sau này lật đổ, vậy làm sao định luật đó đúng được? Vì lập ra cái lý thì có thể bị lật đổ. Còn lực học của Thích Ca Mâu Ni thì không có lý, nên không có cái nào lật đổ được? Tại nó không có cái để lật đổ được. Nó vốn trống rỗng không có gì hết thì lật đổ cái gì!

Trong Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21: Năng lượng phát từ vật chất thì Newton từ 0 đến 50, Einstein từ 0 đến 50 rồi 50 đến 100 là cùng tột. Vật chất nhỏ nhất gọi là quang tử là tổ chức thành ánh sáng thì vận chuyển ánh sáng nhanh nhất, tức 1 giây đi 300.000 km là cao nhất.

Nhưng năng lượng phát từ phi vật chất thì tốc độ ánh sáng là thấp nhất. Chơn tâm của mình là phi vật chất. Phạm vật chất thì có thể biến mất. Nhưng nhà khoa học cũng dẫn chứng vật chất không có biến mất, nó chỉ chuyển biến thôi, như nước mình dùng, nó vĩnh viễn còn hoài, số lượng bao nhiêu vẫn còn bấy nhiêu, không có mất, các vật chất khác cũng vậy.

Nó chuyển biến là ảo tượng, cũng nói về không gian: Ánh sáng đi một ngàn năm hay một triệu năm, như tâm mình chỉ một niệm đến. vật chất thì có tốc độ nên có thời gian, còn phi vật chất không có tốc độ nên phi thời gian. Nếu không có thời gian làm sao nói là bao nhiêu tuổi?

Tại vì có cảm giác chấp thật của bộ não, nên mới nói có tuổi, tức là sanh cái lý thì phải có sự tranh chấp. Cuốn Yếu Chỉ Trung Quán Luận phá tất cả tương đối, không có cái gì để thành lập được. Hữu vi pháp, vô vi pháp đều phá, vì không thể kiến lập nên gọi là vô thi vô sanh. Pháp không thể kiến lập làm sao kiến lập cái lý cho là cái tuổi có xê xích, thời gian có xê xích!

Cũng như tương đối luận của Einstein nói về cảm giác của thời gian, có thí dụ: Có ý trông chờ thì cảm thấy 1 ngày như 1 năm, như chơi với người yêu cảm thấy 1 ngày như tên bắn (thấy rất mau), 3 năm thì giống như 1 ngày.

Thực tế thì không gian và thời gian không thành lập được. Tại sao? Căn cứ quả đất xoay xung quanh mặt trời là 1 năm bằng 365 ngày 4 giờ và mấy phút. Cho nên, dương lịch 4 năm phải thêm 1 ngày. Người ta đem 1 ngày đem chia ra làm 24 lần cho là 24 giờ. 1 giờ chia làm 60 phút, 1 phút chia làm 60 giây, 1 giây nhà Phật chia làm 60 sát na. Sát na đó mình có thể tưởng tượng được.

Nếu đem chia 3 lần theo toán học, 1 sát na chia làm 60 A, 1 A chia làm 60 B, 1 B chia làm 60 C. Tôi nói chưa dứt lời thì đã qua hết bao nhiêu C rồi, tức là hiện tại không thành lập được. Nếu tôi đem chia 30 lần, 300 lần, 3.000 lần thì con số vẫn còn biểu thị thời gian đó, nhưng thời gian do con số biểu thị đó, thực tế ra sao!

Tôi chỉ chia 3 lần mà hiện tại không thành lập được, huống là 30 lần, 300 lần, 3.000 lần! Con số vẫn còn, nhưng thời gian làm sao nói? Bây giờ nói hiện tại cũng không được, nói quá khứ cũng không được, nói vị lai cũng không được. Quá khứ không thành lập, hiện tại không thành lập, vị lai cũng không thành lập. Vậy tuổi thọ làm sao thành lập?

Tôi dùng toán là chứng tỏ đúng theo khoa học, vì toán là công cụ của khoa học, muốn nghiên cứu khoa học thì phải giỏi toán. Định lý của toán là không có số cực nhỏ, tức là không có sự bắt đầu, cũng là nghĩa vô thủy, vô sinh của nhà Phật vậy. Nhưng những người si mê đó lại tìm bắt đầu của vũ trụ, sanh mạng!

Như nhà khoa học hạng nhất ở Luân Đôn dạy toán, ông có đề ra 2 câu hỏi: Vũ trụ có bắt đầu chăng? (Muốn tìm bắt đầu của vũ trụ). Con gà có trước hay trứng gà có trước? (Muốn tìm bắt đầu của sanh mạng). Thực tế con gà có trước không được và trứng gà có trước cũng không được, hai cái đều không thể bắt đầu, tức là nghĩa vô sanh của nhà Phật.

Mỗi mỗi theo nhận biết của bộ não đều phải theo tương đối mới có thể thành lập, chứ không thể độc lập được. Tại mình có tư tưởng chấp thật, cha mẹ sanh ra mình đã dạy mình chấp thật rồi, đi học ở trường thầy cô giáo cũng dạy mình chấp thật, ra xã hội thì xã hội cũng dạy mình chấp thật, nên chấp thật đã thành sẵn.

Nhưng chấp thật không đúng với thực tế, vì không đúng thực tế nên Phật mới phá, nên dùng hiểu biết của mình để biết sự hiểu biết là không đúng.

Vì tánh thấy là tâm pháp thuộc thể tinh thần, thể vật chất là lục căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) sẽ chết mất; còn lục thức thì tồn tại vĩnh viễn, không thể chết mất, vì nó không lay động nên không có biến đổi.

Mấy năm trước tôi đi nước Úc thuyết pháp đến chỗ này, có một Phật tử hỏi tôi: Thầy nói tánh của con tồn tại vĩnh viễn, không có chết mất. Vậy sau khi con chết thì tánh thấy con ở đâu?

Tôi nói: Bây giờ, tôi chưa chết, ông cũng chưa chết, chuyện sau khi chết làm sao nói được? Ông ngồi đây cùng nhiều người và bàn, ghế, bình, tách,... có phải do tánh thấy của ông thấy không?

Ông ấy đáp: Phải.

Tôi hỏi: Vậy ông còn sống hãy tự chỉ ra tánh thấy của ông ở đâu?

Ông ấy ngó qua ngó lại chỉ không ra. Tại sao chỉ không được? Vì cùng thấy một lượt, cũng như 100 người cùng thấy một lượt, nếu chỉ tánh thấy ở người này thì 99 người kia không có tánh thấy. Vậy làm sao chỉ một lượt? Đâu phải thấy người này, rồi đến người kia, thấy từng người rồi mới chỉ được?

Nếu chỉ ra được thì tánh thấy chỉ có tiếp xúc một người, còn 99 người kia không có tiếp xúc. Vậy làm sao tiếp xúc thấy một lượt? Cho nên có chỗ thì không cùng khắp, vì tánh thấy cùng khắp nên không có chỗ để chỉ.

Cùng khắp không gian thì không có chỗ để chỉ, cùng khắp thời gian thì không có lúc để chỉ. Nếu có lúc để chỉ thì không cùng khắp thời gian, có chỗ để chỉ thì không cùng khắp không gian. Nhưng tất cả tâm pháp của mình (tánh thấy, tánh nghe, tánh nghĩ, tánh xúc, tánh nếm, tánh biết) đều cùng khắp không gian và thời gian.

Hỏi: Tổ Trúc Lâm nói: “Đói thì ăn, buồn ngủ thì ngủ”, và Linh Chiếu cũng nói: “Đói thì ăn, buồn ngủ thì ngủ”. Vậy ý trên như thế nào?

Đáp: Vũ Trụ Quan Thế Kỳ 21 nói “Tất cả đều là Phật pháp” và không dùng 2 chữ “cho là”, tức thế lưu bố tướng không sanh ra trước tướng là Phật pháp. Nếu sanh ra trước tướng là thế gian pháp điên đảo tướng, vì có cho “cho là”, cho là đúng, cho là sai, cho là có, cho là không, ... đều thuộc chủ quan của mình xen vào sự vật.

Nếu không có chủ quan thì đói cứ ăn, khát thì uống, lạnh mặc thêm áo, nóng cởi bớt ra. Tất cả ăn uống, nói năng, tiếp khách, làm việc đều là Phật pháp. Còn sanh trước tướng thành điên đảo tướng (kinh Đại Niết Bàn).

Lời tác bạch của Thượng tọa Minh Hiền đại diện cho hành giả tham Tổ Sư Thiền dự Thiền thất tại chùa Hưng Phước, Quận 3.

Nam mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Ngưỡng bạch Hòa thượng viện chủ chùa Hưng Phước.

Ngưỡng bạch Sư Phụ.

Con xin thay lời hành giả tham Tổ Sư thiền, ngưỡng bạch Hòa thượng và Sư Phụ. Vì sự cần cầu tu tập của chúng con, Hòa thượng đã từ bi cho chúng con tu tập thời gian qua, trong khi chúng con tham thiền có điều gì sơ sót, ngưỡng mong Hòa thượng từ bi cho chúng con được sám hối. Và Sư Phụ tuổi già sức yếu, vì thương tưởng chúng con mà khai thị để cho chúng con trên đường tu tập được lợi ích. Vậy chúng con hôm nay xin đầu thành đánh lễ Hòa thượng và Sư Phụ.

Nam mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Ngưỡng mong Hòa thượng và Sư Phụ chứng minh cho.

Lời đáp từ của Hòa thượng viện chủ chùa Hưng Phước.

Nam mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

-Ngưỡng bạch Hòa thượng Thiền sư.

-Kính thưa Đại đức Tăng Ni và đạo hữu hành giả Thiền thất.

Chúng tôi hết sức hoan hỷ, bởi vì từ xa xôi cũng nghĩ nhớ đất nước là nói chung, nhớ đến Phật tử nói riêng, Hòa thượng quan tâm về đây, quy tụ các Phật tử lại sinh hoạt về tu tập thiền định, rồi chúng ta thực hiện, như vậy đã qua 3 thiền thất. Chúng tôi hết sức cảm kích với tinh thần cao cả truyền pháp của Hòa thượng hết sức cao quý.

Cho nên, tôi nghĩ rằng công đức này, các Phật tử chúng ta ghi tâm khắc cốt, riêng chùa của chúng tôi thì thấy quá nhỏ chật hẹp, những chỗ nghỉ ngơi và chỗ ăn uống chưa được chu đáo. Nghĩ rằng vì tánh chân tình mến mộ Phật pháp mà quý vị quan tâm thực hiện được 3 thiền thất. Như vậy tôi nghĩ công đức này hết sức lớn lao, vì

mỗi ngày chúng ta tu hành như thế! Chư Phật long thân hộ pháp hết sức hoan hỷ và ghi nhận công đức của chúng ta. Việc chùa thiếu thốn như vậy, các vị cũng niệm tình hoàn cảnh, vì đạo pháp mà bỏ qua cho những gì thiếu sót.

Chúng tôi kính chúc Hòa thượng được nhiều sức khỏe và tăng cường đạo lực, trí tuệ được trang nghiêm, cũng cầu chúc cho Tăng Ni và Phật tử trong lớp tu thiền của chúng ta được đạt nhiều kết quả và tạo những thắng duyên sau khi lâm chung thị hiện Niết Bàn.

Và một lần nữa gửi đến lời cầu chúc gia đình quý vị được an khang, tu hành tinh tấn mau gặp được Phật pháp, để hỗ trợ chúng ta trong việc tu hành được nhiều kết quả.
Nam mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
